

NGÔ VĂN PHÚ

Truyện DANH NHÂN VIỆT NAM

TRUYỆN LỊCH SỬ

Thời dựng nước và tự chủ
Thời Lý - Trần

NHÀ XUẤT BẢN CÔNG AN NHÂN DÂN

NGÔ VĂN PHÚ

Truyện DANH NHÂN VIỆT NAM

TRUYỀN LỊCH SỬ

Thời dựng nước và tự chủ
Thời Lý - Trần

NHÀ XUẤT BẢN CÔNG AN NHÂN DÂN

TRUYỆN
Danh nhân
Việt Nam

NGÔ VĂN PHÚ

TRUYỆN Danh nhân Việt Nam

* Thời dựng nước và tự chủ

* Thời Lý - Trần

(Truyện lịch sử)

NHÀ XUẤT BẢN CÔNG AN NHÂN DÂN

Lời giới thiệu

Có người viết truyện lịch sử nhằm kỷ thác các vấn đề hiện đại, những tâm trạng của người đương đại. Nhưng nhà văn Ngô Văn Phú lại viết truyện danh nhân nhằm muốn khắc hoạ những nét hào hùng, tài hoa mà mình cảm nhận được từ họ. Ở họ, nhà văn tìm thấy những đặc trưng của tính cách dân tộc, bản sắc rất riêng của Việt Nam. Trong **Truyện danh nhân Việt Nam**, Ngô Văn Phú thường chớp lấy khoảnh khắc, thời điểm biểu hiện tập trung nhất phẩm chất cao đẹp của những con người mà tên tuổi đã đi vào lịch sử, vào văn học. Ông viết trong niềm ngưỡng mộ, viết trong tâm thế của người đời sau, nhận ra được nét hơn đời của người thời trước. Phải chăng vì thế mà các câu chuyện về danh nhân của nhà văn Ngô Văn Phú lại có sức cuốn hút người đọc đến vậy(!) Điều đó cũng có phần nào đúng bởi ông là tác giả của rất nhiều tiểu thuyết lịch sử Việt Nam đã được đông đảo độc giả đón nhận như: **Tể tướng thời tao loạn**, **Câu sấm vĩ về ngàn lau tím**, **Gươm thần Vạn Kiếp**, **Uy viễn tướng công Nguyễn Công Trứ...**

Nhà văn có nói rằng: Ông viết truyện danh nhân là một đòi hỏi bức thiết mà ông tự thấy phải viết bởi những anh hùng dân tộc, danh nhân, những người con ưu tú của đất nước ở các thời đại khác nhau cần luôn được nhắc lại sự nghiệp, thân thế của họ với các đời sau.

Những truyện trong bộ sách này được viết trong khoảng thời gian hai mươi năm. Ông xúc cảm trước huân nghiệp, tính cách, tâm hồn của từng danh nhân mà viết. Tập truyện có đủ mặt các anh

hùng, liệt nữ, văn thi sĩ ở nhiều thời và được xếp theo niên biểu từ xưa đến nay.

Truyện danh nhân Việt Nam đã đưa người đọc lùi về quá khứ, khơi gợi và làm sống lại những truyền thuyết, kỷ niệm, ký ức về đất nước - con người Việt Nam từ thuở cha ông dựng nước, mở mang bờ cõi cho đến ngày nay. Những nhân vật lịch sử trong bộ sách này chưa hẳn đã đầy đủ song đây cũng là sự khái quát khá tiêu biểu về danh nhân Việt Nam.

Mong bạn đọc thể tình và góp ý cho bộ sách được hoàn thiện hơn nữa trong những lần tái bản sau.

*Nhà xuất bản Công an nhân dân xin trân trọng giới thiệu bộ sách **Truyện danh nhân Việt Nam** với bạn đọc.*

Nhà xuất bản Công an nhân dân

THỜI

Đựng nước
và tự chủ

Quán gà trắng

Thục Vương xây thành ốc mãi không được, đắp rồi lại đổ, có người cho là tại đầm lầy, phải đào đến tận gốc thử xem. Vua cho đào sâu thêm, đến tận tầng đất gốc, lại cho đắp thành, đắp cửa chính thử xem thế nào. Đất thành còn nhão. Bấy giờ đã cuối mùa mưa, trời nắng bỏng, sấm chớp đã dứt hẳn. Thành xây chỗ thấp chỗ cao, chỗ nào cũng ổn thoả cả... Vui mừng lắm. Bỗng trưa hôm ấy có một tiếng gà gáy, thứ tiếng gà mái gáy gờ, giọng chua loét, như một lời nguyên rủa... Chiều đó, giông tố từ phía biển nổi lên... Mưa dầy bảy ngày như tấm như tã, Vua và tướng tá đành phải cắm trại, giăng lều bạt ở trên đồi cao mà ở, rần rết phủ đầy đất. Nhìn lại, thành ốc đã chìm ngấm trong nước. Nước sông Nhị dâng cao, các sông nhỏ quanh thành, nước chảy ngược, xối như thác vào chân thành, ngấm bảy ngày bảy đêm, đất đầu có luyện giới cũng nhão, móng cũ hỏng hết, chỗ cổng thành cũng sụt ra tan vào trong dòng nước đỏ. Vua buồn lắm, không tiếp ai, lấy rượu ngon uống một mình trong trường.

Nửa đêm có một dáng người cao lớn, râu dầy mặt, tóc chòm râu, áo lụa, cầm phát trần, trông đích thực một chân nhân, hiện ra trước mặt chào Vua. Vua giật mình chưa kịp hỏi tên, thì chân nhân vỗ vai mà nói:

- Nhà vua buồn vì không xây được thành phải không?

Vua đôn hậu đáp:

- Vâng, đúng thế! Ngài có thể giúp ta chăng?

Chân nhân mặt đen nói:

- Ta chỉ muốn uống rượu thôi, Nhà vua có mời không?

Nhà vua vội tạ lỗi, rồi đi lấy bình rượu ngâm bằng thứ rễ lâu năm của cây rừng, thơm tho thanh khiết đến và nói:

- Bình rượu này một người bạn ở tít trong núi mới đem cho. Tôi không thể uống một mình khi có rượu ngon. May mà ngài đến đúng lúc.

Chân nhân uống hết vò rượu, cảm vì tình Vua chân thật, đứng dậy, cáo từ nói:

- Tôi trấn giữ ở phương Bắc biết ngài tâm thành, biết vượng khí của ngài đã đến, nên đến thăm xem. Ngài lo chuyện đắp thành ư? Thành tâm là được, nhưng sao không làm lễ cầu trời đất để thần linh phù trợ cho?

Nhà vua nghe ra, hôm sau sai đắp đàn, làm lễ tế trời, đất. Tự mình tắm nước lá thơm, chay tịnh bước lên đàn, tự vả vào mặt mình tạ tội giữa thanh thiên, bạch nhật, Vua khấn rằng:

- Thần là Thục Phán, thấy Hùng Duệ Vương mê đắm hội hè, rượu chè lướt khứ, không lo gì đến miếng cơm manh áo của dân lành, mới đem quân đến lấy Văn Lang, mở mang bờ cõi, Đất cũ lúa dâu đã cỗi, đất mới hoa cỏ phì nhiêu, há chẳng phải tìm nơi màu mỡ sao! Phán muốn dựng đô, xây thành ốc, để phía Bắc lo ngăn quân Triệu Đà tràn xuống, quận huyện phương Nam có đất đai cây cối, yên ổn làm ăn. Nhưng thành xây không vững, đế đô chưa có, không thể an cư, làm sao mà lạc nghiệp được. Xin trời, đất soi xét và độ trì.

Rồi tự hành xác quỳ dưới mưa gió sấm sét hàng giờ đồng hồ... Sáng hôm sau thấy một người mặc áo vàng, tướng ngũ đoản, dáng chậm chạp, đi thuyền từ phía Đông tới, xin vào yết kiến, Vua cho tùy tướng đón vào ngay. Người ấy nói:

- Ta thấy Nhà vua muốn biết chuyện tương lai nên đến yết kiến.

Vua vội đón vào thăm điện, cầm tay thấy rất lạnh, mà sức sống lại tràn đầy. Nhìn vào gương mặt thì thấy có vẻ thô thấp như loài thú quái. Vua bán tín, bán nghi hỏi:

- Người là ai?

Người mặc áo vàng nói:

- Ta là giang thần, cai quản sông nước ở phía Đông. Loa Thành là cõi giữa Đông và Tây, bọn xương cốt thành tinh vẫn tụ tập ở đây, quấy nhiễu dân chúng. Thấy Vua dựng đô, xây thành, chúng phá đấy!

Vua hỏi:

- Chúng là ai thế?

- Là quân lính của Thạch Linh và Thổ Linh, từ chiến với Vua, từ Bạch Hạc đổ về đây. Bọn chúng nhớ Vua Hùng, oán Vua mới, lại đều là ma đói nên khó trị lắm! Nếu như uy đức lớn, trời đất phù hộ thì may ra!

Vua lại hỏi:

- Trị chúng thế nào?

Người mặc áo vàng nói:

- Bảy ngày, bảy đêm vừa qua mưa liên miên, chính do chúng tụ lại bức bách thần mưa ở khu vực này phải làm theo ý chúng đấy! Nhà vua có nghe thấy tiếng gà gáy gở không?

Vua à lên một tiếng:

- Đúng rồi, trưa qua ta có nghe như có tiếng gà gáy gở.

- Đó là con gà trắng đã thành tinh. Vua phải tìm ra nó, trừ đi, thành mới xây được. Gà trắng chính là tinh chủ của bọn ma đói.

Vua hỏi:

- Ông có thể giúp ta tìm tinh gà trắng được không?

Người áo vàng nói:

- Điều đó còn tùy thuộc lòng thành của Nhà vua.

Vua đem vàng, lụa tặng, người áo vàng không nhận, tạ từ lui ra, đi về phía Đông, xuống thuyền sang bờ kia, giữa bờ sông mênh mông nước lớn. Ra đến giữa sông thì thuyền và người biến mất, và ngay chỗ ấy nổi lên một con rùa vàng, nói được tiếng người vọng lại:

- Hãy tìm đến núi Thất Diệu.

*

Quán Gà Trắng dựng ở chân núi. Ban ngày đóng cửa sùm sụp. Ban đêm thì đèn đuốc thấp lên sáng trưng. Chủ quán tên là Ngô Không, tay vượn, mặt khỉ, tính nết khó hiểu. Y là người giao du với đủ hạng yêu ma, quỷ quái. Quán rất rộng, lợp cỏ, lấy gốc cây làm ghế, trái vỏ cây làm chiếu. Rượu đựng vào bong bóng trâu phơi khô. Khách đến, hình dung cổ quái, bạ đâu sà vào đấy, ăn uống như lũ chưa bao giờ được ăn, chưa bao giờ được uống! Đứa đứng, đứa ngồi, đứa nằm, đứa chưa uống đã say, đứa rượu đổ vào mồm như đổ vào cái hũ không đáy. Yêu tình mà! Ma mà! Uống kiểu ma. Ăn kiểu ma. Có đứa xì xụp húp cháo. Có đứa chỉ thích nhắm rượu bằng óc tươi. Có đứa uống một bát rượu, một bát tiết. Có đứa vừa nháy vừa uống rượu, có đứa uống say gục xuống bàn kêu la thảm thiết. Có đứa lảm nhảm gọi vợ, gọi con, giọng vô cùng thống thiết. Có đứa chỉ vào một người đối diện mà chửi, mà la, không biết duyên do từ đâu mà gây cho hán chuyện bất bình...

Khách vào cứ vào, ra cứ ra... Ăn cứ ăn, uống cứ uống. Bàn rượu lúc nào cũng đầy những đáng áo trắng, áo đen, áo vằn vè, đủ kiểu, đủ loại... Không thấy khách trả tiền cho chủ, cũng không thấy chủ bực bội câu gắt, chỉ cầm cúi gọi gia nhân, đổ rượu vào lò, bổ thêm thức nhắm...

Khi bọn yêu ma quỷ quái đang say uống, say ăn thì từ phía sau màn gấm, một thiếu nữ áo trắng toát, mặt đại, dáng mập, chít khăn đỏ trên đầu, đội mũ hình chim, tha thướt bước ra.

Lũ say hò reo tán thưởng như quân lính hò chủ tướng. Người đẹp đi đến đâu, bọn áo đen, áo trắng hò hét như điên, như loạn, như mê, như đắm, có đứa lăn ra phía trước, quỵ mọp xuống. Người đẹp thì chìa tay cho hấn hôn tay. Có đứa nhảy nhót phía trước, có đứa ngậm vịnh phía sau. Rồi chúng bao vây người đẹp vòng trong, vòng ngoài, tầng tầng lớp lớp. Chúng hát hết những bát rượu đồ nhắm sang bên, tự tay thu bàn, dẹp chiếu, chúng đốt đuốc nhảy múa điên loạn. Đám thị tỳ đi theo thiếu nữ áo trắng, khăn đỏ, mũ hình chim, theo nụ cười duyên dáng của chủ, ra nhảy múa cùng với đám thực khách. Chiêng, trống âm u, giọng mờ tối, rè đặc, đầy kích động oán hận trả thù. Vũ hội quay cuồng nhảy đến tả tới áo xống, chân quỵên chân, tay quỵên tay, có lúc âm dương hỗn độn, đen trắng không phân biệt, nhạc dâm loạn gắt gỏng nổi lên không còn biết trời đất là gì nữa.

Vua Thục vi hành trà trộn trong đám ma đối, ma khát ấy mấy đêm liền, khi ra về thấy mình lạnh toát, thấy bị ám ảnh, mặt xây mày xám, nằm vật trong trướng, mãi không dậy nổi.

Chân nhân áo vàng, từ phía sông lại đến, dáng đĩnh đạc, lấy trong túi ra mấy viên linh đan, cho người đỡ'Nhà vua dậy lấy nước thang gừng cho uống, hồi lâu Vua Thục mới hồi. Vua thấy người quen, mừng lắm hỏi:

- Thục Phán này bữa trước gặp chân nhân, chưa nhận ra vẻ thần thánh, xin xá tội cho. Phán mới dựng nước ở nơi đất lạ, chỉ mong dân giàu nước mạnh, đời sống thanh bình, ngoài ra không mong gì hết.

Chân nhân áo vàng nói:

- Tôi là Thần Kim Quy, vâng lệnh Thiên Đình đến giúp Nhà vua chấn hưng cơ nghiệp. Nhà vua đã đến quán Gà Trắng rồi, thấy thế nào?

Vua Thục nói:

- Tôi ngờ rằng người đẹp áo trắng, khăn đỏ, mũ chim, chính là kẻ gieo rắc tai họa, bầy trò quỷ nhiễu cho cái đám yêu ma áo đen, áo trắng ấy.

Thần Kim Quy gật đầu nói:

- Nhà vua tỉnh đời lắm! Người đẹp áo trắng ấy chính là Bạch Kê Tinh, tức là yêu tinh gà trắng. Từ chủ quán, đến đám rượu chè say sưa đập phá, nhảy múa cuồng loạn, đều là quân của yêu quái. Chúng nhảy múa, ăn uống, rong chơi đến nửa đêm rồi rủ nhau đi quấy phá khắp nơi, đứa thì hiếp đáp đàn bà, đứa thì đổ bệnh cho người, cho trâu bò, đứa ăn trộm vàng bạc cất giấu một nơi, đứa uy hiếp những nơi chưa có thần thánh cai quản. Nếu uy đức Nhà vua lớn, thì sẽ dẹp được chúng. Phá thành ốc của Nhà vua cũng chính là lũ yêu ma, quỷ quái ấy!

Thục Phán vái Thần Kim Quy ba vái nói:

- Tôi người trần làm sao trị được yêu ma, quỷ quái. Xin thần nhân ra tay giúp cho.

Thần Kim Quy nói:

- Được rồi, tối nay, tôi sẽ cùng đi với Nhà vua.

*

Vua bữa ấy bận áo đen, bôi mặt đen, trà trộn vào đám yêu ma, quỷ quái ở quán Gà Trắng. Vua uống rượu. Rượu thì thơm mà nhạt. Vua ăn bánh, ăn hàng chục cái mà cảm thấy chưa ăn. Vua nhìn mặt bọn yêu ma, quỷ quái. Đứa mặt mày hung dữ thì cũng là loại chỉ đầu đánh đấy. Đứa mặt mốc thì láu lỉnh luôn mồm. Chỉ cái đám đông thì mặt đứa nào cũng tái nhợt, như kẻ đói lâu không được miếng cơm, rách lâu không được manh áo, thường lầm lì, thù hận ngấm ngấm, ngồi ăn uống như những kẻ chán đời. Vua cụng chén với một đứa và hỏi:

- Anh từ đâu mà đến?
- Từ bốn phương mà đến, tám hướng mà về.
- Có nghĩa là không nhà?
- Thì "tha phương cầu thực" mới phải mò đến cái chốn hội ma này!

- Để làm gì?
- Để đi phá thành ốc. Cả đêm hùng hục, được mấy chung rượu, vài cái bánh mồi.
- Sao không đi làm nghề khác?
- Ma quỷ kiếm ăn cũng có vùng. Đây là khu chiến trận xưa, làng mạc, oan hồn nhiều, biết kiếm ăn ở đâu.

Vua thốt lên:

- Ma quỷ cũng khổ thế ư?
- Ở đâu mà chẳng thế. Cái kiếp khổ thì dầu dương gian, âm phủ đều khổ cả.

Vua định hỏi thêm thì người đẹp áo trắng òa vào, đám yêu ma quay cuồng nhảy múa. Đứa con gái đẹp thế. Một thứ đẹp loà nhoà như thực như ảo. Da thịt đỏ hồng trong làn lụa mỏng, mắt nhỏ mà đen lóng lánh trong đôi tròng xinh lúc nào cũng đảo liếc hết chỗ này sang chỗ khác. Luồng mắt để đến đâu thì yêu lục làm cho cái đám ma đen, ma trắng cuồng nộ này say đắm đến điên cuồng, không còn biết gì nữa!

Người đẹp áo trắng thấy Vua không múa, không liếc liếc đồng cùng đám ma quái, liền đến tận nơi. Ma quái òa theo chân nàng. Bọn vệ sĩ mặt mày nanh ác đã vây kín xung quanh. Nàng hỏi:

- Nhà ngươi là ai?
- Ở đây có ai có tên đâu! Có ai có nhà đâu mà hỏi!
- Sao ngươi không nhảy múa?

- Nhiều người nhảy rồi thì cũng nên có một người không nhảy múa.

Người đẹp áo trắng nhú lông mày lại, quát bảo:

- Chủ quán đâu? Mang rượu ra đây! Người có dám uống rượu rồi nhảy đôi với ta không?

Vua chưa kịp trả lời thì thấy cửa đẩy đánh rầm, một chân nhân áo vàng gạt bọn vệ sĩ và nói:

- Để ta uống cho!

Nữ thần áo trắng chưa nhận ra là ai thì đã thấy chân nhân rút ra một thanh kiếm sắc. Khi kiếm rút ra khỏi bao thì luồng ánh sáng xanh như có thần lực làm cho bọn yêu ma rùng hết người, rạp hết xuống đất, rồi vùng ra cửa mà chạy... Người đẹp áo trắng rút kiếm đỡ được một vài đường rồi cũng chạy mất. Chân nhân áo vàng đuổi theo và bảo Vua:

- Nhà vua hãy đuổi đánh chúng đi.

Vua cũng rút đoản kiếm vàng giấu trong người, vung lên mà đuổi. Bọn ma quỷ chạy đến núi Thất Diệu thì tan đâu mất cả. Cũng là lúc trời sắp sáng!

Vua và chân nhân đến bên bờ sông. Vua hết lời cảm tạ. Chân nhân cầm lấy tay Vua và bảo:

- Ngày mai, Vua đến quán Gà Trắng cứ như thế, như thế mà làm!

Sớm mai, Vua Thục đến quán. Chủ quán Ngô Không thấy Vua đến, liền phục xuống lạy mà nói:

- Tôi người trần mắt thịt không biết người hào kiệt, thật đáng tội chết. Ở đây, ai mà không chết rạc đi với những bọn yêu ma ấy!

Vua nói:

- Ma quỷ cũng là kẻ không có ăn, không có mặc, tụ hội lại thôi. Chúng không có lỗi nhiều như kẻ thao túng chúng. Tôi muốn

làm một tuần lễ để siêu sinh tịnh độ cho những oan hồn ấy, cần có ông giúp đỡ.

- Tôi giúp gì được ngài?

- Người để cho ta con gà trắng để tế các oan hồn.

Chủ quán bắt cho. Vua tự thân cắt tiết, làm thịt, lấy xôi thơm bày ra giữa trời mà khấn rằng:

- Tôi là Thục Phán. Thiết nghĩ: chốn đồi núi không thể là kinh đô, đất đai có khai phá thì lương thực, vải vóc, tơ lụa, vàng bạc mới nhiều. Bên dưới là bến sông, bên trên là chợ búa, thông thương buôn bán, thì non sông mới sánh kịp với các nước láng giềng. Nay Bạch Kê Tinh gây rối, phá thành, tụ tập yêu ma quỷ phá làm việc lớn, ngày đêm ăn uống nhảy múa, không nghĩ đến việc làm ăn, cần phải nghiêm trị và chấn chỉnh. Phán tôi, được thần nhân giúp đỡ giết gà trắng, sẽ lập miếu để các hồn oan đến hưởng lộc có nơi, ăn uống có chốn mà cải hoán, bỏ tật xấu, làm cho mưa thuận gió hoà, cùng mọi người làm cho đất đế đô thịnh vượng, non sông rạng rỡ. Một tấm lòng thành. Đất trời soi xét...

Rồi đem cỗ hày la liệt trên đồi, rượu ngon rót tràn bát. Lại đem chặt thịt gà trắng vút khắp các chân núi Thất Diệu... Tế xong rồi về. Đêm đó, người con gái đẹp của chủ quán cũng lăn ra chết. Chủ quán kinh ngạc, cho rằng yêu tinh hiện về mượn cửa nhà mình mà hoành hành, sợ Vua trị tội liền bỏ đi.

Vua lập miếu thờ các oan hồn. Lại cho người đắp thành, đắp đến đâu đẹp đến đấy. Chẳng bao lâu, ngôi thành ốc ngụy nga đã trấn ngự mặt trước sông Hồng, nhìn ra sông Lục Đầu, trấn giữ cả một vùng cửa ngõ đất đai quan yếu.

Vua thân đến bờ sông đem hoa thơm, hương trầm, lại thả hàng thuyền thóc xuống sông để nuôi cá, đáp ơn thần Kim Quy.

Chợt sóng sông cồn lớn, chân nhân áo vàng hiện lên chào Vua, trao cho một cảm nang, tạ từ Vua, gặt đầu ba cái, hiện nguyên

là rùa vàng lặn xuống nước. Vua về nhà, mở ra thì thấy một chiếc vuốt rùa và có một chữ Cao Lỗ. Vua hiểu ý vờ đại thần là Cao Lỗ đến, hỏi kế. Cao Lỗ nói:

- Ý thần nhân cho móng làm lẫy, để chế nỏ thần.

Vua liền sai Cao Lỗ chế nỏ làm lẫy và đặt ở trước cửa thành để phòng giặc đến.

Bãi đỏ

Tiên Dung ở lâu đất Phong Châu thấy đâu đẹp nhưng ngoài Ngã Ba Hạc, sông nước mù trời, ngoài những bữa cơm có thịt thú rừng, cá anh vũ, những hoa quả, trâu cau, trà đầu xuân, ngoài những buổi xem đánh vật, đua thuyền, bắn tên truyền tốc, bắn chim đang bay, xem mãi cũng chán.

Nàng vốn hiếu động. Nhiều bận, nàng đem bánh trái, hoa quả ra ngoài rừng ăn. Nàng đến những khu rừng riêng, ở đó, hươu nai đứng đây bên bờ suối, khỉ, vọc đu nịu trên cành, thấy người không chạy lại đu mình sau lá mà nhìn.

Nàng vút hoa quả... Chúng chạy ủa xuống. Có con khỉ mẹ, ôm con còn nhỏ cũng bươn xuống cướp quả. Nó làm sao cướp nổi những con khỏe... Trông nó rất tội. Tiên Dung thương quá, nàng vút riêng quả cho nó. Con khỉ mẹ được phần, cướp vội lấy, lên tít cành cao.

Lại một hôm, nàng đem theo người hầu, đến bãi non ở làng Thượng, đang ngồi chơi, thấy từ sông nước, sóng quẫy, nước xô, từ đáy nước vồng cao, một con trâu nước và một con thuồng luồng đuổi nhau. Trâu nước dữ tợn lấy sừng húc thuồng luồng, còn thuồng luồng biết mình không khỏe bằng, thường chỉ tránh, nó luôn rất khéo khiến trâu nước không làm gì nổi. Nhưng thân thuồng luồng dài, nhất là cái đuôi, khi vươn mình chạy thì không giấu đầu nổi. Trâu nước nhanh nhẹn đâm lên đuôi thuồng luồng rồi dùng sừng

húc. Thuồng luồng chạy không nổi liền lặn dưới bụng trâu, rồi quán luôn vào cổ địch thủ... Trâu nước bị nghẹt thở vùng chạy xuống nước...

Tiên Dung được xem một trận thủy chiến rất thú vị. Nàng kể lại những chuyện mắt thấy tai nghe, các chị em gái và bạn bè ở các làng bên phía Ba Vì chẳng ai tin nàng cả.

Nhưng nàng như thuộc về những vùng núi non, sông nước. Vua Hùng mấy bận giục nàng lên lầu kén rể, tung quả cầu chọn chồng. Vua ước hỏi con các lạc hầu, lạc tướng cho nàng, nàng đều từ chối.

Nàng xin Vua đóng cho mình một chiếc thuyền đuôi én, đem theo mấy cô hầu gái khoẻ mạnh tin cậy, để thức ăn trong thạp, chứa ngô và gạo, đem theo một máy đánh lửa bằng bụi nhùi, rồi xin Vua cha đi tuần du thiên hạ. Vua biết con gái khác người thường, lại nghĩ, lòng con nhân ái, đi đâu chẳng có bè bạn giúp đỡ, và vẻ đẹp của cô biết đâu chẳng kén được một tấm chồng.

Vua Hùng là người nhân hậu, bao dung, chiều con. Vua cho nàng một chiếc thuyền tốt nhất, những thứ mang theo quý nhất, ngon nhất, chỉ dặn:

- Cha muốn giữ con cũng không nổi! đành để con đi tìm những miền đất lạ! Cầu cho con đừng gặp nguy hiểm gì ở dọc đường. Cầu cho Trời, Thần Đất, Thần Đá, Thần Sông, Thần Núi bù trừ cho con. Nhưng cha nói trước cho con điều này!

- Xin cha cứ nói!

- Con có đi đến trăm vùng, nghìn vùng, rồi con sẽ nhớ nhà, nhớ cha, nhớ mẹ, nhớ chị, nhớ em. Chắc là con sẽ phải trở về. Con đi đâu về đâu cũng không dứt nổi đất Phong Châu này đâu!

Nàng cười và đáp:

- Con là đứa con bất hiếu, không làm theo ý cha. Nhưng một bận con nằm mơ lên núi gặp tiên, được dẫn đi xem nhiều nơi, nhiều

chỗ, hiếm có ở dưới đời. Từ đó con thấy ngoài trời lại có trời, ngoài đất lại có đất, ngoài núi lại có núi, ngoài sông lại có sông. Nơi ta ở chỉ có voi, có cây, có gà lồi. Phía sông Đà lại có vượn nhiều màu lông, tê giác một sừng. Con chỉ tiếc là con gái, không đi xa nổi kỳ này thử đi xa một chuyến xem trời, đất, sông, núi, người vật ở nơi khác ra sao!

Vua cha ban cho nàng một tín lệnh, bảo nếu gặp khó khăn thì cứ đưa ra, thế nào cũng được tiếp đãi, giúp đỡ...

*

Ở bên bờ bãi đỏ có hai bố con ông chài, không biết họ từ đâu đến. Họ có một con thuyền, hàng ngày đi đánh cá, đem ra chợ bán, rồi cha con lại đánh thuyền về neo ở trong bãi sậy, nấu nướng ăn.

Chàng Chử, con trai ông chài, khoẻ mạnh, càng lớn càng rắn rỏi. Vai chàng vuông vức, đặt bát nước lên không đổ. Vòng ngực nở, chân tay rắn như sắt, gương mặt chàng quắc thước nhưng cũng thật hiền.

Ông chài già, chết. Một mình chàng với con thuyền nát, quanh quẩn kiếm ăn dọc bờ sông. Có tối, đánh cá về, gặp buổi không may, được vài con cá nhỏ, chẳng cả đi chợ, chàng đổ ngô luộc ăn rồi lên thuyền ngủ.

Khi dậy thấy một chim rất đẹp, bị thương ngã ở bên bờ cỏ. Chàng thấy đẹp, không nỡ ăn thịt, lại tìm lá dặt vào chỗ bị thương, rồi đi kiếm sâu bọ cho chim ăn. Một tuần sau, chim khỏi. Chàng tung chim, thả lên trời cho bay đi.

Đêm đến, thấy một nàng tiên rất đẹp, trăm cài, ngọc giắt, đến bên thuyền tạ ơn và nói:

- Ta biết chàng là người tiên, không phải người trần, bởi phạm tội, Ngọc Hoàng Thượng đế đẩy xuống trần gian ít bữa.

Rồi nàng tím tím cười. Chử Đồng Tử hỏi:

- Nàng cười gì vậy?

- Bởi chàng tốt bụng hiếu thảo, nên Thượng đế không những cho trở lại kiếp tiên, lại còn ban duyên lành cho nữa.

Chữ Đồng Tử ngỡ ngác không hiểu. Tiên cô đưa cho chàng một chiếc hồ lô và bảo:

- Đây là thứ rượu không giống rượu trần. Uống vào sẽ có phép lạ. Nhưng chàng chỉ được uống khi thấy sự lạ trong đời xảy ra. Không nhịn được, uống trước, sẽ không hiệu nghiệm!

- Sao nàng tốt với ta vậy?

- Bởi chàng đã cứu giúp ta trong lúc hoạn nạn. Ta trốn trời đi chơi, vào núi gặp yêu tinh, bị chúng trêu ghẹo, bỏ chạy, không ngờ chúng bắn tên theo vì không để ý nên không tránh nổi.

Chữ Đồng Tử hiểu rằng con chim bị thương bữa trước chính là vật nàng tiên nấu hình...

Chàng cảm tạ tiên cô, lại đi kiếm cá, đánh tôm như thường lệ...

Chàng Chữ rất hồn nhiên. Thấy vùng bãi cỏ hoang sơ, chẳng có ai, nên có bữa trời chiều, cơm no, chàng chỉ đứng trên mình một chiếc khố mỏng, vỗ bụng nghêu ngao hát một bài chàng vẫn thích, được truyền lại từ người cha thân yêu thuở trước:

Trời thì xanh, đất thì nâu.

Nước bên cạnh, mây trên đầu.

Vuông chài quăng, cần câu ném.

Nước trong, nước đục tầng nông sâu.

Ngó mới bẻ, cá mới nướng.

Cơm vài bát, rượu một bầu...

Ngẩng lên bỗng gặp trăng non mọc.

Quay lại, bên mình muôn sóng chao...

Rồi chàng ngủ trong lúc mặt trời lặn, trăng lên lúc nào không biết.

Tiên Dung chơi chán rừng núi, liền xuôi về Nam. Nàng dừng chân nhiều danh lam, thắng cảnh. Nàng từ chân núi Ba Vì, đến chân núi Tam Đảo, kết bạn với nhiều con gái quan lạc tướng, lạc hầu. Nàng vào núi tìm rùa con về thả ở suối Bạc, theo bạn vào núi bẫy gà rừng, nướng trên than, xé mà ăn, kể chuyện những chàng trai mê mình cho các Mỹ Nương vùng Tam Đảo nghe.

Các bà nàng ở rừng cũng kể cho nàng nghe các đêm uống rượu múa hát cùng đám con trai trong làng, vai cọ vai, ngực cọ ngực, tay nắm tay... chuyện hai người ở xóm Thanh yêu nhau, già làng bới thù làng kia, không gả, liền vào rừng tìm lá ngón ăn mà chết. Hồn họ hoá thành chim đêm gọi nhau trong rừng, đến sáng sắp gặp nhau thì tiếng cũng tắt.

Tiên Dung cảm động lắm. Nàng lên thuyền từ giã các bạn đi về xuôi.

Buổi chiều, nàng đến vùng bãi đỏ.

Một vùng đầy lau sậy. Có những bãi cát non, chiều xuống, rắng hồng như một bãi máu... Bãi đỏ là thế này chăng.

Nhưng bãi đỏ này đâu là bãi chém giết. Mà đó là một nơi sinh sôi của nơi nước tạo thành đất. Nàng ngõ ngàng thấy đám cỏ non, mới mọc khi bãi non vừa nổi, đất vừa se. Nàng say mê nhìn những đàn tôm búng càng trong những mép nước... Và, hàng đàn chim nước từ xa về ăn đầy bên dải bờ nửa hồng, nửa trắng...

Mặt trời đang lặn phía sau núi như một chiếc bánh xe vừa nung trong lò rèn ra, chiếu một thứ rắng đỏ rực rỡ, như một lời chào đẹp muôn loài, hẹn sớm mai gặp lại...

Khi mặt trời vừa lặn... Gió man mát trên sông. Thuyền đuôi én của nàng đã đến một bãi cát đẹp. Bốn phía kìa lau, kìa sậy, trơ ra một bãi cát nhỏ... Nàng gọi con hầu yêu:

- Em này, dừng thuyền. Ta muốn tắm!

Các thị nữ vội lên quây màn cho nàng. Họ đem những chiếc chổi lớn, đổ đầy nước trong đặt bên cạnh rồi lại xuống thuyền đuôi én.

Nàng cởi quần áo, lộ dần thân thể. Nàng cầm gáo, múc nước và gội rất nhiều lần đầu lên vai. Nàng rất thích thú hương trời, hơi mát từ nước trong, thấm dần vào da thịt.

Nàng lại gội ào ào. Chợt như có con gì cựa cựa dưới chân mình. Nàng hét lên. Trời ơi, dưới cát có người.

Nàng vội ôm lấy ngực. Chàng Chủ Đồng Tử đã đứng dậy. Nàng ngỡ ngàng. Trước mặt nàng là một chàng trai khôi ngô, chất phác, có sức hấp dẫn lạ thường, một thân hình chỉ có trời phú cho mới được như thế.

Mình chàng, trừ chỗ nước gội rất sạch, từ đầu đến chân còn dính đầy cát. Nàng ngỡ ngàng hỏi:

- Sao, sao, chàng lại ở đây, đúng chỗ ta quây màn tắm?

- Tôi thấy nàng vụt đến, tránh không kịp, liền vùi cát để trốn. Nào ngờ, nàng lại quây màn tắm đúng chỗ tôi vùi mình.

Nàng cảm động thật sự khẽ nói:

- Thế là trời đã đem chàng đến cho em rồi! Thôi dừng đi nữa. Gáo đây, cầm lấy gội mình chàng cho sạch, rồi gội cho em... Chúng mình cùng tắm...

Chàng Chủ cầm lấy gáo gội cho nàng trước rồi khi nàng tắm xong, chàng nhảy ào xuống nước tắm tấp, kỳ cọ thật lâu mới nhô lên.

Chàng lấy gỗ làm ghế, chụm củi làm bếp ngoài trời, lấy chim bẫy, cá câu, nướng cho nàng ăn. Và, chàng nhớ đến hồ rượu tiên cho. Bữa ấy, chàng say, nhảy múa bên lửa cho Tiên Dung xem. Tiên Dung vỗ tay hát theo những bước chân, điệu tay múa của chàng.

Lửa bập bùng sáng chói.

Tiên Dung nói:

- Em muốn có một ngôi nhà sàn ở trên bãi cát này.

Chàng vỗ tay ba cái. Ngôi nhà sàn hiện ra. Thóc ăn, gạo, thịt đủ đầy, như một ngôi nhà của lạc hầu ở Châu Phong. Người hầu đứng đúng chỗ của mình cho nàng sai bảo.

Sớm mai, nhà lại biến mất.

Chủ Đồng Tử dẫn Tiên Dung đi khắp vùng bãi đỏ, lại ra tận cửa biển Thần Phù, thấy chim đông như mây, thú hoang hàng đàn chạy trên những dãy núi kề với biển. Chàng dẫn nàng vào những hang động đẹp nhất. Khi ngọn đuốc trong tay chàng sáng lên, thì hang động như là một thủy cung lộng lẫy. Dọc đường đi, voi châu, hổ phục, rồng hạ xuống như muốn mời cưới lên mây...

Chàng hỏi thử khi ra khỏi hang:

- Nàng có muốn những cung điện lộng lẫy như châu như ngọc ấy không?

Nàng gật đầu. Chàng vỗ tay ba cái. Một toà thành hiện ra trên núi. Chàng lại dắt nàng vào.

Chàng dẫn nàng lên tầng lầu cao nhất, nhìn về xa, rồi chỉ một ngã ba sông nước cao ngất, lưng trời. Núi đám thẳng vào mây, mặt mù những sóng chồm lên bờ đá trôi, đá nháy âm âm lặn xuống nước.

Một lúc sau im sóng, giải, thường luồng, ba ba, cá lăng, cá vược xác nổi lênh bênh. Trên núi trên đèo thì hổ chết, báo què, voi bị nước cuốn vào giữa dòng xoáy rất nhiều.

Nàng hỏi:

- Chuyện gì đang diễn ra nơi ấy?

- Sơn Tinh đang đánh nhau với Thủy Tinh.

- Sao thế?

- Vì hai người đều muốn làm rể Vua Hùng. Mà Vua Hùng chỉ có một nàng Ngọc Hoa.

Nàng khẽ thở dài. Chàng hỏi nàng:

- Nàng có định quay về Châu Phong không?

Nàng lắc đầu.

Chàng liền cho các thị nữ theo hầu về.

Nhưng thuyền xuôi ền vì đứt dây neo đã trôi tít ra ngoài bể.

Nàng hỏi:

- Họ về bằng cách nào?

Chàng vỗ tay ba cái... Núi Nghĩa Lĩnh ngay ở trước mặt. Chàng bảo đám con hầu:

- Kia Vua Hùng đang chờ. Các em về đi.

Các cô gái theo hầu thấy quê cũ liền chạy xô đến chân núi. Và thoáng chốc đã xa lơ xa lắc... Nàng hiểu chàng Chữ đã có phép rút đất.

Chữ Đồng Tử lại hỏi Tiên Dung:

- Ngoài kia, đảo giữa trời nước, nàng có muốn ra thăm không? Ngoài ấy có vẻ đẹp riêng mà đất liền không có.

- Thuyền mất rồi, đi bằng gì?

- Không lo.

Chàng rút lấy chiếc lông chim phượng gài trên đầu, thả xuống nước. Một chiếc thuyền lớn có đủ các tay chèo, khoang thuyền đầy rượu và hoa trái, lại có chim bay lượn quanh thuyền như để dẫn đường khi thuyền ra khơi...

Và chàng giơ tay dắt nàng, vui vẻ xuống thuyền tiến ra biển cả.

Chàng hoàng tử ít nói

Lang Liêu vừa lên hầu cha về. Chàng hơi lo lắng, năm nay Vua Hùng lên ngôi trên cao, truyền lời lo tế trời đất, thỉnh thoảng lại ôm ngực ho rũ rượi. Lang Liêu rất yêu Vua cha, nhưng tính thẳng thắn, giữ gìn, không như đám anh em khác, cậy là con Vua, xénh ra thì lao vào săn bắn, những khi Vua gọi đến tiếp khách xa, ăn tiệc, ai cũng thích ngồi gần. Vua chưa gọi đã dạ. Vua chưa sai đã đi... Lời thưa dẽo như mây, lời nịnh ngọt như mật... Chàng không ganh ghét nhưng trong bụng khinh họ là tuồng giả dối.

Lang Liêu gọi vợ là My Nương đến bảo:

- Em ơi, Vua năm nay già yếu rồi. Gương mặt ngài có nếp nhăn của núi, của sông, ngài ho rất dài... Ta thương cha không biết làm thế nào! Ngài ban lệnh thi làm bánh, mỗi người con trai của ngài đều phải dâng lên một, hai thứ bánh. Nàng nghĩ sao đây.

My Nương nói:

- Con gái Phong Châu, ai cũng khéo... Bánh tết thì lo gì không làm được. Hàng trăm thứ bánh, chàng muốn làm thứ gì, em làm cho.

- Nàng định làm bánh gì?

- Bánh tết thì có bánh hòn, bánh tẻ, kỹ càng hơn thì bánh nếp, bánh gai... Bánh tày dài hoặc lấy lá chít, hoặc lấy lá mía gói đều được cả. Lá mía giòn khó gói nhưng bánh trắng... Lá chít luộc lên

rửa sạch, lấy gạo nếp, đậu xanh, làm bánh cũng ngon lắm. Ai mà không làm được, việc gì chàng phải lo.

Lang Liêu nói:

- Không, ta muốn dâng lên cha tám lòng của mình qua cuộc thi bánh kia. Thôi, nàng về nghỉ đi. Ta còn nghĩ thêm nhiều nữa, xem có cách gì hay không?

Chàng sai lấy nước thơm, tắm gội sạch sẽ. Sai sắm một cỗ tế, rồi kính cẩn, đốt đuốc nhựa trám, dâng hương, xoa tóc, quỳ trước trời đất khấn rằng:

- Con là Lang Liêu, con trai Hùng Vương. Con rất thương cha, nhưng chưa làm đẹp lòng Vua cha, thật đắc tội với Trời, Đất. Xin Thần Núi, Thần Sông, Thần Đất, Thần Trời ứng nghiệm, khiến cho đâu con thoát khỏi mù mẫm, mắt con sáng, nhìn xa, trông thấy cả cá quẫy ngoài sông nước mênh mông; cho tai con nghe được cả tiếng thần linh nhũ bảo..., để con có thể làm vui lòng Vua cha trong cuộc thi bánh này...

Nghĩ đến con ho của Vua Hùng lúc sáng, Lang Liêu bất giác xúc động, nước mắt chứa chan vừa lạy, vừa khóc... Chợt thấy, lá rừng rung cây, tầng trời như xanh hơn và thơm lên... Ngẩng mặt lên thấy một vị thần, mặt đen, râu đen, gương mặt dữ mà lời nói thì thật dịu hiền:

- Ta đã nghe lời con. Lòng con thành thật thương Vua cha. Con thử nghĩ xem có gì quý nhất trong nhà không?

- Nhà con có ngọc trai!

- Thứ đó là trời cho. Cũng là quý, nhưng chưa phải thứ quý nhất!

- Nhà con có sừng tê giác!

- Thứ ấy là núi cho, chưa phải là thứ quý nhất!

- Nhà con có chim trĩ!

- Thứ ấy là trời cho! Cũng quý, nhưng cũng chưa phải là thứ Vua cha thấy được lòng dạ ngay thẳng, thương cha rất mực của con...

Lang Liêu nghĩ mãi, không biết có thứ gì quý hơn... Mãi sau mới à lên:

- Nhà con có thứ nếp hoa vàng, chọn giống rất kỹ, quý hơn mọi nhà; có thứ đậu, vỏ xanh, ruột vàng, thơm hơn các hạt đậu vẫn trồng ở Văn Lang... Nhà con có cối gỗ bằng lim, nhẵn và đẹp, con nuôi được con lợn lớn nhất!

Thần Núi cười:

- Những thứ ấy do tay con làm ra, mới là thứ quý nhất.

- Nhưng bánh nào ngon nhất thì con chưa nghĩ ra...

- Hãy lấy Trời, Đất làm hình hài; gạo, đỗ, vật nuôi, cả năm vất vả mới thu hái được, dâng lên Vua cha. Đó là thứ quý nhất...

Lang Liêu mừng lắm, lay tạ Thần Núi, và ngẩng mắt nhìn theo thần leo lên tới đỉnh núi Độc Tôn...

*

Lang Liêu nằm không ngủ nổi, nghĩ suốt đêm về lời Thần Núi mách bảo. Chàng đi ra đầu hồi nhà. Trăng sáng, vòm trời như một chiếc nôi thiếp úp xuống.

Chàng à lên một tiếng:

- A, ta nghĩ ra rồi...

Sáng sớm hôm sau, chàng gọi vợ đến bảo:

- Em hãy đem cối ra giã cho ta những hạt nếp hoa vàng thật trắng, và lấy đậu xanh, những hạt đều nhất làm nhân bánh.

Chàng cho đem đến những cối gỗ lim thật to... Tết đã đến gần... chỉ còn một hai ngày nữa. Lang Liêu lại thức mấy đêm

liền. My Nương thức cùng chồng. Chàng đem ý Thân Núi mách, nói với vợ:

- Lấy trời đất làm hình hài. Trời tròn, đất vuông. Trời trắng, đất xanh... lấy những thứ làm ra, mà dâng lên Vua cha. Đó là những thứ quý nhất. Ta và em làm thử hai thứ bánh này xem sao...

Chàng gọi con trai, con gái trong địa hạt mình cai quản lại... Mọi người đều răm rắp nghe theo...

Con trai, con gái đều phải tắm nước gừng và nước lá thơm... Hai chiếc giếng trong nhất cũng được dọn sạch sẽ, và cấm không được dùng vào việc gì khác, trừ việc làm bánh.

Lang Liêu cho dựng lên chín gian lều, đặt chín cái cối lớn giữa nhà... Đám con trai dùng những chiếc chày lớn giã gạo... Đám con gái ngồi sàng sảy, hạt giã xong, lại ngồi chọn, không để lẫn một hạt tẻ nào... Khi chín thúng gạo trắng ngần đã chọn xong, thì chín gian lán được chia làm hai nhóm. Nhóm thứ nhất lấy những chiếc lá dong xanh, rửa sạch, đặt lên mâm, chọn những chiếc lạt đang thật dài... Chín người cùng ngồi gói...

Thịt lợn đã được đem vào. Gạo trắng đã đặt ở trong chín chiếc thúng nhỏ.

Đậu xanh thì đặt ở trong những chiếc giá.

Lang Liêu đặt lá, đặt lạt. Mọi người đều đặt theo. Lang Liêu xúc gạo, xúc đỗ, vun thành hình vuông rất khéo, đặt thịt rồi phủ một lượt đậu và một lượt gạo lên trên... Chàng bắt đầu gói, các thợ bánh khác cũng làm theo, tay bắt lá, tỳ lá vào thành mâm của chàng. Gập mặt trước mặt sau..., xoay mặt phải mặt trái vào lòng, rồi chàng lại gập lá uốn lá, buộc lạt. Một chiếc bánh chưng hình vuông đã hình thành. Lang Liêu cho lấy những thanh tre, dùng cật dây chùng nửa đốt tay, gập làm bốn, ép bốn quanh thành. Rồi buộc lạt vào. Khi lạt đã buộc được chiếc bánh xanh vuông vức,

Lang Liêu giơ lên cho mọi người xem. Mọi người đứng vây xung quanh lán ồ lên:

- Ô, chiếc bánh xanh, vuông đẹp thế!

*

Phụp... phụp... phụp...

Cum... cum... cum...

Phía bên kia, những chiếc xôi bốc lên nghi ngút, những cô nàng xinh đẹp ngồi bên những cối gỗ lim nhẵn bóng, đang thả vào thêm trong cối những mảnh xôi trắng thơm. Chín đầu lán, hơi bốc lên từ cối, từ chỗ, bay lên như những làn sương trắng đầu hè, rồi toả ra một làn hương thật êm, thật ngọt, thật lạ...

Phụp... phụp... phụp...

Cum... cum... cum...

Những nhịp chày vừa giã xuống, vừa đập nhẹ vào thành cối những điệu nhạc hoang sơ, thành kính. Những chàng trai đóng khố, vòng tay, bấp chân chắc nịch. Những cô gái để những bộ ngực trần nồn nà, mặc những chiếc váy đẹp đến lạ lùng đang ngồi bên, đảo lớp xôi bên trong để những nhịp chày giã xuống...

Phụp... phụp... phụp... Cum... cum... cum...

Nơi giã bánh như ngày hội. Lòng người hân hoan tán thành, gửi hồn mình, lòng mình, mê đi, dại đi, theo nhịp chày, để dâng lên cha Trời, mẹ Đất thứ mình đã tốn bao nhiêu ngày đêm, giã những hạt gạo thơm thảo, để làm chiếc bánh tình khiết này...

*

Giữa những lán, đầu này gói bánh chưng, đầu kia giã bánh dầy có đặt một bàn thờ bằng tre, mặt đất bằng thứ trúc còn xanh nguyên rất quý... Những chiếc bánh chưng đã luộc chín, những

chiếc bánh dây được úp vào những chiếc giá mây con, mặt bánh còn hằn lên những vết nan... Bánh đang nguội dần từ ngoài vào trong, hình lên cả một vòm trời, được tự mình thấp sáng. Trên mặt những chiếc đĩa gỗ, bánh chưng xanh rờn vuông vức như mặt đất Châu Phong chỗ nào cũng xanh, chỗ nào cũng là rừng, là cây, là lúa nương, là ngô, là đỗ...

Các cô nàng, trai làng đứng sau Mỹ Nương và Lang Liêu, mình thơm mùi hương lá, mùi nước suối sau những cuộc tắm gội cuối năm. Họ quỳ xuống, dâng bánh lên Trời Đất. Họ cùng hát một bài khấn hoang sơ, thành kính:

Trời thương nước Văn Lang.

Mưa hoà gió thuận.

Đất thương nước Văn Lang

Hoa thơm hạt thơm...

Con dâng Trời

Lộc đất ngọt, thơm...

Con dâng Đất

Lộc trời tình khiết...

Họ cúng Trời Đất, rồi nhảy múa chung quanh bàn thờ...

Kiểu bánh của Lang Liêu được khiêng đi dâng lên Vua cha... Một kiệu bánh chưng, một kiệu bánh dây đi cặp đôi... Những cô nàng xinh đẹp rước kiệu bánh chưng đi trước. Những chàng trai mạnh mẽ, mặt hiền như nắng sớm khiêng kiệu bánh dây đi sau... Chín cặp đôi kiệu, kéo một hàng dài, qua đường núi, vào thành, ra mắt Vua.

Lạc tướng, lạc hầu rộn rã... Lồng bàn mây đã được mở. Bánh của Lang Liêu dâng trước mặt cha...

Vua Hùng nhìn Lang Liêu, nhìn chín cặp đôi bánh chưng, bánh dây, cả đẹp lòng. Vua thân xuống xem từng kiệu, từng cặp

bánh rồi ban bánh cho mọi người nếm thử... Vua cũng nếm với mọi người.

Vua khen:

- Lang Liêu. Trời giúp con. Đất giúp con mới làm được bánh này... Ta rất vui khi con nghĩ đến Trời, Đất, Núi, Sông, mong Núi, Sông, Trời, Đất nhận lấy tấm lòng của người vỡ đất, giữ đất... Tấm lòng của con, ta thấu rõ.

Lang Liêu nói:

- Trẻ nhỏ nghĩ thế nào làm thế. Được cha vui, con sung sướng.

Vua chưa được nghe một lời nói nào chân tình, mộc mạc như thế...

Ít lâu sau, Vua truyền ngôi cho Lang Liêu.

Đức thánh Chèm

Ở làng Thụy Phương, có một người học trò nghèo, bố làm nghề chài lưới, họ Lý, tên Ông Trọng.

Trọng thân thể cao lớn, làm cả ngày không biết mệt, lại có nghĩa khí. Trong làng, có người bị thôn trưởng ức hiếp, khóc lóc kể với Ông Trọng, lập tức Trọng khảng khái đến tận nhà thôn trưởng chỉ mặt mắng rằng:

- Quan nhất thời, dân vạn đại, liệu mà ăn ở!

Thôn trưởng sai đầy tớ xúm lại đánh. Trọng điềm tĩnh với chiếc gậy ngắn, đỡ gạt được hết các gươm dao lẫn xả vào chém, rồi đánh lại cho ngã bở chũng mỗi đứa một kiểu khiến người đứng xem được một trận cười hả hê.

Từ đấy, thôn trưởng sợ Trọng cũng bớt sách nhiễu.

Lớn lên, Ông Trọng lên làm chức huyện lại ở huyện áp. Một lần, quan sai đi bắt phu đắp thành, Lý Ông Trọng xuống các làng, thấy người bị bắt đi phu đều là những nghèo; thấy nha lại trên huyện xuống bắt, trai tráng thường vượt tường, xé rào, rúc vào bụi rậm, ngõ ngách lẫn trốn. Ông Trọng bắt được vài người hỏi sao lại thế, họ đều khóc kể rõ cảnh ngộ của từng người. Người thì vợ mọn con thơ, người thì cha già, mẹ yếu, người lại vì nghĩa mà nuôi bạn tàn tật, nếu bị phu dịch kéo dài tháng nọ sang tháng kia, năm này sang năm khác, thì cha mẹ, vợ con, bạn thiết của họ bỏ cho ai nuôi?

Lý Ông Trọng nghe xong, cảm động, thở dài, bỏ cuộc, không bắt phu nữa.

Trở về huyện ấp, viên Đô đốc từ Long Biên xuống, thấy Ông Trọng không bắt được một mống phu nào, đập bàn tức tối, rồi sai lính nọc ra trước viên môn, đánh cho hai mươi roi.

Lý Ông Trọng uất ức lắm, liền đem quần áo của Phủ Đô hộ trả lại cho huyện trưởng. Huyện trưởng bảo:

- Ta rất cần anh. Ở đây lương bổng cũng khá, có thể nuôi được bố mẹ, là chỗ nương tựa cho họ hàng, bỏ đi đâu?

Lý Ông Trọng nói:

- Vết roi trên mình tôi này, lần rồi lại lặn, sưng tấy rồi lại khỏi, nhưng vết roi trong con tim này thì không bao giờ lành được.

Huyện trưởng hỏi:

- Sao vậy?

Lý Ông Trọng khẳng khái nói:

- Hãn làm quan, tôi làm lại. Đã biết đâu sau này ai hơn ai? Chẳng qua là mình chưa có chí lớn nên cam chịu làm chức nhỏ để cho người ta sai khiến đánh đập. Người ta, ở đời nay lập chí, nên như chim loan, chim phượng, cất cánh là bay xa vạn dặm; như cá kình, cá ngạc vẫy vùng trên biển khơi, sao lại để cho người chửi đánh, làm nô lệ cho họ không xong.

Huyện trưởng chịu là người có chí, rất phục.

Lý Ông Trọng tìm thầy học hỏi, dùi mài, vừa học vừa làm thêm, kiếm tiền, trở thành người thông hiểu kinh sử lại giỏi võ nghệ, nhiều người biết tiếng. Một bạn quan Thái thú thân đến mời Trọng ra làm quan huyện lệnh. Lý Ông Trọng cười mà bảo:

- Tôi có làm đến Thái thú như ông thì vẫn bị các ông khinh nhờn. Tôi không làm quan ở đây đâu!

Thái thú cho là người ngông cuồng, mặt sầm lại, tức tối.

Lý Ông Trọng có chí lớn, vượt biển sang tận đất Hàm Đan, rồi vào tận kinh đô nhà Tần, nhân lúc Nguyên soái Mông Điềm tuyển người liền vào ứng thí và lập tức được tuyển mộ. Mông Điềm và Phù Tô được Tần Thủy Hoàng phái đi đánh giặc Hung Nô, liền mang Lý Ông Trọng theo.

Ông Trọng là người can trọng. Quân Hung Nô khiêu khích thường không đem quân ra đánh, cứ chia quân giữ vững mặt thành. Khi chúng hò hét đánh mãi không nổi, trong quân có vẻ bẽ bề, người ra vào không qui củ, lính Hung Nô thì đem sáo ra thổi, hoặc đem rượu ra trước lều uống. Ông Trọng ở trên đài quan sát, mắt không rời, thấy chỗ nào quân địch lơ lửng thì cho đội khinh kỵ bất ngờ đánh một trận, cướp lấy lương thực khí giới rồi lại đóng chặt cửa thành mà giữ. Có lúc lại được tin thám báo, lương thực và ngựa của địch đang mắc kẹt ở thung lũng vì nước lũ, liền cho một đội tinh binh, làm bè ở thượng nguồn, lén đến đánh và đốt cháy hết, cướp lấy ngựa đưa về thành. Nhờ có công lớn như thế, nên Lý Ông Trọng được Hoàng đế nhà Tần phong làm Tư lệ Hiệu uý. Bao nhiêu năm trấn giữ biên ải, giặc không sao vượt qua được cửa quan. Vua Tần quý lắm.

Về sau, Lý Ông Trọng thấy tuổi đã già, lại nhớ quê, bèn dâng sớ lên Vua Tần xin được về nước. Vua Tần giữ không nổi, ban thưởng rất hậu.

Tần Thủy Hoàng lo đất Lâm Thao, Lý Ông Trọng đi rồi, lấy ai mà giữ được cửa ải quan trọng này, liền bàn với quan Tể tướng.

Tể tướng nghĩ một đêm, sáng sớm hôm sau vào chầu, tâu rằng:

- Uy danh của Tư lệ Hiệu uý Lý Ông Trọng rất lớn. Thần nghĩ, nên đúc một pho tượng lớn đặt ngay ở cửa Tư mã ở ngoài Hàm Môn. Hàng năm, khi sứ thần bốn phương đến triều cống, Hoàng thượng cho quân sĩ duyệt binh. Cho người vào trong bụng rỗng của tượng Lý Ông Trọng làm cho cử động, uy phong như hồi

đứng ở cửa thành Lâm Thao, thì chẳng riêng gì Hung Nô sợ mà các nước khác ở phía Bắc, phía Đông đều sợ cả!

Vua Tần nghe theo, đúc ngay tượng, quả nhiên các sứ thần về nước đều tâu Vua là Lý Ông Trọng vẫn còn ở triều đình. Vua các nước nhỏ phía Bắc, phía Đông vốn biết tài của Lý Ông Trọng đều không dám quấy phá biên ải...

*

Năm Trinh Nguyên đời Đường Đức Tông, Thứ sử Triệu Xương đến An Nam... một bữa nhân bày rượu một mình, ngắm hoa nở vào dịp trăng sáng, liền thiu thiu ngủ.

Chợt thấy một người cao lớn oai phong đường bệ, đẩy cửa bước vào. Triệu Xương nhìn có vẻ quen quen, rồi vội đứng dậy thi lễ, hỏi:

- Có phải quan Tư lệ Hiệu uý không?

Người kia gật đầu nói:

- Phải, ta là Lý Ông Trọng, tướng giữ Lâm Thao nhà Tần đây. Nghe ông mới sang trị nhậm An Nam, xin vào ra mắt.

Triệu Xương đưa tay mời ngồi nói:

- Đâu dám, đâu dám! Ông là bậc tiền bối, lại là bậc có công lao lớn. Uy danh còn vang đến tận muôn đời sau. Triệu Xương là một viên quan nhỏ, bị đày đi xa, được thấy tôn nhan, thật là vinh hạnh.

Rồi đem rượu ngon hoa quả mời, đàm đạo về sử sách. Triệu Xương kính cẩn nói:

- Tôi nghe ngài là người chí lớn, không chịu để bọn tầm thường đề đầu cười cổ, do đó, học hỏi, lập thân trở thành người tài trong thiên hạ. Vậy mà lúc bị ép buộc không bị hại. Trấn giữ nơi xa mà không núng chí. Thân danh toàn vẹn, tiếng tăm truyền lại về sau. Bí quyết ấy là gì vậy?

Lý Ông Trọng nói:

- Kinh Dịch ở quẻ Phục đã từng nói: "Xuất nhập vô tật, bằng hữu vô cữu" đó, ư? Làm thế nào để ra vào không gặp tai nạn, bạn bè sẽ lần lượt đến với mình, mà không còn mắc sai sót gì nữa? Đó chẳng là thuận đạo trời đất mà làm ư? Đạo trời tĩnh lâu thì động, ác nhiều rồi thiện, bởi thiện nhiều nên tưởng ai cũng thiện, có biết đâu cái ác đây đó, đã nảy sinh... Giữ gìn luật thiện ác đừng để ác lấn thiện trong mình, thì bạn bè sẽ tới, như thế còn đâu lầm lỗi nữa mà lo!

Triệu Xương nghe phục lắm. Nhưng Lý Ông Trọng đã giảng thêm:

- Quẻ Phục rất trọng khí dương, như thế tức là trọng điều để vạn vật nảy sinh sau cái lúc tiêu điều. Ở quẻ Phục, hào dương bắt đầu trở lại, vì thế mới nói: Vạn trời xáo di xáo lại, cứ bảy ngày là một vòng, làm việc gì cũng có lợi. Ta đọc sách, thấy nói các Vua đời Tam Đại (Hạ, Thương, Chu), tới ngày Đông chí, ngày mà dương bắt đầu sinh, thì đóng các cửa ải, không cho khách đi đường và người buôn bán qua lại, đó chẳng qua là muốn yên lặng để nuôi cái khí dương vừa sinh. Hồi ở Lâm Thao, ta có ứng mà làm, thấy quân lính được nhàn, không phải đau đầu lo toan, sức vóc khoẻ hơn, mà trộm cắp, cướp đường không xảy ra, ải quan không hỗn loạn.

Triệu Xương phục Lý Ông Trọng là người sâu sắc.

Triệu Xương lại lễ phép thưa:

- Quan tướng đã một thời oanh liệt. Giờ đã hoá thần rồi phải không? Vậy từ ngày làm thần có gì vui không?

Lý Ông Trọng cười âm lên mà bảo:

- Người và thần tuy khác mà không khác. Người thuộc cõi dương, mà thần thuộc cõi trời. Thuở làm người có sống hết mình, nên được gương sáng cho đời, thì mới được tôn lên bậc thần. Cũng cần nói thêm, ở cõi tâm linh, thì có khi cũng lẫn lộn thật giả. Một con ma đói, gây nhiều dân chúng, cũng được đem thờ, dự theo bậc

thần, cho nên mới có chính thần và tà thần. Thế thì côi thần chẳng giống như côi người ư?

Trò chuyện đến gà gáy thì quan Tư lệ Hiệu Ứ đứng dậy cáo từ. Khi tỉnh dậy, Triệu Xương mới hỏi tả hữu quê của Lý Ông Trọng và cho rằng cuộc gặp trong mộng là có chút duyên kỳ ngộ.

Bèn đem theo mấy tên người hầu thân cận. Khi đến làng Thụy Phương chỉ thấy lau lách điêu hiu, dòng sông mệnh mang khói sóng. Nhà trên đột nát, con cháu lưu tán đi đâu không rõ. Nhà dưới thấy rêu phong lối đá, xanh rờn cây hoang.

Triệu Xương ngửa mặt lên trời mà than rằng:

- Một đời khảng khái, giữ yên cả một vùng biên ải Trung Hoa, khiến Hung Nô trông đến tượng còn sợ. Công lao như thế ấy, sao một chỗ thờ nhỏ cũng không có thế này? Người Nam đương thời, thành đạt hàng đầu, chẳng là ông sao?

Bèn lập tức trở về đem tiền của, quân lính đến lập đền thờ ở ngay bờ sông... Đền dựng nguy nga tạc tượng đầy uy phong như thuở còn sống, lấy ngày sinh của ông làm ngày tiệc chính, giao ruộng cho dân làng, đời đời cúng tế.

1999

Gian lều cỏ ngoài thành Luy Lâu

Sĩ Nhiếp dựng một gian lều cỏ ở ngoại thành Luy Lâu. Có người hỏi:

- Ông là người quan Thái thú cũng phải kính nể vời vào làm quan Tư mã, vinh hoa phú quý chờ ở phía trước, sao không vào?

Nhiếp cười, điềm đạm trả lời:

- Ta trời gà không chặt, làm thế nào được chức Tư mã. Vả lại, ta chỉ thích đọc sách thôi.

Rồi ra phía Bắc thành, dựng nhà tranh, mở trường dạy học. Học trò đến học rất nhiều. Trong đó người Nam theo học rất đông. Nhiếp phải cho dựng thêm một gian nhà cỏ lớn nữa để thu nhận người đến học.

Cha Sĩ Nhiếp là Sĩ Tứ làm quan Thái thú ở quận Nhật Nam. Nơi đó ít có người văn học, do đó đưa Sĩ Nhiếp về Luy Lâu. Giao Chỉ, Nhiếp dạy học được mấy năm, liền đóng cửa trường, gọi tất cả học trò đến nói rằng:

- Một quốc gia có tiếng nói, phải có chữ viết. Giao Chỉ có nhiều bộ tộc, phong tục đẹp, người thông minh, chí khí kiệt kiệt, trước sau sẽ là một đất nước phồn thịnh. Không có chữ viết không được. Chữ Hán là chữ có thể dùng được. Các anh hãy đem chữ

thánh hiền phủ khắp lên các làng, chạ. Hãy học đến đâu, dạy đến đấy. Ai có chữ lại đi xa hơn dạy cho những người chưa biết. Có nét tốt, lại có chữ, biết đọc sách, chỉ tốt lên thôi.

Một người học trò hỏi:

- Chúng con yêu thầy, quý thầy, sao thầy không ở lại đây, đem điều hiểu biết truyền bảo cho người chưa biết!

Sĩ Nhiếp cười nói:

- Chữ trong bụng ra như thóc trong bồ, cót tháng ba ngày tám, vừa ăn vừa cứu chần, cho vay hết rồi. Phải đi học thêm, chất cho đầy, mới có kiến văn sâu rộng được.

Có người lại hỏi:

- Thầy giỏi nhất đất Giao Châu này rồi. Chữ trong bụng nào giống như thóc gạo, có mất đi đâu!

Sĩ Nhiếp hân hoan nói:

- Đành rằng chữ không hao vơi như thóc gạo, nhưng cái thiếu vẫn cứ thiếu. Người thấy thiếu, mới biết được cái thiếu đối của mình. Các trò đừng can ta.

Rồi vượt biển đi học.

*

Sĩ Nhiếp đến kinh đô nhà Hán rồi theo học Lưu Tú, Kỳ Đình Xuyên. Nhờ chú giải sách *Tả thị Xuân thu*, Nhiếp được triều đình nhà Hán chú ý, sau khi đỗ khoa hiệu liền được bổ làm Thượng thư lang, ít lâu do không khéo léo, đánh mất văn thư quan trọng, bị bãi chức. Sĩ Tú mất, Sĩ Nhiếp phải về chịu tang cha, sau đó, được bổ làm Thái thú Giao Châu. Học trò của ông mừng lắm. Nhưng, một người học trò giỏi của ông lại hỏi:

- Thầy là người có tài, thì về bên Trung Hoa mà thi thố, ở cái nơi lam sơn, chuồng khí này làm gì?

Sĩ Nhiếp nói:

- Một đời ta chỉ mê đạo học và truyền lại cái học được cho đời. Bên Trung Hoa trước sau rồi cũng loạn ly, chỉ bằng ở lại Nam Việt này mà đem cái hay, cái tốt của thánh hiền làm cho các châu quận ở đây hưng thịnh, thuần phong, mỹ tục ngày càng nảy nở đến tận chân trời góc biển, há chẳng là một điều làm mấy đời cũng không xong ư!

Lại hỏi:

- Thầy sang đất Trung Hoa chở về được mấy xe sách?

- Tất cả chỉ khoảng một hòm sách quý. Một hòm sách ấy đều là *Tứ thư, Ngũ kinh, Xuân thu tá truyện...* bách gia, chư tử. Một hòm sách ấy có thể nhân ra bằng trăm xe, đâu chỉ có mấy xe.

Người học trò giỏi vái lạy, lui ra không hỏi thêm gì nữa!

Sĩ Nhiếp có ba con là Sĩ Nhất, Sĩ Vĩ và Sĩ Vũ đều học cha và anh cả. Nhân lúc nhà Hán đến lúc có loạn Thập thường thị, rồi Tào Tháo lập Hiến Đế, Sĩ Nhiếp xin Vua Hán cho em làm Thái thú cùng mình lo nhậm trị ở đất Nam Việt; triều đình cho Sĩ Nhất làm Thái thú Hợp Phố, Sĩ Vĩ làm Thái thú Cửu Chân, Sĩ Vũ làm Thái thú Nam Hải. Thế là mấy anh em nhờ có học vấn, đức độ mà thành đạt cả.

Sĩ Nhiếp tuy làm Thái thú một quận Giao Chỉ, nhưng các em, học trò đều làm quan ở các châu quận, mọi việc đều đến hỏi. Chính lệnh ban ra, từ việc thuế ruộng, thuế chợ, thuế bến..., các chính sách ban hành khuyến khích mở trường, lấy người vào làm ở các phủ, huyện; việc truyền bá cách trồng lúa, trồng ngô, khai thác của quý trên rừng, dưới biển đều làm theo ý của Sĩ Nhiếp cả... Vì thế bên Trung Hoa, chia ba chân vạc: Ngụy, Thục, Ngô tranh giành, loạn lạc liên miên nhưng ở đất Giao Châu mùa màng thuận hoà, ở các châu, huyện đều có trường học, thầy giỏi dạy đạo nho đến những người ham học. Phủ Sĩ Nhiếp chỉ là nhà tranh và nhà gỗ, nhưng người tài

giỏi, tuần kiệt ra vào tấp nập, người đất Giao Châu tôn gọi Sĩ Nhiếp là Sĩ Vương, coi như Vua của mình.

Vương vì thế càng khiêm nhường, yêu dân, trọng kẻ sĩ, sau lúc lên phủ đường là đến lễ cổ trái chiếu bình văn, cao đàm, khoáng luận. Danh sĩ nhà Hán sang nương tựa, chạy loạn, Vương mời đến phủ cả. Người giỏi trao việc khó, người giỏi vừa trao việc hợp với sở thích, ai cũng kính trọng coi như một vị đại hiền.

*

Nhà Hán phân tranh vẫn chưa ngã ngũ. Tào Tháo bận việc mượn danh Hán để tạo lập nhà Tào - Ngụy, bận bịu ở Trung Nguyên nên chưa để mắt được đến Giao Châu. Tuy nhiên, một bữa, Tháo cho gọi Tuân Húc đến bảo:

- Lưu Biểu giữ một đất trọng yếu ở phía Nam. Xa nữa các đất Man không phải không có người tài giỏi. Ông thử cho người thạo việc Bách Việt, hỏi việc Giao Châu xem sao!

Tuân Húc gửi thư cho Viên Huy giao cho việc này. Huy nhận việc cho người đi dò xét thực lực đất Giao Châu. Ít lâu sau gửi thư về cho Tuân Húc.

Lời lẽ như sau:

*"Giao Châu Sĩ Phủ quân tên là Nhiếp, được người trong nước rất kính trọng. Sĩ Nhiếp học vấn sâu rộng, lại giỏi về chính trị, nên giữa thời Trung Hoa đại loạn, giữ vẹn một quận hai mươi năm. Bờ cõi Giao Châu yên ổn, dân an cư lạc nghiệp, những bọn ký ngụ đều được nhờ ơn, dẫu Đâu Dung giữ đất Hà Tây⁽¹⁾ cũng không hơn được! Khi viên quan có chút nhàn rỗi thì đọc thư truyện, về **Xuân Thu**, **Tả truyện** lại càng lỗi lạc tinh vi. Tôi nhiều lần viết thư hỏi những chỗ ngờ trong truyện thì đều có kiến giải của bậc thầy, ý kiến rõ ràng, thấu đáo. Hỏi các sách khác đều rất am tường. Ngồi ở đất Giao*

⁽¹⁾ Một địa danh ở Trung Hoa.

Châu, Sĩ Nhiếp đem cái thực học của mình nhân ra cho người bản địa. Họ như cây râm thiếu ánh nắng, đất nẻ thiếu nước trời. Số học trò của Sĩ Vương một thành hai, hai thành bốn, bốn thành mười sáu... thật đã phủ được chữ nghĩa gần khắp nơi không có chữ. Người Giao Châu đã đến tập văn ở các trường, sự thông minh, tuyệt diệu không thua kém gì các trường ở Trung Hoa. Điều đó đáng quý và cũng là đáng sợ..."

Tào Tháo xin Hán Đế phong Trương Tân làm Thứ sử Giao Châu. Tân vẫn đề anh em Sĩ Nhiếp làm Thái thú, mình hưởng các lợi lộc tự người Giao Châu phải dâng hiến. Có người khích Sĩ Vương:

- Trương Tân tham lam. Vừa sang đã vợ vét của cải, hầu thiếp, thị nữ đông như một bậc đế vương. Tân ít học lại thích việc quý thần, tự xưng mình làm đạo sĩ, nói trời nói đất, khoe rằng có thể ngồi một chỗ, giáo hoá được người Giao Châu. Tân đội khăn đỏ, gậy đàn, đốt hương, đọc sách đạo, ra khỏi thành thì lên núi non, tìm hang động, đến các nơi có gái đẹp tuổi lạ vui chơi, gậy đàn..., chứ không chui vào những gia đình bán bách hỏi họ làm sao lại khổ! Y làm trái với những điều mà Vương từng làm ở Giao Châu, sao không tìm cách truất Tân đi!

Sĩ Nhiếp nói:

- Ta chỉ được làm Thái thú. Ông ta là Thứ sử. Loạn ly chỉ gây ra xáo trộn, dân chúng khổ sở. Người lo việc tốt, dầu khó mấy cũng làm. Người đừng sợ.

Người ấy hậm hực lui ra! Trương Tân ngông nghênh sau bị tướng dưới trướng là Khu Cảnh giết chết. Bấy giờ Lưu Biểu ở Kinh Châu sai người sang thay Tân. Nhưng nhà Hán không chịu, nghe tin Tân chết, trao cho Sĩ Nhiếp ấn Thái thú Giao Châu và ban thư, phủ dụ:

"Giao Châu ở cõi xa, phía Nam là sông biển, ơu bề trên không truyền đến được, nghĩa cả người dưới bị che lấp. Nghịch tặc Lưu Biểu lại nhân đó cho người sang làm Thứ sử Giao Châu,

không xin chiếu chỉ của ta, định dòm ngó đất phương Nam cho thêm lông, thêm cánh! Nay Trẫm cho khanh làm Tuy Nam trung lang tướng trông coi bảy quận, lĩnh Thái thú Giao Chỉ như xưa".

Sĩ Nhiếp lĩnh chiếu rồi cho Trương Mân mang đồ cống theo đường biển sang tận Kinh đô nhà Hán. Về sau nhà Hán lại phong Nhiếp làm An Viễn tướng quân, Long Độ Đình hầu.

Ít lâu sau, miền Giang Nam thuộc quyền của Ngô Tôn Quyền cai quản. Biết Sĩ Nhiếp được nhà Hán phong quan tước, cho làm Thái thú. Tôn Quyền cho rằng, phương Nam đất Giao Châu là sau lưng của mình lại thuộc nhà Hán, nếu Sĩ Nhiếp vâng lệnh nhà Hán động binh phối hợp với Tào Tháo thì Đông Ngô cũng dễ bị lúng túng. Do đó Tôn Quyền sai Bộ Chất, xuống làm Thứ sử Giao Châu. Bộ Chất đem binh quyền sang nhậm chức. Có người khuyên Sĩ Nhiếp nên chống lại Chất, kéo bị nhà Hán đến hỏi tội. Sĩ Nhiếp hỏi người ấy:

- Ông hiểu tình hình Trung Nguyên thế nào chưa? Hiện nay, Đông Ngô gần ta, chiếm hết miền Giang Nam, đường thuyền nơi gần đi một ngày là đến. Còn nhà Hán, dù Tào Tháo là Thừa tướng, quân hùng tướng mạnh, phải qua đất Đông Ngô mênh mông mới đến đây được. Ai làm Thứ sử thì cứ làm. Dân Giao Châu cứ giữ lấy chính lệnh cũ, biết mình, biết người, giữ lấy lạc nghiệp, an cư, mở thêm trường, khiến ai cũng lấy học vấn làm đầu, há chẳng lợi hơn ư!

Nói đoạn, sai mọi nơi không được manh động. Khi Bộ Chất đến, Sĩ Nhiếp đem anh em đến lay chào, tuân theo mệnh lệnh. Bộ Chất biết uy tín của nhà họ Sĩ ở Lĩnh Nam rất lớn, lòng rất hoan hỉ. Chất tâu với Tôn Quyền cho Sĩ Nhiếp làm Tả tướng quân. Sau này con trai của Sĩ Nhiếp sang làm con tin ở Đông Ngô. Ngô Vương càng tin, Sĩ Nhiếp vẫn giữ triều cống như cũ. Ngô Vương biết Nhiếp chân thành, phong làm Vệ tướng quân, Long Biên hầu.

Từ đó, Sĩ Nhiếp mặc áo đại phu, đi ngựa hoặc đi thuyền đến các trường giảng sách cho các học trò. Có khi ông mời những người giỏi trong cả cõi Giao Châu, ở ba tháng trong nhà, để truyền cho nhau những

hiểu biết mới về kinh, truyện, sách vở. Tiếng tranh cãi chữ nghĩa vang dưới vòm nhà. Giữa những cuộc tập văn, hùng biện là những cuộc bình thơ, đánh cờ, nghe nhạc..., dinh Thái thú thật là tao nhã...

Những đơn thư kiện tụng đều được các quan lại xem xét cẩn thận. Cả một cõi Giao Châu vui trong cảnh thái bình.

Một bữa Sĩ Nhiếp đi thuyền lên chơi phía Lục Đầu, thấy một đứa trẻ nằm trên lưng trâu còn cầm sách mà học, liền ghé thuyền hỏi:

- Cháu học sách gì vậy?

- Thưa ông cháu học sách *Luận ngữ*.

- Cháu thử đọc một đoạn mà cháu thích cho ta nghe xem nào!

Chú bé chần trâu gấp sách lại, đọc rành rẽ:

- Tử Trương vấn: "Sĩ hà như tư vị chi đại hỉ?". Tử viết: "Hà tai, nhĩ sở vi đạt giả". Tử Trương đối viết: "Tại bang tất văn, tại gia tất văn". Tử viết: "Thị văn dã, phi đạt dã. Phù đạt giả dã, chất trực nhi hiếu nghĩa, sát ngôn nhi quan sắc, bị dĩ há nhân, tại bang tất đạt, tại gia tất đạt. Phù văn giả dã, sắc thủ nhân nhi hành vi, cư trí bất nghi, tại bang, tất văn, tại gia tất văn!".

Sĩ Nhiếp nói:

- Cháu giải nghĩa cho ta nghe!

Đứa bé hỏi lại:

- Ông làm quan phải không?

Sĩ Nhiếp nói:

- Chưa hẳn thế!

- Chưa làm quan thì nghe điều này làm gì!

- Ngộ nay mai ta làm quan thì sao!

- Chắc ông làm quan rồi. Cháu đoán thế. Nếu chưa làm quan thì không làm quan được nữa đâu! Vì ông già rồi. Thôi được nhưng ông thích làm quan thì cháu cũng giải nghĩa cho ông nghe.

Cậu bé, mở sách đến đúng câu vừa đọc trong *Luận ngữ*, chậm chạp giảng:

- Thầy Tử Trương hỏi: "Kẻ sĩ (kẻ làm quan) như thế nào, gọi là đạt?". Khổng Tử hỏi lại: "Theo ý người, đạt là thế nào?". Tử Trương đáp: "Đạt tức là làm quan một nước có tiếng tăm, làm gia thần một bậc đại phu có tiếng tăm!". Khổng Tử nói: "Như vậy là mới có tiếng tăm chứ không phải là đạt. Người đạt thì chất phác, chính trực mà thích điều nghĩa, biết xét lời nói, quan sát nét mặt của người khác (mà hiểu lòng dạ họ), biết suy xét, khiêm nhường ở dưới người. Như vậy làm quan một nước sẽ đạt làm gia thần cho một đại phu sẽ đạt. Còn như người có tiếng tăm thì bề ngoài làm bộ nhân đức mà hành vi trái nhân đức, mà vẫn cứ tin là mình nhân đức. Thế là làm quan một nước có tiếng tăm, làm gia thần một nước có tiếng tăm đấy ư?".

Sĩ Nhiếp vỗ vai khen, lấy quà tặng cho chú bé chân trâu rồi xuống thuyền sai lấy rượu ngon ngồi uống và bảo:

- Ta chết được rồi!

- Sao ngài lại nói thế!

- Tại một nơi thâm sơn, cùng cốc, một chú bé chân trâu giảng sách thánh hiền như thế! Ta mừng lắm! Ta chết được rồi!

Nói rồi cười vang trên sông nước!

Năm Bính Ngọ (226 sau Công Nguyên), Sĩ Nhiếp mất. Trước đó Nhiếp đã chết ba ngày, gặp đạo sĩ họ Đổng cho viên thuốc, hoà nước ngâm, bụng lấy dầu mà lay động, chân tay cử động, sắc mặt hồi phục dần, bốn ngày sau dậy được nói được. Sĩ Nhiếp biết mình đã yếu liền gọi con đến đem sách *Xuân Thu tả truyện* đọc lại từ đầu đến cuối cho nghe, đoạn nào chú thích chưa rõ, bảo con ghi thêm vào... Khi mất, tay còn đặt lên pho sách cả đời mình giành tâm huyết cho nó!

Thần Tô Lịch

Lý Nguyên Gia, Thứ sử Giao Châu, vâng chiếu sang An Nam, lập Phủ Đô hộ ở Long Biên. Nhà Đường lập quan trị nhậm ở đất Giao Chỉ đã lâu. Các loại quan tham Cao Chính Bình, Triệu Xương, tàn ác, lúc trị nhậm, đến khi về chính quốc, ra sức bắt dân cung phụng đủ các thứ thuế sông, thuế chợ, thuế muối, đe nẹt người có chí khí, dung túng bọn đầu trâu, mặt ngựa. Ly sở của các quan nhà Đường từ bậc Hiệu uý đến Tư mã, Thứ sử đều là những hang hùm, nọc rắn cả. Người dân làng nào ở nơi đó bị lôi đến xét hỏi đều không thấy trở về.

Ở phía Tây Bắc Long Biên có một vùng đất khá đẹp, dâu tre um tùm, làng xóm sầm uất. Quan quân nhà Đường thường cũng hay đến đó sách nhiễu, nhưng dân làng ở đó biết bảo nhau. Khi người lớn ra đồng làm thì bốn cổng làng đều có người canh gác. Cổng ngõ trong làng đều đóng kín... Nếu bọn quan quân nhà Đường đến, xông vào nhà ai, dón đáo bắt lợn trâu thì chỉ một tiếng kêu là mõ trống các nơi đánh âm ỉ, những tráng đinh ở ngoài đồng lập tức ập về đóng chặt cổng làng, vây lại, đồng thanh đòi lại những thứ bị cướp bóc. Họ lại dạy nhau các môn võ độc, đánh nhẹ mà không chết, nhưng mật đập, gan đập, về đến nhà thổ huyết ra mà chết.

Bọn quan lại nhà Đường tuy hống hách nhưng mềm nắn, rắn buông, cũng đành chịu thúc thủ. Chúng bảo nhau đừng bén mảng tới vùng Tô Lịch.

Thực ra Tô Lịch xưa vốn là trang ấp của họ Tô. Ba đời hiếu thuận ở với nhau, có thóc, năm đói không ăn một mình, chia đều cho các trang trại khác. Các gia nô của họ Tô đều được đối xử tử tế. Đời thứ ba, người dòng đích là Tô Lịch coi đất Long Đỗ, lại lấy tinh thần lá lành đùm lá rách ấy, đem thi hành ở đất mình trị nhậm, do đó, mấy năm làm quan lệnh, đất Long Đỗ đều chịu ơn Tô Lịch. Khi ông mất, dân dựng đền ở sông, tôn làm Thành hoàng.

Và làng cũ của ông lấy luôn tên ông để tôn vinh công trạng.

Tô Lịch có công với cả một vùng đất, nên khi mất cư dân đất Long Đỗ thương nhớ, kêu khóc rầm trời. Ngày mất, trời thảm đất sầu, dân chúng khóc thương như khóc cha, khóc mẹ.

Làng lại lập đền thờ ông làm phúc thần. Sông Nhị Hà thuở ấy, dòng thông với con sông nhỏ rất đẹp, bởi sông thượng nguồn đi qua làng Tô Lịch, nên gọi luôn là sông Tô Lịch.

Từ ngày làm đình, thờ Tô Lịch làm Thành hoàng, dân chúng giữa trưa, thường thấy một chân nhân, tóc bạc như mây, lông mày như cước, râu trắng, mặc áo trắng, chống gậy trúc vàng, đi guốc mộc cao, lúc thông thả đứng ở đầu sông nhìn về chân trời, lúc ngồi trên thuyền đi dọc sông Tô nhìn sang hai phía làng san sát... Lại có lúc hiện thành rồng, thành lân chạy trên đê, vẩy vùng trên đất Đông Bộ Đầu. Dân chúng truyền tụng biết là thần thiêng nên đền nhang lại càng chăm chút.

Làng Tô Lịch từ ngày thờ thần bỗng trở nên sầm uất. Xóm theo nghề chài lưới thì đem thuyền đi đánh cá, đánh tôm, chẳng bao giờ về không, xóm làm nông cấy tằm, thì năm bội thu, thóc đầy ắp từ trong nhà đến tận mép cổng. Cót nọ, bịch kia, ăn hết vụ nọ sang vụ kia. Phải năm hạn hán, thì làng Tô Lịch cũng mưa riêng một khoảng đồng, không đến nỗi thất bát, xứng vừng như những làng khác.

Thời Đường Mục Tông, quan đô hộ là Lý Nguyên Gia, vốn là người thức giả, không chuyên vợ vét như bọn quan lại nhà Đường trước. Nguyên Gia thấy Đô hộ phủ trước đóng giữa

phường phố ồn ào, ngày đêm tấp nập, đất đai chật hẹp, đến khoảng sân ở phủ đường cũng chật như chiếc váy chăng, liền muốn rời lỵ phủ. Lý Nguyên Gia đi khảo sát khắp cả một vùng Long Biên, không thấy chỗ nào ưng ý. Một bữa, cho quân lính cưỡi ngựa đến làng Tô Lịch, nhìn từ gò cao xuống thấy nước sông chảy vào đầm, chỗ xuôi chỗ ngược, nơi ấy bên bờ sông lớn, trời mây đủ cả, nhìn xa lại thấy núi Tản Viên, núi Tam Đảo, sơn thủy thật hữu tình.

Lý Nguyên Gia rất ưng thế đất này. Chỗ đất cũ rộng rãi, đến hàng trăm mẫu, bên phải có đầm lớn, phía xa là bãi dâu, tre trúc um tùm, rừng bàng bên phải, ven đầm chim lớn chim nhỏ qua ăn. Ngư ông quăng lưới, quán rượu vang ra những điệu hát, tiếng nhị, tiếng đàn réo rắt. Giữa làng lại có một ngôi đình nhỏ do dân làng dựng lên. Lý Nguyên Gia cho mời mấy vị trưởng lão lên hỏi chuyện, mới biết đình thờ thần Tô Lịch mà chỗ đất Lý định mở phủ lỵ cũng là đất của ông ngày xưa.

Lý Nguyên Gia rất phân vân, liền chạy tịnh ba ngày, thành tâm, mặc áo thư sinh, chân đi hài cỏ, sắm lễ vật rất hậu, đến đình làng Tô Lịch lạy bốn lạy, rồi khấn rằng:

- Tôi là Lý Nguyên Gia, vâng mệnh sang làm quan Đô hộ ở Long Đỗ. Biết thần trước làm quan lệnh ở đây, tiếng thơm đã để lại cho người đời sau, lòng rất kính trọng. Trộm nghĩ, ai đã học sách thánh hiền, thì khi làm quan, điều lo trước đó là lo việc của dân, mà hưởng vui thì hưởng sau thiên hạ. Nguyên Gia này, vốn không ham chỗ đô hội, lỵ sở cũ lại gần chợ, gần phố, đến tiếng đàn cũng bị tiếng đời lẫn vào, câu thơ phải ngừng vì câu chữ vọng đến. Gia này muốn rời lỵ sở đến nơi sông nước. Chọn được nơi này. Biết chính đất của Vương, quê của Vương, không dám kinh động. Nền sắm lễ dâng để thỉnh nguyện, cúi mong được thể tình.

Đêm ấy, Lý Nguyên Gia nghỉ lại ở đền Tô Lịch, nửa đêm được thần hiện lên trò chuyện.

Lý Nguyên Gia cung kính hỏi:

- Nguyên Gia này, từ xa đến, lại có ý mượn đất của Đại vương làm lý sở, Vương có giận không.

Thần Tô Lịch nói:

- Trước đây ta ngồi làm quan lệnh không lúc nào không lo đến miếng cơm manh áo của dân chúng. Chết làm thần, lòng ta cũng còn lo nghĩ cho dân, nơi đã thờ mình đâu dám xao nhãng. Ông vâng lệnh Vua Đường sang An Nam làm quan, định theo Tử Thường nước Sở hay Tiêu Hà đời Hán.

Lý Nguyên Gia nói:

- Tử Thường thời Sở Chiêu Vương thường chuộng tích trữ của, hề nói đến của cải thì giọng như hổ dữ, như chim ưng đói. Chắc là không hợp với tính nết của Nguyên Gia. Còn như Tiêu Hà giúp Cao Tổ nhà Hán, công rất to, làm đến Thừa tướng, là một bậc đại gia phú quý, mà nhà cửa không trạm trổ, thường đắp lầy chắc mà không chuộng hoa mỹ, nóc nhà chẳng khác gì một phú ông bình thường trong làng. Đó chẳng là tấm gương đáng noi theo ư?

Thần gật đầu hỏi tiếp:

- Ông chuộng đạo Phật không?

Lý Nguyên Gia thực tình mà nói:

- Nhà của Lý chỉ có bàn thờ tổ tiên chứ không có bàn thờ Phật. Nhưng kinh Phật thì Nguyên Gia này có đọc. Thấy chữ "Phật tại tâm" lòng đầy ngưỡng mộ.

Thần nói:

- Ta đến đây nói chuyện nhân thế với ông, chứ cơ trời không thể tiết lộ. Ta thấy ông thích chỗ sông nước, đây là người chuộng "nhân". Người Trung Hoa thường nói: "Trí giả nhạo sơn, nhân giả nhạo thủy" chính về lẽ ấy. Người "trí" thì đáng trọng, nhưng người "nhân" thì có thể kết bạn được. Các quan Đô hộ

trước coi người Nam như mọi rợ, không thành người, nên họ chuốc hoạ nhiều hơn được phúc. Ta mong ông đừng theo vết xe đổ trước, hãy cố giữ đất đai sông nước nơi này như trước kia của ta. Sở dĩ dân chúng còn nhắc đến, và giữ lại tên, chính là vì ta hết lòng vì họ. Còn như ông nếu dùng đất này để dựng nền "nhân" làm điều lành thì đất ta chính là đất của ông vậy. Nếu lại theo thói của Tử Thường lệnh đoãn nước Sở, thì đất lành của ta sẽ trở thành đất dữ đấy!

Lý Nguyên Gia hết sức ngạc nhiên, liền hỏi thêm:

- Đại vương quả là bậc thần nhân đời đời nể trọng. Xin truyền cho học trò này những lời xử thế!

Thần Tô Lịch nói:

- Ta đọc cho ông hai bài minh. Nếu ông chịu nghe thì nên để ở hai bên tả, hữu, nơi ngồi trị nhậm ở Đô hộ phủ.

Lý Nguyên Gia mừng rỡ nói:

- Học trò này cung kính xin được lĩnh hội.

Thần nói:

- Đây là bài minh đặt ở bên trái: "Lấy đời cổ để so sánh lời nói việc làm để đạo đức ngày một tiến; đem công danh phó thác ở mệnh trời thì lòng yên tĩnh; khi hưởng thụ nên nghĩ đến lúc ốm đau để chi tiêu dè sẻn". Còn bài minh bên phải hãy đề: "Nếu tranh cãi chuốc thù oán thì xin ngậm miệng để di dưỡng tinh thần; nếu giao du rộng để chuốc tiếng khen thì xin được ở một mình để toàn thân phận; nếu phô tài năng cho người chỉ bằng giả vụng đại để giữ gìn lấy tinh chất cho mình!".

Lý Nguyên Gia lạy phục xuống mà nói:

- Học trò xin làm ngay và suốt đời ghi nhớ!

Ngày hôm sau, Lý Nguyên Gia tôn tạo đình thờ thần Tô Lịch, lại làm sớ dâng lên Đường Mục Tông phong thần là Thành hoàng ở Long Đỗ. Lý Nguyên Gia thân giết trâu tế thần, thân viết bài "chúc"

kể công đức thần với dân chúng. Khi xây phủ Đô hộ cũng học Tiêu Hà đời Hán hết sức kiệm ước.

Đêm ấy, Nguyên Gia được thần ứng mộng cảm ơn. Nguyên Gia lại xin thần cho biết hậu vận. Tô Lịch liền đọc mấy câu thơ:

Hứng lai văn trị tam bôi tửu,

Lão khứ sinh nhai vạn quyển thư.

Di nhĩ tử tôn thanh bạch tại

Bất tu tạo ốc đại cử cừ.

Nghĩa là:

Trọng thú ngâm nga, ba chén rượu,

Vạn pho sách quý để vui già!

Trắng trong để lại cho con cháu,

Chẳng cần nhà cửa rộng nguy nga!

Lý Nguyên Gia ghi khắc trong lòng mà làm theo lời của thần. Quả nhiên những năm ông ở Giao Chỉ đều yên ổn, mà khi về quê cũ ở Trung Hoa, phúc lộc con cháu sau này cũng dồi dào!

1999

Châu Phong đầy nghĩa

Tô Định là một viên Thái thú lấy uy vũ để răn đe người Nam. Định bất mãn vì phải bỏ nhiệm nơi xa xôi. Hán đế ở cách xa ngàn dặm, Định bỏ Trung Nguyên xuống đất Man, chẳng khác gì những kẻ bị đi đây.

Tích Quang, Nhâm Diên, lấy văn hoá để khai hoá, mong người Việt phương Nam sớm theo kịp văn minh Trung Hoa, từ đó, làm ra của cải, phong tục tốt, thấu nhận được những điều hay của Trung Hoa mà tự lực tự cường. Tô Định không theo lối ấy. Y phế bỏ hết những thuế khoá thời các Thái thú trước, tự đặt ra lệ nộp thuế hàng năm cho dinh Thái thú nặng gấp năm, bảy lần. Y biết, triều đình Tây Hán, quan tốt như Nhâm Diên, bốn năm lại gọi về. Nếu không biết tính toán, thu nạp của quý, thì đi không rồi lại về tay không.

Mượn cớ Tây Hán đang có loạn Vương Mãng, Tô Định cho người đi khắp châu quận, ở lý đó, đòi cho được gà voi, sừng tê, chim trĩ, vàng cốm, da hổ, xương hổ và nhiều thứ quý giá khác... Châu Phong, Châu Diên là đất kề với phủ Thái thú, do đó quan lại người Hán qua lại rất nhiều...

Đầu mục Châu Diên là Thi Sách, một chàng trai bướng bỉnh, khoẻ và đẹp. Chàng đã hứa hôn với Trưng Trắc, quê ở Hát Giang, con quan Lạc tướng ở Mê Linh. Cha Thi Sách cũng là Lạc tướng. Ông già, trao quyền chỉ huy, chân đất người trong châu quận cho con trai. Thi Sách ngồi ở châu phủ, lập đội cung thủ, đội thuyền chiến, tiết nguyên tiêu thân đến các làng, chạ xem xét

việc trồng lúa, chăn tằm, không lo gì đến việc nộp cống cho dinh Thái thú cả...

Khi ấy, Tô Định thấy Châu Diên đầu têu cho việc nộp thuế má, cống phẩm chậm, liền thân dẫn bộ hạ đến Châu Diên, quan Lạc tướng ra đón. Tô Định khinh cả phong tục, không đợi mời, ngồi lên ghế Lạc tướng, bắt cha Thi Sách quỳ dưới đất. Thấy cha già yếu bị giặc xô đẩy, Thi Sách đi từ ngoài vào quát:

- Bọn lính Hán, không được vô lễ.

Tô Định nhìn ra thấy một chàng trai tuấn tú, đeo cung, cầm dao ngắn, đầu thắt đai tía, đỉnh đầu lông chim trĩ, đóng khố gấm, hùng dũng bước vào.

Tô Định đập bàn quát:

- Thành nhãi ranh có biết ai ngồi trước mặt mày hay không?

Thi Sách nói:

- Ta không biết mi là ai. Chỉ biết, dù ông trời, vào nhà người Việt ở phương Nam không bao giờ được bắt chủ nhà quỳ dưới đất, ngồi trước bàn thờ thần linh, ngạo nghễ uống rượu quất lác. Xưa kia Vua Hùng đến đất Lạc tướng cũng để Lạc tướng ngồi ngang hàng với mình, coi như bạn bè, cùng bàn việc nước. Phương Nam chúng ta quý người chứ không coi con người như súc vật đâu!

Tô Định tức quá, bắt trói Thi Sách đem về dinh, hẹn Lạc tướng Châu Diên, nếu không nộp đủ thuế đủ cống phẩm sẽ chém...

Lạc tướng biết con bị giết, không làm thế nào được...

*

Nghe tin Thi Sách bị giết, Trưng Trắc ngất đi, khi tỉnh dậy, Trắc nghiêng răng chỉ xuống dòng sông Hát mà nói:

- Tô Định mày hỡi mày! Mày giết chồng tao! Tao sẽ moi gan mày, đặt lên bàn thờ tế Thi Sách.

Nói đoạn đẩy binh khởi nghĩa...

Trung Trắc cho sứ giả đi các làng, chạ, châu quận hẹn ngày đánh giặc. Lạc tướng Châu Diên cũng giao cả dân binh cho Trung Trắc. Trung Nhị là em Trắc cũng là một người có chí lớn, thương chị, ngày đêm luyện tập quân sĩ, đêm lại ngồi cùng các tướng bàn bạc, cho người đi liên minh với các châu, thành khác, nhất nhất lo ngày diệt bọn ác quan ở Luy Lâu...

Người của Trung Trắc đi hội quân đều về cả. Phía mạn biển có nữ tướng Lê Chân. Phía Tam Đảo có Hồ Đề, phía Long Biên có ba anh em họ Đào và nàng Tía, khi sứ giả của Trung Trắc đến, người đang đóng kỳ nam vào sọt, xếp ngà voi lên thuyền, bắt chim trĩ vào lồng để nộp thuế, nộp cống, đều ngừng lại hết. Sứ giả trao cho các nữ tướng, đầu mục ở các quận, châu một giải thắt lưng đỏ, buộc một nút lớn và sáu nút nhỏ... Các đầu mục, Lạc tướng hiểu ý của Trung Trắc, Trung Nhị, đem rượu ngon, thịt sấn đãi sứ giả rất hậu. Ai cũng đem vật thân bảo trao cho sứ giả đưa tận tay Trung Vương hẹn ngày hướng theo cờ nghĩa, tiến đánh Luy Lâu...

Tô Định từ ngày giết được Thi Sách, thu cống phẩm được một phần ba của sáu mươi ba làng, chạ lớn ở Lĩnh Nam liền dương dương tự đắc. Y đã phái phó tướng dẫn một đoàn nộp cống về triều đình nhà Hán để dâng công. Thuyền khởi hành từ tháng mười, đem theo đủ các sản vật quý ở phương Nam, từ vàng bạc, ngọc trai, sừng tê, ngà voi, khởi hành từ ngày tuất, tháng mười một. Nếu thuận buồm xuôi gió thì chỉ quãng nửa tuần trăng là đến Yên Kinh...

Tô Định cũng truyền lệnh cho cháu ruột đem ba thuyền của cải vợ vét được, cùng theo quân hộ tống của Đô hộ phủ ở Giao Chỉ, đưa về quê quán...

Tết Nguyên Đán năm ấy, Tô Định cho là việc lớn đã xong, liền thả cho quân sĩ thoả sức ngang dọc. Bọn quân lính đi xuống các chợ phiên, chợ đầu sông vào các nhà buôn, nhà giàu cướp bóc

mang về phủ đủ thứ. Rượu hòm của tên lính quèn cũng đầy vàng, lụa, kể gì đến các quan Hiệu uý đô tướng ở Phủ Thái thú...

Chúng cho rằng, bướng bỉnh nhất là Thi Sách ở Châu Diên đã bị quan Thái thú đem quân bản bộ đến tận sào huyệt bắt về, thì lo gì mà không vỗ yên cái đất người đông khố ở trần, xăm mình xanh lét cả bụng, ngực, lấy lông chim làm đẹp. Vũ khí không ngoài cái nỏ cứng dây làm bằng ruột mèo phơi khô, tên gặp khiên đồng khiên da đều không lọt được vào người. Kẻ cầm lao thì chỉ biết đánh bộ, gặp quân ngựa là rối loạn... mà Tô Định thì có hai đội kỵ binh do hai đô tướng cực kỳ dũng mãnh chỉ huy...

Cướp bóc đã thoả, chúng đi lòng rượu, lòng gái, lừa về những đàn bò, đàn dê, bắt những con lợn cực béo ở các làng, chạ về để ăn đầy trong tháng Tết. Tô Định cho treo đèn, kết hoa, cho mở cổng thành để dân chúng mang gạo, thịt, rượu vào bán tận cửa Đô hộ phủ...

Quan Thái thú dán bố cáo cấm những kẻ làm náo loạn Đô hộ phủ. Y gọi quan đô tướng dặn dò phải canh phòng tử tế. Tuy làm ra vẻ nghiêm cẩn, song Tô Định cho rằng đất Lĩnh Nam, nhờ uy quyền của Định mà sáu mươi ba thành, dân chúng không ai dám ho he...

*

Trung Trắc gọi nữ chúa vùng Tam Đảo đến truyền lệnh:

- Nàng dẫn thủy quân, sớm tối phải đi nhanh đến Luy Lâu trước ngày mồng 6 tháng giêng. Thuyền phải đóng giả thuyền các làng chạ vui chơi hội xuân. Vũ khí để trong lòng thuyền, khi cần thì mới cầm đến. Quan lại nhà Hán sách hỏi thì vớt bạc, vớt vật quý cho chúng rồi đi.

Hồ Đề lĩnh mệnh đi ngay.

Trung Trắc gọi nàng Tía đến nói:

- Em đến ngay thành Luy Lâu trong đêm trừ tịch, trà trộn vào trong thành, dẫn theo một đội dân binh ba trăm người, ngủ nhờ ở hai đền của hai vị giữ đền trong thành. Khi quân ở ngoài đánh thành thì ở trong thành làm nội ứng!

Nàng Tía dẫn dân binh xuống thuyền vội vã đi ngay.

Trung Trắc đã hội quân với nữ chúa Lê Chân, nàng sẽ đem quân từ miền chân sông, qua sông sáu đầu, tạo thành một gọng kìm vây bọc lấy Luy Lâu...

Trung Trắc, Trung Nhị làm lễ tế cờ, rồi cưỡi voi, dẫn đoàn quân bộ mang cung thủ và lao, mác, tiến thẳng đến Luy Lâu sau mồng ba tết. Ở sáu mươi ba thành khác, các nữ chúa, già bản, đều theo ám hiệu một nút lớn, sáu nút nhỏ, chuẩn bị dân binh vũ khí, hẹn ngày lên ly sở của bọn Hán quan để diệt chúng, hưởng ứng lời kêu gọi cả Trung Trắc và Trung Nhị...

Thành Luy Lâu đông nghịt người. Các đám bạc, các trò chơi thật rộn ràng. Các quán rượu, cũng đua mở để thu tiền bạc của quan binh nhà Hán... Đêm trừ tịch, Tô Định và bọn phó tướng, đô úy, gia binh đã uống một trận say mềm. Tô Định được mật báo: Trung Trắc, Trung Nhị ở Mê Linh tập voi tập thuyền ở trong những rừng sâu, lạch kín, chắc có ý đồ phản nghịch. Đang cơn say, Tô Định bá vai một người đẹp và hỏi:

- Ta là ai ở đây?

Người hầu rượu thưa:

- Chủ tướng là thiên tử ở đất Lĩnh Nam.

Tô Định cười ha hả nói:

- Thiên tử ở đất Hán là Vua Hán. Thiên tử ở Lĩnh Nam là Tô Định, nàng nói phải lắm! Thường bạc!

Những nén bạc trắng xóa được chồng trước mặt vũ nữ! Tô Định quay lại hỏi viên tùy tướng:

- Trung Trắc ở Mê Linh có mạnh bằng Thi Sách ở Châu Diên không?

Tuỳ tướng áp ứng nói:

- Chắc là không mạnh bằng!

- Đàn bà cầm quân có giỏi bằng đàn ông không?

- Làm sao giỏi bằng được!

- Thế thì cứ cho quân lính ăn Tết. Đợi sau rằm tháng giêng, ta sẽ đem quân bắt hai con giặc đàn bà ấy bắt hầu rượu dưới trướng!

Nói rồi suồng sã ôm vũ nữ, uống rượu cười nói thoải mái.

*

Đêm mồng 5 rạng ngày mồng 6, khi bọn tướng sĩ, quân lính Hán đang ngủ trong các doanh trại lợp cỏ thì các toán dân binh của nàng Tía đã dùng tên tẩm nhựa thông bắn vào, khiến các trại giặc đều bốc cháy. Nàng Tía lại cho người chực sẵn ở cổng thành, giết chết viên đô úy và mở cổng thành đón voi của Trung Trắc, Trung Nhị vào. Quân Hán không kịp trở tay. Trung Trắc, Trung Nhị cưỡi voi đánh thẳng vào dinh Thái thú. Quân của nàng Tía, thấy chủ tướng đến càng hăng hái, xông xáo giết quân Hán chết như ngã rạ...

Ở các cổng thành tây, nam và bắc, các nữ tướng của Trung Trắc, Trung Nhị và nữ chúa Lê Chân đều phá được cổng thành ừa vào đánh phá...

Quân Tô Định thua to, phải đem ngựa chạy bán xối về phía Quỷ môn quan rồi theo đường biên giới chạy về nước.

Trung Trắc, Trung Nhị vào thành Luy Lâu, đem của cải cướp được ở trong thành chia đều cho các làng, chạ... giao cho tướng giữ thành, phái Lê Chân về đóng quân ở vùng chân sông, rồi đem quân về Mê Linh. Sáu mươi ba thành ở Lĩnh Nam đã sạch bóng giặc.

Trung Trắc, Trung Nhị được các nữ chúa, trưởng bản nhất nhất tôn vinh lên làm quận trưởng.

Trung Trắc nói:

- Ta đã đuổi được giặc Hán, hàng năm không phải xuống biển, lên rừng săn voi rừng, tề giặc mò ngọc trai nữa. Bông trồng được thì may xống áo... Lúa trồng được thì ăn cả không phải nộp thuế cho người Hán. Ở đâu cố làm ra nhiều thóc, nuôi nhiều trâu lợn thì hưởng ấm no không ai quấy rầy... Ta làm quận trưởng chỉ mong sao các làng, chạ sung sướng là ta sung sướng. Tuy vậy, việc quân không được trễ nải... Quân voi, quân thủy, quân cung nỏ phải luyện tập cho giỏi. Người Hán trước sau rồi sẽ kéo sang. Ta phải đánh để giữ miếng ăn, giữ đất đai của tiên tổ, không thể làm tôi đòi cho chúng nữa...

Quân sĩ dạ ran hưởng ứng. Vua Trung cho thịt thú rừng, thịt trâu, đem rượu khao quân. Từ đó lấy ngày mồng 6 tháng giêng làm ngày mừng chiến thắng.

Bữa ấy, đem hết các cờ xí, áo giáp, mũ măng của bọn Tô Định đốt hết, khói đen cả một vùng rộng lớn...

*

Vua Trung trị vì được ba năm. Sáu¹ mươi ba thành ở Lĩnh Nam được yên vui. Đời sống dần dần sung túc. Vua Hán sau khi trị tội Tô Định, liền phái Phục Ba tướng quân Mã Viện đem quân thủy bộ sang Giao Chỉ để chinh phạt Trung Vương.

Giao Chỉ tuy xa, nhưng thủy thổ phương Nam, vào mùa xuân ấm áp, biển lặng, chứ không khắc nghiệt như đất quân Hồ, quân Đột Quyết ở mạn Bắc. Do thế, Mã Viện hành quân nhanh lắm. Mã Viện dùng quân kỵ vượt qua biên giới, âm âm cướp lại Luy Lâu, đánh thắng xuống Long Biên diệt ba anh em họ Đào. Đám quân thủy theo đường biển đánh quân của Lê Chân rồi theo sông Phú Lương đổ quân lên hội ở Long Biên.

Thanh thế quân Hán rất mạnh. Mã Viện chưa đánh thẳng vào Mê Linh vội mà cho quân tướng dẹp hết các làng bản quanh thành của Trung Trắc, Trung Nhị, rồi cho quân bộ, quân thủy chặn các luồng lạch quân lương và quân tiếp viện có thể đến được.

Trung nữ chúa giữ chặt thành Mê Linh. Mã Viện bày trận ở dọc Thường Lệ - Xuân Lôi, trấn giữ mạn Bắc.

Mã Viện ngày đêm cho quân đánh thành. Trung Trắc hội quân trước thềm nói:

- Hai chị em ta khởi nghĩa đem quân vào Luy Lâu đuổi Tô Định, giành lại đất đai của Vua Hùng cho người Việt ta. Ba năm độc lập là ba năm tiếng công tiếng chiêng rộn ràng vui vẻ từ Châu Phong đến giáp Lâm Ấp. Già trẻ đều vui mừng thờ thần, săn bắt, trồng bông, cấy lúa. Rượu thơm từ chân thang vào giữa nhà để đãi khách phương xa... Nay Mã Viện lại sang, lại định đặt ách đô hộ lên người Châu Phong, người quận Nhật Nam, quận Cửu Chân, quận Tượng Lâm... Ta có chịu họ vút roi da vào lưng, xọc kiếm vào tim, bắt tội bể sâu mò ngọc, lên rừng săn tê giác, chui xuống hầm sâu đào vàng không?... Vậy thì ta phải đuổi Mã Viện như đã đuổi Tô Định. Trận này một còn, một mất. Được thu phục được cả núi, sông làng bản, thành ấp... Mất cũng là để lưu danh muôn thuở, nên gương sáng cho đời sau, quyết không làm tôi đòi cho ngoại bang, quyết đuổi chúng ra khỏi bờ cõi... Quân sĩ ta nghĩ thế nào!

- Đuổi Mã Viện, diệt bọn giặc Hán cướp nước!

Vua Trung nói:

- Vậy thì quân sĩ hãy ăn cho no, uống cho say, cầm chắc lấy vũ khí, xông thẳng vào trận, một chọi năm, chọi mười cũng đánh hết sức, gái ngã, trai lên, trai ngã, gái lên! Hỡi các tướng sĩ thân quý, ta sẽ cưới voi đi đầu trận lấy đầu Mã Viện...

- Họ Trung muôn năm! Họ Trung muôn năm!

Quân sĩ reo hò vang dậy... Trưng Vương cho mở cửa thành. Hai chị em Trưng Trắc, Trưng Nhị cười vui, đánh thẳng vào hướng chính diện. Nữ tướng Hồ Đề, đánh vào cánh trái, nữ tướng Lê Chân đánh vào cánh phải.

Trận Lãng Bạc diễn ra suốt một ngày, xác quân Hán và quân Nam phơi đầy đất. Quân Nam dẫu quyết chiến song cũng không hơn được quân Hán, vì chúng có khiên đao dày, khoẻ, lại có trận địa giả, thực khôn lường. Chúng biết tránh lúc bị tấn công, biết giữ lực lượng để phản công đích đáng... Quân của Vua Trưng phải rút về Cấm Khê chốt giữ, nữ tướng Hồ Đề bị vây ép phải phá vây chạy về đất cũ của mình ở chân Tam Đảo, nữ tướng Lê Chân bị trúng tên, quân sĩ liệu mình cứu thoát, không biết mang đi đâu, sống chết thế nào...

Mã Viện thừa thắng vây hãm thêm bảy ngày, rồi đốc toàn bộ quân kỵ, quân thủy quân bộ đánh thẳng vào Cấm Khê...

Khe Cấm là một thủy trại lớn bốn bề lau lách, thỉnh thoảng lại có một bãi nổi. Trưng Trắc, Trưng Nhị cho quân cung thủ và quân bộ nấp đợi giặc. Suýt phủ đặt ở một bãi nổi lớn... Quân Mã Viện đánh từ sáng đến trưa, trúng tên độc mũi dao tẩm độc rất nhiều... Đến chiều thì Mã Viện cho án binh bất động. Bữa đó là mùa xuân, mặt nước sương mù quánh đặc. Đêm ấy Mã Viện cho thuyền lặng lẽ qua các bãi, quân sĩ ngậm tăm luồn sâu vào đất thủy trại của Trưng Trắc, Trưng Nhị; lại cho các quân kỵ đóng kín ở các bờ đầm, không cho một cánh quân nào của Trưng Vương mở đường máu thoát ra.

Sáng hôm sau, Mã Viện theo đường thẳng tiến vào thủy trại. Mã Viện cho đốt những ống thuốc nổ quăng lên các bãi. Đám quân cung thủ và quân bộ của Trưng Vương thấy vũ khí lạ dạt hết về phía sau. Quân thủy của Mã Viện thừa thắng xông lên chém quân của Vua Trưng, lần lần thu lại được hết các bãi... Trưng Trắc, Trưng Nhị biết thế không thể chống cự

lại được, liền mỗi người một thuyền lớn cầm gươm đứng trên mũi thuyền, đánh thẳng vào trung quân của Mã Viện. Mã Viện vội vàng nghênh chiến. Quân của phó tướng Lưu Long cũng ủa vây kín. Hai Vua không chống nổi, lui về phía Lăng Bạc, thì bị hậu quân của tướng Hán vây và định bắt sống... Trưng Trắc và Trưng Nhị cầm tay nhau, nhảy xuống sông quyết không chết vào tay giặc...

Mã Viện chiếm được Mê Linh, cho quân vào thành phủ dụ dân chúng. Lại cho quân ngược xuôi sông Cái để tìm kiếm xác Trưng nữ Vương, nhưng không thấy...

Một buổi sáng ở ven bờ sông cuối huyện Phong Khê, một người dân chài thấy một đàn chim tha hoa dại và cành thơm từ trên bờ thả trên một đám cây cỏ gì đó đang trôi giữa dòng, dân chài vội đánh thuyền đến. Lũ chim không bay đi lại riu rít đến đông thêm, bay lượn trên các thuyền đánh cá...

Dân làng chài tiếp cận thì nhận ra xác của Hai Bà, áo lụa, khăn vàng vẫn còn nguyên, liền bảo nhau, cung kính tìm cách đưa xác Trưng Vương vào bờ, tìm quan quách bằng gỗ trầm hương rồi chôn trên gò cao... Sau đó dân làng lập miếu thờ, mở lễ hội vinh phong cúng tế...

Mã Viện mãi sau cho quân do thám mới biết. Có một viên quan người Hán xui Mã Viện đem quân đến tróc nã các làng đã dám chôn và thờ Trưng Vương, Mã Viện, hất mái tóc bạc phơ về phía sau mà bảo:

- Đó là hai người đàn bà anh hùng, được dân chúng phụng thờ là rất đáng bậc, sao ta lại đến phá bỏ đi được.

Hôm sau, Mã Viện lại gọi dân ở sông Hát đến, người nào là quân đất Hai Bà, thích chữ lên trán, đe nẹt nếu làm loạn thì giết, rồi thả về bản quán... Ý cho rằng, đó là phương sách trị kẻ ở đất loạn tốt nhất...

Dè đâu, những năm tháng sau, quân Hán đi tuần hoặc vào làng cướp bóc đều bị những người thích chữ lên trán đánh, giết...

Mã Viện cho hỏi ra, mới biết không phải chỉ riêng vùng Hát Giang thích chữ "Trung thị chi binh"⁽¹⁾ mà hầu như các quận huyện ở Văn Lang đều thích lên trán chữ ấy để thể diệt quân Hán cả!

1996

⁽¹⁾ Quân lính họ Trương.

Lệ Hải bà Vương

Vợ Triệu Quốc Đạt vốn là người đàn bà lãng loàn.

Triệu nữ, tên là Trinh trái lại, tính rất hào phóng.

Triệu Quốc Đạt luôn phải dằn xếp xích mích giữa vợ và em gái. Một bận vợ Đạt mất một con bò, trôi gia nhân dưới gốc cây đánh ba ngày chưa tha. Triệu nữ đến, thả người gia nô, lại cho ăn uống tử tế. Người nhà đến mách, vợ Đạt tức lắm, cầm dao đến phòng Triệu nữ bảo:

- Chồng ta là chủ nhà này hay là cô đấy? Mà sao cô dám thả thằng đánh mất bò?

Triệu nữ trả lời ráo hoảnh:

- Tôi thả đấy, chị làm gì tôi được nào?

- Mà y định làm loạn nhà này đấy hả. Con bà cô kia?

Triệu nữ nói:

- Nhà tôi nhà gia giáo, vô phúc mới gặp phải con chó dữ, để mất bạn, mất họ hàng, mất láng giềng, bây giờ mất cả dây tơ nữa.

- Sao mà y hỗn thế hử, con hùm vồ voi vật này?

Triệu nữ cãi lại:

- Mất một con bò, tha tội cho người ta, người ta sợ sẽ làm lụng cho để mua nổi hai con bò khác. Hành hạ người ta thì có khi xác không giữ nổi đâu.

Chị dâu Triệu nữ bù lu, bù loa:

- À mày định giết tao đấy hả! Tao cho mày biết tay.

Nói đoạn tiến lên túm tóc Triệu nữ, xoắn lại, tát lấy tát để vào mặt. Triệu nữ chống lại được, cầm chặt lấy tay, gỡ tóc ra rồi đẩy chị dâu ngã sòng soài ra đất.

Vợ Triệu Quốc Đạt tức bầm gan tím ruột, cầm dao ném vào mặt Triệu nữ. Cô giỏi võ tránh được, lại bắt được dao, ném trả lại. Chẳng ngờ vợ Đạt luống cuống ngã ra, dao rơi trúng đầu, chết lản ra đất.

Triệu nữ thấy chuyện chẳng lành liền bỏ nhà vào trong rừng ở!

*

Chôn vợ xong, Triệu Quốc Đạt vẫn còn giận em, chưa muốn đi đón về. Đạt ở quận Cửu Chân, bốn bên là rừng. Không xa lắm là biển, của cải cha, mẹ để cho cũng sẵn. Đạt tính tình phóng khoáng, trong nhà nuôi rất nhiều tân khách, đủ hạng người. Có người giận bọn ngoại bang do nhà Đông Ngô phái sang đô hộ nước mình, bỏ kinh thành, tìm đến. Có đám lục lâm bị quân của Thử sử đánh dạt về xin nương náu ít lâu. Người mắt xếch râu rậm. Người râu hùm, hàm én. Người trầm tĩnh ít nói, suốt ngày chỉ đọc sách. Người thích uống rượu, người thích gảy đàn, mỗi người một vẻ.

Một hôm, Triệu Quốc Đạt được gia nhân dẫn đến một tân khách họ Vương. Đạt đang buồn mời cùng uống rượu.

Vương hảo hán hỏi:

- Ông nuôi tân khách để làm gì?

Đạt đáp:

- Trước hết, tứ hải giang huynh đệ. Ta muốn kết giao với hảo hán bốn phương để học hỏi họ. Ta muốn tìm người tài để bày kế

cho miền đất ta cai quản thịnh vượng. Ta muốn tập hợp người khoẻ xung quanh mình phát cho tên nỏ, giáo mác để bọn cướp rừng, cướp biển không đến quấy nhiễu!

Vương hảo hán cười không nói gì. Đạt hỏi:

- Sao ông lại cười?

- Thế cũng là có chí, nhưng chỉ là chí nhỏ.

Rồi Vương vận lại Đạt:

- Mấy bữa trước cô em của lãnh chúa trót nhờ tay làm chết chị dâu. Ai cũng biết lỗi không tại cô Trinh mà là vợ ông... Cô biết tội bỏ lên rừng. Anh em dứt ruột để ra, sao lại để mình giàu sang, em phải ra rừng làm túp lều con mà ở.

Đạt ngồi im không trả lời. Hôm sau, cưỡi ngựa vào rừng đón em.

Thấy anh đến, Triệu nữ cảm động lắm. Nhưng tính khí cứng cỏi, thích ngang tàng, thấy anh bảo về nhà, cô quay lại bảo:

- Em tưởng anh đến bắt em đem về tể bên mộ vợ.

Đạt hơi cáu, mắng:

- Em không nói dụ dàng được hay sao? Đàn bà con gái phải ra đàn bà con gái chứ!

Triệu nữ nói:

- Anh lắm rồi. Rồi anh xem. Tôi không cam lên kiệu đi làm dâu một gã thổ hào rồi để con cho nó dâu. Đàn bà thua gì đàn ông kia chứ! Nếu phải tay anh, tôi không chịu chấp tay ngồi nhìn thế sự đâu!

Đạt cảm thấy em gái có chí khí khác hẳn đám nữ lưu tầm thường, nói kháy:

- Thế em muốn làm vương, hay làm tướng?

Triệu nữ dụ giọng như tâm sự với chính mình:

- Người ta sống trong cõi hồng trần, như mầm cây, như nhánh cỏ. Từ tươi sang héo chỉ trong nháy mắt. Nếu không làm nên chuyện là thì tuổi trẻ đấy mà già ngay cũng đấy.

Chưa lúc nào anh em nói chuyện với nhau được lâu. Triệu Quốc Đạt giờ mới biết thêm đôi chút điều em gái vẫn giữ kín trong lòng chưa nói ra. Đạt hỏi:

- Vậy là, ý em định làm gì nào?

Triệu nữ nói:

- Em chỉ muốn đạp cơn gió mạnh, chém cá kình ở biển Đông, quét sạch bờ cõi, cứu dân chúng ra khỏi vòng nước, lửa. Không bao giờ em cúi đầu như kiếp đàn bà từ xưa chí nay, chỉ biết chồng con, cơm nước, làm nô tỳ, thê thiếp, mắt không nhìn khỏi mấy vuông phòng the...

Nghe em gái nói, Triệu Quốc Đạt cảm phục, mời Triệu nữ về nhà.

Triệu nữ nói:

- Bây giờ chỗ này là giang san của em. Em khắc dựng cơ nghiệp lấy. Chỉ mong anh luôn nhớ đến em là được.

Triệu Quốc Đạt gặp em gái như được thổi thêm sinh khí. Hai anh em trấn giữ cửa ngõ Cửu Chân, thu nạp gần hết những tay kiếm sĩ, những kẻ lỡ đường, tướng cướp lòng danh bị giặc Đông Ngô đốt nhà cướp của, giành lấy vợ, chém con...

Những người tập hợp ở trang trại của Triệu nữ có tới cả ngàn người. Bên trang ấp của Triệu Quốc Đạt, gia nhân, mặc khách đông gấp đôi... Thế lực của hai anh em họ Triệu là nỗi lo ngại của bọn quan lại nhà Đông Ngô... Cuộc chiến tranh Ngụy - Thục - Ngô ở nhà Hán đang thời kỳ gay gắt. Thứ sử Đông Ngô cho người bòn rút của cải của đất Nam Việt đưa sang chính quốc để lao vào cuộc giành giật hơn thua.

Bốn tướng của Triệu Quốc Đạt là Vương Thiệu, Lãnh Long, Bao Thúc, Tồn Thận, bảo nhau kéo đến trường của Triệu Quốc Đạt, xui ông dựng cờ nghĩa.

Triệu Quốc Đạt vốn là người thận trọng. Gần đây thấy quân Ngô tăng cường ở Long Biên, cũng có vẻ ngại, nói:

- Quân Ngô thiện chiến, luôn thao diễn quân thủy bộ khá qui củ. Quân ta là đám người vừa tập hợp, e đánh không lại họ. Để chờ thời cơ xem sao?

Đúng lúc ấy thì có tiếng trâm to như tiếng một hào kiệt, từ ngoài nói vào:

- Quân Ngô qui củ nhưng có lòng dân, có rừng rậm, đầm lầy không? Chờ thời, chờ thời mãi thì lúc nào cờ suý mới bay ngang dọc trên trời được. Nếu anh khởi nghĩa, em xin làm tiên phong.

Triệu Quốc Đạt nhìn ra thì đó là Triệu nữ. Các tướng đều nói thêm vào. Triệu Quốc Đạt bèn dựng cờ nghĩa ở Cửu Chân. Trong vòng chưa đầy một tháng hàng vạn người đã đến tụ nghĩa. Quân nghĩa trong lúc khí vận Cửu Chân, đuổi quân Ngô chạy dài về Long Biên. Chiếm cứ cả một vùng rộng lớn.

Nhưng chủ tướng Triệu Quốc Đạt chẳng may ốm thời khí, chỉ dăm hôm là mất. Quân sĩ để tang rất thương tiếc, tôn Triệu nữ làm Lệ Hải Bà Vương... Được tin quân Cửu Chân nổi dậy cướp châu, quận, Ngô Vương cử Hành Dương đốc quân đô úy là Lục Dận làm Thứ sử kiêm Hiệu úy, đem quân sang Giao Châu đánh dẹp...

Tin truyền về đến Cửu Chân. Triệu Nữ Vương tập hợp với các tướng nói:

- Quân Ngô thiện chiến, giỏi cung tên, ta không thể coi thường. Từ bữa nay, các tướng phải ra sức tập luyện. Quân voi,

quân kỵ tập đánh tiến công. Quân bộ phải biết cách tiến lui, phòng giữ.

Triệu Nữ Vương lại giao cho Vương Thiệu làm phó tướng. Lãnh Long chỉ huy quân thủy, Bao Thúc luyện quân ngựa, Tôn Thận luyện quân voi.

Nữ Vương mặc áo giáp vàng, ngực nở, vai to, người cao lớn, tay cầm kiếm, lưng đeo cung tên, cưỡi trên mình voi mỗi khi ra trận. Khí thế oai phong lẫm liệt, khiến quân Ngô, không dám bén mảng đến Cửu Chân...

Lục Dận đem quân sang, dò xét tường tận tình hình quân tướng của Triệu Nữ Vương rồi cất quân thủy bộ tiến đánh. Quân bộ đóng giăng mấy quả đồi phía trước, quân bộ theo cửa biển, thuyền đóng chặt ở núi Ngọc, núi Rồng tạo thế bao vây quân của Triệu Nữ Vương.

Lục Dận cho quân bao vây quanh thành đất của Triệu Nữ Vương. Thành đất đắp ba vòng, gai tre, chông tre tua tủa, quân Ngô không vào nổi, chỉ đứng ngoài đánh trống, khua chiêng gọi Lệ Hải Bà Vương ra quyết chiến.

Triệu Nữ Vương giấu quân trong rừng một nửa, một nửa đóng giữ trong thành đất... Nhân lúc quân Ngô mệt đến mệt mỏi, liền hẹn nhau, trong đánh ra, ngoài đánh vào, phá tan vòng vây, giặc Ngô phải lui đến vài chục dặm...

Lục Dận lại cho quân thắt chặt vòng vây mới. Kỳ này, đồn trại của quân Ngô đã len lỏi tất cả cùng hẻm núi, đầu sông. Dận muốn chặn đường tiếp lương để quân Cửu Chân thiếu ăn, đói khát, rồi từ đó sẽ tung quân diệt nốt. Nhưng quân Cửu Chân rất kiệt kiệt, lúc ẩn lúc hiện. Triệu Nữ Vương cho quân thám thính, biết chỗ để lương của quân Ngô, cho quân mở một mũi đánh thẳng vào đó, cướp lương đem về. Hôm sau, lại cho quân lên thành, ném bánh chưng xuống trước mặt Lục Dận. Triệu Nữ Vương ở trên đài vọng địch trở kiếm nói xuống:

- Quân ta nhờ có lương của bọn chó Ngô, có thể làm bánh chưng, nấu xôi ngon mà trông chúng bay gấp dài bao vây vô ích...

Lục Dận tức lắm. Chúng biết Lệ Hải Bà Vương là con gái, nên sai quân trần truồng thách đánh. Lại bày nhiều trò khá tục tũn thô bỉ, hạ nhục chủ tướng.

Quân bị vây lâu đến năm, sáu tháng trời. Quân Ngô càng ngày càng tỏ ra thâm hiểm, biết khoét vào thế yếu của Triệu Nữ Vương.

Các tướng bên ngoài cũng bị nguy khốn. Lục Dận giết mất Vương Thiện, Lãnh Long... Bao Thúc thế cô phải rút vào phía quận Nhật Nam.

Triệu Nữ Vương quyết sống mái với quân Ngô một trận, nói:

- Quân giặc hèn hạ dùng kế thô bỉ... Ở trong thành không thể vùng vẫy được, chỉ bằng phá ra lên rừng núi lập căn cứ, chiêu binh mãi mã rồi sẽ tính sau...

Rồi mở cửa thành, cuội voi xông ra giết giặc. Đội nữ binh cuội ngựa đánh giặc cùng chủ tướng. Các quân sĩ hét ran, khí thế rất hùng tráng... Quân Ngô bị đánh bất ngờ phải lui về phòng tuyến phía sau.

Nhưng Lục Dận đã kịp điều binh, khiến tướng bốn phía ập lại, xé lẻ từng cánh quân của Triệu Nữ Vương mà bủa đánh.

Quân của Bà Triệu chống trả rất quyết liệt. Đánh nhau đầy một ngày, xác quân hai bên phơi đầy mặt đất, đầy thung lũng.

Bà Triệu cuội voi xông xáo, đánh đến tối mịt, rồi thúc voi vào rừng... Quân Ngô không bắt được... Chúng cho truy lùng suốt mấy ngày đêm cũng không ra...

Cho đến một buổi chiều thấy chim đem hoa đến một góc núi... Lục Dận cho người đến xem thì thấy mộ đã được mồi

đùn lên thấy người. Con voi trận vẫn quanh quẩn ăn lá ở đó không chịu đi, nhìn xuống thấy thanh kiếm vẫn còn đông lại vết máu.

Thứ sử Lục Dận biết Triệu Nữ Vương đã tự vẫn, lòng đầy khâm phục nói với các tướng cùng đi:

- Người nữ này chết đi, nhưng anh linh của nàng còn mãi với núi sông nước này...

Nói đoạn, thấp nhang trên mộ rồi rút quân về Long Biên...

Bố cái Đại Vương

Cao Chính Bình được Vua Đường Đức Tông Lý Khoát cử sang làm An Nam Đô hộ phủ. Chính Bình vừa đến châu phủ, vào thành Long Biên, đã cho người kiểm lại các kho tàng, có thứ gì quý giá, đem về tư dinh của Bình cả.

Bình trị nhậm có một năm, thiên hạ đã nhao nhác. Thuế muối, thuế đất, thuế chợ đều tăng.

Những viên đô ty trấn giữ ở từng vùng đất cũng không chịu nổi tính tham bĩ của Chính Bình, hướng chi người bản địa. Chỉ mấy năm trời, đất Long Biên, lúc nào cũng thấy phu lính các nơi, khiêng các hòm kín lớn, trên dán chéo hai thoi giấy điều niêm phong có ghi dòng chữ: "Đại Đường, An Nam Đô hộ phủ, Cao đại nhân".

Bữa ấy, Chính Bình cho người vào tận Đường Lâm, huyện Phúc Lộc bắt quan lang họ Phùng nộp vàng bạc và ngựa voi.

Họ Phùng làm quan lang ở hạt này đã lâu, vốn có danh vọng, cha truyền con nối, trước đây thường vắn nột cống lễ cho các Thái thú, Thứ sử không thiếu thứ gì. Nhưng đến niên hiệu Đại Lịch, đời Đường Đại Tông Lý Dục (năm 766), Giao Châu nhiều nơi nổi dậy, không tuân thủ chế lệnh của nhà Đường, họ Phùng cũng không nộp các lễ vật hàng năm cho Đô hộ phủ nữa.

Đô ty của Chính Bình hống hách mang quân đến Đường Lâm xách hỏi, Phùng Hưng cho mở toang cửa dinh ra đón. Bữa ấy, sai giết bò, mổ lợn, lại đem công chiêng ra đánh, rượu ngon ra uống.

Đô ty say mềm. Khi Đô ty say, Phùng Hưng và em là Phùng Hải, cười lớn, xô bàn, đến trước mặt viên quan nhà Đường mà nói:

- Tôi nghe quan Đô ty là quan võ, thích kiếm thuật và các môn võ nghệ. Người Đường Lâm chúng tôi ở rừng chỉ có cây lao, mũi tên, cây cung là những thứ thiết thân, không lúc nào rời bên mình. Nay diễn thử cho quan lớn xem.

Nói rồi, cầm lao ra trước sân cùng múa lúc tiến lúc lui, lúc hươ ngang, hươ dọc cây lao, nước hắt vào không lọt đến người, tiếng lưỡi lao rít vù vù rợn tóc gáy. Rồi, phập, phập, hai mũi lao cắm trúng vào cán hai chiếc tán che sau người viên Đô ty, chẻ đôi cán ra...

Viên Đô ty mắt lạc đi, hết cả hồn vía. Rồi sẵn cung và tên đeo ở sau lưng, Phùng Hưng cúi xuống, đứng xa khoảng vài chục trượng. Phùng Hải rút tên bắn mười phát, mũi tên tằm tấp cắm đúng vào búi tóc của anh trai không sai một ly.

Múa lao và bắn tên xong, Phùng Hưng và Phùng Hải lại đến bên Đô ty uống rượu. Lúc này thì hân đã run như giẻ, giọng điệu đã mềm mại không còn hống hách như trước. Hân buông lời khen:

- Người Man quả là giỏi về lao và bắn cung nỏ.

Phùng Hưng nói:

- Bữa nay người Nam giỏi hay người Tàu giỏi.

Viên Đô ty cười hề hề, đả đàng:

- Nhất định là quan lang Đường Lâm giỏi rồi.

Phùng Hưng bảo:

- Cây lao để giữ đất, cây cung để bắn những kẻ không chịu lui trên đất mình. Đó là sở nguyện của anh em chúng tôi...

Bữa ấy viên Đô ty về không, lại còn sợ mất mặt.

Cao Chính Bình tức điên ruột, cho quân theo đường sông rồi kéo đến đất Đường Lâm đánh hai anh em Phùng Hưng và Phùng

Hải. Quân đến vây kín phủ, hò reo kéo vào rút gươm giáo ra đâm, thì chỉ thấy thây đổ mà máu không chảy, nhìn lại mới biết toàn là người rơm cho mặc áo, đội nón giả làm lính phủ... Cao Chính Bình vội rút quân, đi qua một hẻm đồi thì bị đất, đá, gỗ, phía trên âm âm rơi xuống, khiến người ngựa đều bị thương, hoảng hốt né tránh. Khi trận mưa gỗ đá vừa tạnh, đã thấy tên bay vù vù, lao phóng vun vút, nhằm quân quan nhà Đường mà cắm vào lưng vào đầu, vào tay, vào mặt, vào bụng.

Khi mở được mắt ra, quanh mình đã đầy những thây chết. Cao Chính Bình được các tướng liều chết, gạt tên, gạt lao mới thoát hiểm chạy về Long Biên.

Phùng Hưng và Phùng Hải liền chiêu mộ quân sĩ. Trong phủ, quân lên tới hàng ngàn người. Các quan lang ở quanh Đường Lâm và vùng Trường Phong đều qui thuận theo giúp cả. Phùng Hưng lấy nghĩa cùng châu quận đối đãi mọi người. Những vùng thiếu thóc đều chu cấp, thiếu trâu bò cày thì sai người nhà đánh sang giúp, ân tình rất chu đáo. Các quân sĩ, tướng lĩnh dưới trướng đều cảm phục.

Có một người thư lại tên là Đỗ Anh Hân vốn có chút học vấn, Phùng Hưng cho làm mưu sĩ, ngày đêm ở bên trướng. Một bạn Đỗ Anh Hân hỏi:

- Đại vương thế lực đã mạnh sao chỉ xưng làm Đô Quân, còn Phùng nhị đại vương (tức Phùng Hải) lại xưng làm Đô Bảo. Hai anh em phải có một người xưng vương chứ?

Phùng Hưng khiêm nhường nói:

- Hai anh em ta cùng cha mẹ sinh ra khi cha mẹ chết, ta chia đất làm hai, mỗi người làm quan lang một nửa. Bởi quan nhà Đường hư đốn lấn dân, tham bĩ, anh em ta mới cùng cất quân, đánh giặc, đòi đất nước, dựng cơ nghiệp thế này. Chia nhau cùng lo việc lớn, nhưng ai nổi trên ai. Do đó, chỉ xưng Đô Quân, Đô Bảo mà thôi. Nhưng em Phùng Hải ta biết tôn nhường, hằng mong ta

xung vương. Ta lại nghĩ đến em, không muốn người ta trách mình ham quyền, nên cứ giữ nguyên như lúc khởi nghĩa...

Đỗ Anh Hân không dám nói thêm gì nữa, nhưng lòng vẫn khắc khoải. Chuyện lọt ra ngoài, Phùng Hải biết, nhưng không hề giận Đỗ Anh Hân, lại chơi thân với Hân hơn trước, đối đãi rất thực tâm. Anh Hân cảm kích lắm! Từ đấy, ba người như là một cha mẹ sinh ra, hết lòng lo cho đất đai mở rộng, mùa màng bội thu. Thuế khoá ở vùng đất mình cai quản giảm so với đất thuộc quyền đô hộ của nhà Đường nhẹ hơn một nửa, dân chúng ca ngợi, tôn Phùng Hưng, Phùng Hải như bậc cha mẹ. Một bận, Đỗ Anh Hân bàn với Phùng Hưng, Phùng Hải rằng:

- Cao Chính Bình hàng năm đem quân đến Đường Lâm hoặc Trường Phong làm phá tan sào huyệt, vương phủ của ta. Cao Chính Bình đều thua, không phá được. Đến nay, quân ta đã nhiều, ngựa thuyền đã sẵn, lòng dân đã thuận, sao không kéo về vây thành, vây phủ Đô hộ.

Phùng Hưng đáp:

- Đây chính là lúc làm việc lớn rồi. Ông không bàn, ta cũng sẽ cất quân.

Rồi đem hàng vạn quân, bắt ngờ đến Lũng Biên, vây phủ Đô hộ.

Cao Chính Bình đem quân ra khỏi thành, bày trận đánh. Quân Đường Lâm chỉ hò reo lấy cung tên bắn như mưa, không xông đến. Lại tách quân ra, chỗ hở, chỗ kín nhử quân Chính Bình vào. Chính Bình vốn thua nhiều, sợ người Nam có mẹo, cũng không dám tiến quân.

Hôm sau, Cao Chính Bình lại ra khiêu khích. Phùng Hưng cười ngựa ra trước hàng quân. Cao Chính Bình nói:

- Đại quốc là người của Nghiêu, Thuấn, đem văn minh đến mở mang cho dân Giao Chỉ, chẳng lẽ các người lại trả ân nghĩa như thế này ư?

Phùng Hưng nói:

- Bọn quân quan nhà Đường khi sang thì đi tay không, khi về thì hòm nọ, xe kia, đi mấy vòng núi không hết, của cải của đất phương Nam bị chúng bay vơ vét hết. Chẳng lẽ nghĩa ân ấy phải báo ư? Thứ ân nghĩa ấy chỉ báo bằng giáo mác, cung nỏ thôi!

Cao Chính Bình, thét to giận dữ, tung quân lên đánh. Quân Nam lại tách ra, cụm lại, chỗ hở, chỗ kín nhử quan Đường tiến vào. Cao Chính Bình sợ lại lui quân...

Quân Phùng Hưng vây ráo riết không cho Cao Chính Bình thoát ra ngoài. Kho lương của Chính Bình đã cạn, lòng quân rất bối rối. Trong thành Long Biên có khi một lạng vàng mới đổi được một đấu gạo!

Cao Chính Bình ngồi trong trường, uất lên thành bệnh mà chết. Phùng Hưng kéo quân vào thành, phủ dụ dân chúng, rồi chia nhau cùng trấn giữ thành. Các nơi trong nước đều hân hoan qui phục.

Phùng Hưng coi nước được vài chục năm. Phùng Hải cùng lo việc quân với Đỗ Anh Hân. Ít lâu sau, Phùng Hưng ốm. Đỗ Anh Hân và Phùng Hải luôn ở bên cạnh, không rời. Một bận, Đỗ Anh Hân hỏi Phùng Hưng:

- Nếu đô quân có mệnh hệ nào, thì ai sẽ kế nghiệp, giữ nước? Giặc tuy bị đuổi, nhưng chắc gì đã chịu bỏ đất Giao Châu. Nếu chúng sang, kế sách nên như thế nào?

Phùng Hưng nói:

- Ta dựng nghiệp thành công, đuổi được Cao Chính Bình, chính là do khéo có phương lược để lòng người tụ về một mối. Khi được giàu sang, không nghĩ là mình có thể cười đầu cười cổ ai, mà chỉ lo sao dân khỏi khổ, đất nước hùng mạnh, phương lược của ta chỉ đơn giản thế thôi!

Rồi cầm tay Đỗ Anh Hân nói:

- Lòng ta trong như nước suối mùa cạn, ông hỏi ta ước ao gì ư? Ta ước ao, mọi người không ham giàu sang. Mọi người dù thức ăn đạm bạc mà thấy ngon, quần áo giản phác mà cho là đẹp, nhà ở thô sơ không lầu hồng gác tía như bọn vua quan nhà Đường mà cũng thích. Ăn no. Mặc ấm. Sống vui vẻ. Không xa xỉ! Nước nhỏ, dân ít dù có binh khí gấp trăm lần, sức người cũng không dùng đến, lấy ân nghĩa cư xử với các nước khác. Các nước láng giềng gần gũi có thể trông thấy nhau, nghe được tiếng gà gáy chó sủa của nhau. Hai bên đường ranh giới đối xử với nhau như bè bạn thân thiết.

Phùng Hưng ồm nặng thêm, mấy ngày sau thì mất. Dân thương xót đứng đầy đường kêu khóc, miệng la lên rằng: Bố Cái Đại vương mất rồi! Ta biết trông cậy vào ai đây!

Nước mất bữa ấy gom lại có khi thành biển.

Yua đen

Đinh Thế chơi thân với Mai Sinh. Thế nhà giàu, Mai Sinh nhà nghèo, ở bìa rừng, lấy nghề sơn tràng sinh sống. Khi Đinh Thế có cá béo ở sông đem lên, khi Mai Sinh có thịt rừng săn được, rượu thì sẵn hàng vò; cũng có khi rượu hết thì lấy cơm rượu ngâm sẵn, cho lên chỗ đồng nấu. Thịt nướng ngay cửa bếp, cá chọn con ngon làm một nồi canh chua, uống rượu cho đến tàn đêm mới về.

Mai Sinh khắp khờ mừng mừng đưa con sắp ra đời, một hôm thấy vợ đi lại nặng nề, biết sắp đến ngày sinh, Mai Sinh ra công chăm sóc, Vương thị cảm động lắm. Mấy bữa sau sinh con trai. Mai Sinh mời bạn là Đinh Thế lên ăn mừng sinh con, suốt bữa ăn, chàng Mai vừa ăn, vừa cười tùm tùm. Đinh Thế hỏi:

- Huynh có điều gì đặc ý vậy?

Mai Sinh nói:

- Chẳng là vợ đệ kể lại khi sinh thằng Thúc Loan nằm mộng hay lắm!

- Mộng như thế nào?

- Mụ ấy mộng thấy một vị sứ giả mặc áo đỏ, đến trao cho một viên ngọc, lớn hơn quả trứng gà một chút, phát ánh sáng năm màu rực rỡ, sứ giả chìa ngọc cho, con mụ vợ nhà đệ loá mắt, lại sợ, nên đón hụt. Ngọc rơi xuống đất vỡ tan tành. Ánh sáng chan hoà không thôi. Sứ giả cười bảo: "Thế là người đánh vỡ ngọc của gà núi rồi".

Đình Thế uống nốt nửa bát rượu, lấy ống tay áo chùi râu rồi nói:

- Hay lắm! Hay lắm. Điềm lành đấy. Ngọc gà núi tất là kê sinh ngọc. Ngọc trời cho. Thế thì Thúc Loan phải tên là Phượng mới phải. Gà núi có ngọc màu thì chỉ là chim phượng mới đẻ được thôi.

Thế là Thúc Loan lại có thêm một cái tên đẹp nữa.

Một bữa Mai Sinh bỗng con, lại thấy vợ cười cười, nói:

- Tôi đổ ông, thằng Thúc Loan có gì lạ trên người không nào?

Rồi không chờ chồng trả lời, Vương thị vạch đùi trái của Thúc Loan cho chồng xem. Một cái bớt tròn xoe xanh đen hết màu đồng tiền in rất đẹp. Mai Sinh rất khoái, cúi xuống hôn đồng tiền của con mà nói:

- Sau này nghèo, liệu có bán đồng tiền này ăn được không?

Nhà tuy nghèo, nhưng vợ chồng con cái rất hoà thuận. Một bận, Mai Sinh đi uống rượu về, thấy con ngồi khóc, thẳng thốt hỏi:

- Mẹ con vẫn chưa về ư? Mọi hôm bà ấy hái nấm về sớm lắm kia mà.

Mai Thúc Loan lắc đầu rồi lại khóc. Lúc này cậu đã mười tuổi, cao lớn rắn rỏi.

Mai Sinh sẵn tay cầm dao, chém đánh phạt một cái vào cái cây trước nhà, rồi bảo con:

- Hông rồi! Hông mất rồi.

Sáng hôm sau, Mai Sinh vào rừng cùng con trai tìm vợ thì Vương thị đã bị hổ ăn thịt. Mai Sinh đặt bẫy, bẫy kỳ được con hổ, moi tim tế vợ. Ít lâu sau ông cũng buồn vì thương nhớ mà chết.

Lúc này, Mai Thúc Loan mới trên mười tuổi. Đình Thế, nhớ bạn xưa, thương tình đem Thúc Loan về nuôi. Lớn lên, Mai Thúc Loan sức vóc cao lớn dị thường. Tóc dày, đen nhánh, mắt to và lồi

như mắt rồng, trán phẳng mà rần rỏ như trán hổ, tay dài, vế săn, sức khoẻ địch được hàng chục trai làng có võ nghệ.

Đình Thế lại nghĩ đến chuyện mẹ Thúc Loan nằm mơ từ xưa, mà ông đã quên từ lâu. Một hôm bàn với vợ:

- Thúc Loan là con bạn ta, giờ làm con nuôi ta. Chọn cho nó một người vợ không khó gì, nhưng xem ra Ngọc Tô, con gái ta hợp với nó. Chí nguyện của Thúc Loan không tầm thường đâu. Có Ngọc Tô giúp đỡ nó sẽ lên người đấy.

Vợ Đình Thế hỏi:

- Ông nói thế là thế nào?

Đình Thế cười:

- Xem trai trong vùng, không ai bằng Thúc Loan, chỉ bằng ta gả Ngọc Tô cho nó.

Nửa tháng sau, đám cưới linh đình được tiến hành. Mai Thúc Loan coi vợ chồng Đình Thế không khác gì cha mẹ đẻ.

*

Nhà Đường có loạn, Thứ sử, Thái thú chênh mảng. Mai Thúc Loan thấy Châu Hoan xa xôi, có thể hùng cứ một phương, trong nhà gia nô đã có tới hàng trăm, Đình Thế đã mất, trao sản nghiệp lại cho vợ chồng Thúc Loan cai quản.

Một hôm Thúc Loan bảo vợ:

- Nàng có thể thay ta trông nom trang ấp được không?

Ngọc Tô hỏi:

- Chàng định đi đâu vậy?

- Người Nam thì phải giữ lấy đất nước của người Nam. Ta muốn đất nước không bị ngoại bang đô hộ. Nhưng một mình đứng dậy, e giặc bóp chết ngay. Do đó phải đi gõ cửa anh hùng các nơi, tìm những người cùng chí với mình!

- Chàng định đi bao lâu?

- Một mùa lúa, hai mùa lúa... Lúc nào thấy cái chí dưng cờ có thể thoả, ta sẽ trở về...

Ngọc Tô lấy bạc tiền cho chàng mang theo. Mai Thúc Loan chỉ lấy một ít đủ để ăn đường vài ba ngày. Ngọc Tô hỏi:

- Sao chàng cầm ít vậy.

Thúc Loan cười:

- Tráng sĩ bốn bể gặp nhau, ý hợp tâm đầu thì thành anh em ngay. Cần gì tiền bạc. Nàng không thấy đám tân khách đến nhà ta đây ư. Họ đến thường không có một xu dính túi. Giờ ta lại bắt chước họ đấy!

Nói xong cười âm lên rồi đi!

Ngọc Tô biết chồng mình đã khác trước nhiều lắm. Mai Thúc Loan đi suốt một năm, Ngọc Tô ở nhà mong mỏi mất. Đã ba mươi tết, Thúc Loan vẫn chưa về. Ngọc Tô trong lòng rất buồn nhớ chồng, song nghĩ đến đám tân khách, gia nhân, nhất là hai cậu con trai là Bảo Sơn và Kỳ Sơn bạn bè đông như hội lúc nào cũng đến đây nhà, nên, bề ngoài bà vẫn tươi cười như không, đốc thúc gia nhân thịt lợn, làm nem, nướng thịt, làm thịt ướp, thứ mà Mai Thúc Loan thích nhất, và làm bánh trái.

Chiều ba mươi, bà ngồi bên hai con trai mời tân khách, gia nhân, ăn bữa cỗ tất niên chuẩn bị đón giao thừa. Rượu vừa rót thì có người hầu vào báo:

- Tướng quân đã về, có mang theo rất nhiều người. Quân đi, bụi bay mờ cả một góc trời.

Mọi người mừng rỡ vội ra đón. Mai Thúc Loan cưỡi con ngựa ô, mình đầy bụi đất, áo choàng màu đỏ cũng đầy bụi. Phu nhân mừng rỡ chạy đến bên đầu ngựa đón chồng.

Mai Thúc Loan, nhảy xuống ngựa, chấp đôi tay ân cần chào mọi người rồi cùng phu nhân vào trường. Ông dùng chậu đồng rửa

rảy ngay bên đầu hồi, vãi những làn nước giếng nhà mát lạnh vào mặt, rồi vào bàn tiệc.

Chưa bao giờ vui bằng đêm ấy. Mai Thúc Loan còn cho ngựa, chở theo về, một con nai bắn được dọc đường đi. Ông cho người đào hố ngay giữa sân, lấy rơm thui nai, cắt miếng thịt bấp ngon nhất vào cúng tổ tiên, rồi sắp sẵn dao để bên, để mọi người ăn thịt nai thui, mở đầu bữa tiệc. Mai Thúc Loan chủ trì tiệc rượu cùng phu nhân.

Ngọc Tô nói:

- Thế là sau mười hai tháng, vợ chồng con cái nhà họ Mai lại đoàn viên. Nào cạn một ly, chúc một năm mới tốt lành.

Mai Thúc Loan, cũng nâng cao chén nói:

- Đúng là một năm mới tốt lành. Bạn bè Châu Hoan, Châu Ái và kể cả kinh thành Long Biên, các vùng đất rất xa đều muốn nổi dậy lập nên tự chủ cả. Từ đầu năm tới, chúng ta không phải nộp trăm hương, ngọc trai, ngà voi, sừng tê giác cho các quan Thứ sử và Thái thú nữa. Thóc gạo làm bao nhiêu thì hưởng cả. Làng làm muối, không phải cho xe chở vào phủ Đô hộ, để rồi họ lấy muối của mình đổi lấy những thứ quý giá ở nơi khác. Anh em hãy mài gươm cho sắc, vót tên cho nhọn, bấp tay, bấp chân phải thật săn, để có ngày xông pha trận mạc, giữ lấy đất đai của cha ông mình, không để lệ thuộc vào ngoại bang...

Tiếng dạ ran vang cả một góc trời.

Ngay sáng hôm sau, Mai Thúc Loan cho sửa sang trang ấp, xây phủ đệ, lại cho đắp thành đất lập lũy, đào hào để làm thế bảm trụ lâu dài. Tướng lĩnh các nơi theo về rất đông.

Tướng lĩnh các nơi đều là hào kiệt các địa phương như Phòng Hậu, Thôi Thặng, Phục Trường Thư, Đào Du Văn, Tùng Thụ, Tiết Anh, Hoắc Đan, Khổng Qua, Sĩ Lâm, Bộ Tân, đều là mặc khách, tân khách, người xách kiếm đến tụ nghĩa, người đem binh thư bàn bạc suốt ngày đêm quên cả ăn uống.

Mai Thúc Loan dựng cờ lên ngôi, xưng là Hắc Đế, lấy Phòng Vệ làm Quân sư, Thôi Thặng làm Thái úy, Phục Trường Thư làm Tham mưu, Mao Hoành làm Đại phu, Tùng Thụ làm Thị trung nội sử, Khổng Qua làm Thảo Lỗ tướng quân, chia quân làm bốn đạo, lập ra ba thứ quân.

Các quan lập triều nghi, tung hô vạn tuế. Trong một buổi chiều, Quân sư là Phòng Vệ, xuất ban tâu rằng:

- Lâm Ấp và Chân Lạp ở cạnh ta, nên sai sứ sang hoà hiếu, liên minh chống nhà Đường. Bên chính quốc, Lý Long Cơ ngày đêm say mê Dương Quý Phi, giao triều chính cho Dương Quốc Trung và Lý Lâm Phủ, nếu họ theo ta thì thế lực của ta đã mạnh lại có thể ý dõc, nương tựa được lẫn nhau.

Mai Hắc Đế nghe theo. Quả nhiên, Chân Lạp, Lâm Ấp ngả theo. Thế quân rất mạnh, thực lực có tới ba mươi vạn.

Vua đem quân đánh thẳng vào Đô hộ phủ. Thứ sử nhà Đường là Tào Chân, phải đem quân rút về Quế Sơn và cho ngựa lưu tinh tức tốc về kinh đô nhà Đường cầu cứu.

Vua xá thuế cho dân, tích trữ lương thảo, rèn đúc thêm vũ khí, ra sức luyện quân thủy bộ, chờ ngày dùng đến...

Vua đóng đại quân ở đất Hương Lãm,

*

Nhà Đường dẹp loạn xong, muốn bình định phương Nam.

Năm Khai Nguyên thứ mười, đời Đường Huyền Tông, Vua Đường sai hai dũng tướng là Tả giám môn vệ tướng quân đưa Tử Húc và Quang Sở Khách phong làm Trấn Nam Đô hộ phủ, đem ba chục vạn quân chinh phục phía Nam.

Mai Hắc Đế đem quân chống đánh... Thế giặc rất mạnh, lại tiến làm nhiều ngả, chia cắt các miền đất của Mai Thúc Loan rồi lại hợp quân đánh tiếp. Nhiều tướng lĩnh anh dũng đã tử trận.

Giặc kéo đến Hương Lãm, vây hãm phủ thành, hàng tháng cũng không đánh nổi... Giặc lại cho Đại tướng đánh bại hai cánh quân lớn của Lâm Ấp và Chân Lạp. Hai con trai của Mai Hắc Đế là Báo Sơn và Kỳ Sơn xin lĩnh binh để phá vòng vây, Vua nghe theo. Báo Sơn và Kỳ Sơn, dù dốc hết sức, nhưng quân địch vây vòng trong vòng ngoài không sao địch nổi, một người bị tướng giặc đâm chết, một người trúng tên độc về đến trướng, vài ngày sau cũng chết... Mai Thúc Loan rất đau buồn, nhưng vẫn chém đầu giặc tể con, rồi tập hợp mấy đạo quân, nói trước chư tướng:

- Đất nước chúng ta bị ngoại bang đô hộ. Ta dựng cờ nghĩa, lập nên tự chủ, lên ngôi Hoàng đế, những mong cùng chư tướng và thần dân hưởng thái bình lâu dài. Nay giặc lại sang. Lúc này thì chỉ có đổ máu, liêu một trận, mới có thể xoay chuyển được tình thế. Vì non sông gấm vóc, hãy quyết chiến với giặc một phen...

Rồi chia quân mở hai lối đánh thẳng vào mặt trước và mặt sau của giặc... Vua xung trận rất hiên ngang, đường gươm vung như ánh chớp. Giặc kinh hoàng phải rẽ lối mà đi...

Đánh địch một hồi, bào trắng đã biến thành màu đỏ...

Nhưng quân Đường thế rất mạnh, đánh lui được lớp này, lớp khác lại ập đến... Cho đến tối thì Nhà vua bị hãm trận và trúng thương ngã ngựa...

Giặc xô đến định cắt thủ cấp, nhưng chợt có một làn gió lốc làm ngã rạp đám quân lính rồi có một người toàn thân trùm màu đen, cưỡi ngựa đen ôm lấy thân Vua, đặt lên mình ngựa, chạy ra khỏi vòng vây, đem đến một ngọn núi rồi đặt đầu lên hướng mặt trông ra biển Đông. Rồi bóng người áo đen cưỡi ngựa rẽ nước đi xuống biển.

Mộ của Mai Hắc Đế mới trù lên... Chim đem hoa quả, hổ cõng mồi về tế Vua, rồi đứng châu hai bên, ở trên cây và dưới đất...

Người ta bảo người đem xác của Vua Đen thoát khỏi tay giặc chính là Hắc Long Vương. Bởi Vua mình thuỷ nên thiên sứ đã giục Hắc Long Vương vâng mệnh trời đến đón người anh hùng đã mười năm vùng vẫy, đem lại những năm tháng tự chủ cho người nước Nam.

Tổ tường Trung Hoa

Đất Cửu Châu có hai anh em Khương Công Phụ và Khương Công Phục, con một thương nhân. Cha cho người đón thầy về nhà dạy học, người mẹ bảo:

- Ông trong tay có nghìn lạng vàng, giàu có nhất ở quận này, có hai đứa con trai, sao không cho chúng nó theo nghề cha, mà lại bắt dùi mài kinh sử... Ở đất này, có chữ làm được đến chức lại ở Đô hộ phủ là to rồi, mà chức thuộc lại thì vẫn chịu sự sai phái của người ta, chỉ bằng học làm lái buôn, xuống biển lên rừng, dầu có vất vả, nhưng vẫn có người mà sai phái khi mình làm ông chủ!

Người chồng cười bảo vợ:

- Bả lẩn rồi. Có chữ mới đề đầu cười cổ được thiên hạ. Ta xem thằng Phụ, thằng Phục, không có cái nanh nọc của nghề lái buôn, nhưng lại có cái trầm tĩnh, lạnh lùng của người có chí lớn. Vả lại người Nam chúng ta bị ngoại bang đô hộ, cứ phải vái lạy các quan nhà Đường. Đến một tên lính quèn đứng gác ngoài cổng phủ cũng xách nhiều đủ trò. Ta muốn các con ta, ở ngôi cao, các tên ngạo nghễ ngoại bang kia, đều phải dưới quyền sai khiến của chúng nó!

Liên dốc hết tiền của cho con theo học. Sau đó lại đưa sang kinh đô Tràng An để thi... Năm ấy Khương Công Phụ và Khương Công Phục đều đậu cử nhân. Năm sau thi hội, Phục không đậu tiến

sĩ. Nhưng Khuong Công Phụ nhờ bài chế sách rất hay, nên đậu tiến sĩ, được bổ làm Hữu thập di Hàn lâm học sĩ... Ít lâu sau được Vua Đường Đức Tông triệu vào kinh hỏi chuyện về kinh bang tế thế, ông có những ý kiến lạ, liền được Vua Đường phong làm Kinh Triệu Hộ Tào tham quân.

Tể tướng của triều đình lúc này là Lư Kỷ, một kẻ quyền thần, gièm pha, không nên dùng người Phiên, người Man⁽¹⁾ vào những chức quan to, nhưng Đức Tông gạt đi bảo:

- Dùng người là dùng tài đức, chứ đâu cứ phải là người Hán hay người Man...

Lúc này Chu Thử khởi loạn, thế giặc rất to... Chu Thử là một viên tướng có tài, làm Tiết độ sứ ở Kinh Châu và Nguyên Châu, bị Lư Kỷ gièm, nên Đức Tông truất hết binh quyền, bắt về kinh đô làm chức Hiệu uý... Thử oán Vua, oán Lư Kỷ, thường ngày ra quán rượu ở những phố lớn, uống say coi các đại thần trong triều như một lũ sâu mọt...

Chu Thao cất quân vây hãm kinh thành, cho người đến đón Chu Thử. Đêm trước, hoàng thành náo động, Khuong Công Phụ xin vào ra mắt Đức Tông, Vua hỏi:

- Việc gấp, thế giặc quá mạnh, khanh có kế hay gì chặn được giặc không?

Phụ tâu:

- Chu Thử là một viên tướng có tài, vì bị gièm mà mất chức. Lòng oán giận triều đình chất đầy, phần uất nói ra mồm. Nay Chu Thao vây thành, nếu đón mất Chu Thử, thì khác gì cộp thêm bạn, beo thêm vuốt...

Đức Tông hỏi:

⁽¹⁾ Triều đình phong kiến Trung Hoa xưa coi các nước nhỏ láng giềng là man di, nhưng, dịch: Họ gọi là đông nhưng, tây di, nam man và bắc dịch!

- Vậy phải làm thế nào?

- Phải bắt ngay, chớ để bọn hung ác lòi về làm vấy cánh.

Đức Tông cho quân đến bắt, thì Chu Thử đã được Chu Thao cho người đến đón đi mất rồi...

Chu Thao cho Chu Thử đem quân đến đất Kinh, Nguyên đánh vào thành. Tiết độ sứ bỏ chạy. Chu Thử lại chiếm đất Kinh, Nguyên. Đường Đức Tông giậm chân, than thở mãi vì không nghe lời Khương Công Phụ... Vua đem quân đột kỵ rời khỏi kinh thành cùng Lư Kỷ và các đại thần khác. Khương Công Phụ cũng được theo hầu. Đến đất Phụng Tường, trấn thủ là Trương Dật không cho người ra đón. Đức Tông muốn đến nương nhờ Trương Dật. Lư Kỷ cũng theo ý Vua, đang sắp giục quân đi, thì Khương Công Phụ tiến lên phía trước, giữ lấy cương ngựa của Vua mà nói:

- Bệ hạ, không thể trú chân ở Phụng Tường được?

- Sao vậy? Dật chẳng là bề tôi tin cậy của ta ư?

Khương Công Phụ nói:

- Dẫu thế, nhưng Dật là quan văn, trước đây coi quân đột kỵ của Ngự Dương, chúng đều là quân cũ của Chu Thử. Có lẽ vì ngại chúng nên Trương Dật không đưa người ra đón Bệ hạ vào thành. Dem quân vào trú ở Phụng Tường, nếu như Chu Thử về làm loạn lại, giữ đất Kinh, Nguyên thì đất Phụng Tường đâu yên ổn, đó không phải là kế vạn toàn...

Lư Kỷ chần chờ, nhưng Đức Tông đã hỏi Khương Công Phụ:

- Vậy nên đến đâu là hơn...

- Nên về Phụng Thiên là hơn cả! Chỗ này qua Ly Sơn, thế đất hiểm trở, mà cũng không xa kinh thành, sau này có thể hội quân phá giặc.

Vua nghe theo liền kéo quân về Phụng Thiên. Một bên, Vua nhận được bản tấu của Lư Kỷ đưa lên. Đó là Chu Thử muốn xin về giúp Vua đánh lại Chu Thao. Lư Kỷ bán tín, bán nghi, cũng muốn dừng lại xem sao? Một viên Ngự sử tiến lên can rằng:

- Việc quân vốn trí trá, không thể tin được, Bệ hạ không nên đóng quân ở ngoài thành...

Lư Kỷ nói:

- Xưa nay, tướng bị giặc bức lại theo về vẫn thường có. Ngộ Thử có bụng qui phục triều đình thì sao?

Đức Tông quay lại hỏi Khương Công Phụ:

- Khanh nghĩ sao?

Phụ nói:

- Tâu Bệ hạ, dẫu vương giả dùng binh càng tôn nghiêm càng khiến cho mọi người nể phục. Dù là Vua đã ra ngoài thành, nhưng không thể tùy tiện đóng quân trên bình nguyên mà đối mặt với những việc hệ trọng. Cần tắc vô ưu... Nay cấm binh đã ít, lại ở ngoài thành, nếu không có gì phòng giữ, nếu Chu Thử lòng dạ kia khác thì làm sao đây!

Vua cho là phải, rất khen, rồi đem quân vào thành. Quả nhiên Chu Thử xưng xức tới. Vua lên mặt thành cùng Khương Công Phụ và quan trấn thủ.

Phụ nói xuống nói chuyện với Chu Thử:

- Tướng quân nếu có lòng qui phục triều đình phò Vua, thì xin lui quân nửa dặm, chúng tôi sẽ rước ông vào, sau đó sẽ cho người ra tiếp quản quân lính.

Chu Thử biết kế không thành, đứng thẩn ra một hồi rồi cất quân đi...

Khi bình định xong trở lại kinh đô, xét công phò tá, Khương Công Phụ được phong làm Giám nghị đại phu kiêm Trung thư môn

hạ, Bình Chương sự... giữ chức Tể tướng được dự bàn những việc quốc gia đại sự...

*

Đức Tông rất yêu quý Công chúa Đường An. Khi Công chúa còn sống rất chuộng đạo Phật. Ngoài bổng lộc của Phủ Tôn Nhân, Công chúa còn có thực ấp phủ đệ rất lớn. Khi Công chúa đứng ra xây chùa tốn kém hàng chục vạn lạng bạc, xin Vua, Vua cũng cho. Kịp khi Công chúa mất, Nhà vua rất đau xót, thương tiếc hạ lệnh cho xây phần mộ gần ngang với lăng mộ của đế vương. Trong lăng có hồ, có giả sơn, có lối đi, có ngựa đá, hổ đá..., có trăm thứ cây, trăm thứ chim. Đá hoa cương lấy từ núi xa, Vua điều hàng ngàn quân lính, mộ hàng vạn dân phu làm ròng rã hàng mấy năm trời, dân chúng rất ta thán. Đến năm thứ ba, hạn hán lụt lội lại xảy ra trên khắp châu quận, mà công trình vẫn cố hoàn thành, huy động của cải, sức người rất tốn kém. Nghĩ mình là Gián nghị đại phu lại dự vào hàng Tể tướng, quan nhất phẩm triều đình, Khương Công Phụ liền dâng sớ can rằng:

"Thiết nghĩ, đáng quân vương sáng suốt, là ở lòng canh cánh thương dân, lo cho dân no đủ, thiên hạ thái bình. Triều Đường trước đây các thời Trinh Quán, Khai Nguyên chính vì làm được những điều ấy mà dân chúng luôn luôn khao khát, ngưỡng mộ, ca ngợi. Các đời Vua sau, đâu có lặp lại được như thời Trinh Quán, Khai Nguyên.

Nhà Đường vừa trải qua loạn Chu Thao, Chu Thủ, Vua phải dời đô lánh nạn, dân tình xao xác, mấy năm nay mới hồi phục lại. Nước chưa phải là giàu, dân đâu đã có bát ăn, bát để. Đến quan thanh liêm, phủ đệ cũng tâm thường. Vậy mà vì yêu quý Đường An Công chúa, khi sống cho tiền xây chùa, ban ruộng, trợ cấp cho, tốn kém hàng vạn lạng bạc, lúc chết lại xây mộ phần, không kém gì lăng mộ đế vương... Người xưa có nói: "Y phục xứng kỳ đức...". Người sống, quần áo cũng phải cho đúng chức phận, tính người.

Đâu cứ phải lộng lẫy xa hoa mới khiến người đời ngưỡng mộ.

Vả lại hiện nay sông Hoàng Hà lụt lội... phía Bắc, phía Nam thì lại hạn hán mất mùa. Dân chết đói, bỏ làng kiếm miếng ăn nhan nhản... Thóc phát chẩn không cứu nổi một vùng... sao lại đổ tiền tiếp vào cho một người mà không đem bạc nghìn, bạc muôn ấy mà cứu trăm họ!

Thần dâng lời biết là làm phiền hà đến Hoàng thượng song bổng lộc của chức gián nghị đại phu, dẫn sai trái của đức Kim thượng vẫn phải tâu bày.

Những mong Bệ hạ mở lượng hải hà, lấy chí Vua Thuấn Vua Nghiêu tự xét mình mà chuẩn tấu.

Gián nghị Đại phu kiêm Trung Thư Hạ, Bình Chương sự Thần Khương Công Phụ can tấu".

Vua đọc sớ xong giận lắm, cho là **Phụ** ơn ban chức, lại phạm thượng định bãi chức đuổi về Cửu Chân, song được Lục Chí và triều thần tâu gỡ cho, Đức Tông biếm làm Thái tử tả Thứ sử, sau lại biếm làm Tuyên Châu biệt giá.

Khương Công Phụ không chút phàn nàn. Ở chức nào, ông cũng hết lòng, mẫn cán siêng năng. Đi đến đâu cũng cổ vũ cho thực học, luyện tài. Lại tìm người hiền sĩ, chân tài để tiến cử với triều đình.

Đến thời Đường Thuận Tôn, ông được thăng làm Thứ sử Cát Châu... Ông hăm hở lên đường, nhưng lam chướng, lại sẵn bệnh lý lâu ngày nên mất dọc đường. Vua rất thương tiếc. Phái Trung sứ đến tế, rồi lại ban tiền bạc đưa hài cốt về quê nhà ở Cửu Chân an táng. Em là Khương Công Phục cũng đỗ tiến sĩ khoa sau này và được Vua phong tới chức Bắc Bộ Thị lang...

Vạn Xuân

Thứ sử Giao Châu là Vũ Lâm hầu Tiêu Tư nổi tiếng tham lam, hống hách. Ngày lễ tết, các thuộc lại đều phải đem vàng bạc, châu báu hoặc những sản phẩm quý hiếm đem dâng, Tư mới bằng lòng. Ai không có lễ vật, thường trừ dập, quở trách, tìm cách bãi miễn. Lý Bôn là một tướng giỏi dưới trướng. Tết năm ấy, xem một lượt quà cáp của các thuộc hạ biểu xén, không thấy quà của Lý Bôn, Tiêu Tư vỗ tay ba cái, gọi Đô tổng quản lên bảo:

- Lý Bôn tết này sao không thấy đem quà biểu?

Đô tổng quản trả lời:

- Chắc thế nào cũng có. Bôn là người cẩn thận.

Quả nhiên, một lúc sau, tư dinh có tiếng chó cắn, từ phía ngoài, Lý Bôn một mình đi vào. Tiêu Tư nhìn ra không thấy có tủy tủy của Lý Bôn khiêng lễ theo, trán đã cau lại. Tuy nhiên cũng sai đem trà tiếp đãi. Lý Bôn sai tiểu đồng đi theo, đặt lên một bình hoa lan rất đẹp, miệng ân cần nói:

- Quan Thứ sử vàng bạc châu báu chẳng thiếu gì, tại hạ trong nhà năm nay nuôi được mấy giò lan, đem dâng lên đại quan để ngài thưởng tết.

Như những người khác, thích thú tao nhã, hẳn phải cao hứng. Tiêu Tư trái lại, mặt trầm xuống, ngắm qua giò lan, hỏi sang công việc của Lý Bôn, rồi lấy giọng bề trên cho là công việc của Bôn không hoàn tất. Ngay tối hôm đó, Tiêu Tư cho gia tướng cầm lệnh

sai Lý Bôn đi tuần thú ở miền biên giới. Lý Bôn không lấy thế làm buồn, bởi bạn bè ông ở đâu chẳng có. Những bạn bè, tết đến được ông đến chơi, quý trọng biết mấy. Lý Bôn từ già vợ con, đem theo một đạo quân nhỏ lên đường ngay. Bôn cũng không quên mang theo vải, lụa, những thứ quà tặng quý để biếu bạn bè ở nơi xa kinh thành.

Đến Tết Nguyên Tiêu, Lý Bôn mới trở về. Vừa hàn huyên xong với vợ con, thấy gia nhân báo có Tinh Thiều đến chơi. Lý Bôn hỏi lại:

- Có thật đó là Tinh Thiều không?

Gia nhân trình lên danh thiếp. Lý Bôn vội sửa mũ áo ra đón.

Tinh Thiều là bạn cũ của Bôn, học thức hơn người, chí muốn làm những việc lớn. Thiều nghe lời khuyên của Lý Bôn sang Trung Hoa để kiếm một chức quan. Khi đến kinh đô nhà Lương, vào yết kiến quan Lại bộ thượng thư là Sái Tôn, Tôn vốn thích đạo Phật, nên vắn hỏi Tinh Thiều:

- Phật là gì vậy?

- Thừa đại nhân Phật chữ Phạn có nghĩa là giác ngộ hết thảy mọi trí tuệ, giác ngộ cho mình, rồi giác ngộ cho mọi loài hữu tình nữa.

Sái Tôn lại hỏi:

- Kinh Địa Trì nói có bảy đức Phật, đó là những ngài nào vậy?

Tinh Thiều trả lời ngay:

- Thừa bảy đức Phật đó là: thứ nhất là Tỳ Bà Thi, Trung Hoa dịch là Thắng Phật; thứ hai là Thi Khí Phật; thứ ba là Tỳ Xa Phù Phật là vị Phật sau cùng của đời quá khứ; thứ tư là Câu Lưu Tân Phật, vị Phật thứ nhất trong đời hiện tại; thứ năm là Câu Na Hám Mâu Ni Phật, vị Phật thứ hai của đời hiện tại; thứ sáu là Ca Diếp, vị Phật thứ ba của đời hiện tại. Ca Diếp xuất hiện khi loài người hiện diện được hai trăm năm. Vị Phật thứ bảy chính là Thích Ca Mâu Ni, Phật thứ tư trong đời hiện đại. Khi loài người sinh ra được một trăm năm, Thích Ca Mâu Ni xuất hiện...

Sái Tôn chịu Tinh Thiều là thông tuệ, thuận miệng hỏi thêm:

- Tổ khảo của ông có danh vọng gì không?

Tinh Thiều nói:

- Dòng họ Tinh nhà tôi, chỉ lấy nghề nông làm gốc, không có ai làm quan cả.

Sái Tôn thấy vậy cho Tinh Thiều dòng dõi tầm thường chỉ cho giữ chức giữ cửa thành Quảng Môn. Tinh Thiều tức bực bỏ về.

Lý Bôn hỏi chuyện, an ủi bạn, vỗ vai nói:

- Người có tài, thế nào chẳng có lúc dùng, chẳng qua là thời chưa đến thôi.

Tinh Thiều thấy Lý Bôn có ý khác liền kéo Lý Bôn ra ngoài vườn nói:

- Tài lớn trong thiên hạ thi thố được đã chắc ai hơn ai. Chẳng lẽ ta cứ phụ thuộc vào cái đám quan lại Trung Hoa mãi hay sao!

Lý Bôn thần mặt, không nói gì. Tinh Thiều bảo:

- Nếu ông vì nghĩa lớn dấy nghiệp ở đất Nam Việt này, tôi xin hết lòng!

Lý Bôn nói:

- Việc lớn không thể coi thường. Tiêu Tư quân quyền còn mạnh, nếu như nổi dậy không thành, hấn vốn tàn ác, máu sẽ chảy thành sông mất.

Tinh Thiều cười nhạt nói:

- Thế bây giờ, hàng ngày thuế má nặng nề, phủ Thứ sử ngày đêm bắt hàng đoàn người lên rừng xuống biển tìm kỳ nam, trầm hương, ngà voi, ngọc trai, thì máu vẫn đang chảy hàng ngày, hàng giờ đó thôi!

Lý Bôn biết bạn thực tình phò giúp mình liền ôm vai nói:

- Tôi làm giám quân ở đây lâu ngày, các tù trưởng xa gần, khi cần tụ nghĩa đều theo giúp cả. Tuy nhiên, hiện có Triệu Túc là Tù

trưởng Châu Diên, nơi ấy quân nhiều binh giỏi, nếu được Túc giúp thì lo gì không thành công?

Tinh Thiệu nói:

- Để tôi sang bên Châu Diên, lấy nghĩa bàn cùng Triệu Túc.

Tinh Thiệu sang Châu Diên thuyết phục Túc. Triệu Túc nghe lời, khẳng khái cất quân đến vây thành Long Biên.

Lý Bôn gọi dưới mặt thành:

- Tiều Tư Thứ sử, hôm nay ta đem quân đến đòi châu lan quý biểu bữa Tết đây.

Tiều Tư tức giận sai các tướng ra đánh, đều thua. Quân Nam vây thành rất dữ. Tiều Tư biết dân chúng căm giận mình vợ vết của cải của xứ này, nếu họ phá được thành thì mạng mình khó toàn, bèn cho sứ giả đến dưới trướng của Lý Bôn, hẹn nộp thành và bỏ lại hết của cải, xin Lý Bôn nói vòng vây cho thoát. Bôn nghe theo.

Tiều Tư nhận được lời, gói những thứ của quý làm mấy hòm, chở theo. Tướng sĩ muốn giữ lại, Lý Bôn ngăn, cho Tiều Tư rút chạy về Quảng Châu.

Duổi được Tiều Tư khỏi đất nước, tướng sĩ tôn Lý Bôn làm Tiền Lý Nam Đế, Vua phong thưởng cho mọi người, giữ Tinh Thiệu và Triệu Túc ở bên cạnh để lo việc nước. Triệu Túc tiến cử Triệu Quang Phục. Vua đặt quốc hiệu là Vạn Xuân.

Tinh Thiệu nói:

- Dân chúng nhiều năm bị đô hộ, tài lực kiệt quệ. Bọn Vua quan nhà Lương biết Giao Châu là đất màu mỡ, không chịu bỏ. Nếu không lo việc quân cho giỏi thì khó chống được với họ.

Lý Nam Đế nói:

- Quân ta đánh thắng Tiều Tư đã gắng gỏi rất nhiều. Quân sĩ thường mệt mỏi, nếu không có gì khích lệ, thì khí thế khó vực dậy được.

Liền đem hết kho tàng ra xét công thưởng cho binh lính. Người công lớn thưởng đến vài chục lạng bạc, người công ít cũng được vài ba lạng. Lại cho được phép về thăm làng. Tướng sĩ biết lòng Vua yêu dân, yêu lính, nên đều ra sức luyện tập.

Vua giỏi dùng quân thủy, cho đóng nhiều thuyền, lại chọn những vùng sông nước rộng kín đáo, làm bãi trú quân!

*

Lý Bôn được Triệu Quang Phục, quý lắm, thường giữ bên màn trướng, bàn bạc việc quân, đàm luận binh pháp không chán. Lại giao toàn bộ quân thủy cho Quang Phục chỉ huy. Nhiều lúc nói với Triệu Túc và Tinh Thiều:

- Triệu Quang Phục tướng mạo đàng hoàng, tiếng vang, mắt bao giờ cũng nhìn thẳng, dùng binh cẩn trọng, thương yêu binh sĩ, ham học hỏi, đáng gọi là một tướng tài.

Lý Nam Đế tin Triệu Quang Phục hơn cả anh là Thiên Bảo và viên tướng hầu cận là Lý Phật Tử.

Nam Đế đã cầm giữ năm vạn binh, xưng vương, lập triều đình ở Nam Việt. Vua nhà Lương sai Dương Phiêu làm Thứ sử Giao Châu, Trần Bá Tiên làm Tư mã, sai Phiêu hội quân với Thứ sử Đinh Châu là Tiêu Bật ở Giang Tây.

Dương Phiêu đến, Tiêu Bật ngại đem quân đi đánh xa, cứ bày hết tiệc lớn, tiệc nhỏ giữ chân Dương Phiêu và Trần Bá Tiên lại, dùng dằng không chịu tiến quân. Bá Tiên sốt ruột bảo Dương Phiêu:

- Lý Nam Đế xưng vua được người trong nước hưởng ứng, thanh thế rất lớn. Nếu ngài cứ mãi tiệc tùng gái đẹp ở đây, e mất cơ hội, xui quân giặc được thể càng khuếch trương mà quân mình nhụt chí. Ngài nên nghĩ kỹ.

Dương Phiêu đang uống rượu bèn nhổ ra, đứng dậy, trao lệnh tiễn cho Trần Bá Tiên dẫn quân tiên phong, tiến vào Nam Việt.

Lý Bôn bày trận ở cửa biển Châu Diên đón đánh. Nhưng Bá Tiên có thuyền chiến lớn, trang bị tốt, quân lính mộ ở đất Giang Nam, đánh thủy rất giỏi. Ba vạn quân của Lý Nam Đế không địch nổi. Vua liền rút chạy về sông Tô Lịch, lập phòng tuyến mới. Quân Lương đuổi theo, đánh Lý Nam Đế thua một trận nữa ở sông Tô Lịch. Vua phải đánh tới, mở đường máu, rút quân đánh vào thành rất gấp. Vua rút khỏi thành rồi đem quân vào đóng ở hồ Điển Triệt, mượn thế đất, quyết giữ để tính kế lâu dài.

Hồ Điển Triệt rộng và sâu, lau sậy rất nhiều, Trần Bá Tiên ngại không dám tiến vào. Hai bên vây giữ nhau đến hàng tháng.

Triệu Quang Phục luôn ở bên Lý Nam Đế, bàn mưu lo trữ lương thực khí giới, quyết giữ vẹn toàn thế lực, lại cho người ra ngoài, lên miền các tù trưởng ở phía Bắc để cầu quân đến giải vây...

Nhưng, gặp mùa nước lên to, Trần Bá Tiên quyết phá bằng được quân Nam. Tiên phá đê, nước ủa tràn vào căn cứ Điển Triệt. Vua không phòng bị, bị quân nhà Lương đánh thua, quân lính chết và tan vỡ rất nhiều. Vua được Triệu Quang Phục liều chết bảo vệ, đưa lên miền Khuất Lão tạm trú.

Trần Bá Tiên thắng lớn, rút quân về Long Biên.

Một bữa Vua gọi Triệu Quang Phục đến, bảo:

- Đất nước chìm trong nghìn năm đô hộ, ta nhờ Tinh Thiều, Triệu Túc và ông mới làm nên nghiệp lớn. Không ngờ quân Lương không để cho yên, Trần Bá Tiên là một người cầm quân giỏi và quỷ quyết. Địch được với Bá Tiên, chỉ có ông thôi, ta trao binh quyền, ẩn tín lại cho ông. Ông hãy vì non sông gấm vóc, vì dân chúng từng bị bọn Thứ sử, Thái thú Trung Hoa bòn rút, nên tìm mọi cách, chiêu mộ binh sĩ, người hiền, tướng giỏi để đuổi giặc Lương ra khỏi bờ cõi.

Triệu Quang Phục nhất nhất xin ở lại cùng vua. Vua nói:

- Thời cơ một phút không để mất. Ông hãy quay trở lại vùng đất của mình. Châu Diên sức dân còn lớn, chí phục quốc rất cao. Có thể làm nên việc lớn.

Vua lo nghĩ nhiều, lại nhiễm lam chướng, người không khỏe, Triệu Quang Phục biết lòng Vua, đành nhận ấn tín, về Châu Diên.

Anh Vua là Thiên Bảo, khi Triệu Quang Phục đi rồi, mới nói:

- Đại vương khó nhọc nhiều năm mới có được triều đình, có ngôi vua, sao một sớm một chiều lại có thể trao binh quyền vào tay một người ngoài dòng họ.

Vua nén cơn ho, nói với Thiên Bảo:

- Ai dốc lòng vì nước, người ấy sẽ đáng ở ngôi cao. Dòng họ ta có người giỏi, thì hãy dốc lòng vì nước đi... Tướng giỏi, tướng hèn quanh ta thế nào, ta biết chứ.

Nói rồi quay vào. Thiên Bảo thẹn không dám nói thêm gì nữa.

Ít tháng sau, Lý Nam Đế mất.

1999

Yuốt Rông

Triệu Quang Phục về Châu Diên, chiêu mộ thêm những nghĩa sĩ, những trai tráng của các làng chài, đang trốn tránh phu dịch của bọn Thái thú, Thứ sử nhà Lương.

Ông bỏ nhiều ngày, lặn lội khắp trong vùng hồ, đầm, xem hết các địa hình địa thế, mừng rằng, ở nơi này, có thể là chỗ dụ quân Bá Tiên vào làm cho tiêu hao dần được.

Trần Bá Tiên, khi mang quân vào Giao Châu, đuổi được Lý Bôn, đánh tan được năm vạn quân Nam Việt, rất tự đắc, quyết truy đuổi, đánh diệt bằng được quân của Triệu Quang Phục.

Một bận, Triệu Quang Phục đến chằm Nhất Dạ. Đó là một bãi rộng, trên đó còn trơ ra một nền đất. Triệu Quang Phục hỏi các tướng đi theo mình:

- Đây có phải là chằm Nhất Dạ không?

Viên tướng hầu cận thưa:

- Thưa tướng quân, đây là chỗ nàng Tiên Dung Công chúa của Hùng Vương gặp Chử Đồng Tử. Công chúa quây màn tắm, chẳng ngờ đúng chỗ Đồng Tử nấp dưới cát để che mình... Công chúa cho là duyên trời, liền kết làm vợ chồng. Sợ tội với Vua cha, họ ở lại. Đồng Tử họ Chử vốn là tiên, nên hoá ra thành quách, nơi đô hội, cùng Tiên Dung ở lại đó. Hùng Vương sai quân đến hỏi tội, thì khi quân vừa mới đến, chưa kịp đánh, nửa đêm gió lớn kéo đến làm rung chuyển trời đất, nhà cửa thành

quách, sáng hôm sau đã biến mất. Tiên Dung đã được Chủ Đồng Tử mang lên trời. Chỗ này gọi là đầm Nhất Dạ.

Triệu Quang Phục nghe xong, liền bảo người sắm lễ vật, đặt giữa trời khấn rằng:

- Đồng Tử là người trời, là thần thiêng ở đầm Dạ Trạch, lại là con rể của Vua Hùng, nay đất nước lâm than, sinh linh xiêu dạt đã lâu, lẽ nào không giúp tôi đuổi ngoại bang, mưu cầu sự yên ổn, phồn vinh cho đất nước.

Rồi sai xây miếu thờ ngay ở bãi bên đầm Nhất Dạ. Từ buổi ấy, quân sĩ của Triệu Quang Phục ngày đêm ra sức luyện tập.

Trần Bá Tiên đem quân tới, cho rằng Triệu Quang Phục trốn ở đây, thế nào mình cũng bắt được.

Ngay hôm sau, chọn năm tướng giỏi, chia làm năm đạo luôn lách các đầm, chằm lòng đánh Triệu Quang Phục. Các cánh quân kéo đi, chỗ nào cũng thấy cắm cờ và bảng ghi: Triệu Quang Phục ở đây! Lại thấy kinh thuyền đang dồn nhau trốn chạy, liền cố đuổi theo. Đuổi gần đến nơi thì lại ngoặt đi đâu mất, rồi thấy tên độc của quân Nam từ bãi lau bắn ra, quân Lương ngã vật xuống nước mà chết. Đuổi đầy buổi, không bắt được người nào...

Hàng tháng trời, quân Bá Tiên đuổi mãi mệt lử, mà chỉ bắt được mấy tên lính già ốm yếu. Quân của Bá Tiên lại bị muỗi đốt, dĩa, bọ cạp, ruồi vàng cắn, ốm sợ, chết rất nhiều.

Bá Tiên phải lấy vải thưa làm mũ, chụp lên đầu cho quân ngủ đêm, mới thoát được. Quân lính đang ngồi bỗng nóng bừng bừng, rét run, người thần ra, rồi cơ bắp bị co bóp không được lăn ra chết.

Bá Tiên lúc đó được Vua nhà Hậu Lương phong cho chức Uy Minh tướng quân Giao Châu Thứ sử, lại càng năng nổ muốn bình định được Nam Việt, đánh kỳ tan quân Triệu Quang Phục mới thôi.

Bá Tiên chia quân làm nhiều đạo, thay nhau vào chằm Dạ Trạch vây quân của Triệu Quang Phục, nhằm cho quân Nam không có đường ra vào, dần dần kiệt lương mà phải ra hàng.

Triệu Quang Phục lo lắng, lại trai giới đến trước miếu Chủ Đồng Tử khấn:

- Giặc vây rất gấp, lương thực gần cạn kiệt, ngài là thần, có phép lạ, chẳng lẽ mặc cho quân thù hoành hành, giết trắng sĩ của nước mình, lập lại trật tự cũ!

Vừa khấn xong thì mây đen râm trời, bão cát nổi lên, gió dữ thổi táp mặt, lau sậy rạp đất, mưa lớn đổ xuống như thác. Triệu Quang Phục vừa ngẩng được mặt lên, thì thấy có tiếng giữa bầu trời sấm chớp:

- Lòng thành của họ Triệu đã thấu đến trời. Ta xuống giúp người đây!

Quang Phục nhìn qua ánh chớp thấy một Đồng Tử, tóc để trái đào, dáng điệu ung dung, cười rông. Phía sau là một nàng gương mặt ngời sáng, mi thanh, mắt phượng, biết là Chủ Đồng Tử và Tiên Dung đã đáp lời cầu khấn, liền lay phục trong mưa, mừng rỡ, ứa nước mắt thốt lên:

- Người Nam được Trời cứu rồi!

Chủ Đồng Tử cúi xuống trút lấy chiếc móng con rồng mình đang cưỡi trao cho Triệu Quang Phục:

- Đây là phép lạ của ta. Người đem chiếc móng rồng này cài lên mũ đầu mâu, thế nào cũng linh ứng.

Nói rồi cưỡi rồng lên mây. Sấm chớp, bão lốc cũng dần tan...

*

Bá Tiên cho quân vây đánh Triệu Quang Phục, quân càng tiến sâu càng như tiến vào mê trận. Có lúc dòng nước đang rộng, tưởng

có đường ra, bồng lằm vào ngô cụt. Và thuyền nhẹ phục kích ở hai gọng kìm khép lại, quân trên bộ ném những bó rơm tẩm dầu vút xuống thuyền, khói lửa mù mịt, quân lính nhà Lương chưa kịp mở mắt đã bị lao dăm suốt người, tên cắm vào gáy, thật ghê sợ.

Có lúc thấy cây cỏ lay động, tiếng thuyền, người giục nhau như lẫn tránh, cho thuyền thúc lên thì gặp bãi cọc trong chằm, thế là thuyền vỡ, quân ngã xuống nước trở thành tấm bia thịt.

Không bao giờ, Triệu Quang Phục tập trung quân đông cho Trần Bá Tiên phục đánh, cũng không bao giờ, quân Nam đổi mặt, đổi thuyền, đổi ngựa cùng tử chiến, mà quanh năm Phục chỉ dùng kế lừa nhử, diệt dần diệt mòn quân của Trần Bá Tiên.

Quân Lương khiếp vía, gọi Triệu Quang Phục là Dạ Trạch Vương. Từ ngày được móng thần, thế trận của Triệu Quang Phục lại càng bí hiểm huyền bí. Có lúc đường như lửa nhử, cho quân tránh đi đường quang thì lại trúng kế, bị đánh cho toi tả. Lần sau vẫn kế ấy, đi vào đường đi có cọc chẵn, rào chằng, thì khi nào gỡ được cũng là lúc vòng vây khép lại, bốn phía tên bắn như mưa, lao nhỏ lao phẩm phập tới, không thể nào tránh nổi. Trần Bá Tiên uất lên, nằm trong trướng, nghĩ hết cách, vẫn không sao đánh được Triệu Quang Phục.

Dịp đó, bên chính quốc, Hậu Cảnh nổi dậy, thế rất lớn. Trần Bá Tiên được Vua Lương gọi về đi dẹp giặc. Tướng Dương Sần được lên thay chỉ huy quân sĩ.

Triệu Quang Phục nói với chư tướng:

- Giờ là lúc ta có thể đuổi quân thù phải cuốn gói về nước được đây!

Mùa xuân, tháng 3 ngày Tân Hợi, năm Mậu Thìn (548) Lý Nam Đế ở động Khuất Lão, nhuộm bệnh mắt. Triệu Quang Phục rất đau xót, kêu lên rằng:

- Giặc sắp đuổi được rồi, sao Vua lại mất.

Rồi cho quân để tang, lại bày lương án. thân đến tế, rồi từ đó trai giới chịu tang Lý Nam Đế.

Sau tuần bốn chín ngày của Vua, Triệu Quang Phục mới bàn tiến quân diệt Dương Sàn. Tướng sĩ cho rằng ông hãy lên ngôi, xưng vua. Triệu Quang Phục nói:

- Vua vừa mất. Giặc chưa đuổi được! Bây giờ chưa phải lúc.

Bèn vẫn giữ nguyên chức tước Lý Nam Đế phong như cũ.

Dương Sàn lui quân về đóng ở Phú Lương, cho rằng quân của Triệu Quang Phục, lực lượng nhỏ, không dám đem quân đến đánh.

Nào ngờ, Triệu Quang Phục đã cho các tướng đi mộ quân, luyện quân ở Châu Diên, Vũ Ninh, Phong Châu, hẹn nhau. cùng cất quân về, vây quân của Dương Sàn, đánh nhiều trận lớn.

Dương Sàn không địch nổi, chạy về Long Biên, Phục lại tung quân, đánh một trận lớn nữa. Trận ấy chém được Dương Sàn. Quân Lương sợ hãi rút chạy về nước.

Triệu Quang Phục đem quân vào thành Long Biên, tế tôn miếu, và được các tướng sĩ suy tôn là Triệu Việt Vương.

Vua lên ngôi, nhớ Lý Nam Đế, cho dựng đền thờ...

*

Lý Phật Tử, vốn được anh Lý Nam Đế là Thiên Bảo cho theo hầu dưới trướng. Thiên Bảo, sau khi Lý Nam Đế mất, kinh dịch với Triệu Quang Phục, không chịu cùng hợp quân. Trần Bá Tiên đem quân, đánh Thiên Bảo. Quân Bảo vỡ, phải chạy sang Ai Lao nương nhờ ở động Dã Năng, dựa vào vùng đất bên bờ sông Đào, đắp thành nuôi quân, chờ ngày khôi phục ngôi của họ Lý, xưng là Đào Lang Vương. Đào Lang Vương mất, Lý Phật Tử lên thay, thấy Triệu Quang Phục đã lấy được nước, xưng vua, liền đem quân xuống đánh.

Hai bên đánh nhau rất lớn ở đất huyện Thái Bình. Quân của Lý Phật Tử yếu thế, Vua có thể đánh bại khỏi đất mình cai quản được.

Phật Tử tướng hấu, người nhỏ, rất nhiều mẹo vặt. Biết chưa đủ sức, đủ lương chống lại với Triệu Quang Phục, Phật Tử sai sứ sang xin Vua được cầu hoà.

Triệu Việt Vương vẫn chưa quên tình cũ với Lý Nam Đế, nên thuận cho hoà, liền lấy bãi Quân Thần làm địa giới, phân đất cho Lý Phật Tử.

Triệu Quang Phục lo khơi sông đắp đê, để dân chúng làm ruộng thuận lợi. Lại lo sửa đắp thành Long Biên để khi quân Lương có trở lại sẽ có thành vững, quân giỏi chống đỡ.

Lý Phật Tử một mặt giả yên phận với đất giáng hoà, dẫn bớt quân sĩ, thật ra, Phật Tử chỉ cho đám lính già yếu về, còn vẫn ngầm trữ lương, luyện quân để có dịp đánh họ Triệu.

Phật Tử có con trai là Nhã Lang, vừa tuổi trưởng thành. Một hôm, cho người sang xin được kết thông gia với Triệu Quang Phục.

Con gái của Triệu Quang Phục là Công chúa Cảo. Vua yêu lắm, vì chỉ có độc một con gái. Lý Phật Tử, khẩn thiết xin cho Nhã Lang lấy Công chúa. Vua ưng thuận, Phật Tử đưa đồ sinh lễ rất hậu. Vua ngỏ ý muốn giữ con gái ở bên mình và cho Nhã Lang gửi rể.

Lý Phật Tử vốn đã có mưu sẵn trong mình cứ nằng nặc xin được đón con dâu về. Triệu Quang Phục thuyết phục mãi Phật Tử mới nghe. Nhã Lang giống cha, rất khôn ngoan. Chàng rất yêu Công chúa Cảo. Bề ngoài lại tỏ ra không có chút gì sắc sảo. Triệu Quang Phục lúc đầu, do tướng sĩ khuyên can không nên cả dạ tin người cũng có ý đề phòng, nhưng sau thấy Nhã Lang hiền hậu, để bảo, lại quyến luyến với con gái mình, nên cũng muốn vun đắp sự hoà thuận lâu dài của họ Triệu với họ Lý!

Nhã Lang biết là Vua tin mình, liền thường rủ vợ đi dạo chơi rồi bí mật sai người dò xét các nơi trữ lương, đóng quân của Triệu

Việt Vương, đến khi Nhã Lang đã thu thập được hết tin tức, lấy có lâu ngày xin về thăm cha.

Triệu Quang Phục cũng cho về.

Cho đến lúc quân Lý Phật Tử và Nhã Lang kéo đến chân thành, Vua lấy mũ đầu mâu đội, lại xem đến vuốt rồng để cắm lên mũ thì không thấy nữa. Vua biết Nhã Lang đã dụ Công chúa Cảo cho xem rồi lấy trộm mất!

Vua tung quân ra đánh. Quân lính được tin quân Lý Phật Tử đã lấy được vuốt rồng, có thần giúp, chưa đánh đã loạn, Vua liền đem con gái lên ngựa rồi chạy về cửa Đại An.

Đến cửa biển, Vua ngửa mặt lên trời than:

- Ta lòng thành tin người đến nỗi nước mắt! Đến đây hết đường rồi! Biết làm thế nào.

Phía sau, quân Lý Phật Tử đuổi rất gấp lại thấy cả Nhã Lang theo cha đuổi theo. Vua thề rằng:

- Những kẻ nham hiểm, chẳng lẽ lại bền lâu ư?

Liền đánh ngựa chạy ào xuống biển. Nước biển rẽ ra. Phật Tử đến thì không tìm thấy đâu cả.

Dân chúng cho là Triệu Quang Phục đã được Chủ Đồng Tử đón về trời liền lập đền thờ ở ngay cửa biển.

1999

Bãi cọc Bạch Đằng

Kiều Công Tiễn vừa giết sứ quân Dương Đình Nghệ. Tin ấy đến với Ngô Quyền. Quyền hội quân các tướng kéo quân đánh Kiêu Công Tiễn giành lại Châu Ái.

Tiền biết mình không chống cự được bèn cầu cứu ngoại bang.

Vợ Ngô Quyền là Dương Thị, con gái của Dương Đình Nghệ muốn báo thù cho cha, nên giục Ngô Quyền sớm cất quân trị Kiêu Công Tiễn. Nhưng ông nghĩ sâu xa hơn, nên ừ ào với vợ cho qua chuyện. Ông đáp một thuyền chiến nhỏ, từ sông Phú Lương đến hội kiến với Phạm Cự Lượng - một tướng tài đáng tin cậy của mình.

Khi rượu bày ra, Lượng hỏi Ngô Quyền:

- Chủ tướng đến đây ắt hẳn có việc lớn muốn bàn!

Ngô Quyền gật đầu nói:

- Ta bây giờ thù nhà nợ nước đều nặng trên vai. Nhặc phụ ta bị Kiêu Công Tiễn giết chết, chưa đem quân giết được hắn, thì lại nghe quân Nam Hán do Đại tướng Hoàng Tháo (có sách chép là Hoàng Thao) sắp kéo quân sang. Tiễn cầu kết với quân Nam Hán, định dâng đất nước Nam mình cho giặc. Quân Nam Hán cũng khá mạnh. Giờ ta đánh giặc ngoài hay dẹp giặc trong?

Phạm Cự Lượng đáp:

- Tôi nghĩ, Kiều Công Tiễn như cái mụn ghẻ thì quân Nam Hán là cái nhọt lớn đang mang trên thân thể. Trị được cái nhọt lớn thì mụn ghẻ có lo gì nữa.

Ngô Quyền hỏi:

- Quân Nam Hán định đi đường nào vào nước ta.

- Quân do thám về báo thì Nam Hán định cất quân thủy, theo đường biển đánh vào.

Lượng vốn là người giỏi cầm quân lại biết binh pháp. Ngô Quyền trọng lắm. Ông nói:

- Sức của ta so với sức của quân Nam Hán ra sao?

- Quân Nam Hán đông gấp mười lần quân ta, thuyền chiến cũng lớn hơn. Tướng giặc là Hoàng Tháo rất giỏi thủy chiến!

- Vậy địch mạnh, ta yếu. Không dùng mẹo, không thể thắng nổi!

Sáng hôm sau, Ngô Quyền và Phạm Cự Lượng đem theo những tướng giỏi đi khắp vùng Hải Ninh. Đêm ấy, họ dừng quân bên vách núi một đảo nhỏ giáp đất liền. Dân biển sở tại đem rượu, cá và thịt đến dâng. Ngô Quyền cảm tạ, hỏi thăm thêm về tình hình nước triều lên xuống. Một vị lão nông tóc trắng xoá, da sần chác, nói:

- Thủy triều ở đây lên xuống rất mạnh. Từ biển vào sông như rót vào cuống瓢. Lên cực nhanh mà xuống cũng cực nhanh!

Ngô Quyền mừng lắm, bảo Phạm Cự Lượng:

- Ta có mẹo phá giặc rồi! Đêm nay chúng ta sẽ đi thăm thế trận trên sông Bạch Đằng!

Đêm ấy, dựa vào nước thủy triều lên, Ngô Quyền cho thuyền từ sông ra cửa biển Đại Than. Thuyền của Ngô Quyền đi quan sát hết các bãi lầy ở hai ven sông Bạch Đằng. Ngô Quyền lúc đi sang phải lúc sang trái. Lúc rẽ phải, rẽ trái vào các ngách sông kín đáo... Phạm Cự Lượng đi theo, ghi hết những kích thước, độ lầy của từng

bãi lấy dọc sông khi nước triều rút... Sông ở giáp biển bãi lấy không hiếm. Ngô Quyền thấy rõ vùng đất này sẽ cho mình thế trận tuyệt vời. Ông bảo Phạm Cự Lượng:

- Ta sẽ tiêu diệt quân Hoàng Tháo ở chỗ này đây.

Ông suy ngẫm một lát tiếp:

- Hoàng Tháo cất quân tới đây cũng phải trước mùa bão! Chỉ ít cũng phải mất hàng tháng. Như vậy không thể bất ngờ tiến quân vào đất của ta được. Ta lại có thời giờ chuẩn bị trước, vậy phần thắng ta có thể nắm trong tay.

Sau đó, Ngô Quyền bày thế trận với các tướng sĩ: dùng các bãi sông rộng để cắm những cọc lim. Giặc từ biển vào sông đội hình không thể lớn được, phải chia nhỏ mà kéo thành đoàn. Nên quân ta biết cắt khúc chúng ra mà đánh và có những bãi cọc giúp thêm vào, thì việc chiến thắng mới thật vẹn toàn.

*

Đêm ấy, Ngô Quyền và các tướng bàn kỹ lưỡng về cách đóng cọc. Gõ lim thì không thiếu. Nhưng cọc gỗ đâm được thủng thuyền cũng phải chọn những cây cỡ to mấy chét tay. Còn việc đóng cọc xuống nước phải sao cho chắc và ở độ sâu thế nào để có thể đâm thủng bụng thuyền giặc khi nước triều rút... Ngô Quyền lại cho mời các tay chèo giỏi, các bộ lão ở các vịnh chài đến, bảo:

- Quân nhà Hán, nhà Đường đô hộ hàng nghìn năm. Khổ nhất là dân vùng biển. Chúng chẳng đã bắt ta phải đi mò ngọc trai, lấy bào ngư, vảy cá để dâng về bên Tàu và nộp cho phủ Thái thú đó sao. Bọn giặc Nam Hán vừa mới cất cứ một phương càn như lũ hổ đói. Ta phải chặn được chúng, không cho chúng lập lại Đô hộ phủ nữa. Ta phải giành lấy quyền cai quản non sông gấm vóc của ông cha ta!...

Tâm huyết của chủ tướng, được mọi người hưởng ứng. Cuối cùng việc cắm cọc ở bãi sông được các tướng chia nhau đi làm ngay...

Nói thì dễ, làm thì khó. Cọc lìm đấm trong vài ngày đã có tới hàng ngàn chiếc. Nhưng đóng cho được một chiếc cọc không dễ dàng gì! Nước thủy triều đã xuống, bãi thì lầy. Dựng được cọc đứng đã khó, đóng được bằng vỏ lại càng khó hơn... Ngô Quyền ban thưởng mười lạng vàng cho ai nghĩ ra được kế hay.

Lệnh vừa được ban bố, lập tức có nhiều người đến dâng kế. Nhưng cuối cùng kế của Đô tướng họ Nguyễn là đặc sách nhất.

Khi cọc cắm được xuống bãi lầy, đến đúng được tầng đất dưới thì dùng trâu lớn đeo những sợi đá vào thân cọc. Những sợi đá vừa dựng cho thế cọc đứng, vừa vít thêm cọc vào trong đất. Lúc thủy triều lên, cọc ngập vừa đủ thế có thể đóng được, chọn những trai biển khỏe, cầm những vỏ lớn đóng xuống. Phải ba hôm đóng liên như thế, thì thân cọc rất vững lại có thể nghiêng đúng như ý muốn của người dựng thủy trận. Ngô Quyền mừng lắm nói:

- Trời và lòng dân cho ta thắng trận này rồi!

*

Ngô Quyền giấu quân thủy ở Châu Ái, khi thế trận quyết chiến ở sông Bạch Đằng đã định, ông mới cất quân ra.

Để tránh quân do thám do Kiều Công Tiễn và Hoàng Tháo theo dõi, ông không cờ giông trống mở, mà hành quân vào ban đêm, cử mỗi tướng dẫn một đội chiến thuyền. Nguyễn Đô tướng, Phạm Bạch Hổ, dẫn quân đi trước. Ông thân đốc suất trung quân đi phía sau. Con trai cả của Ngô Quyền là Ngô Xương Ngập, lúc ấy mới mười sáu tuổi, đã được trao cho lãnh một đội thủy quân dự bị.

Một bộ phận thủy quân khác cho trấn giữ Châu Ái, để phòng giặc có quỷ kế, đánh vào căn cứ địa của Ngô Quyền.

Khi quân Nam Hán do Đại tướng Hoàng Tháo đến vùng biển của Nam Hải, thì quân của Ngô Quyền đã tập trung đón địch ở những bãi lầy và chờ đợi trận phục kích.

Phạm Cự Lượng dẫn quân từ Gia Viễn đến phối hợp, thanh thế đã hùng dũng lắm.

Phạm Cự Lượng nói:

- Chủ tướng vốn giỏi đánh trên sông. Còn tôi luồn lách, sóng gió ở biển đã thuộc. Ta lừa cho giặc vào thế trận đã bày. Chủ tướng dốc sức đánh cho quân giặc tan vỡ, rút chạy ra vùng biển. Từ đây, tôi sẽ kéo quân ở hai đảo phía đầu cửa sông, giáp lại tiêu diệt chúng một lần nữa, ắt chúng phải kinh hồn bạt vía.

Ngô Quyền và Phạm Cự Lượng chỉ kịp uống với nhau một chén rượu, rồi Phạm Cự Lượng dẫn quân ra biển ngay...

Trong khi đó, Ngô Quyền đã cho người dò xét thuyền của quân Nam Hán. Thuyền Nam Hán to, vì ham chở được nhiều quân lương, do thế di chuyển chậm. Ngô Quyền cho đóng những thuyền, chiều cao ngang với thuyền giặc, nhưng thon dài. Mỗi thuyền vài chục tay chèo và hai lái cứng, khi thuyền giặc đến cứ bốn thuyền xông vào đánh một. Trước hết dùng cỏ khô, tên cháy phóng hoả để giặc kinh hãi, sau đó, các dũng sĩ cầm lao và khiên, nhảy lên thuyền giặc quyết chiến... Chỉ cần nhắm đầu và đuôi đội hình thuyền giặc mà đánh, như thế thuyền giặc sẽ bị xé lẻ, các thuyền khác ở vòng ngoài nhân đó sẽ chia cắt đội hình của chúng, mà tiêu diệt!

Lại nói về nhà Nam Hán bấy giờ Lưu Cung, Chúa của Nam Hán muốn mở mang thế lực. Vì mơ thấy rồng trắng bay lên trời, nên nhân lúc Trung Hoa loạn lạc, các lãnh chúa đua nhau xưng vương, Lưu Cung cũng lập ra nhà Nam Hán và định chiếm Giao Chỉ, Cửu Chân, các quận huyện phương Nam để mở mang thanh thế.

Hoàng Tháo là con trai của Lưu Cung, cất quân chinh phạt Giao Châu. Lưu Cung bày tiệc khoản đãi tướng sĩ, đang lúc say, gọi con đến trước mặt nói:

- Ta phong cho con làm Giao Vương con thấy thế nào?

Hoàng Tháo thưa:

- Được Phụ hoàng tin cậy, con xin hết lòng chinh phục đất xa để Người được đẹp lòng.

- Ta mơ thấy rồng trắng bay lên trời. Vậy con hãy làm con rồng trắng vẫy vùng trên biển Đông!

Nói đoạn lấy áo bào trắng, mũ lông cừu trắng và ấn ngọc, gương báu trao cho Hoàng Tháo. Lưu Cung dặn:

- Đất Giao Châu xa xôi, lam sơn chướng khí, phải đánh nhanh, bình định cho xong trước mùa hè kéo thủy thổ bất phục, bất lợi cho đại quân. Bình định Giao Châu xong, con hãy lo lấy lương thực, đồng, sắt, bạc vàng châu báu mang về cho ta, thì nhà Nam Hán của ta sẽ trở nên hùng mạnh, có thể tính chuyện lớn ở Trung Nguyên được. Chuyển đi này, ta trông cậy rất nhiều ở con...

Hoàng Tháo nói:

- Con xin cố gắng để khỏi phụ lòng tin cậy của cha...

Trời đang se rét bỗng ấm hẳn lên! Nước triều lên xuống vẫn rất đúng như lệ thường. Tin quân của Hoàng Tháo đã tiến vào đúng theo hướng mà quân ta dự định. Tuy thế Ngô Quyền vẫn không khỏi hồi hộp. Điều ông lo nhất là nếu Hoàng Tháo không tiến vào sông Bạch Đằng mà lại tiến thẳng vào phía Ái Châu⁽¹⁾, đánh tan quân ở hậu cứ rồi theo sông Đại Hoàng và kéo vào Thăng Long, thì trận địa thủy chiến đã giảng bày sẽ bị hột hẫng. Như vậy, lập tức ta phải có phương lược mới để đối phó.

Ngày mồng 10, quân do thám báo tướng tiên phong của Hoàng Tháo đã tiến sát đến vùng biển Cô Tô và tiến sâu về phía Ninh Hải... Ngô Quyền rất hồi hộp.

Ngày 12..., thuyền giặc đến trước cửa sông Bạch Đằng hạ trại cho quân nghỉ ngơi để lấy lại sức. Ngô Quyền chưa bao giờ thấy hai ngày đợi giặc cất quân lại dài đến thế!

⁽¹⁾ Ái Châu = Châu Ái

Sớm ấy, mặt sông có sương mù. Sương đục trắng đầy trời, mặt biển ẩm. Khi trời sáng rõ, mặt nước sương cũng chưa tan. Tuy nhiên, Hoàng Tháo cũng nổ súng phát lệnh cho tiến quân vào phía cửa sông Bạch Đằng. Ngô Quyền mừng lắm, sai các khinh thuyền chia nhau đi báo cho các cánh quân mai phục sẵn sàng đánh địch.

Hoàng Tháo kéo quân vào trong sông. Tháo đã đi tiếp theo ngay cánh quân xung phong. Khi thuyền vào cửa sông, Nguyễn Đô tướng đem quân ra chặn địch, một đoàn thuyền khoảng hơn một chục chiếc làm sao mà địch nổi đoàn thuyền như con rắn khổng lồ, đang hùng dũng tiến theo đúng đội hình hành quân.

Tướng tiên phong của Hoàng Tháo đem quân ra đánh. Nguyễn Đô tướng chống cự không nổi liền rút chạy vào con ngòi nhỏ... Quân của Hoàng Tháo không đuổi. Nhưng lại thấy phía sau có một đoàn thuyền khác, vẫn Nguyễn Đô tướng dẫn đầu. Lần này không phải là mười chiếc mà tới vài chục chiếc! Tên tướng tiên phong đâm hoảng sợ...

Thuyền của Nguyễn Đô tướng lao vào đánh, Hoàng Tháo cho thuyền chèo nhanh lên phía trước định lấy đông, vây bắt sống.

Nguyễn Đô biết ý, không ham đánh, lại thấy nước triều xuống rất nhanh, liền dẫn quân vừa chửi giặc, vừa rút chạy.

Hoàng Tháo giận lắm, thúc quân gấp gấp đuổi sau. Tên bản theo thuyền của quân Nam rào rào! Nhưng thuyền quân Nam đã đưa lên những đám cỏ khô hững hờ. Trừ những tay chèo thuyền, quân sĩ đều nhảy xuống lòng thuyền nhỏ mà sâu, dùng khiên mộc che tên bắn từ phía sườn cho người chèo thuyền. Thuyền của Hoàng Tháo đã lọt vào giữa trận địa. Một tiếng pháo lệnh nổ vang trời. Nhiều tiếng pháo lệnh khác ở các bãi lầy nổ theo hưởng ứng. Quân Ngô Quyền lao thuyền từ hai bên sườn đánh vào sườn của thủy quân của Hoàng Tháo. Nguyễn Đô tướng, và các tướng khác dẫn thuyền chiến theo lệnh của Ngô Quyền quay lại lăn xả vào thuyền giặc mà đánh. Thuyền chiến đi kèm theo thuyền cung nỏ, khi xáp chiếm cỏ khô kẹp

vào những đước tằm nhựa thông, vút đại vào thuyền giặc. Lửa cháy, tên bay rào rào khiến quân Hoàng Tháo, tránh dạt xuống. Khói, sương mù làm thuyền chúng xoay trở chậm chạp, thì những chiến binh dũng mãnh của quân ta đã nhảy sang thuyền giặc đâm chết những tên đứng ở mặt khoang, những người khác nhảy lên theo, hai đánh một. Khi đã dồn giặc vào khoang thì lại lấy cỏ chằm đước lửa, ném tiếp vào lòng khoang cho thuyền giặc bốc cháy.

Thế quân Nam hùng dũng như cá kình giữa bể khơi. Hiệu cờ đỏ trên sông vẫn nghiêm lệnh. Từng đội, từng đội tiến lên, luôn vây chia cắt đội quân tiên phong của quân thủy Nam Hán ra mà chém giết, đốt thuyền. Cả một khúc sông, lửa đỏ, khói loang, sương ù oà, ù ập; cây đổ, thuyền cháy, tiếng hô giết, giết, tiếng thây quân Nam Hán gục đổ trên thuyền, tiếng cột buồm gãy vang động hoà trộn, đầy khí thế chiến trận...

Hoàng Tháo thấy núng thế liền cho quân quay thuyền rút ra phía cửa biển. Nhưng quân ta, xuôi nước, có thế nhanh và mạnh, lần xả vào thuyền giặc đánh dữ dội.

Thấy chỗ bãi sông rộng, quân Nam Hán đua nhau vờn đội hình ra để xô chạy...

Nhưng kìa, những chiếc thuyền đầu đã va vào cọc ngầm sững lại, lại bị những chiếc thuyền sau đang đà lao mạnh xô đến, cứ thế mà tự vỡ. Lại thuyền sau và thuyền sau nữa... Thế trận của Hoàng Tháo đã hoàn toàn rối loạn. Hoàng Tháo phải thân mặc áo bào trắng đứng trên thuyền lớn bắc loa lớn, gọi quân theo luồng giữa mà đi, không được lao vào men bờ...

Nhưng phía sau quân ta rất dũng mãnh. Thuyền đã lập công nhường cho đội tinh nhuệ mới lao lên diệt giặc...

Nơi xô vỡ ở hai bãi cọc Bạch Đằng của thuyền Nam Hán có tới dăm chục chiếc. Lũ quân thua trận nhào xuống nước định lao lên bờ chạy trốn đều bị quân ta chặn đánh bắt... được cả.

Hoàng Tháo mệt đến đứt hơi mới rút được tàn quân ra khỏi cửa biển. Vừa mới tập hợp được đội hình, điểm qua các tướng sĩ, thì ở hai bờ đảo, thuyền quân Nam lại xông đến đánh. Trên mũi thuyền chiến, một tướng mặc áo bào tía, cầm cung thét lớn:

- Giặc Hoàng Tháo chớ chạy. Có Phạm Cự Lượng ở đây.

Quân Nam Hán mệt mỏi, không còn bụng dạ nào huyết chiến nữa, liền dong buồm kéo quân ra khơi. Hoàng Tháo đi sau đốc chiến. Phạm Cự Lượng quát lớn:

- Hoàng Tháo, mi định trốn về đất Nam Hán ư!

Hãy xem ta bắn cung đây.

Chỉ nghe thấy tiếng dây cung bật mạnh. Và Hoàng Tháo đổ vật xuống biển...

Đội quân tiến vào Giao Châu của Giao Vương Hoàng Tháo bị đánh từ sáng cho đến chiều, hầu như tơi tả..., chủ tướng đã chết, bọn tùy tướng thu góp tàn quân rút chạy về nước...

Cờ lau tập trận

1

Tiết độ sứ Dương Đình Nghệ, người Châu Hoan là người có chí lớn, ý muốn nối chí của Khúc Hạo, dựng nên tự chủ.

Tiết độ sứ nuôi trong nhà ba nghìn nghĩa tử (con nuôi), coi như quân tướng tin cẩn nhất. Lại chọn trong đám con nuôi ấy, những người giỏi giang làm nha tướng. Năm ấy, Dương Đình Nghệ có hai nha tướng đều giỏi cả, một người là Ngô Quyền, một người là Đinh Công Trứ.

Ngô Quyền được Dương Đình Nghệ rất yêu, gả con gái cho, lại cho nắm binh quyền ở Ái Châu. Khi Dương Đình Nghệ ở phủ Tiết độ sứ tại Giao Châu, bị nha tướng là Kiều Công Tiễn giết hại đoạt ấn Tiết độ sứ thì Ngô Quyền từ Châu Ái, đem quân ra đánh. Kiều Công Tiễn liền cầu cứu Vua Nam Hán là Lưu Cung. Cung sai Thái tử Hoàng Tháo mang thủy quân tiến vào sông Bạch Đằng đánh Ngô Quyền.

Ngô Quyền liền giết Kiều Công Tiễn và các nha tướng của hắn để triệt mầm nội ứng, rồi bảo các tướng tá rằng: "Hoàng Tháo là một đứa trẻ nít, biết gì mà cầm quân! Quân Nam Hán từ xa đến mệt mỏi, không quen thung thỏ, lại nghe tin Kiều Công Tiễn và đám nội ứng đã bị giết, hắn đã hoang mang mất vía rồi! Quân ta lấy sức mạnh địch với quân mệt mỏi, tất phá được. Song, quân thủy của

họ có thuyền to, lợi thế trên sông khá mạnh, nếu ta không phòng bị trước, ắt không thắng nổi".

Ngô Quyền sai đem cọc lớn, đóng ngầm trước biển, vạc nhọn đầu, bịt sắt. Nước triều lên, Quyền sai quân ra nghênh chiến, giả cách thua chạy, nhử thuyền giặc vào bãi cọc. Vừa lúc ấy, thủy triều xuống, Quyền thúc quân mạn thượng lưu đánh thúc lên. Quân ở mạn hạ lưu cũng quay lại phối hợp với các phục binh ở các sông nhánh, dồn quân Hán vào thế trận, thuyền của giặc va vào cọc, mà đắm. Đội hình hoảng loạn, quân lính kêu khóc vang trời. Ngô Quyền giết được Hoàng Tháo, quân Hán sợ hãi rút về, Quyền lên ngôi Vua, đem quân về đóng đô ở Loa Thành, lập vương triều.

Thời đó Tiết độ sứ Dương Đình Nghệ, khi Ngô Quyền được trao quyền coi giữ miền Châu Ái, thì Đinh Công Trứ, nha tướng của Dương Đình Nghệ cũng được coi giữ Châu Trường Yên. Ngô Quyền và Đinh Công Trứ đều được coi trọng. Mỗi khi về phủ Tiết độ sứ đều mời nhau đến uống rượu và đến thăm hỏi nhau. Ngô Quyền lúc đó đã có hai con trai là Ngô Xương Ngập và Ngô Xương Văn. Đinh Công Trứ cũng mang con trai theo là Đinh Bộ Lĩnh.

Ngô Xương Văn, dáng người nho nhã, ăn nói cẩn trọng, khác với Ngô Xương Ngập, Ngô Xương Văn rất trọng lễ.

Năm ấy, Tiết độ sứ Dương Đình Nghệ mở hội thả đèn ở trên sông. Các nha tướng, và ba ngàn con nuôi đều có đèn thả. Mỗi phao đèn trên sông, đều đặt trên bè nhỏ, trên bè đặt những đĩa gốm lớn, đổ đầy dầu lạc, dầu chổi... thấp nhiều bậc. Đợi lúc nhập nhoạng tối thì các thuyền đến bến chờ lệnh, cùng thả đèn. Một nghìn người thả đèn ở bờ bắc, một nghìn đèn được thả ở bờ nam. Còn ở luồng giữa, các đèn được Tiết độ sứ cho hai chục thuyền to, chở các nha tướng, con nuôi, theo từng đợt, ra giữa dòng mà thả đèn. Hàng ngàn ngọn đèn được thả cùng một lúc. Đám người ở hai bên bờ lợi xuống nước, quên cả giá rét, lấy tay khua nước, đẩy cho đèn của mình ra

xa, theo dòng nước mà xuôi. Khi đèn ra xa rồi, lại lấy đất từ trên bờ ném xuống, gần kề với đèn, để đèn đi vào luồng chính của sông, hoà nhập với đèn thả ở giữa dòng.

Đèn của Đình Công Trứ do Đình Bộ Lĩnh làm, Lĩnh tuy bé nhưng rất láu lỉnh. Lĩnh làm một chiếc bè bằng thân lau khô, rồi buộc vào một quả bưởi tươi đã khoét hết ruột. Trong ruột bưởi để một ống tre đựng dầu, có đặt những cụm bấc lớn thả đều ra xung quanh. Đèn họ Đình nhanh chóng trôi trước hàng nghìn ngọn đèn bởi ngọn nhỏ, lại sáng nhất, cháy lâu nhất, đi được xa nhất. Hai bên bờ hò reo ầm ĩ.

Ngô Quyền mang hai con là Ngô Xương Ngập và Ngô Xương Văn theo thì Đình Công Trứ cũng mang Đình Bộ Lĩnh theo. Ở phủ Tiết độ sứ các con của nha tướng hay rủ nhau ra phố chơi. Xương Văn, Xương Ngập thường hay chơi ở những nơi phong cảnh hữu tình. Còn Đình Bộ Lĩnh thì hay la cà vào các chợ, thấy thức gì ngon cũng sà vào ăn cho đã, rồi trà trộn vào đám người châu phủ, đem theo đám trẻ nhà gậy gỗ, đánh lộn, lắm khi chỉ vì chuyện hiếu thắng không chịu nhường đường nhau, hoặc không có một bãi đánh quay, đánh khăng như ý...

Đình Công Trứ thường phải xin lỗi bạn bè trong châu phủ vì tội nghịch ngợm của con mình.

Khi Ngô Quyền đánh bại được Kiều Công Tiễn, rồi dẹp tan quân Hoảng Tháo, đem quân về đóng đô ở Loa Thành có cho người vào phủ Trường Yên mời Đình Công Trứ ra làm quan. Nhưng ông Trứ thích một mình một phủ, không phải lệ thuộc ai, nên cố chối từ. Ngô Quyền cũng không ép. Sau khi đó, ông ốm và mất... Em của ông, chú của Bộ Lĩnh nắm giữ lấy quyền bính ở phủ Trường Yên. ..

Bộ Lĩnh lúc đó còn ít tuổi bị chú khống chế không làm gì được, tức lắm, muốn rủ đám bạn bè cùng lứa, lừa khi chú đi qua, nấp bên đường, đeo mặt nạ mo nang, xông ra mà đánh.

Song, mưu mô trẻ con trước sau nào giấu được ai. Việc bại lộ, quân hầu bắt được Lĩnh, chú Lĩnh đánh cho một trận thừa sống thiếu chết.

Bà mẹ họ Đàm phải thân đến xin, Lĩnh mới khỏi chết.

Bà đem Lĩnh ở một góc xóm núi, biệt lập hẳn chỗ đông người, bắt Đinh Bộ Lĩnh đi chăn trâu, cho một gia nhân rất khỏe, ngày đêm giám sát chặt chẽ, không rời mắt. Bà biết chú của Bộ Lĩnh, sợ cháu lớn lên, đòi lại quyền hùng trưởng ở phủ Trường Yên, do đó chắc chắn để yên cho Lĩnh.

Song Đinh Công Trứ vừa mới mất, lòng người vẫn còn nhớ đến ông. Ra tay lúc này không tiện, do đó ông chú của Bộ Lĩnh còn nấn ná!

Một hôm, bà mẹ gọi Lĩnh mà bảo:

- Con bắt đầu lớn rồi, phải biết suy tính, chứ đừng làm những việc khích bác chú con... Ông ta hiện có binh quyền trong tay, hại con rất dễ, con không được coi thường.

Bộ Lĩnh quay cổ lại, cãi:

- Đây là mẹ nghĩ. Còn con ư... Con ếch định ăn thịt, thì con cua cũng phải giơ càng lên. Mà giơ lên thì sẵn sàng cắn ếch, không thể cho nó ăn thịt mình đâu!

Mẹ thấy con có lý, cũng không nói thêm gì nữa.

Đinh Bộ Lĩnh lấy miếng sơn thần làm nơi tụ hội bạn bè. Miếng rất rậm, bốn bề toàn cây to, vào đến miếng là bãi lau bạt ngàn hai bên đường. Mùa thu hoa nở tím như một làn mây tía dẫn lối vào miếng. Vào đông, hoa lau khô dần, màu tím chuyển ra màu trắng xóa.

Động Hoa Lư ẩn giữa bốn bề núi đá, xa xa là núi Yên Ngựa, hai đỉnh nhô lên rồi vòng xuống, đứng ở đó có thể nhìn thấy, người ngựa đi ở tít bên dưới đường quan lộ, lại nhìn thấy sông Hoàng Long chảy xuyên qua Gia Viễn mà xuôi về phía Kẽm Trống. Sông

uốn khúc như một con rồng. Mùa hè nước đục ngầu, có màu vàng đỏ nên gọi là Hoàng Long.

Bộ Lĩnh thường đến miếu sơn thần, nếu gặp trên điện, miếu có đồ cúng như xôi, oản, hoa quả, lúc đói, Bộ Lĩnh đều hạ xuống ăn... Có hôm tụ tập đám bạn bè cùng lứa, dùng dao phát quang cây cối quanh miếu mà chơi cầu, chơi quay, đánh vật, bày hết trò nọ, trò kia không chán.

Miếu sơn thần có tiếng linh thiêng. Mọi người nói, thần thường dung túng cho lũ hổ nằm chờ, hễ ai bất ngờ đi qua, dẫn củi vào nghỉ là chúng từ các tảng đá bên suối nhảy ra vồ ăn thịt. Do đó, trừ một ông từ gan góc, tuần rằm, mồng một, đem lễ ra thắp hương cúng tế rồi bỏ đấy mà về không dám ngồi lâu, không ai dám mon men đến. Vùng Trường Yên rất lắm hổ. Đám trẻ chăn trâu, nếu nhãng đi một chút, là bị hổ xông ra vồ mất ghé, nhất là vào buổi chiều. Do đó, đứa trẻ nào đi chăn cũng mang theo hai hòn đá, thả vào trong giỏ, khi rong trâu chưa nhập đoàn, thì ngồi lên mình trâu, vừa đi vừa cầm đá đập chan chát vào nhau để hổ sợ.

Trong miếu sơn thần có lũng cỏ ngon, thả trâu ở đó, trâu ăn rất lành, tha hồ muốn bày trò gì thì bày.

Bộ Lĩnh thường dẫn đàn trâu của nhà mình đến trước. Lĩnh ngồi trên một con trâu đục sừng cánh ná, lông đen mà rậm, hai má đầy, mắt lồi, rất dữ, dẫn một đoàn trâu ung dung tiến vào miếu sơn thần. Đám trẻ trâu thấy Bộ Lĩnh gan góc, lại nhiều mẹo nên rất thần phục, bảo gì cũng nghe, bày trò gì cũng theo. Lĩnh lại chọn hai đứa nhỏ nhanh nhẹn cho theo hầu hai bên, sai gì phải làm theo nấy, rất oai...

Một bữa, Đình Điền cũng là một cậu bé gan góc, ở làng bên, bảo:

- Nay Bộ Lĩnh, mày đi đâu cũng đem theo một lũ nhóc, ra về ta đây... Bãi cỏ miếu sơn thần, dù ở địa phận bọn mày, nhưng bọn tao cứ thả trâu cho ăn đấy. Làm gì được bọn tao thì làm?

Bộ Lĩnh nghĩ ngợi một lát rồi bảo:

- Đất của làng tao, đứa nào sang, tao đánh cho gãy cổ trả về cho bố mẹ phục thuốc đấy!

Đinh Điền quát mắt lên, ra giọng đàn anh:

- Thằng này láo nhỉ! Mà không biết Đinh Điền ở Trường Yên Hạ hay sao?

- Có là ông giời tao cũng không sợ!

- Dám đánh nhau không?

- Đánh thì đánh, sợ gì?

- Được rồi, vậy là ngày mai nhé!

- Ngày mai!

- Thắng thua thế nào?

- Thắng thì muốn gì được ấy!

- Được rồi - Đinh Điền nói - Nếu bọn tao thắng bọn mày phải nhường bãi cỏ miếu sơn thần cho tao!

- Được thôi. Nhưng nếu bên tao thắng?

- Thì chúng tao cũng nhường bãi chăn ở Trường Yên Hạ cho chúng mày!

Đinh Bộ Lĩnh bảo:

- Cỏ ở bãi miếu sơn thần ăn hết ở phía đầu, thì phía cuối lưng đã xanh, chúng tao cần quái gì phải đi đâu, chúng tao cần cái khác kia!

- Cần gì cứ nói!

- Nếu tao thắng, bọn chúng mày phải nộp cho chúng tao mười quả mít chín, một giỏ ổi, và năm nải chuối chín cây!

- Thứ đó thì bên tao sẵn lắm, khó gì đâu!

- Nếu bội hứa, chúng tao sẽ cho trâu chà hết vào ăn lúa của bố mày đấy nhé!

Đình Điền tức hộc lên:

- Tao không thèm sai hẹn đâu!

Đình Bộ Lĩnh lại nói:

- Này tao bảo, đã đánh nhau, thì đánh thật sự, nhưng chỉ được dùng gậy và đất, đá thôi đấy. Đứa nào mà đau, chết, bố mẹ hỏi, cũng không được khai bậy đâu nhé!

Đình Điền nghĩ bụng:

- Thằng này khôn thật. Chắc nó sợ chú nó nhân việc này mà trị nó đây mà!

Đình Điền nói to lên:

- Dám làm, dám chịu. Chúng tao không thèm cạy tay người lớn!

- Thế thì được rồi! Vậy ngày mai, hiểu không, đúng buổi chiều, lúc thả trâu. Không đánh nổi thì rút lời hẹn cũng được!

Đình Điền phát khùng:

- Chúng ông mà thèm rút lời à! Được rồi mai bọn mày sẽ biết tay chúng ông!

2

Đình Điền vẫn chưa hết tức Đình Bộ Lĩnh. Ngay trưa hôm sau, Điền đã gọi hết đám trẻ chăn trâu ở Trường Yên Hạ, tập hợp đầy đủ, mỗi đứa sắm một gậy tre tươi khá chắc và to. Điền chọn những con trâu to, chạy nhanh, cho những đứa khoẻ cười, dàn hàng đầu, phía giữa là những đứa không gan lắm, hàng sau lại là những đứa lì, dám đánh đến cùng mới thôi.

Mỗi đứa đeo theo một giỏ đá. Đình Điền lại cho cả hai đứa mang theo thùng nếu Bộ Lĩnh thua thì trời đem về, xỉ vả, hạ nhục, chôn chân, kỷ đến khi nào van xin tha thì mới thôi.

Đình Điền thúc trâu tiến thẳng vào lũng cỏ miếu sơn thần.

Từ xa đã thấy có mấy con trâu đứng chắn ở phía trước, và đám quân của Đình Bộ Lĩnh đứa nào đứa ấy giờ ngang gậy, sẵn sàng nghênh chiến.

Đình Điền thúc quân vào đánh. Đá ném rào rào. Gậy vung lên tít mù. Đám trẻ trâu Trường Yên Hạ xông lên đầy khí thế.

Nhưng khi chúng tiếp cận với đám trẻ trâu quân của Đình Bộ Lĩnh, vung những chiếc gậy phang thật mạnh vào vai, bổ vào đầu đối phương, thì chỉ nghe thấy những tiếng "bộp", "bộp", những chiếc nón lá trên đầu rơi xuống, những thân người ngã lăn ra đất, bọn trẻ bên Đình Điền mới biết là trên mình trâu toàn bù nhìn, lấy cây chuối làm thân, bọc rơm ngoài, cho đội rơm, rồi đặt lên mình trâu rất khéo.

Đình Điền biết là mình đã mắc mẹo, thì ở hai phía sườn đồi, sau những bụi cây lúp xúp, quân của Đình Bộ Lĩnh xông đến, đánh tạt vào ngang sườn. Phía trước cũng có một cánh đánh ép lại.

Khi quân của Đình Bộ Lĩnh xông đến gần, quân Đình Điền quay lại ứng chiến thì "Bét! Bét! Bét! Bét!" những đám bùn non trộn với rơm từ trong các giỏ lớn đeo bên sườn của quân Đình Bộ Lĩnh tới tấp ném vào mặt đám quân trẻ trâu của Đình Điền. Chỉ cần trúng một miếng bùn trộn rơm là mặt nhoe nhoẹt rất khó chịu, bùn chảy nhoe trên mặt, vào mắt, mặt mày tối tăm lại không còn biết trời đất gì nữa. Quân của Đình Bộ Lĩnh xông đến, vung gậy đánh tới tấp vào quân Đình Điền. Bộ Lĩnh xông thẳng đến Đình Điền - Lĩnh không thềm ném bùn, chỉ bảo:

- Đình Điền, tao đấu gậy với mày đây!

Bộ Lĩnh vung gậy đánh một cái Đình Điền né người tránh. Bộ Lĩnh không đánh dừng tay cười vang, chờ cho Đình Điền vừa ngẩng dậy, mới vụt thẳng đầu, nhưng không chí vụt trúng, chỉ đánh cho văng nón xuống đất rồi reo to lên:

- A ha! Đinh Điền rụng đầu, thua rồi!

Quân Bộ Lĩnh được thể càng rêu rao thật to, bòn rơm lại tới tấp ném sang. Một đứa vắn theo sát bên hỗ trợ cho Bộ Lĩnh ném một nắm bòn vào giữa mặt Đinh Điền. Cùng lúc ấy, Bộ Lĩnh phang cho Đinh Điền một hèo vào đùi, Đinh Điền nẩy người lên liền quay trâu dùng dùng chạy mất. Lũ trẻ Trường Yên Hạ, đành chịu thua, thúc trâu theo Đinh Điền...

Hôm sau, Điền y hẹn đem mít, ổi và chuối sang nộp "chiến lợi phẩm". Bộ Lĩnh cũng đem xôi và thịt gà, thịt từ nhà, làm lễ chiến thắng, cho quân múa tể cờ ngay ở miếu sơn thần, dâng lễ lên thần miếu. Bộ Lĩnh chít khăn vàng, thắt đai vàng, rất oai phong, làm chủ tể. Sau đấy, đem xôi, hoa quả chia cho quân Đinh Điền và hẹn từ nay sẽ liên minh cùng nhau ở đất Trường Yên này... Đinh Điền rất phục Đinh Bộ Lĩnh vui vẻ đem bọn trẻ Trường Yên Hạ về.

Sau khi khao quân xong, Bộ Lĩnh cho đám trẻ trâu tự dẫn cho mình những bông lau dài bó làm cờ, rồi chia quân tiên phong, trung quân, hậu quân, mình cuời trâu đi giữa rất oai vệ. Những đứa nào đẹp, khôi ngô, dũng mãnh thì chia hai hàng rước Bộ Lĩnh như rước Vua... Bộ Lĩnh cho kéo quân sang các thôn bên để thị uy, bọn trẻ trâu các làng đều khiếp sợ... Từ bữa ấy, để phô trương thanh thế, Bộ Lĩnh bày trận cho đám trẻ trâu đánh nhau đủ kiểu trên thủy, trên bộ... rồi lại kiếm các thứ để khao quân, làm như một đạo quân thực thụ.

Có hôm, vốn ghét chú, chiếm quyền của cha, Bộ Lĩnh cho quân xông vào đánh đám gia nhân chăn trâu của chú, cướp lấy một con đem về ăn thịt. Chú của Bộ Lĩnh tức lắm, cho quân lính vác bãi chăn miếu sơn thần, nhưng không bắt được ai.

Khi bọn gia nhân đến bãi ruộng bên phải miếu, thì chỉ thấy những mâm lá chuối, còn sót lại những miếng thịt trâu, ạp không hết và nắm muối.

Thì ra Bộ Lĩnh cho người canh gác ở trên núi thấy người của chú đến, lạng lẽ rút lui.

Sáng hôm sau, khi chú của Bộ Lĩnh vừa chân ướt chân ráo ra khỏi trang trại, thấy mọi người xúm đen, xúm đỏ bên thửa ruộng liền gạt đám đông bước vào xem.

Ở giữa ruộng có một chiếc đuôi trâu cắm vào lỗ nẻ, trên có treo một tờ giấy:

- Trâu lớn chui lỗ nẻ, ai kéo được thưởng 100 lạng bạc!

Hoá ra đuôi con trâu ấy chính là con trâu của chú mà Lĩnh thịt khao quân bữa qua, đem bêu cho mọi người biết.

Ông chú tức lắm, xông đến định rút đuôi trâu vứt đi cho đám đông giải tán, không dè, đuôi còn để cả một tảng thịt và xương ở núm đuôi, lèn đất chôn rất kỹ. Chú Bộ Lĩnh mắ mồi mắ mồi kéo thật lực mới bật lên được.

Ông ta ngã bổ chửng, thì bị chiếc đuôi trâu và mảnh giấy đập vào mặt.

Đám đông cười âm lên!

Đình Bộ Lĩnh càng ngày càng căm giận chú. Lĩnh tự thấy mình không có thể lực thì trước sau sẽ chết về tay người cướp đoạt cơ nghiệp của bố mình để lại.

Gần động Hoa Lư, xuôi sông Hoàng đến đầu sông Giao Thủy, ở đấy có một ngôi chùa lớn. Hoà thượng là nhà tu hành có tiếng, lại am hiểu dịch số. Đình Bộ Lĩnh thường cho thuyền đi đánh cá, thường ghé qua gửi thuyền lên bến bán cá. Hôm nào, được nhiều cá thường mua lễ vật cúng tiến cho chùa. Hoà thượng được các sư bác, chú tiểu cho biết, rất quý. Đình Bộ Lĩnh xin được ra mắt.

Hoà thượng vui vẻ tiếp. Đình Bộ Lĩnh xin được thụ giảng về Phật giáo.

Hoà thượng nhìn Đình Bộ Lĩnh rồi cười nói:

- Ta nhìn thí chủ, tay dài, vai rộng, dễ nghiêng về chộc trời, khuấy nước, làm sao mà theo đường hỉ xả được!

Bộ Lĩnh nói:

- Thừa thầy, tu cũng năm bảy đường tu. Nước nhà trải một ngàn năm đô hộ. Ngô Quyền mới dựng nghiệp thì mất sớm. Hai con đã chắc gì giữ được vương nghiệp. Vả lại, giang sơn rộng lớn, hào kiệt nào bằng, chưa ai vượt được ai. Con muốn học hỏi để vượt lên cái đám anh hùng, hào kiệt các nơi trên đất này!

Hoà thượng trong lòng rất phục. Khẽ gật đầu, một lúc sau mới ôn tồn nói:

- Phật cũng có thể hiểu được lòng thí chủ. Bởi Phật lấy tâm làm gốc. Ham muốn là chủ của duyên, gây ra rắc rối phiền muộn. Muốn hơn người, trùm đời, ta e là chưa "ngộ" được đâu!

Bộ Lĩnh nói:

- Ham muốn có nhiều ham muốn. Nếu như ham muốn của con lập lại được núi sông vào một mối. Dựng nước của mình, phát huy văn hiến, đề ngang hàng với các nước xung quanh, sửa chính sự, lập triều đình, chăm lo cho dân giàu nước mạnh, thì ham muốn ấy hợp với đời, với người, con e sẽ nhất hộ bá ứng, sao lại gây ra trắc trở được.

Hoà thượng biết Đinh Bộ Lĩnh khí phách khác thường, liền khen:

- Làm trai ở trên đời này, nên như thế.

Bộ Lĩnh quỳ xuống lạy sống hoà thượng và nói:

- Lĩnh này, cha mất sớm, chú cướp quyền, thù ghét lúc nào cũng rình rập, sai người đuổi, tìm cách giết bỏ. Học chữ chưa chắc được bao nhiêu, con xin thầy nhận con làm đệ tử, dạy cho con cách dựng nghiệp, lập thân, đối phó với những vấp vấp, chông gai, thì con nguyện suốt đời ghi tạc.

Hoà thượng đỡ Bộ Lĩnh dậy mà bảo:

- Con là người có chí, ta rất mừng, sẵn lòng truyền thụ cho con. Nhưng con ở xa, học vào lúc nào được.

- Thưa thầy, nếu cần phải học, thì con sẽ bỏ mọi việc đến học. Chỉ lo bây giờ vẫn phải lo sinh kế, nên con cứ phiên chợ đem thuyền lên chợ bán cá, sau đó sẽ lên Phật đường nghe thầy thuyết giảng.

Từ bữa ấy, Đinh Bộ Lĩnh đúng hẹn, cứ buổi chợ là lên học. Bộ Lĩnh rất thông minh, hoà thượng cũng không dạy Lĩnh theo trình tự như các học trò khác, mà đem những điều cốt lõi của tam giáo giảng cho Bộ Lĩnh. Lĩnh học rất say mê, lĩnh hội rất nhanh.

Sư lại cho học trò yêu là Ngô Chân Lưu học cùng với Đinh Bộ Lĩnh. Lĩnh rất phục Ngô Chân Lưu, thấy Lưu chữ nghĩa giỏi giang gấp mấy lần mình, hai người lại mến nhau, nên có bạn Đinh Bộ Lĩnh xin thầy cho Ngô Chân Lưu về Hoa Lư chơi, đến phiên chợ lại đưa Lưu về chùa. Hoà thượng quý hai học trò liền cho Lưu đi, chỉ dặn dò phải hết sức giữ phong độ là người chùa Giao Thủy. Ngô Chân Lưu vái thầy mà lên đường.

Ngô Chân Lưu đến Hoa Lư, lân la tìm sách quý trong vùng, một hôm, đưa cho Bộ Lĩnh một bộ sách mà bảo:

- Đinh Bộ Lĩnh này, anh cầm lấy bộ sách quý này, nếu học hết điều hay thì lo gì mà không làm tướng được!

Bộ Lĩnh giờ xem mới biết đó là *Binh pháp Tôn Tử*... Lĩnh mừng lắm, bỏ cả công việc, đóng cửa mà học, sợ đến ngày Ngô Chân Lưu phải đem trả nhà chủ.

Đọc xong, Đinh Bộ Lĩnh nói:

- Bộ *Binh pháp Tôn Tử* này dạy nhiều điều trong phép làm tướng, nhưng là ở một nước kỷ cương, triều đình đã đầu ra đấy. Đất họ rộng, người họ đông, bày trận, đánh thành, nghi binh, phục kích, không phải cứ theo sách mà làm được!

Nói rồi đem trà sách. Ngô Chân Lưu hỏi:

- Anh có muốn tôi chép lại cuốn sách này cho không?

Đình Bộ Lĩnh nói:

- Những điều cần nhớ đã ở trong bụng Lĩnh cả rồi.

Ngô Chân Lưu rất ngạc nhiên.

Hôm ấy, Đình Bộ Lĩnh đánh cá ở sông Giao Thủy, Lĩnh giăng lưới ở một ghềnh sâu, được một con cá rất lớn, liền để ăn không bán. Nào ngờ khi mổ ra, thấy viên ngọc đỏ rất sáng mà to. Bộ Lĩnh liền nhặt lấy, rửa sạch rồi cho vào túi da.

Đêm ấy, cá ngon, Bộ Lĩnh uống rượu say, ngủ lã ở bên thêm chùa. Ngô Chân Lưu tụng kinh ở trên chùa xong, ra định đánh thức Bộ Lĩnh vào nhà ngủ kéo muối. Nào ngờ thấy ánh hào quang rất rực rỡ. Ngô Chân Lưu cho đây là khí tượng thiên tử.

Liền đánh thức Đình Bộ Lĩnh. Đình Bộ Lĩnh ngồi dậy. Chân Lưu hỏi:

- Anh nằm ngủ tự phát sáng, đến lúc ngồi dậy lại không thấy nữa. Hay là anh là người trời!

Bộ Lĩnh cười, lấy trong túi da viên ngọc đỏ ra đưa cho Ngô Chân Lưu xem. Lưu xem, thấy ngọc đỏ gắt như một giọt máu, lóng lánh rất đẹp. Ngô Chân Lưu soi lên trời xem, thì thấy trong lòng ngọc như có sương có khói, vẫn đục liên hồi, hơi cau mày, không nói gì cả.

Bộ Lĩnh hỏi:

- Sao anh xem ngọc rồi lại ngồi thừ ra.

Chân Lưu nói:

- Nhà chùa có câu: "Nhất ẩm, nhất trác giai do tiền định", nghĩa là một việc nhỏ trong đời mình đều có duyên kiếp cả. Anh được ngọc, sao không đem lên hỏi thầy.

Đình Bộ Lĩnh đem ngọc nhờ hoà thượng xem cho.

Hoà thượng nhìn ngọc, soi khắp bốn phía rồi lại đưa cho Bộ Lĩnh.

Thấy thầy không nói gì, Bộ Lĩnh chấp tay thưa:

- Nếu không phải tiết lộ thiên cơ, xin thầy hể cho con đôi điều ẩn trong vẻ ngọc.

Hoà thượng nói:

- Con sau này hơn đời, giàu sang khỏi phải nói. Ta xem ngọc, có câu sấm này, con nhớ lấy: Đỗ Thích giết Đinh Đinh. Họ Lê có thánh sinh. Giành nhau nhiều kẻ chết. Người vắng vẻ trên đường. Xung hùng mười hai sứ. Chẳng ai được vẹn toàn. Cây mận sẽ lên tiên. Mệnh trời lại được truyền"⁽¹⁾.

Đinh Bộ Lĩnh hỏi:

- Thế họ Đinh của con cũng không được lâu dài ư?

Hoà thượng đọc tiếp:

- Ngắn, dài không bàn đến, miễn chói lợi hào quang.

Bộ Lĩnh cúi đầu vái thầy:

- Nam mô a di đà Phật!

3

Đinh Bộ Lĩnh đã khôn lớn, muốn vùng vẫy, nhưng bị chú ruột kiềm chế, chẳng khác gì chim bị nhốt trong lồng. Lĩnh tức lắm, không làm gì được. Chú cũng muốn diệt cháu, song sợ quân sĩ, không phục, bởi nha tướng còn nhiều người nhớ đến Đinh Công Trứ, cha của Bộ Lĩnh.

Mẹ của Bộ Lĩnh, thế lực cũng lớn, ắt không để cho em chồng muốn làm gì thì làm.

⁽¹⁾ Câu sấm nói: loạn 12 sứ quân tiếp đến nhà Đinh sau là Lê Đại Hành. Rồi đến nhà Lý. Chữ Hán, cây mận là Lý.

Từ ngày chơi thân với Đinh Điền, Đinh Bộ Lĩnh có thêm một người bạn nữa là Nguyễn Bặc, Đinh Điền, Đinh Bộ Lĩnh bữa ấy hẹn nhau, kéo vào trong rừng. Họ đào một cái hố to, trên lót nhẹ một lớp cành nhỏ, thưa, rồi phủ cỏ lên trên... Sau đó, họ chia nhau, dò ở cửa dinh quân họ Đinh xem hôm nào, chú ruột của Đinh Bộ Lĩnh đi săn.

Hôm ấy, người chú cùng đám người thân, cưỡi ngựa, cầm cung, đeo kiếm đi săn. Họ kéo vào rừng... Khi họ thấy một con nai chạy theo hướng bắc, đều ruột đuổi theo. Chú của Đinh Bộ Lĩnh người mập, nặng, con ngựa lại nhỏ, chạy trong rừng nên chậm hơn đám người kia. Đang ngờ ngác, ông ta bỗng thấy một con nai cách đó không xa, trông thấy người tung vó chạy, ông ta kéo cương ngựa, ngoặt đuổi theo. Con nai chạy qua một bãi nhỏ phủ cỏ rồi biến vào trong bụi rậm. Thì "rầm", lão và ngựa lao tụt xuống hố, mặt mũi tối sầm lại, cả người đều tụt xuống bầy.

Dưới bầy, Bộ Lĩnh lại đổ một lượt phân trâu tươi, nên khi lão bị sa, liền đổ vật người vào trong đám phân, búng nhùng không sao ra nổi. Lão vội kêu to lên:

“Cứu ta với! Cứu ta với!

Tay lão vẫn cố gạt phân trâu nhoe nhoét trên đầu trên mặt.

Bọn người trong phường săn, đi chưa xa, nghe tiếng kêu cứu liền quay lại, và hò nhau, lúng túng mãi, mới gỡ cành khô, lôi lão và ngựa lên được.

Ở cách đó không xa, Đinh Bộ Lĩnh vẫn chưa bỏ lốt hươu ra khỏi người, giậm chân nói:

- Trời chưa cho ta báo thù cho cha rồi. Ta chưa nghĩ đến việc hấn có thể kêu cứu.

Rồi cùng Đinh Điền, Nguyễn Bặc chia tay, ai về nhà nấy!

Chú của Bộ Lĩnh về nhà đau ê ẩm, lại thêm cứt trâu quắn vào người, tanh tưởi rừng người. Lão phải sai gia nhân, nấu nước thơm tắm mới sạch.

Mình mảy đau càng ngày càng thắm lão cố nén vẫn rên hừ hừ. Lão phải lấy mật gấu hoà với rượu, xoa bóp những chỗ máu tụ, bầm tím. Cho đến mảy hôm mới tan.

Tin lão chú sa vào hầm cút trâu, loang ra cả làng, ai cũng biết. Lão coi như mình bị sỉ nhục, càng tức lồng lộn...

Bộ Lĩnh từ bữa ấy, bỏ nhà không dám về, trốn biệt ở nhà Đình Điền. Bà mẹ phải cho người tìm về. Lĩnh không chịu về. Bà nói:

- Con phải về. Trốn mãi được ư! Mẹ đã cho người đem bạc và thuốc đến nhà chú tạ tội rồi. Hổ còn không ăn thịt đồng loại, huống chi ông ấy là chú con. Mẹ chỉ có một mình con, con bỏ đi, mẹ sống làm sao nổi.

Nước mắt bà chan hoà. Đình Bộ Lĩnh an ủi mẹ:

- Con rất thương mẹ. Nhưng mẹ có muốn con nối chí cha, hùng cứ một vùng hay suốt đời chỉ là một anh chàng vô dụng, nép dưới gấu vấy mẹ.

Bà mẹ nói:

- Hiện nay, con đang ở trong vòng nguy hiểm. Con về ở với mẹ, chú con còn nể sợ mẹ, sợ các cậu con không để ông ta yên, muốn gì thì làm. Con ở đây thân cô thế cô, nếu lão ấy khởi đem quân đến vây bắt, trốn đâu cho thoát.

Đình Điền ngẫm nghĩ mãi vẫn chưa ra kế. Lúc ấy, Nguyễn Bạc cũng vừa đến, biết chuyện, liền bảo Bộ Lĩnh:

- Anh cứ về đi để cho mẹ yên lòng. Có điều đi đâu thì phải cẩn thận, tôi tin rằng, lão chú của anh sau này, hấn không hùng hổ kéo người đến vây như mọi lần nữa đâu. Hấn sẽ lập mẹo để bắt anh, sau đó, hấn cũng trị luôn chúng tôi đấy!

Đình Bộ Lĩnh nghe bạn, trở về nhà.

Lão chú khỏi bệnh, tức dây ruột. Lão nghiêng rằng nói:

- Tao phải giết chết thằng Bộ Lĩnh từ bây giờ, để cho nó lớn lên, ắt nó không để cho ta yên...

Liên nghĩ ra mẹo thật thâm hiểm. Lão làm như tha thứ cho Đinh Bộ Lĩnh không thèm chấp.

Bữa ấy, giỗ Đinh Công Trứ, mẹ Đinh Bộ Lĩnh mời cả ông chú đến. Bà cho gọi Đinh Bộ Lĩnh ra lạy chú. Bộ Lĩnh tuy không muốn gần mặt với chú, nhưng không nỡ trái lời mẹ, đành làm theo.

Tuy nhiên, trong suốt bữa cỗ, Bộ Lĩnh không lúc nào rời mắt khỏi ông chú. Khi Lĩnh thấy ông ta, rời mâm, giả tảng đi tiểu ra vườn sau, gặp mấy đứa gia nhân đi theo hầu đang ăn uống trong vườn, Bộ Lĩnh biết rằng, lão ta sẽ gây gổ đây! Lĩnh liền chạy luôn ra cổng, ngoài đó là chỗ buộc ngựa. Lĩnh nhảy phốc lên một con rồi cứ thế ra roi, phóng miết về phía sông Hoàng Giang. Đó là một con ngựa khôn và dữ, khi Đinh Bộ Lĩnh cưỡi lên mình nó, nó tung chân cào đất, cố hất Lĩnh ra khỏi mình. Nhưng Bộ Lĩnh đâu phải tay vừa, Lĩnh kẹp chân vào sườn trước ngựa, đập dây cương và quất thật đau vào cổ nó. Con ngựa biết người cưỡi nó, không phải tay xoàng, liền hí vang mấy hồi rồi phóng vút về phía trước. Mất ngựa! Mất ngựa! Trong nhà kêu ầm lên. Lão chú và mấy gia nhân chạy ra chỉ thấy Đinh Bộ Lĩnh gò mình phi ngựa chạy ra phía bờ sông.

Bọn họ đều lên ngựa đuổi theo. Bộ Lĩnh tuy giỏi nhưng đám này đều là những tay chân cự phách của ông chú, nên chúng đuổi sát sạt không rời, miệng thét lên:

- Thằng cướp ngựa, hãy đứng lại, không ta bắn chết.

Bộ Lĩnh tuy cưỡi ngựa, nhưng tai vẫn lắng nghe. Chợt như có tiếng dây cung bật tanh tách, Lĩnh cúi rạp mình trên mình ngựa. Hàng loạt tên mạnh từ phía sau lao đến, đều không trúng. Đang chạy thẳng, Bộ Lĩnh rẽ cương chạy về bên trái. Đám người đuổi theo bị lạc hướng chậm một lúc, nhìn thấy lá động, bụi bay, bấy giờ mới cố kiết đuổi theo.

Trời đang yên lành, đang trưa bỗng nổi sấm chớp ùng ùng. Sét đánh ngang tai, như có mùi đá cháy khét lẹt. Mưa giội xuống rất

to. Lĩnh chạy thục mạng, vì biết nếu chỉ dừng lại ở đây thì bọn người của chú Lĩnh sẽ xé xác Lĩnh ngay lập tức.

Lĩnh định cho ngựa quay ngược lại về phía sau rồi về nhà Đình Điền, nhưng đường rừng một lối, nếu mạo hiểm thì bọn họ ập đến, lúc ấy hối sẽ muộn.

Con mưa tối sầm trời, những giọt mưa quất vào gáy rất rần rạt. Đình Bộ Lĩnh thúc ngựa lao lên núi. Rồi chạy thốc ra phía bờ sông. Bọn người đuổi theo vẫn không rời, tên đi đầu chỉ cách năm tấc. Lĩnh giật mình không mang cung tên theo. Chợt thấy ở ngang sườn có cái gì cộm cộm, thì ra mình vẫn còn một con dao ngắn. Lĩnh vừa chạy vừa lẳng lặng rút ra, rồi chờ cho tên chạy đầu xô đến gần, liền phóng mạnh dao.

Lưỡi dao cắm phập vào vai tên gia nhân và nó lăn nhào xuống ngựa. Gã chú không thêm cứu nó, rượt qua, đuổi theo cháu, miệng thét lên:

- Bộ Lĩnh, phen này thì tao băm mảy ra một nghìn mảnh.

Phía trước đã là sông Hoàng Giang. Chú Bộ Lĩnh muốn bắt sống cháu, rướn ngựa đuổi theo, kiếm lăm lăm trong tay.

Mây đen như xà xuống tận mặt đất. Trời tối mịt mù. Bộ Lĩnh thúc ngựa đến bờ sông, rồi không cách nào khác, quất mạnh vào hông ngựa.

Con ngựa nhào mình phóng mạnh về phía trước nhảy ùm xuống sông.

Cùng lúc ấy, một tiếng sét nổ vang, những tia chớp lớn rạch ngang bờ sông như những con rồng vàng, chú của Bộ Lĩnh hết hồn, chúi đầu xuống và ngã nhào xuống đất bất tỉnh.

Con ngựa của lão, cũng bị một phen hút chết liền quay đầu, bỏ chủ chạy về nhà. Máy đũa gia nhân chạy sau, thấy chủ bị sét đánh, ngựa chạy, liền xô đến cứu. Phải khoảng nửa canh giờ sau, lão mới tỉnh.

Gia nhân đưa về nhà phục thuốc hàng tháng mới hoàn hồn.

Từ đó, lão không săn lùng Đinh Bộ Lĩnh nữa. Không những thế, khi khỏi ốm, lão lại sửa lễ đến nhà thắp hương tạ tội với anh ruột mình là Đinh Công Trứ.

Lão bảo mẹ Bộ Lĩnh rằng:

- Họ Đinh này rồi oai trùm cả thiên hạ. Thành Đinh Bộ Lĩnh không phải là người thường đâu. Tôi đuổi nó đến giáp bờ sông, thì có Rồng Vàng đón nó sang sông. Chắc sau này nó sẽ làm nên cơ nghiệp lớn.

Nhà vàng ngôi bạc

1

Phạm Cự Lượng tâu với Lê Đại Hành rằng:

Quân Tống hàng mấy vạn đã sang xâm lấn Đại Việt. Hầu Nhân Bảo và Tôn Toàn Hưng đang kéo sang Lạng Sơn. Trần Khâm Tộ đã tiến quân đến Tây Kết, đại quân đi đường thủy đã gần đến hải biên, đóng ở mép Vân Đồn, sẽ kéo qua Bạch Đằng, tiến vào Trường Yên bằng nhiều mũi.

Vua hỏi Phạm Cự Lượng:

- Ông tính sao đây?

Phạm Cự Lượng là người đưa Vua lên ngôi, nên được trọng dụng bèn dâng kế:

- Hầu Nhân Bảo dẫn quân theo đường bộ, tiến chậm, còn lâu mới có thể đến Trường Yên, nên cho người trá hàng, đem rượu thịt cung phụng thừa cơ Bảo sơ ý mà giết... Cánh quân của Lưu Trùng rất mạnh, nếu diệt được thì quân Tống sẽ phải lui quân.

Lê Đại Hành cho là phải, lại hỏi:

- Theo ông, chặn giặc ở Bạch Đằng, nên thế nào?

Phạm Cự Lượng nói:

- Trước đây tôi từng đóng quân ở Nam Sách, rất tường địa thế! Ngô Vương dùng mưu đóng cọc ở sông Bạch Đằng, rồi như

quân giặc vào, đánh tập kích lập được chiến công. Ta nên theo cách đánh của Ngô Vương.

Lê Đại Hành nói:

- Giặc từng biết người trước thua trận. Nay liệu có mắc mẹo không?

Phạm Cự Lượng nói:

- Nhà Tống phía Bắc bị quân Nguyên Mông uy hiếp muốn mở rộng xuống phía Nam. Tướng Tống đi đánh giặc xa, nơm nớp chuyện của nước mình, chắc lòng dạ không yên, chỉ muốn đánh nhanh, thắng nhanh. Do đó mới tiến quân đường thuỷ là chính.

Vua biết Phạm Cự Lượng trước đây giữ đất Nam Sách nên cử Lượng đi trước bài binh bố trận. Cánh quân bộ giữ Lạng Sơn thấy quân bộ của Hầu Nhân Bảo đến đánh, liền trá hàng. Bảo muốn bảo toàn sinh lực, nấn ná đóng ở sông Chi Lăng chờ quân Toàn Hưng cùng tiến. Tôn Toàn Hưng không chịu tiến lại chờ quân Lưu Trùng tiến sâu vào đất Nam Việt rồi sẽ cất quân. Khi có quân Nam đến trá hàng. Bảo hỏi cận kề một hồi rồi nhận vào trong trướng.

Quân Lưu Trùng tiến vào sông Bạch Đằng thì hay tin Hầu Nhân Bảo bị quân trá hàng bắt đem đi, chém đầu. Tôn Toàn Hưng thì chưa chịu tiến quân, Lưu Trùng một mình muốn lập công lớn cứ cho thuyền tiến vào sông Bạch Đằng.

Vua thân đốc quân chống đánh. Lưu Trùng đang lúc thuỷ triều nước to, thúc thuyền tiến vào sâu trong sông. Lê Đại Hành nghênh chiến, rồi lui chạy. Lưu Trùng thúc thuyền chiến đuổi theo. Ngờ đâu nước thuỷ triều rút rất nhanh. Khi quân Tống hoảng loạn kêu lên thì Lê Đại Hành đã đem thuyền chiến quay lại đánh hoả công và dùng quân cung thủ bắn quân Tống. Phạm Cự Lượng từ nhánh sông nhỏ cũng chặn đường rút. Thuyền quân Tống tránh giạt

vào bãi cọc, lại bị đánh gấp, vỡ chết rất nhiều. Cánh quân Trần Khâm Tộ ở Tây Kết cũng vội rút quân. Vua đem đại quân thừa thắng đuổi đánh. Thấy giặc chết đầy đồng. Quân Tống đại bại, Quân Nam bắt được hai tướng Tống là Quách Quân Biện, Triệu Phụng Huân đem về Hoa Lư...

Dân chúng trong nước quên đi chuyện cũ. Vua muốn chinh đốn triều nghi, chấn hưng việc nước. Theo điển lệ Hoàng đế, Vua lại phong năm Hoàng hậu. Vua hỏi Phạm Cự Lượng:

- Ta muốn phong Dương Văn Nga làm Hoàng hậu. Khanh nghĩ thế nào?

Phạm Cự Lượng nói:

- Thần dân thế nào cũng dị nghị!

Vua nói:

- Dương Văn Nga là người đàn bà dám làm những điều người khác không làm. Biết nhà Đinh đã suy vi, ta có thể đảm đương việc nước, do đó đem ngai vàng về cho ta, khoác áo hoàng bào để khanh đưa ta lên ngôi Hoàng đế. Khanh ta có thể trả ơn, chẳng lẽ người có công hơn khanh, ta lại vô ơn. Ta sẽ phong nàng đứng đầu hậu cung, trên năm Hoàng hậu.

Phạm Cự Lượng biết Vua là người dám làm những việc cho là phải, nhưng đã nói thẳng thì phải nói hết. Lượng thưa:

- Tâu, thần còn ở phía Hoàng hậu nữa. Đang ở ngôi Thái hậu, giờ lại làm Hoàng hậu. Vả lại không biết Hoàng thượng đã hỏi ý Hoàng hậu chưa?

Đại Hành rất tự tin bảo:

- Việc gì mà phải hỏi! Đến việc bỏ nhà Đinh lập nhà Lê nàng còn dám làm, huống chi việc này...

Nói rồi ban chiếu phong Dương Văn Nga làm Đại Thắng Minh Hoàng hậu.

Dương Hoàng hậu vừa tạ ơn vừa khóc.

Nước Chiêm Thành bắt giữ sứ thần của Đại Việt, Vua tức giận đóng thuyền chiến, sửa binh khí, năm Nhâm Ngọ (năm 982) cất quân đi chinh phạt, chém được Phê-Mị-Thuế tại trận. Chiêm Thành thua to. Vua tiến quân vào thành thu hết vàng bạc châu báu và đoàn kỹ nữ của cung đình.

Vua tiến vào một ngôi chùa lộng lẫy, thấy một vị sư người Tây Trúc vẫn lặng lẽ thiền, ngồi trước Phật đài, không nói nửa câu.

Quân lính hét hỏi vẫn im lặng, như không biết có ai bên mình.

Quân sĩ định lôi đi, Vua ngăn lại, đứng chờ cho đến lúc thiền xong, mới mời cùng nói chuyện, lại dâng trà oản rất cung kính. Vua hỏi qua về thiền đạo, thấy rất uyên thâm, lại sành hiểu về kinh bốn. Vua chợt có ý nghĩ xây hoàng cung lộng lẫy của một nước mộ Phật liền ngỏ lời mời sư sang Đại Việt.

Sư thấy tình thật, đồng hậu liền theo về Đại Việt.

2

Vua phong Phạm Cự Lượng làm Thái úy, Vua bảo Cự Lượng:

- Ta muốn đầu xuân làm lễ tịch điền, khanh tính sao.

Phạm Cự Lượng tâu:

- Nước mạnh là nhờ dân giàu, xưa nay các bậc đế vương thường thay trời đất cầu cho mưa thuận gió hoà. Do đó, thiên tử lấy ngày nguyên đán tế trời ở đàn Nam Giao, tế phối thần Hậu Tắc để làm lễ cầu mùa. Tế xong vua thân đi cày ở tịch điền... Ngày ấy vua lập đàn tế trời đất, trên đắp hình tròn, dưới là hình vuông... Vua trai giới kính cẩn đến tế, sau đó đến ruộng tịch điền để cày...

Vua hỏi:

- Ruộng tịch điền nên làm ở đâu?

Phạm Cự Lượng tâu:

- Ruộng Vua cày phải sao cho lúa má tươi tốt, ruộng thu hoạch cao. Thần đã ngắm ở chân núi Đọi và núi Bàn Hải, đất phẳng, tốt, có sẵn suối ngòi quanh năm, Hoàng thượng có thể đến đó cày ruộng được.

Vua nói:

- Chinh chiến nhiều năm, đầu xuân xuống ruộng cày như hồi hàn vi làm thường dân, cũng là một điều trời đất cho hưởng lộc; huống chi ta lại còn thay mặt thần dân tỏ chí cày sâu, cuộc bẫm để làm ra của cải.

Rồi vui vẻ giục trăm quan lo tế giao... Quan địa phương biết đầu năm tới, ngày Nguyên đán Vua sẽ tế giao rồi làm lễ tịch điền, đêm ba mươi Tết sai người chôn một chĩnh nhỏ đầy vàng ở ruộng núi Đọi và một chĩnh bạc nhỏ ở vạt ruộng núi Bàn Hải..., rồi sửa đường, sắm trâu, lo cày cho Vua...

Lễ tịch điền và tế giao rất long trọng... Sau đó rước Vua xuống thuyền sang ruộng núi Đọi và núi Bàn Hải. Vua cày mỗi nơi một luống.

Ở ruộng núi Đọi, Vua cày đến đường cày thứ bảy thì chạm vào chĩnh vàng. Ở ruộng núi Bàn Hải thì đến đường cày thứ chín, chạm vào hũ bạc. Các quan đứng trên bờ tung hô vạn tuế.

Vua rửa chân, hôn hờ, nói với các quan:

- Trẫm mong muốn đời trị, không quản lam lũ, ngày nguyên đán đi cày tịch điền lại được hũ vàng, hũ bạc. Như vậy, phải chăng Trời, Đất, Thần, Phật muốn nói, chịu đổ mồ hôi thì có vàng, có bạc đó sao. Trẫm mong trăm quan và thần dân nhớ lấy...

Nói rồi đem vàng, bạc trời cho ban cho dân sở tại.

Năm ấy được mùa lớn. Lễ tịch điền của đất nước bắt đầu từ đây.

3

Bấy giờ đất nước giàu có vàng, bạc đầy trong dân. Vua nói:

- Kinh đô là bộ mặt của Quốc gia. Trẫm muốn xây kinh đô thật rộng rãi ở trời Nam này.

Liền cho quân sĩ san núi Đại Vân, mở rộng thành quách, xây điện Bách Bảo thiên tuế, cột điện dát vàng bạc làm nơi coi châu. Phía Đông dựng điện Phong Lưu. Phía Tây xây điện Tử Hoa. Điện Bồng Lai ở bên trái, điện Cực Lạc ở bên phải. Cho dựng lầu Đại Vân, để những ngày hội lễ, vua và các Hoàng hậu có thể ngồi xem phường phố dân chúng vui chơi. Lùi về phía sau cho dựng điện Trường Xuân là tấm điện (nơi vua ngủ). Cạnh đó là điện Long Lộc, lợp ngói bạc, là chỗ vua làm việc và bàn với các trọng thần về việc lớn của đất nước.

Thiên hạ thái bình, khắp nơi nô nức hành hương về Hoa Lư. Ngày Phật Đản, sư sãi cả nước đến để nghe giảng kinh và hành lễ. Các chân cột điện và chùa lớn đều khắc chân kinh. Tiếng chuông chùa, tiếng mõ, ran cả kinh thành. Thiệp nam, tín nữ đội lễ lên chùa rất thành kính, khách xa đến đều chịu là một kinh đô văn hiến. Thuyền buôn, các chợ lớn bên sông tấp nập, sầm uất.

Nhiều chùa tháp được dựng khắp kinh thành. Vua cũng mộ đạo Phật, chọn người viết một bức thư pháp treo phía sau văn phòng ngự bảo:

Mê khứ không sinh sắc
Ngộ lai vô sắc không
Sắc không mê ngộ giả
Nhất lý cổ kim đồng
(Mê đi, sinh không, sắc,
Ngộ đến, hết sắc, không
Sắc, Không, Mê, Ngộ ấy.
Một lẽ xưa, nay cùng).

4

Vua Tống sai sứ là Lý Giác mang sắc sang phong vương cho Lê Đại Hành, khi biết An Nam là một quốc gia hưng thịnh.

Vua đem các đại thần, nghi lễ rất trọng thể, tiếp sắc, đón sứ rất uy nghi, phong độ, Lý Giác mới đến đã thâm khen.

Nơi Vua tiếp sứ và chỗ sứ giả nghỉ ngơi, hàng ngày thường đem những châu báu, vật lạ trên rừng dưới biển bày chật cả sân. Sứ thần ngạc nhiên về sự giàu có của quốc vương phương Nam. Vua làm lễ trao trả hai tướng Quách Quân Biện, Triệu Phụng Huân bắt được ở trận Tây Kết ngày trước.

Vua bày tiệc đãi sứ, khiêm nhường nói:

- Nước tôi bé nhỏ, sông núi xa xôi, nghìn dặm cách trời, ở một góc đất hẻo lánh. Sứ thần đi lại, lặn lội núi sông, há chẳng khó nhọc ư.

Lý Giác cung kính trả lời:

- Cõi bờ thiên hạ hàng muôn dặm, châu quận có tới hàng trăm. Đất có chỗ bằng phẳng, chỗ hiểm trở. Phương này có gì là xa.

Sứ giả lại mách Vua một chuyện tốt.

Lý Giác nói:

- Vừa qua, sứ thần tôi khi qua bến đò chùa Sách, được trạm trên sông ra đón, chèo đò sang sông. Tôi đang nói chuyện thơ văn thấy hai con ngỗng đang bơi dưới nước, liền buột miệng ngâm "Nga nga lưỡng nga nga, ngưỡng diện hướng thiên nha" thì người lái đò đọc ngay rằng: "Bạch mao phô lục thủy. Hồng chạo bãi thanh ba"⁽¹⁾. Thế là hai câu thơ sau hơn cả hai câu thơ của tôi. Tung không bằng hứng là thế.

Lý Giác muốn khen tài học của người nước Nam. Vua vỗ tay ba cái. Sư Thuận từ trong rèm bước ra, lạy Vua, chào sứ giả. Vua nói:

- Người lái đò ấy đây, ta sai ông ấy đón sứ giả từ xa đấy!

Lý Giác rất cảm kích, từ đó Sư Thuận thành bạn thân của sứ giả. Lý Giác thăm phục một đất nước phương xa, trải qua thăng trầm đã chóng hưng thịnh đến thế. Khi về nước gửi lại cho Sư Thuận một phong thư. Sư giờ ra đọc thì đó là một bài thơ tám câu:

*Hạnh ngộ minh thì tán thịnh du,
Nhất thân nhị độ sứ Giao Châu.
Đông Đô lưỡng biệt tâm lưu luyến,
Nam Việt thiên trùng vọng vị lưu
Mã dạ yên vân xuyên lãng thạch
Xa trì thanh chướng phiếm trường lưu.
Thiên ngoại hữu thiên ưng viễn chiếu
Khê đàm ba tĩnh kiến thiêm thu*

⁽¹⁾ Cả bốn câu nghĩa là: "Ngỗng, ngỗng, một đôi ngỗng, ghéch mặt lưỡng nhìn trời. Nước xanh phô cánh trắng, chèo hồng khoả sóng bơi".

(May gặp thời hay được dịp mưu,
Hai lần lận lợi sứ Giao Châu.
Đông Đô vài bận từng lưu luyến
Nam Việt xa xôi vẫn nguyện cầu
Ngựa đạp khói mây xuyên đá nhọn,
Xe bon rừng thẳm vượt ngàn sâu.
Ngoài trời lại có trời xa nữa,
Sóng lặng khe đầm trắng đôi trâu...)

Sư Thuận dâng thơ sứ giả lên Vua. Vua gọi sư Khuông Việt đến cho xem. Sư bình:

- Nói ngoài trời lại có trời là khen Bệ hạ không khác gì Vua nhà Tống vậy.

Vua khen thơ và tặng cho sứ giả rất hậu. Khi sứ về, sai sư Khuông Việt tiễn rất ân cần. Khuông Việt tặng một bài từ rất hay, khiến Lý Giác phải ôm lấy sư mà cảm tạ. Bài đó là:

Trường quang phong hảo cảm phạm trường,
Dao vọng thần tiên phục đế hương.
Vạn trùng sơn thủy thiệp thương lang,
Cầu thiên quy lộ trường
Phan luyến sứ tình lang.
Nguyên tương thâm ý vị biên cương
Phân minh tấu ngã hoàng
(Hơi xuân đầm thắm, cánh bướm giông,
Ngưỡng vọng thần tiên chốn đế hương
Nghìn trùng sông nước vượt trùng dương
Chín cõi bao dậm trường,
Tình khăng khít, chén tiễn thương

Lưu luyến cùng sứ thần

Khi về xin nhớ chuyện biên cương

Tâu lên cùng thánh hoàng)

Sư Khuông Việt gõ mạn thuyền hát cả lời Hán lẫn lời Việt.
Lý Giác chớp chớp mắt, quyến luyến mãi mới xuống được thuyền.

THỜI Lý - Trần

Thăng Long

Sư Vạn Hạnh trụ trì ở chùa Lục Tổ, dạy cho một lớp học trò nhỏ. Lý Công Uẩn, con nuôi nhà Lý Khánh Văn học lớp ấy. Một buổi sớm thầy hỏi:

- Nhị nhân là gì?

Một đứa láu táu nhấc Uẩn:

- Nhị nhân là hai người.

Uẩn nói:

- Nhị nhân là chữ thiên, là trời ạ.

Vạn Hạnh lại hỏi:

- Con hiểu chữ nhị nhân là thế nào?

- Thưa thầy, nhị nhân là hai người, anh kia nói đúng, mà thầy còn hỏi con, thì con đành chống chữ nhị lên chữ nhân. Hai vạch chữ thiên, vạch ngắn là âm, vạch dài là dương. Con người giữa cõi âm dương, chính là chữ thiên, tức là trời vậy...

Sư Vạn Hạnh rất đổi kinh ngạc, liền thâu nhận làm học trò, truyền ban cho nhiều kinh bản, và nhiều hiểu biết mà người thường không có. Uẩn học một biết mười, càng thông tuệ càng khiêm nhường nhân hậu. Lý Khánh Văn thương Uẩn, nuôi thầy dạy võ cho Uẩn, Uẩn học rất nhanh, một năm học hết ngón của thầy, chẳng những quyền thuật giỏi mà còn kiếm cũng khá, nhưng bề ngoài vẫn giữ bề nho nhã, khiêm nhường như cũ.

Những bọn lớn giở trò bắt nạt, thách đấu, Uẩn chỉ chống đỡ, rồi bỏ chạy, không trả thù, mặc dù có thể bẻ chân, bẻ tay của chúng như chơi!

Vạn Hạnh khi biết Uẩn là con không cha chứ không phải là con đẻ nhà Lý Khánh Vân, lại càng quý hơn. Mẹ Uẩn xưa nghèo, phải vào rừng kiếm củi, hái nấm kiếm ăn, một đêm ngủ ở chùa Tiên Sơn, thấy có một chân nhân đến, dẫn bà ra phiến đá bên suối, rửa bà tắm nước trong, rồi yêu bà... Sáng dậy, bà thấy nằm lại dưới mái chùa, người mới mẻ, về làng thụ thai mà sinh Uẩn. Vân thấy Uẩn khôi ngô, nhà Vân lại hiếm con, liền nuôi làm con. Sau đó Vân sinh con trai, cho là nhờ lộc nuôi con nuôi mà có con trai, càng quý Uẩn, coi như con đẻ...

Khi trưởng thành, Vạn Hạnh vào Trường Yên làm Quốc sư, đem Uẩn theo. Uẩn là người chí thú, cẩn thận, có công, rất được tin dùng... Uẩn phò Lê Long Việt, Long Việt rất quý, cho ở luôn bên, hỏi han kế sách. Khi Đại Hành Hoàng đế băng hà, Long Việt lên ngôi, các em là Đông Thành Vương và Trung Quốc Vương đều muốn làm Vua, nổi binh chống lại Lê Trung Tông Long Việt, Việt sai Lý Công Uẩn đi đánh, Lý Công Uẩn vừa cất quân đi thì con thứ năm của Đại Hành Hoàng đế, giết anh để cướp ngôi, Lý Công Uẩn nghe tin quay về. Xác Lê Trung Tông vẫn chưa chôn, Ngoại Triều đang ở đó xem đã chết thật chưa, xung quanh đầy vệ sĩ. Lý Công Uẩn biết chuyện, không hề sợ hãi, chạy đến ôm xác Trung Tông khóc to lên rằng:

- Vua cho Uẩn ở bên, quý như ruột thịt. Vậy mà Uẩn không giữ được cho Vua vẹn toàn, để chết thê thảm thế này, thực đắc tội lắm.

Nói đoạn, nước mắt chảy đầy mặt, lòng thương cảm khiến người xung quanh đều cúi đầu theo. Ngoại Triều phục là người khảng khái, không giết, cho lui về nhà, và cũng không quả phạt, cho giữ nguyên chức tước vua cũ ban cho.

Lúc ấy, trong triều ngoài nội vang lên câu đồng dao:

*Gốc cỗi mà ngọn xanh
Cây Lê không có trái
Hoa mạn nở đầy nhành
Xum xuê mười tám cội
Phía Tây trời rất đẹp
Thì dời về phía Đông
Dăm ba năm thoáng chốc
Thiên hạ lại thái bình.*

Vạn Hạnh gọi Lý Công Uẩn đến bên mà hỏi:

- Ông có nghe lời đồng dao không?

Uẩn gật đầu. Nhà sư nói:

- Đó chẳng là sấm truyền ư? Cây mạn tức là Lý. Đó chẳng ứng vào ông ư? Gốc cỗi mà ngọn xanh, tức là có vua mới ra đời đấy.

Uẩn nghe xong lảng lạng không nói gì. Thấy sư yếu, nhiều lúc không sáng suốt như trước, lại thích bàn quốc sự. Uẩn cho người đưa sư về chùa Tiên Sơn để bảo toàn cho Quốc sư, còn một mình ở lại Trường Yên.

Ngoại Triều thích làm những điều quái gở. Vua thường xét các án tử hình, rồi nghĩ ra cách hành hình kinh dị để làm răn cho người khác. Một tên giặc nổi loạn, chống lại Vua, đáng lẽ phải chém ngang lưng. Ngoại Triều sai lấy cỏ tranh quấn vào mà đốt chung quanh người, để lửa cháy chết dần chết mòn, không thể chịu nổi đau đớn. Vua thân ngồi nhìn, mặt lạnh băng. Tên kếp hát, làm hề, lữ lời, nằm mà chửi đổng, Vua cho bóng gió Vua nằm xem việc nước, Vua sai ông trùm gánh hát phải tự tay xẻo từng miếng thịt, miếng luôn luôn hỏi:

- Mày hát lão quen mồm, nên chết chóng chắc là không thích!

Trùm gánh hát sợ phải làm theo lệnh Vua. Ai nấy đều thấy việc tàn nhẫn mà không dám đem lời can gián.

Thiền sư Quách Ngang, tu luyện thâm hậu, tính lại thích uống rượu, ai cho rượu ngon bảo sư trở tài tinh toạ, nhập thiền. Lúc ấy, người đem vào bưng như đem vào bông, lấy củi đánh vào người thì củi bật trở lại. Vua nghe thấy, gọi vào triều sai thiết tiệc, lấy rượu ngon ra đãi. Vua hỏi sư:

- Thiền là gì?

Quách Ngang điềm nhiên đáp:

- Thiền là việc của đạo sư, để quên việc đời, tập trung vào việc nghĩ đến đạo!

- Hay lắm! Vậy thiền cần gì đến việc đem không đau, đánh không sây sát da thịt?

Quách Ngang trả lời:

- Thiền sư ở chốn sơn lâm, bệnh tật nhiều, do đó phải luyện nội lực.

Vua sai rót ba bát rượu lớn bảo:

- Bây giờ nhà ngươi thiền đi.

Nhà sư uống rượu và thiền. Vua sai người đem mía tự tay róc trên đầu trọc của sư, róc mãi cho kỳ đến chảy máu, cười ầm lên rồi mới chịu thôi. Quách Ngang mở mắt, cầm lấy áo cà sa, chùi máu, lấy rượu đắp lên chỗ bị thương thản nhiên như không.

Ngoạ Triều đùa hỏi:

- Khi nhà sư thiền có nghe thấy gì trên đầu không?

Quách Ngang đáp lại:

- Thần chỉ nghe Phật tổ nói: Trong sắc có không, trong không có sắc. Cho nên nghĩ rằng sự việc xảy ra trên cái đầu trọc của thần có mà không có!

Ai cũng phục Quách Ngang ứng đối khôn ngoan, khiến Ngọa Triều cười phục mà phải tha, không giết nổi.

Vua còn thích bày nhiều trò tai quái khác. Có bữa gọi đám hề xung quanh làm trò, rồi cho ăn gỏi. Gỏi dọn ra đều là một thứ thạch thùng sống, thấy chúng nhìn nhau, Vua bảo:

- Bọn thạch sùng pha trò cho các người đấy! Ăn đi chứ!

Kẻ giết anh làm vua, coi thường quân thần vẫn nằm mà coi triều, không coi ai ra gì cả. Một bữa Vua ăn khế thấy hạt mặn, nhổ ra khỏi miệng, lại chợt nhớ câu đồng dao, liền sai vệ sĩ ngầm giết những người họ Lý ở quanh Vua. Riêng Lý Công Uẩn vẫn chưa tìm ra cơ để giết... Quan Chi hậu là Đào Cam Mộc vốn nể phục Lý Công Uẩn, một bữa đi xem xét việc quân, nghỉ trên đỉnh núi, hỏi xa xôi rằng:

- Vua ác thì dân có thái bình được không?

Uẩn thủng thẳng mà nói:

- Ông tìm sử mà đọc.

Đào Cam Mộc hỏi bóng gió:

- Vua hiếu sát thích trừng trị, không khoan nhân, việc tốt thì ít, việc xấu thì nhiều, sao không có ai nghĩ đến việc lập Vua khác. Ý ông thế nào?

Uẩn nói:

- Vận số sớm một ngày không đến, chậm một ngày không dời. Biết thế nào được. Còn như ác giả ác báo, thiện giả thiện lại, đó chẳng phải là câu cửa miệng ư? Thiện thì trường mà ác thì đoản. Đó cũng là lời của tiền nhân cả. Ông hỏi thì Uẩn phải nói.

Ngọa Triều đột ngột lâm bệnh chết. Đào Cam Mộc chịu Lý Công Uẩn là người cần trọng thâm thúy, vào trường đuổi hết người ra, rồi nói:

- Vừa rồi Nhà vua ngu tối, bạo ngược, làm nhiều việc bất nghĩa, trời phạt không cho hưởng hết tuổi. Con nhỏ nhỏ bé, chưa

cánh đáng nổi tình thế khó khăn, các tước vương, tước hầu, anh em ruột của Vua đều muốn ngôi báu. Xem ra họ tham lam mà bất tài. Mọi việc đang phiền phức, triều đình phân tâm, dân chúng mong tìm chân chúa. Sao ông không nhân lúc này dùng mưu cao, chí lớn, quyết đoán ngay, giành cơ hội, xa thì học việc Vua Thang Vua Vũ, gần thì học việc nhà Đinh, nhà Lê, sao cứ lẹ vào việc tiểu tiết cổ hủ!

Lý Công Uẩn dẫu biết Đào Cam Mộc muốn phò mình, nhưng vẫn điềm nhiên trả lời:

- Ông nói thế không sợ tôi bắt nộp cho triều đình ư?

Cam Mộc ung dung bảo:

- Tôi lấy lẽ trời, lẽ người mà bàn. Nếu ông thấy cần cáo giác tôi, thì cứ việc hành sự!

Lý Công Uẩn cầm tay Đào Cam Mộc mà nói:

- Con người tôi làm sao làm nổi việc bất nhân ấy! Nhưng chỉ sợ việc tiết lộ thì dẫu tôi với dẫu ông sẽ không giữ nổi, nên can ông vậy thôi...

Cam Mộc lảng lạng ra về.

Một bữa khác Cam Mộc lại có ý chờ Lý Công Uẩn ở chỗ vắng, Mộc núm áo nhắc lời ca đồng dao.

Uẩn biết Cam Mộc hết lòng với mình, đành nói:

- Tôi biết ý ông và ý Quốc sư Vạn Hạnh là một nhưng chưa biết tính kế thế nào. Lực lượng nhà Lê còn mạnh lắm, nếu mạnh động ắt chết không kịp ngáp.

Rồi cùng Cam Mộc bàn kế.

Lý Công Uẩn bèn lên ngôi vua. Xá thuế, tha tù, lập Hoàng hậu, dựng Thái tử.

Kiện lớn, oan uống, Vua thân đứng xử. Kiện nhỏ, án nhỏ, chọn hình quan thanh liêm xét kỹ, công bằng. Phong Cam Mộc làm

làm Nghĩa Tín hầu, dùng người tài vào chức lớn, không phân già, trẻ, chỉ trong vòng một tháng, việc nước đều vào rường mối. Kẻ gây loạn thì sai tướng giỏi đến dẹp, thiên hạ đều yên ổn cả.

*

Vua đón Quốc sư Vạn Hạnh đến Trường Yên, và về thăm quê ở làng Cổ Pháp, ban lụa áo cho người già, tiền gạo cho người nghèo. Ai cũng muốn mời Vua vào nhà, quý như ruột thịt đi xa về.

Vua đi thăm thú một dải sông Hồng từ bến Hạc Trì xuống tận Hoàng Giang, rồi theo đường sông vào Trường Yên... Vua ngắm thế đất ở Đại La, ngắm thấy Đại La có Tản Viên, Tam Đảo trấn ngự mạn Bắc, Nhĩ Hà chạy phía trước, đất màu mỡ, bến lớn, chợ lớn, phường phố đều có thể mở được, đó mới chính là chỗ ngồi cao mà nhìn rộng ra khắp miền đất xa. Còn Hoa Lư thì chật chội, nhà Đinh nhà Lê chỉ không ngoài đẹp mười hai sứ quân, định ngôi Vua chỉ lo đánh dẹp kẻ tranh bá, đồ vương mà không nghĩ đến chuyện mở mang bờ cõi, chấn hưng đất nước. Vua bàn với Quốc sư. Vạn Hạnh nói:

- Đế đô phải mạnh lớn. Nhà vua đã nhìn ra mạch lớn, sông rộng núi cao, đáng về, còn chân chừ gì?

Có người can:

- Di chuyển cả kinh đô đi, nhà cửa đình thự tốn kém lắm. Ở đây, thời Đinh thời Lê, cung điện đã sẵn sàng. Không được như kinh đô Tràng An của Trung Hoa, thì cũng có tiểu Tràng An ở đất Việt. Dọn đến nơi trống vắng, bãi lau, đất bùn còn nhão nhoét, liệu có xứng là nơi đế đô không?

Lý Công Uẩn còn chần chừ, Vạn Hạnh nói nhỏ:

- Bệ hạ có nhớ câu đồng dao không? Góc cõi mà ngọn xanh; cành ngọn chỉ có thể mọc rễ ở nơi đất mềm.

Vua bèn xuống chiếu rằng:

"Ngày xưa từ nhà Thương đến Bàn Canh đời dô năm lần. Nhà Chu đời dô ba lần, hẳn không phải gặp đâu đến đó mà là mưu chọn chỗ chính giữa làm kế cho con cháu ắt muôn đời, trên kính mệnh trời, dưới theo lòng dân mà đời đổi. Bởi thế ngôi truyền dài lâu, phong tục giàu thịnh. Vậy mà nhà Đinh, nhà Lê lại theo ý riêng, lơ là mệnh trời... yên ở nơi quê quán, đến nỗi thế không dài, vận số ngắn, trăm họ nghèo nàn dân, muôn vật không sinh sôi nảy nở! Trẫm rất xót thương, không thể không dời đi nơi khác. Huống chi Đại La dựng từ thừa Cao Biền, giữa khu vực bao la trời đất, thế rồng cuộn hổ ngồi, trấn trung tâm cho đông tây nam bắc. Núi sông sau trước hài hoà, đất rộng bằng phẳng phì nhiêu, nơi cao thì rộng mát sáng sủa, dân cư sẽ không khổ vì ngập lụt, phố phường, chợ búa càng đông càng có thể mở mang... muôn vật các nơi đều có chỗ giao lưu, xem khắp đất Việt, nơi đây là hơn cả. Và lại gốc văn hoá từ xưa đã hiện, thật là chỗ hợp lưu của mọi dòng, đáng là thượng hạng của kinh đô muôn đời... Chính vì thế mà dời đô về Đại La".

Liên cho quân ngã gỗ, đóng gạch làm điện. Mùa thu tháng 7, thuyền ngự cùng hoàng tộc, bá quan xuôi dòng về kinh đô, quân bộ, quân kỵ thì theo đường riêng. Khi thuyền đỗ dưới bờ sông thì trên phía thành có mây lớn kéo đến, rồi như có dáng rồng từ đất mới bay lên.

Vua mừng lắm bảo:

- Đất mới rộng lên, ta nên đổi Đại La thành Thăng Long, há chẳng đẹp sao?

Mọi người đều lấy làm phải.

Vua quý Quốc sư Vạn Hạnh, cho dựng chùa ở phủ Thiên Đức rất nguy nga, đón các vị hoà thượng cao tăng đến trụ trì để chấn hưng Phật giáo. Bởi từ thêm chùa mà sinh, được sư Vạn Hạnh điều dắt từ bé, chí lớn mới có, nghiệp lớn mới thành. Có người can:

- Vua mới lên ngôi, tôn miếu xã tắc chưa lập mà sửa chữa chùa quán nhiều, e có nhiều điều dị nghị.

Vua cười nói:

- Chùa đền là nơi lễ hội của dân chúng. Cho xây sửa lại, để có nơi truyền sự nhân từ bác ái đến các nhà. Mùa xuân mùa thu được mùa, thì hợp lại diễn các phong tục tốt, thì vẻ đẹp của sản vật, sự tài giỏi của trí tuệ, sức lực. Hội vật, hội cờ, hội đua thuyền, cả năm vất vả, một ngày giải trí có nơi, há chẳng đáng khuyến khích sao!

Người can im lặng không nói thêm gì nữa. Còn hậu sinh thì bàn rằng, người can không biết gốc tích của Vua, lại dám bàn quốc sự, gớm thật!

Nam quốc sơn hà

Lý Nhân Tông triệu Lý Thường Kiệt vào, cho ngồi bên rồi bảo:

- Ta nghe Tể tướng Vương An Thạch nhà Tống sai Thẩm Khởi và Lưu Di, hai quan đầu tỉnh ở Quế Châu, đang huy động người bản địa, đóng thuyền bè, tập thủy trận, cấm các châu huyện không được buôn bán với nước ta... Ta cho rằng không bao lâu, họ sẽ cất quân đánh Đại Việt. Khanh nghĩ sao...

Lý Thường Kiệt hiện là Thái úy, thống lĩnh quân thủy, bộ cả nước. Ông vốn họ Ngô, tên Tuấn, cha từng làm quan. Người khôi ngô, tuấn tú, thích binh thư võ nghệ. Năm hai mươi ba tuổi, rất hào hoa, nhiều manh mối. Song cha là chức quan nhỏ, các tiểu thư con vương hầu dẫu yêu quý, Tuấn làm sao với tới được. Phần chí tự thiến mình vào cung hầu hạ Lý Thánh Tông. Vua thấy thiên tư đỉnh ngộ, lại sành binh thư võ bị, cho làm Hoàng môn tri hầu, sau thăng làm Nội thị sảnh đô tri, coi việc cung cấm, rất tin cậy. Ông trung hậu, chu đáo, việc gì cũng làm Vua hài lòng.

Thời Lý Thánh Tông, theo Vua đi đánh Chế Củ, thắng trận trở về, có công lớn. Vua ban cho quốc tính, đổi tên là Thường Kiệt, thăng Thái phó, Thiên Tử nghĩa đệ, Phụ quốc Đại tướng quân, Khai Quốc công. Đến đời Lý Nhân Tông đã trải thờ ba triều vua, và là bậc công thần, Vua rất quý trọng.

Nghे Vua hỏi, Lý Thường Kiệt đáp:

- Nhà Tống bị quân Nguyên dồn xuống phía Nam. Họ đã yếu đi nhiều lắm, chẳng có gì đáng sợ. Nghe nói họ đang luyện quân ở Châu Khâm, Châu Liêm định sang thôn tính nước ta. Họ không dám dốc toàn lực đánh Đại Việt, vì vẫn còn nơm nớp người Mông tràn xuống. Chỉ bằng, thực lực đủ, lương thực nhiều, ta đem quân sang đánh ngay vào sào huyệt của họ, diệt luôn mộng xâm lăng của Vua quan nhà Tống đi.

Lý Nhân Tông nghe theo, sai Lý Thường Kiệt và Tông Đản đem quân đánh Tống.

Lý Thường Kiệt và Tông Đản theo đường sông Bạch Đằng ra biển, đậu quân ở biên giới, rồi hành quân đêm. Được lợi gió, ban ngày trú quân ở các đảo xa, thỉnh linh cho quân vào đánh lấy các Châu Khâm, Châu Liêm, tiến sâu vào đất Quảng Tây. Đạo quân bộ cũng từ các huyện biên giới bất ngờ kéo sang. Quan Đô giám tỉnh Quảng Tây là Trương Thủ Tiết đem quân đến cứu. Lý Thường Kiệt đón đánh ở Côn Luân. Quân Nam thiện chiến, giỏi đánh tập kích. Trương Thủ Tiết sa vào vòng vây, bị chém đầu giữa trận tiền. Lý Thường Kiệt gọi Tông Đản vào trướng bàn nên rút hay nên đánh.

Tông Đản nói:

- Gần ta nhất có Châu Khâm, Châu Liêm, Châu Ung ở Quảng Tây. Nay Châu Khâm, Châu Liêm đã chiếm được, Đô giám Quảng Tây đã chết trận. Quân Tống rất nao núng. Chỉ bằng chiếm luôn Châu Ung để chặn mối họa về sau.

Lý Thường Kiệt hỏi:

- Châu Ung hiện nay có bao nhiêu quân?

- Khoảng vài vạn. Dân chúng đông cũng tới vài ba vạn. Hoàng Nam lấy làm lính cũng có thể thêm hàng vạn nữa. Lực lượng cũng đáng kể.

- Thế thì ta phá nốt rồi hãy kéo quân về.

Tướng trấn thủ Châu Ung là Tô Giám quyết giữ không chịu hàng, dùng tên, đá, bắn và ném xuống rất quyết liệt.

Quân Nam vây liên một tháng cũng không phá được.

Lý Thường Kiệt bảo Tông Đản:

- Giặc bị vây một tháng không nao núng, do họ định chờ quân cứu viện. Ta không đánh dần thì bất lợi.

Tông Đản hỏi kế. Lý Thường Kiệt nói:

- Ông đem quân ra bờ sông bí mật cho đúc nhiều bao đất đem về đây. Ta sẽ đắp đường thẳng tắp lên tận bờ thành mà đánh vào.

Tông Đản bí mật cho quân đi lấy bao đất. Chiều hôm trước, Lý Thường Kiệt vây riết cửa thành chính. Tô Giám tướng quân Nam sẽ quyết phá vỡ để vào phía này, nên đốc quân phòng thủ. Tông Đản suốt đêm cho quân đắp đất ở mặt thành sau. Đến sáng thì bờ đất đã cao bằng mặt thành, quân Nam kéo vào thành... Bởi lâu ngày vây hãm, mệt mỏi, lại bị tên độc, đá học trên thành núi ném xuống, thương vong nhiều, nên quân Nam vào thành tức giận, quá tay chém giết.

Lý Thường Kiệt phải cho nổi hiệu lệnh thu quân, rồi cho chôn cất xác lính Tống và dân chúng chẳng may bị giết rồi vỗ về dân chúng trong thành.

Thắng lợi ở ba Châu Khâm, Châu Liêm, Châu Ung, Lý Thường Kiệt kéo quân về.

Vua tôi nhà Tống chưa kịp gửi quân tiếp viện thì quân Nam đã rút gọn về nước...

*

Năm sau, Vua Tống sai Quách Quỳ làm Chiêu Thảo sứ. Triệu Tiết làm phó sứ cùng chín tướng, hội quân với Chiêm Thành và

Chân Lạp sang đánh nước ta. .. Vua sai Lý Thường Kiệt đem quân chặn giặc ở bờ sông Như Nguyệt. Vua phong Lý Thường Kiệt làm Thái úy.

Lý Thường Kiệt sai quân đắp luỹ dài, cắm rào dọc sông để chặn đường quân thủy bộ của Quách Quỳ, Triệu Tiết. Dân Thăng Long và quân sĩ cùng các trang ấp hai bờ sông ra sức đắp luỹ, cắm chông, tạo thế phòng thủ chống giặc.

Quan Thái úy lập trường phủ ngay bờ sông để thị sát, đốc thúc quân sĩ và trai tráng. Ông bắt cá tôm trong sông, gạo ngon cho họ ăn ngày ba bữa, lại đem cả rượu cho họ uống, có lúc cùng uống rượu với họ. Người đắp luỹ coi quan Thái úy như cha. Có một anh trai phu, người làng Gióng hỏi:

- Quan Thái úy đến Vua còn phải nể, sao lại ngồi uống rượu với chúng tôi?

Thái úy hỏi lại:

- Thế anh cho rằng uống rượu lúc nào là vui nhất?

Người trai phu đáp:

- Là lúc bạn rượu là mình, mình là bạn rượu!

Thái úy bảo:

- Đây là câu nói của người biết uống rượu! Nào, đem thêm rượu nữa ra đây!

Rồi cùng uống, cùng nhắm với người đắp luỹ. Đêm về, hơi say, Thái úy Lý Thường Kiệt ngủ trong trường. Chợt thấy hai viên quan võ như từ trong đáy sông Như Nguyệt đi lên. Hai gương mặt quắc thước, rất giống nhau. Lý Thường Kiệt ngồi thẳng dậy, cung kính nắm hai tay vào nhau, chào khách, rồi hỏi:

- Các ông là ai?

Người có gương mặt già hơn lễ phép thưa:

- Chúng tôi là Trương Hống, Trương Hát.

Lý Thường Kiệt ngạc nhiên hỏi:

- Có phải là Tam Giang Đại vương, hai vị thần trên sông Như Nguyệt, buổi chiều ta vào đền dâng hương không?

Cả hai cùng đáp:

- Đúng là chúng tôi đấy!

Lý Thường Kiệt từng nghe dân ở phòng tuyến nhắc đến hai vị thần này. Họ là bộ tướng của Triệu Việt Vương (Triệu Quang Phục) bị Lý Phật Tử đánh bại. Lý Phật Tử muốn thu phục làm tướng cho mình, cho người đến dụ. Trương Hống, Trương Hát nhất mực không ra làm quan, trả lời rằng:

- Vua dùng mẹo giết chúa công tôi. Bề tôi trung không làm quan với ngôi Vua đã làm hại chúa của mình!

Rồi đem quân về núi Phù Long uống thuốc độc tự vẫn. Trời thương, phong cho làm thần sông. Sau này Nam Tấn Vương Ngô Xương Văn, con trai Ngô Quyền, cai quản sông này, phong cho Trương Hống làm Đại đương giang Đô hộ quốc thần vương, Trương Hát làm Tiểu đương giang Đô hộ quốc thần vương, và lập đền thờ.

Lý Thường Kiệt biết Trời cho thần xuống giúp mình, liền vái lạy mà nói:

- Ngô Tuấn này được người, trời, thần đều thương thì chắc thế nào cũng dẹp được giặc!

Trương Hống, Trương Hát nói:

- Đánh giặc đâu phải là riêng chuyện của Người. Còn là việc của Thần, của Trời Đất nữa!

Lý Thường Kiệt chịu là phải...

*

Quách Quỳ, Triệu Tiết, đem chín đạo quân, do chín tướng đến hỏi tội Đại Việt. Đến sông Như Nguyệt, mắc sông không qua

được lại thấy thành lũy dày kín, từ xa đến gần, trên núi, trên sông rất nghiêm cẩn. Cho tướng đánh vào chỗ nào, cũng bị quân Nam đánh bật lại... Quân Tống trụ lại ở hai bên bờ sông tìm cách vượt sông tiến về Thăng Long.

Đêm ấy, trời rất tối... Quân Tống giăng trại, vừa ngủ lấy sức để mai mở trận tiến công mới, thì nghe trên trời sấm nổ vang. Tiếng thơ ngâm ở trên bầu trời, phía ngôi đền thờ Đại, Tiểu đương giang Đô hộ quốc thần vương, âm vang và đồng dục, giữa tiếng trống trời và tiếng hô xung sát của thiên binh thiên tướng:

*Nam quốc sơn hà Nam đế cư
Tiệt nhiên định phận tại thiên thư
Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm
Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư...*⁽¹⁾

Cùng lúc ấy, đuốc sáng rực trời, quân Nam từ đồi làng phía sau ập xuống, từ phòng tuyến sông Nguyệt Đức đánh lên...

Quân Tống vỡ trận, chết hàng ngàn... Tướng Tống là Quách Quỳ vội lui quân rút về biên giới...

*

Lý Thường Kiệt mở tiệc khao quân. Trước khi kéo về mừng chiến thắng ở Thăng Long, quan Thái úy cho tháo các rào chắn ở trên sông để thuyền bè đi lại... Dân các làng ven sông nghe tin quân Nam đã đuổi được quân của Quách Quỳ, liền đem gạo rượu đến khao quân sĩ. Quan Thái úy thân ra đón tiếp.

Có người dắt cả trâu, bò đến để khao quân.

⁽¹⁾ *Tạm dịch:*

*Sông núi nước Nam, Nam đế giữ
Phân chia bờ cõi tự sách trời.
Giặc kia hà cớ sang xâm lấn
Chước bại rồi bay hẩn nếm mùi!*

Lý Thường Kiệt, Tông Đản thân tiếp các bộ lão, rồi từ tạ nói:

- Giặc đến, dân trong vùng đang thiếu thốn. Xin dân làng hãy đem trâu, bò về cày cấy làm ăn, chỉ xin nhận mấy vò rượu, mấy thúng gạo nếp thôi.

Một già làng tiến đến, chòm râu trắng như cước, tâm thành nói:

- Quan Thái úy thương dân, nhưng dân lại thương và biết ơn quân lính. Nếu Thái úy và binh sĩ không đuổi được giặc; nước mất, nhà tan còn khổ biết chừng nào...!

Lý Thường Kiệt đành nhận rồi đem vải vóc và bạc trắng tặng lại...

Đêm ấy, dọc sông Như Nguyệt, vui đến tận sáng. Lửa trại đốt sáng rực dọc hai bờ sông, thuyền bè sang ngang tấp nập... Quân lính hát và nhảy múa cùng dân chúng đến uby lạo, cho đến lúc gà gáy ran trong xóm, chích choè báo sáng vẫn không thôi.

Lý Đạo Thành

Lý Đạo Thành là tôn thất nhà Lý. Lý Thánh Tông lên ngôi, cho ông ở bên tả hữu không lúc nào rời. Lý Đạo Thành, chăm đọc sách nho, ông cũng là người hiểu đạo Phật, nhưng không hâm mộ bằng những người khác.

Lý Thánh Tông là người rất nhân từ, thương yêu dân chúng, tin quân thần; hết lòng vì việc nước. Vua biết người tốt, càng yêu quý.

Trong cung, ba nghìn cung tần mà Vua tuổi bốn mươi vẫn chưa sinh Hoàng tử. Triều đình nhiều người khuyên Vua đi cầu tự ở đền này, chùa nọ. Vua cũng lo cho người kế nghiệp, lòng đã xiêu xiêu. Vua hỏi Lý Đạo Thành. Ông chỉ mỉm cười không nói gì.

Thánh Tông hỏi:

- Sao khanh lại cười?

Lý Đạo Thành nói:

- Hôn nhân có mấy loại. Hoặc là môn đăng hộ đối mà có, hoặc là do bức bách, còn như duyên tiền định mới thực là điều ao ước.

Vua hỏi:

- Thế nào là duyên tiền định?

Lý Đạo Thành tâu:

- Tiền định là do kiếp trước mà có. Duyên kiếp trước thì cũng có lắm loại. Có loại vì trả ơn, trả oán... Có loại vì dang dở kiếp

trước mà tìm nhau kiếp sau. Có loại trai tài gái sắc bất ngờ mà thành... Đã gọi là nhân duyên thì mỗi người một cảnh, mỗi người một vẻ, nói làm sao hết được.

Vua cười, chịu là phải. Về nội cung, Vua ngẫm mãi lời Lý Đạo Thành, không ngủ nổi!

Mùa xuân, tháng 2, nội thị lại đi tìm mười hai người con gái dân gian vào cung. Vua xem mặt cả mười hai người, rồi ban thưởng vàng lụa cho họ. Vua vẫn buồn, hình như chưa gặp được người hợp với ý mình. Nhưng Vua không nói ra.

Thánh Tông rất nhân hậu. Lý Đạo Thành quý Vua ở điều này. Vua luôn nghĩ đến những người nghèo khổ, cơ cực. Nhớ lại mùa đông năm Ất Mùi (năm 1055) trời rét như cắt. Đang buổi chiều, sau khi nghe tâu việc xong, Vua hỏi quần thần có việc gì nữa không. Không thấy ai nói gì. Ngài ngự vẫn chưa cho bãi triều. Vua nán lại, gương mặt đầy thương cảm, hỏi quan Hình bộ Thượng thư:

- Trong tù hiện nay có bao nhiêu người?

- Tâu, tù đại hình chừng vài chục người, còn loại tù khác cũng đến vài bốn trăm.

Vua thở dài nói:

- Đành rằng phạm nhân là có tội. Nhưng rét mướt chẳng tha ai. Trẫm ở trong cung nào lông áp, lò sưởi, nào áo lông dày quý còn rét như thế này, huống chi những người giam trong ngục tối, toàn đá lạnh xung quanh. Họ khổ sở về gông cùm, có người án lập chưa xong, ngay gian chưa rõ. Họ ăn không no bụng, áo không kín mình, gió rét khổ thân, có kẻ có khi còn oan, chết không đáng tội. Trẫm rất thương xót. Các quan hữu ty, Trẫm lệnh xuống phải đem chăn chiếu đủ ấm cho họ và phát cơm ngày hai lần!

Bấy giờ Vua mới cho bãi triều. Lý Đạo Thành cảm kích lắm. Vua rất mến, rất trọng ông, nhưng vẫn không tỏ cho người ngoài biết. Một bữa ông được Vua hỏi:

- Nhà Khanh có bao nhiêu nô tỳ, đầy tớ?

- Tàu Bệ hạ, không ngoài vài chục đứa. Thần chỉ lưu số người hầu cần thiết, bởi trang ấp của thần cũng nhỏ.

Vua bảo:

- Khanh là quan nhất phẩm. Kiệm ước quá cũng không được. Khanh đã học Tứ thư, Ngũ kinh. Khổng Tử dạy: lễ là trọng, sao có thể coi thường được.

Liền ban cho trang ấp năm trăm hộ ở mạn bờ sông Lô... Lý Đạo Thành rạp đầu lạy tạ...

Năm ấy, có người khuyên Vua đi cầu tự. Vua hỏi Lý Đạo Thành. Thành đáp:

- Tâm thành thì cứ cầu. Nhưng con sớm, con muộn thì đâu phải là chuyện phải lo. Cái lo là liệu có được Thái tử tài năng, kế thừa được vương nghiệp làm cho nước thịnh, dân an không.

Vua cho là phải, không đi cầu tự nữa. Năm ấy, Vua đi tuần thú về phía sông Cầu. Ở đó cũng có nhiều chùa quán đẹp. Xe Vua đi đến đâu, con trai con gái đổ xô ra xem không ngớt. Đến một thôn trang cảnh trí thật ngoạn mục, Vua chợt nhìn, thấy người con gái ngồi bên ngắm lan. Cô rất lơ đãng. Không cả nghe tiếng chiêng, trống và tiếng loa dẹp đường của đoàn xe vua đang tới. Nhìn dáng người thon thả, yếu điệu, Vua cho người triệu tới. Quả là một người con gái đẹp. Vua hỏi:

- Sao loa dẹp đường lớn tiếng thế mà nàng không nghe.

Cô gái nói:

- Thần thiếp đang mãi nghĩ về đám cỏ lan hoang dại.

- Nàng nghĩ gì!

- Lan dại có vẻ riêng. Dễ sống, hoà đồng với trăm loài cỏ hoa khác, vậy mà ai là người biết đến đây?... Trong khi đó người ta bỏ ra trăm lạng bạc, để mua một chậu lan dài các. Về bón, về chăm, chắc gì đã ra hoa...

Vua thấy nàng nói rất hay, lại xinh đẹp, liền mang về cung. Vua yêu quý lắm. Lý Đạo Thành vào chầu chúc mừng, và dự đoán:

- Vậy là duyên trời đã trao cho Bệ hạ. Nay mai còn nhiều chuyện đại hỉ nữa...

Vua yêu vợ mới, gọi là Ý Lan. Từ đó trong triều, ai cũng gọi là Ý Lan phu nhân. Nàng thông tuệ, quyết đoán, khác hẳn các bậc phi tần, Vua lại càng yêu. Quả nhiên, mùa xuân năm Bính Ngọ (năm 1066), Ý Lan sinh Hoàng tử Càn Đức. Ngay ngày hôm sau, Vua đã ban chiếu phong Càn Đức làm Hoàng thái tử.

*

Chế Củ, Vua Chiêm Thành, không nộp triều cống lại cho người quá nhiều biên cương. Vua cất quân đi chinh phạt. Trước khi đi Vua nói với Lý Đạo Thành:

- Trẫm và Lý Thường Kiệt đi đánh giặc. Khanh ở lại kinh thành cùng Nguyên phi lo việc triều chính. Thử xem, kẻ đánh giặc, người giữ nước, ai hơn ai?

Vua đánh Chế Củ giữa mùa mưa. Thành cao, hào sâu... Giặc biết quân ta từ xa tới, lương thực mang theo không đủ, liền cố thủ không chịu ra...! Vua thấy đánh mãi không được, sợ bất lợi, nên rút quân về...

Khi quân lui đến Châu Cư Liên, hỏi Trung sứ đến đón về tình hình ở kinh đô. Trung sứ nói:

- Nguyên phi buông rèm coi triều chính, giữ nền nếp xưa, từ sáng sớm đã lên chầu. Phli thay Vua đi cày tịch điền, xuống các làng ven bãi khuyến khích tằm tang, cho mở chợ lớn ở Đông Bộ Đầu. Thôn làng gặt chiêm được mùa lớn. Vụ tằm của các làng ven sông, dâu tốt, tơ óng. Kinh đô, khách buôn các nước qua lại rất tấp nập. Thuế khoá, khoan giảm... Như thế đời thịnh trị.

Vua thở dài. Hôm sau, cho họp các tướng rồi kể lại chuyện ở kinh đô cho họ nghe. Vua nói:

- Khi cất quân đi đánh giặc, ta hẹn Nguyên phi cùng Lý Đạo Thành hai bên cùng ra sức đánh giặc, giữ nước, xem ai hơn ai. Nay họ hơn ta. Nhất là Nguyên phi Ý Lan lại là một nữ lưu. Chẳng lẽ, ta và các khanh về tay không ư?

Các tướng sĩ được khích lệ. Vua nói:

- Giặc thấy ta rút quân, tưởng không quay lại, thế nào cũng đang mừng vui, trễ nải việc canh phòng, chỉnh đốn quân, thuyền, quay lại đánh, tất sẽ phá được.

Quả nhiên trận ấy, đánh tan Chiêm Thành, bắt được Vua Chiêm là Chế Củ, đem về dâng tù ở Thái Miếu. Chế Củ biết tội, sợ uy, xin nộp đất để toàn mạng. Vua vốn ưa hoà hiếu, lại thương kẻ thất trận, nhà tan nước vỡ, tha cho Chế Củ về nước...

Vua biết Lý Đạo Thành, giúp Nguyên phi ở nhà, nhưng khiêm nhường không nhận công, thường để Nguyên phi đứng ra điều hành những việc quốc gia đại sự khi Vua đi chinh phạt để khích lệ những quan lại và dân chúng ở kinh thành, lại càng quý. Vua giao cho Lý Đạo Thành dạy Hoàng thái tử. Lý Đạo Thành xin trùng hưng Văn Miếu, đắp tượng Khổng Tử, Chu Công, và tứ phối là Nhan Tử, Tăng Tử, Tử Tư, Mạnh Tử và bảy mươi hai vị hiền của Đức thánh Khổng..., lập lệ bốn mùa cúng tế... Thánh Tông nghe theo!

Vua coi Lý Đạo Thành như bạn, việc lớn việc nhỏ đều hỏi đến... Nhưng chẳng bao lâu, Vua mất, Thái tử Càn Đức lên ngôi, lúc ấy mới bảy tuổi. Lý Đạo Thành và Lý Thường Kiệt làm Phụ chính đại thần. Hoàng thái hậu họ Dương buông rèm chấp chính. Nguyên phi Ý Lan được phong làm Linh Nhân Hoàng thái hậu.

Linh Nhân hăm hực nhưng luật triều đình mà người nắm giữ kỷ cương theo đạo nho là Lý Đạo Thành.

Vua còn nhỏ nhưng đã biết. Một hôm Linh Nhân bảo con:

"Mẹ khó nhọc vì con, vì Tiên hoàng mới có ngày nay. Vậy mà khi con lên ngôi, ngôi cao lại thuộc về tay người khác. Rồi nay mai, thân gái này không biết trôi nổi vào đâu?"

Vua lặng người không nói gì. Bọn nội thị hậu cung biết ý của Linh Nhân Hoàng thái hậu, gièm pha Dương Thái hậu, cho rằng tiếp xúc với đại thương nhân nước ngoài thiếu đoan chính. Vua hạ chiếu bắt giam Dương Thái hậu và bảy mươi hai cung nữ.

Lý Đạo Thành nghe tin hốt hải vào châu, can Vua hãy tha Dương Thái hậu ra khỏi ngục để yên lòng người, bởi chứng cứ không đủ, sợ bị oan. Vua lưỡng lự, hỏi mẹ. Linh Nhân Hoàng thái hậu bảo Lý Nhân Tông:

- Con nghe mẹ hay nghe kẻ bù trừ cho Dương Thái hậu?

Vua liền hạ chiếu bức Dương Thái hậu và bảy hai cung nữ phải chết rồi đem chôn theo lăng của Lý Thánh Tông. Ngày hôm ấy, trời sầu đất thảm. Từ đó Linh Nhân Hoàng thái hậu buông rèm coi việc nước.

Chỉ vài hôm khi Linh Nhân lên coi triều, Lý Đạo Thành bị bãi chức Thái sư xuống làm Tả gián nghị đại phu cho ra coi châu Nghệ An...

Lý Đạo Thành lạy Vua, chào Hoàng thái hậu đi trấn nhậm xa, không phàn nàn chi cả...

Lý Đạo Thành trấn nhậm nơi xa, nhớ tiên hoàng Thánh Tông không dứt, lập đền thờ Vua bên bàn thờ Phật, ngày đêm nhang khói, hết lòng lo việc nước.

Linh Nhân Hoàng thái hậu, tuy đuổi Lý Đạo Thành ra khỏi kinh đô, trong lòng vẫn tiếc người tài. Nhiều lúc có việc lớn, bà hỏi chuyện chăm đạo học, tìm người hiền, lấy mộng vương hầu san sẻ cho đám người cơ nhỡ, dân lưu tán, không có ai bàn cho thấu nhẽ.

Và lại, cái đích buông rèm coi việc nước đã đạt được, Dương Thái hậu đã không còn, bà nghĩ lại, xin Vua hạ chiếu mời Lý Đạo Thành về kinh đô, thăng làm Thái phó, Bình Chương Quân Quốc trọng sự.

Khi Lý Đạo Thành về triều, Vua ra tận cửa đón. Đến chiều Linh Nhân Hoàng thái hậu tiếp hỏi:

- Ông đi xa về vẫn khoẻ đấy chứ?

- Bẩm Hoàng thái hậu, kể làm bấy tôi luôn phải lo chức phận, không thể không khoẻ.

Thấy Lý Đạo Thành gầy gò, râu tóc trắng khác hẳn ở kinh đô, Linh Nhân Hoàng thái hậu bùi ngùi nói:

- Chuyện cũ hãy bỏ qua. Ta được ông về giúp coi triều chính mừng lắm.

- Đa tạ, Hoàng thái hậu... Thần xin hết lòng.

Từ đó ông lại cần mẫn trong công việc cùng Hoàng thái hậu và Vua lo việc nước, lòng dạ trong sáng, đôn hậu, hứa sao làm vậy.

Thái hậu rất quý, rất trọng.

Thái hậu buồn. Bà cảm thấy mình quá tay với Dương Thái hậu và bảy mươi hai người cung nữ. Họ đâu có được Vua yêu như bà. Họ đâu có những tháng năm oanh liệt như bà. Một cơn ghen, bậc mẫu nghi và bảy mươi hai cung tần đã thành hồn ma để chôn theo lăng tẩm hầu hạ Tiên hoàng.

Linh Nhân Hoàng thái hậu, không tiếc tiền cho làm chùa, quán, tuần nào bà cũng lên chùa tụng kinh sám hối.

Thái sư Lý Đạo Thành càng quý Thái hậu. Ông thấy bà vừa như một nữ thánh, lại như một người vợ của đám dân chúng tầm thường. Một bận, Thái hậu tụng kinh trong ngôi chùa riêng bà lập trong nội cung vừa về. Quan Thái sư, Bình Chương Quân Quốc Trọng Sự cũng vừa tới, gặp mình thì lễ:

- Hoàng thái hậu thiên tuế, thiên thiên tuế.

Linh Nhân Hoàng thái hậu hỏi:

- Ông cũng lên chùa ư?

Thái sư đáp:

- Bẩm, chùa cũng là nơi tĩnh tâm, ngộ đạo.

- Nói hay lắm! Ta tưởng ông lâu thông kinh sử, mưu lược, nào ngờ cũng nghiên cứu Phật học. Ông có thuộc câu kệ nào không?

- Bẩm Hoàng thái hậu, thần nhập tâm câu này!

- Câu gì vậy. Đọc cho ta nghe với...

Lý Đạo Thành đọc:

Truyền pháp

Mỹ ngọc tàng ngoan thạch

Liên hoa xuất ủ nê

Tu tri sinh, tử xứ,

Ngộ thị tức Bồ Đề.

(Ngọc quý chứa trong đá

Hoa sen mọc từ bùn

Nếu biết cõi sống, chết,

Bồ Đề, nơi tựa nương).

Thái hậu phục lắm...

Năm ấy nhà Tống cho quân sang đánh. Lý Thường Kiệt phá giặc ở sông Như Nguyệt. Quan Thái sư có công lớn trong việc bày mưu tính kế, lo lương thảo, quân khí, cử tướng, điều vãn thần đến giúp quan Thái úy, nhưng may mắn không xuất hiện khi đại quân chiến thắng trở về. Ông giấu mình, ông cảm phục tài cầm quân của quan Thái úy. Hoàng thái hậu muốn phong thưởng cho ông chức vị cao hơn nữa. Ông cảm kích tạ ơn, thành thực nói:

- Thấy quân sĩ đờng đờng khí thế trở về Thăng Long là thần vui rồi. Còn phần thưởng nào lớn hơn thế!

Thái hậu càng yêu quý.

Mùa đông năm Tân Dậu (năm 1081) Lý Đạo Thành mất. Linh Nhân Hoàng thái hậu khóc thương như mất người anh ruột thân thiết.

Bà ăn chay bảy ngày và lên chùa tụng niệm cho Thái sư được phổ độ. Nhớ đến khi mình vì quá nóng giận, đẩy ông ra Nghê An, bà lại hối hận, thảm khốc:

- Thái sư, Thái sư, ta có lỗi với ông nhiều lắm. Ông hãy tha thứ cho ta.

Hoàng thái hậu du xuân

Vua Lý Nhân Tông lên ngôi đã lâu. Kinh thành, hương ấp ngày càng mở rộng. Chùa, đền ở khắp nơi được dựng lên thật sâm uất. Từ tháng giêng đến tháng chạp, không lúc nào không có lễ hội, nhất là vào mùa xuân...

Lễ hội nhiều, người ta ắt phải thịt lợn, thịt trâu để ăn uống.

Cũng vì thế trâu bị giết ngày càng nhiều. Vào thời ấy Hoàng thái hậu Ý Lan, mẹ của Vua, vốn sùng đạo, hay đi lễ đến chùa. Biết việc ấy, Thái hậu cho người đi ra các cửa ô điều tra, thấy mỗi ngày đến hàng chục con trâu bị giết mổ.

Lại một hôm, Thái hậu giả làm người buôn bán, đích thân đến một làng ở ven đô, thấy mấy người nông dân trời rét như cắt, phải kéo cày thay trâu. Đã ra ngoài Tết mà các đồng chiêm vẫn không cấy hái được gì, lòng xót xa lắm. Bà vào trong làng, hỏi chuyện làm ăn, các bô lão cho biết, bởi các làng giết trâu nhiều, nên bọn lái buôn xô nhau vào tìm trâu để bán, bọn trộm trâu ngày càng tăng lên. Nhà láng giềng biết cũng không dám nói! Năm nay thiếu trâu cày ruộng là thế...

Bà về triều, ngay đêm ấy gọi Vua Lý Nhân Tông đến mà hỏi:

- Con làm Vua cần điều gì nhất?

- Thưa mẹ, làm Vua cốt sao nước thịnh vượng, dân sống yên vui.

- Đúng rồi! Thế muốn nước thịnh vượng, dân sống yên vui thì phải làm thế nào?

- Phải lo cho mùa màng phong thu, mưa thuận gió hoà, pháp luật rõ ràng, thuế má khoan giản.

- Thế muốn có lúa thì phải cần gì?

- Phải có ruộng có trâu!

- Thế trâu không có thì lấy gì mà cày ruộng?

Lý Nhân Tông biết mẹ đang trách mình liền hỏi chuyện. Hoàng thái hậu Ý Lan nói rõ thực trạng cho Nhà vua nghe. Nhà vua giạt mình, lạy mẹ mà nói:

- Con ơn mẹ dạy cho con biết đừng thấy dân vừa no ấm đã vội mừng, thả cho dân ăn chơi hoang phí, nảy sinh bọn xấu phá kỷ cương phép nước. Con xin lĩnh ý chấn chỉnh lại ngay.

Hôm sau, Vua xuống chiếu, nêu rõ: "*Gần đây kinh thành đua nhau lễ hội, ăn uống... phí tổn, hao của. Bọn xấu lợi dụng xui kẻ trộm trâu, khiến trăm họ cùng quẫn, mấy nhà phải cày chung một con. Có nơi người phải cày thay trâu, cảnh tình thật khốn khổ. Trẫm rất đau lòng. Tội mổ thịt trâu trộm, ăn trộm trâu thật đáng xử nặng. Để ngăn việc giết trâu, Trẫm chiếu rằng: Kẻ nào trộm trâu, bắt được, sẽ bị đánh tám mươi gậy, đẩy vào làm phu dịch cho quân lính. Vợ không biết răn chồng để chồng làm điều xằng bậy cũng đánh bốn mươi gậy, bắt đi làm nô dịch cho các trại chăn trâu, nhà lán giềng nào biết kẻ trộm trâu làng khác về không tố cáo cũng bị đánh tám mươi gậy. Khâm thủ".*

Chiếu Vua rao truyền đến tận các làng. Vua lại sai lính ngày đêm đi tuần, bắt được bọn trộm trâu, đem ra giữa đám đông thi hành án... Vì thế năm ấy, lại được mùa to, dân chúng hết lời ca ngợi.

Trái tim trong trắng

Lý Thần Tông từ ngày được Tô Hiến Thành, yêu lắm. Vua lúc nhỏ, bị Phụ chính đại thần Đỗ Anh Vũ chuyên quyền. Vũ tư thông với Lê Thái hậu, Vua biết cũng phải lạng im. Mọi việc trong triều, nhất nhất đều do Anh Vũ đoán định. Triều đình có mấy người khảng khái là bọn Điện Tiền đô chỉ huy sứ Vũ Đái, Quảng Vũ đô hoả đầu Lương Thượng Cả, Ngọc Giai đô hoả đầu Đồng Lợi, Nội thị Đỗ Ất, cùng bọn Trí Minh Vương, Bảo Ninh hầu, Phò mã Dương Tự Minh, bàn kế bắt Anh Vũ... Cả bọn đã bắt được Vũ, kêu to tội ở trước cung điện rồi giam Vũ lại, đưa tin vào cho Vua, mong xử tội. Lúc ấy Vua còn nhỏ, Thái hậu chấp chính, liền giả cho người đưa cơm cho Anh Vũ, rồi giấu cả khay vàng ở dưới, hối lộ đám Vũ Đái. Đái thấy nhiều vàng, tham lợi, định thả cho Anh Vũ. Nguyễn Dương giữ quân cấm vệ cửa trái tức hộc lên nói to: Bọn các người ham vàng, định thả giặc Anh Vũ ra làm thối thêm triều đình. Nó mà thoát, cả ta và bọn người cũng không lọt khỏi tay hấn sát hại đầu. Nói rồi rút giáo đâm Anh Vũ. Đàm Dĩ Mông can, cho rằng chưa có lệnh Điện Tiền chỉ huy sứ Vũ Đái, không nên giết. Mông khoẻ hơn, gạt giáo của Dương không cho giết. Dương quát lên rằng:

- Vũ Đái còn tên là Vũ Cát. Cát Đái nói chệch ra là Cút Đái. Vàng làm cho hấn thành cục phân thối, việc lớn hỏng rồi!

Nói rồi Dương nhảy xuống giếng chết. Anh Vũ được thả ra lại nhơn nhơn làm quan lớn trong triều. Ít lâu sau, Anh Vũ thấy Vua

bực vì Vũ Đái không cho mình đi chơi tự do ra ngoài hoàng thành mà cứ đòi cho cấm binh đi theo. Vua hờn căm, quay mắng Vũ Đái, Đái chỉ cười. Anh Vũ lập riêng một đội phụng vệ toàn bọn vệ sĩ khoẻ, giỏi võ để tự mình sai khiến, nhân thấy Vua phàn nàn về việc Vũ Đái, Anh Vũ liền tâu luôn:

- Trước kia bọn Vũ Đái, Dương Tự Minh tự tiện đem cấm binh xông vào cung đình, tội ấy không gì to bằng, nay lại nhờn cả với Vua, phải trị đi, để lâu dễ sinh biến!

Vua chẳng biết gì cả cũng nghe theo. Anh Vũ hạ mấy chức tước vương, tước hầu, lại đem bọn mưu hại mình cũ hiện giữ cấm quân là tám người đều chém cả, rồi đưa người của mình vào giữ các chức chỉ huy quân sĩ ở cấm thành. Vũ đặt ra luật nghiêm ngặt đối với cấm binh và các quan thị, để tránh họ kết liên chống lại Vũ... Vũ nắm lấy một trăm vệ sĩ của Phụng vệ binh để o ép Vua làm theo ý mình...

Khi lớn lên, nhớ hết việc xưa, Lý Thần Tông rất ghét Đỗ Anh Vũ, nhưng chưa biết tìm cách gì để trừ khử được. Từ ngày Tô Hiến Thành, biết Thành là người trung trực, Lý Thần Tông tỏ ý muốn cất nhắc. Nhân lúc Châu Lạng có bọn quan lang người Nùng làm phản, Tô Hiến Thành xin đi trấn thủ trên đó. Anh Vũ cho đi. Vua rất tiếc, ngập ngừng. Anh Vũ nói:

- Tướng giỏi phải ra biên ải cho quen việc, về sau mới trọng dụng được!

Vua nghĩ một hồi lâu, liền xuống chiếu cho Tô Hiến Thành đi. Thành dẹp yên bọn nổi loạn, lại được cử đi đánh hai đất Ngưu Hống và Lão Qua làm phản. Tô Hiến Thành đi đánh, bắt được tướng, đem người, trâu và ngựa, voi, châu báu về rất nhiều. Vua liền phong ngay cho Thành làm Thái úy, cũng ngồi chầu Vua ngang với Đỗ Anh Vũ để bàn việc nước. Đỗ Anh Vũ thấy Vua tin Thành hơn mình, bề ngoài có vẻ quý Thành, nhưng trong bụng đang tìm kế sát hại. Nhưng Thành trung thực, khẳng khái, rành mạch như ánh sáng ban ngày, Anh Vũ không làm gì nổi.

Năm ấy, Thái tử Lý Long Xưởng đã lớn, vào cung tư thông với cung phi. Vua giận lắm, gọi Đỗ Anh Vũ và Tô Hiến Thành vào bàn việc xử sự ra sao.

Đỗ Anh Vũ nói:

- Chuyện xấu trong cung tốt hơn hết là im đi, coi như không có chuyện gì cả. Thái tử vẫn là Thái tử, miệng kẻ ngồi lê đôi mách xì xầm chán, không thấy động tĩnh gì thì cũng thôi.

Vua hỏi Tô Hiến Thành:

- Ý khanh thế nào?

- Long Xưởng ham chơi, tính khi ngỗ ngược. Dám tư thông cả nơi cung cấm⁽¹⁾. Tư cách ấy ở ngôi Thái tử thì ai còn phục nữa. Nếu cứ để làm Thái tử, đến khi được truyền ngôi, quyền thế trong tay, ưa dùng kẻ buông tuồng như mình, triều đình còn ai nghe nữa. Nước loạn mất.

Vua nghe theo lời của Tô Hiến Thành, phế Long Xưởng làm người thường và bắt giam vào ngục, và phong con nhỏ là Long Trát làm Thái tử.

Đỗ Anh Vũ không được Vua tin dùng, sinh bệnh mà chết. Vua phong cho Tô Hiến Thành làm Tể tướng giúp đỡ Đồng Cung.

Tháng 4, Vua ốm, gọi Thành đến bên giường mà nói:

- Ta đến lúc biết làm Vua thì gặp được ông. Vua tôi chưa làm được bao nhiêu việc để chấn hưng đất nước thì trời lại bắt ta đi... Con nhỏ của ta còn bé, ông hãy vì nó mà giữ giúp ngôi Vua cho ta... sau này con ta lớn, trao cho nó!

Nói rồi sai người đưa con nhỏ của mình trao vào tay Tô Hiến Thành, Thành sụp lạy, chảy nước mắt mà nói:

- Thần xin đem hết gan óc, lòng thành phò giúp ấu vương để đền ơn lòng tin yêu của Bệ hạ...

⁽¹⁾ Thực ra Xưởng ngủ với cung phi, tức là thiếp của vua cha (Lý Thần Tông).

Vua quay mặt đi.

Hoàng hậu vẫn thương Long Xưởng hơn. Hoàng hậu tâu với Vua:

- Con lớn là Long Xưởng, cũng thông minh, sao lại không lập. Xin Bệ hạ rủ lòng thương.

Vua cố chống với cái chết, nói rõ lời để mọi người nghe:

- Thành Long Xưởng đã bất hiếu với cha thì trị dân làm sao được!

Nói xong thì mất.

Thái hậu cũng muốn lập Long Xưởng, sợ Tô Hiến Thành không nghe, liền sai người thân đến nhà đem nhiều vàng bạc châu báu đút cho vợ Thành là Lữ thị. Thị lừa lúc Thành vui, liền đem lời Thái hậu nói với Thành. Thành quát mắng nói:

- Cả đời ta chẳng bao giờ làm việc khuất tất. Vua bỏ con trưởng lập con thứ, vì con trưởng có đại tội, như thế là thuận lòng người. Nay ta nhận lệnh của tiên đế giúp Vua bé ẩm ngứa, vì vài đấu vàng vài đấu châu báu để làm trái đạo lý, ta làm sao dám nhìn mặt tiên đế khi chết xuống suối vàng.

Lữ thị nói:

- Ông trung thành, ai cũng biết. Song cứng quá cũng hỏng việc, thế lực họ Đỗ còn mạnh lắm. Mà họ thiên về phò Thái hậu lập Long Xưởng. Ông không cảm thời mẫn thế, khéo lại bị họ hãm hại đấy.

Tô Hiến Thành bảo với vợ:

- Bà làm vợ ta bao nhiêu năm sao vẫn chưa biết tính ta. Ta là cây ngay giữa rừng, có bao giờ sợ chết đứng!

Rồi sai người đem vàng bạc, châu báu trả lại cho Thái hậu...

Thái hậu cùng nhiếp chính với Tô Hiến Thành liền cho em trai mình là Đỗ An Thuận làm Thái sư. Còn Thành chỉ được làm

Thái úy coi việc binh. Thành vui vẻ nhận chức và lo làm tròn phận sự.

Tô Hiến Thành biết Thái hậu thiên về dùng ngoại tộc, song từ khi Đỗ Anh Vũ chết, dòng họ Đỗ không có ai đáng mặt. Đỗ An Thuận, em trai Thái hậu, là một người nhu nhược không quyết đoán. Thái hậu vốn khôn ngoan, khéo léo, bề ngoài tỏ ra trọng lời di chúc của tiên đế, nhưng ngầm ngầm làm theo ý mình. Bà thường lấy vàng lụa để mua chuộc các đại thần. Một số đã ngã theo Vua và Thái hậu. Vua bé quá, Thái hậu và Vua là một.

Nhưng Vua lại được giao cho Tô Hiến Thành phù trợ. "Làm vua cũng khổ thế đấy! Ông Thành à!", một bậc nguyên lão tính hay bông đùa, một bữa nửa đùa nửa thật thân mật nói với Tô Hiến Thành. Thành nghĩ mãi về câu nói ấy. Con lớn thì hư, con nhỏ thì ẵm ngửa. Làm vua cũng khổ thật. Thành càng thương Vua trước, ruột gan nẫu ra. Triều đình thì lười và ham hố mua danh, háms lợi. Bọn nào hốt được của thì cứ hốt ngầm. Triều đình bàn bạc lăm khi việc nhỏ lấn át việc lớn. Tô Hiến Thành quá mệt mỏi, cảm thấy mình khó cáng đáng được việc lớn mà Lý Thần Tông trong lúc sám hối trước cuộc đời sắp tắt đã trao lại cho mình.

Tin cậy và hợp với cách làm việc của ông lúc đó có Trần Trung Tá. Tá bàn bạc với ông nhiều việc đặc dụng. Tá giữ chức Giám nghị đại phu. Ông thường đem những việc chưa được đưa ra hạch hỏi trước Thái sư và Thái phó. Có lúc Tô Hiến Thành cũng bực bội vì việc Tá hay truy đến cùng, mà không thông cảm với người đương sự chấp chính, làm sao dung hoà được những người thân Thái hậu, kéo những người tốt về phía mình.

Song khi về nhà thấy Trần Trung Tá là người khảng khái, thẳng thắn, nên lại quên những lúc bực tức trong triều, càng tin cậy Tá. Tá dần hặc nhiều đại thần về tội lấn chiếm đất đai, trốn thuế, khai man gia sản. Đến cả Thái sư Đỗ An Thuận cũng bị Tá kê khai

ra hàng loạt vụ việc như dung túng cho người nhà làm càn, nhận của đút lót của đám thương nhân nước ngoài đến buôn bán. Trần Trung Tá, nhờ những người trung thực, ghét thói tham nhũng tố cáo, phát hiện được nhiều việc rất éo le. Thái sư không giải quyết nổi, phải rơi vào tay Tô Hiến Thành phán xử.

Thân gần với Tô Hiến Thành còn có Tham tri chính sự Vũ Tán Đường. Đường cũng là người thạo việc mẫn cán, tốt bụng, song kiến thức về kinh bang tế thế so với Trần Trung Tá thua xa. Giao việc rành mạch cho Vũ Tán Đường thì Tô Hiến Thành rất yên tâm. Tán Đường nghe từ đầu đến cuối, không bàn, không cãi, cứ y lệnh của quan Thái úy mà thi hành. Còn Trần Trung Tá thì khác hẳn. Muốn bàn bạc những việc cất nhắc người, đào kênh lớn trị thủy, thường Trần Trung Tá hay đưa ra những điều bất lợi mà vận vẹo, cần kẽ, sau đó cân nhắc lợi hại đến điều rồi mới chịu. Tô Hiến Thành rất thích kiểu làm việc như thế. Những người thân tín hỏi, ông chỉ khẽ trả lời:

- Trần Trung Tá có thể phò Vua nhỏ làm ổn định triều chính được.

Người kia lại hỏi:

- Thế còn Vũ Tán Đường?

- Tán Đường cộng sự cho Trần Trung Tá thì tốt biết mấy, nhưng phương lược thì ít có những mưu kế lớn!

Một bận Trần Trung Tá đến. Tô Hiến Thành hỏi:

- Ông thấy nên sắp xếp các quan vào chức phận thế nào cho thoả đáng?

Tá nói:

- Tôi nhìn khắp mặt các văn võ trăm quan ở triều đình hiện nay, có thể chia thành ba loại. Người ít chữ, nhưng thạo việc, siêng năng mẫn cán là loại thứ nhất; người có học vấn uyên bác, có thể noi gương các mưu sĩ đại thần của các triều thịnh trị là một loại;

người cao tuổi trải nghiệm việc đời, đức hạnh thuần hậu, khiêm nhường biết lo toan, nhưng rụt rè, ngại việc là một loại.

- Vậy nên dùng như thế nào?

- Chọn loại uyên bác tài cán là chính. Song hai loại kia thì giao cho những việc thích hợp với họ, hoặc để cả ba cùng cộng tác với nhau ở những nơi Đài, Viện, thì cái mạnh của loại này sẽ bù đắp cho cái yếu của người kia.

Tô Hiến Thành cho lời bàn ấy là xác đáng. Ông lại hỏi thêm:

- Thế còn các loại khác?

Trần Trung Tá nói:

- Quan lớn cũng thừa biết chúng là ai rồi. Đó là bọn ít tài lại ham hố ngôi cao, phỉnh nịnh để có chức tước, hoặc lấy vàng lụa thì thọt nơi Thái hậu ngồi, hoặc xun xoe tâng bốc quan Thái sư...

- Loại ấy không đáng sợ! Còn loại nào nữa?

- Còn loại xảo quyệt, như cú dối rình mồi, chờ lúc nhiều nhượng ra nín chân kẻ quyền thế, len lỏi vào những ngôi thứ trong nội mật viện, thấy lợi cho mình thì bất kể gì cũng làm, khéo chiều Vua hôn ám, nịnh quan tể bất tài, để dần dà leo lên địa vị chót vót. Vận nước từ lũ hèn mọn ấy mà suy dân. Đó mới thật là bọn gian thần, đời nào cũng có, nó rình rập mọi chỗ mọi nơi để sà vào kiếm chác.

Tô Hiến Thành nghe theo lời bàn của Trần Trung Tá lựa người đặt chỗ, lại khéo chọn những người điềm tĩnh, ôn nhu, đứng đầu các Đài, Viện và các trọng trách, thu hút được người tốt làm theo, công việc có nhiều thuận lợi. Do làm việc không quản ngày đêm, nên Tô Hiến Thành lăn ra ốm. Ông giao công việc của mình cho Trần Trung Tá làm tiếp.

Vũ Tán Đường vốn là một người cẩn mẫn hầu hạ Thần Tông, thường đem những mật chiếu của Thần Tông đến cho Tô Hiến Thành. Thành thấy là người cẩn thận, thạo việc, tin được, nên khi

được Vua gọi vào nhận di chiếu, và ban chức đứng đầu trăm quan, liền cất nhắc Đường làm Tham tri chính sự, trước cả khi dùng Trần Trung Tá.

Khi biết Tá là người có tài. Tô Hiến Thành gần gũi bàn bạc những việc lớn với Tá nhiều hơn, Đường không lấy thế làm phật ý. Có người gièm pha, Đường chỉ cười nói lại với Tô Hiến Thành. Thái úy cười hỏi:

- Ông có ganh với Trần Trung Tá không?

Đường trả lời hồn hậu pha chút khôi hài:

- Người nào giỏi việc nào thì trao việc ấy. Việc của Tá tôi không làm được. Việc của tôi, nếu Thái úy giao cho Tá, có khi Tá làm hỏng, hoặc có làm chưa chắc bằng tôi.

Tô Hiến Thành cười vang, vỗ vỗ vào vai Võ Tấn Đường:

- Người như ông thì phúc lộc lâu dài lắm, cần gì phải lăn vào những thứ phù vân!

Võ Tấn Đường biết Tô Hiến Thành yêu mình, lại càng tận tụy hơn.

Khi Thái úy ốm, Đường thương lắm, thân đến hầu hạ bên cạnh, mỗi khi xong buổi chầu, tự tay xem xét việc sắc thuốc, nâng giắc, xem từng đơn thuốc, gọi hỏi thích ăn gì uống gì. Chính Đường tự tay gọt quả để Thành ăn, chế sâm để Thành uống. Thành cảm kích lắm, cầm tay mà nói:

- Ông là người bạn tốt vô cùng, ta được ông gần gũi lúc cuối đời cũng là lộc trời ban cho đó.

Võ Tấn Đường cảm động lắm, chỉ nói:

- Thái úy đối với tôi vừa là thầy, vừa là ân nhân, tôi không vì thế mà xu nịnh. Tôi quý yêu Thái úy chỉ vì ông đã hết lòng với mọi người, biết người, biết của, lòng sáng như gương. Tôi gần gũi Thái úy để mình thêm trong sáng hơn, trí tuệ mở mang hơn. Thái úy phải

cổ sống thì triều Lý này mới có cái trụ vững để mọi thứ nương tựa vào. Tôi ngày đêm ngày ngáy những mong Thái úy gương dạy để ra triều coi việc được.

Tô Hiến Thành hỏi việc triều chính. Võ Tấn Đường nhất nhất nói lại. Trong lúc Thành ốm, Thái hậu và Thái sư đang tìm cách thay dần người của Thành ở các chức phận hệ trọng, nhưng Trần Trung Tá vẫn năng nổ gắn với những người tài ở Viện Đô Sát, ở Nội Mật Viện, nên công việc vẫn chưa có gì đáng ngại. Chỉ tiếc rằng từ khi Thái úy ốm, quyền hành thu tóm hết vào Thái sư, các quan lại háms lợi, đua nhau săn đuổi đất đai, châu báu. Nạn hối lộ, tham nhũng lại có dịp bùng ra không ai ngăn nổi. Cửa hậu nhà Thái sư luôn luôn có người kín đáo ra vào, manh mối những việc gì không rõ. Hàng hoá ở băm sáu phố phường và các thương cảng đầy ắp mà thuế khoá thu chẳng được là bao!

Tô Hiến Thành nghe, chỉ thở dài. Bệnh tình của Thành ngày càng nặng.

Mà Thành rất muốn gặp Trần Trung Tá, nhưng lúc ấy Tá lại bận lên biên thuỳ bàn việc định giới với nước láng giềng, không về kịp. Thành hấp hối, Thái hậu đến thăm, an ủi. Thành gắng để người đỡ mình dậy để giữ lễ.

Thái hậu làm ra vẻ rất quý trọng ông, và bà nhắc lại lời di chúc của Tiên đế. Tô Hiến Thành nói:

- Mệnh của tôi đã hết. Nhưng triều đình còn nhiều người hiền, người tài. Mong Thái hậu và Thái sư nghĩ đến công dựng nghiệp của các vua trước mà nối chí làm sáng danh nhà Lý trước thiên hạ.

Thái hậu hỏi:

- Nhờ khi trời bắt ông mất, thì ta có thể cất đặt ai thay ông được?

Tô Hiến Thành trả lời:

- Người thay tôi được là Trần Trung Tá.

Thái hậu lại nói:

- Trung Tá mãi mê công danh, mà Tấn Đường thì ngày đêm ở bên cạnh ông, sao ông không cất nhắc Tấn Đường.

Tô Hiến Thành lấy hơi, tránh cơn mệt, rồi trả lời rất rành rẽ:

- Vì Thái hậu hỏi người thay tôi thì tôi nói là Trung Tá, chứ nếu nói đến người quen mình, vì bạn, vì nghĩa tình mà chăm sóc nhau, thì tôi phải nói đến Tấn Đường trước chứ!

Thái hậu quay lại nói với mọi người:

- Tấm lòng của Thái úy vàng vác như vầng nhật nguyệt giữa trời. Mong sao các khanh cũng được như thế.

Tô Hiến Thành mất. Thái hậu không nghe lời Thái úy lại cử người thân của mình thay chức cũ của Tô Hiến Thành làm phụ chính. Đó là Đỗ An Di.

Trần Trung Tá và Võ Tấn Đường sau này đều được phong tước cao hơn, nhưng Thái hậu lại giao cho những việc coi lễ tiết của triều đình, chứ không phải là những việc cơ mật như hồi Tô Hiến Thành làm phụ chính.

Họ Đỗ thao túng cả triều đình. Có người đi qua mộ của quan Thái úy, thấy cỏ mọc úa vàng, lau lách đìu hiu, thỉnh thoảng từ dưới đáy huyệt lại vọng lên những tiếng thở dài.

Đầu thu Giáp Tuất, 1994

Bát Lang Hoàng tử

Hoàng tử thứ tám được Vua rất yêu. Thái Tông đông con, sinh Lý Hoàng, tuổi đã cao lại càng quý lắm. Khi đến thăm cung Chính Linh, thường nói với bà Hoàng họ Lê, mẹ của Hoàng rằng:

- Sinh sau đẻ muộn là thiệt. Các trang ấp ở gần, ta phong cho các Hoàng tử anh cả rồi. Cậu tám này rồi phải đi xa thôi.

Năm mười lăm tuổi, Bát Lang Hoàng tử (chàng Hoàng tử thứ tám) đã giỏi bắn cung cưỡi ngựa lại được mọi người kèm cặp nên văn võ đều giỏi. Tuy vậy chàng không trở tài. Một ngày Tết Nguyên Đán, Lý Thái Tông cho gọi các Hoàng tử lại, ban yến, liền hỏi các con một câu rằng:

- Trong sách *Luận ngữ*, chương Bát Dật có viết rằng: "Tử Cống dục khử bốc sóc chi khái dương". Tử viết "Tứ dã, nhĩ ái kỳ dương, ngã ái kỳ lễ". Câu này phải giảng như thế nào?

Các Hoàng tử chưa ai trả lời được thì Bát Lang Hoàng tử, liền kéo anh cả Khải Hoàng Vương, ghé tai nói gì không rõ, thấy Khải Hoàng Vương à lên một tiếng rồi quỳ xuống tâu rằng:

- Tâu Phụ vương, đó là chuyện thầy Tử Cống, học trò của đức Khổng Tử làm quan đại phu của nước Lỗ. Nhân ngày lễ Sóc thường hay giết dê dâng tế, ông ta thương con dê, muốn bỏ tục ấy đi; nhưng đức Khổng Tử cho như thế là bỏ lễ mà khiển trách thầy...

Lý Thái Tông gật đầu khen Khải Hoàng Vương nhưng gọi Bát Lang Hoàng tử lại mà bảo rằng:

- Con rí tai cho anh cả con phải không? Sao con biết mà không nói?

Chàng Tám thưa:

- Thưa Phụ vương, anh con là người thay chúng con nói điều này thì phải hơn ạ!

Vua kéo tai chàng Tám mà khen:

- Đáng lẽ con bị phạt, nhưng vì hiếu thuận ta thưởng cho cả hai con mỗi người một chén ngự tửu và một chiếc áo lụa Nghi Tàm.

Hai Hoàng tử lạy tạ, chờ chàng Tám uống xong Thái Tông lại hỏi:

- Con thử dịch câu ấy cho ta xem nào!

- Tâu, câu đó nên dịch là: "Thầy Tử Cống muốn bỏ tục dâng dê sống trong lễ Cốc Sóc! Đức Thánh nói rằng: Này Tứ, người thương con dê nhưng ta thì chuộng lễ".

- Câu ấy nghĩa thế nào?

- Tâu, thương con dê là nhân, nhưng tế lễ trời đất còn lớn hơn nhân. Ở đây vì lễ mà đành phải giết dê dâng tế cho đúng với lòng thành với trời đất.

Vua nói với các Hoàng tử:

- Em Tám bé nhất, biết thân biết phận, học kỹ nghệ sâu. Các con nên học như em để sau này đem tài ra giúp nước.

Đến tuổi nhận chúc phong, Vua gọi Bát Lang Hoàng tử đến hỏi:

- Con phải đi xa. Ta rất nhớ con nhưng không làm sao được.

Lý Hoảng nói:

- Đất nước một dải liền gấm vóc, đều phải giữ gìn, xin Phụ vương chớ quá bận tâm.

Thái Tông lại hỏi:

- Đi xa không gần triều đình, con định xử thế như thế nào?

Bát Lang Hoàng tử nói:

- Tâu, Trình Hựu đời Tống có bốn câu thơ có thể làm châm ngôn cho đời. Đó là: "Đạo thông thiên địa, bao màu nhiệm. Chí vút trời mây, mãi biến thông. Chẳng hờm giàu sang, nghèo chẳng nhục. Làm trai như thế thật hào hùng"⁽¹⁾.

Thái Tông nghe con nói yên tâm lắm, phong cho Lý Hoàng làm Uy Minh hầu trấn châu Nghệ An.

Uy Minh hầu đến Nghệ An, trước hết lo luyện quân ngày đêm cho thuần thực, rồi thiết lập các doanh trại, gần xa tương ứng lẫn nhau. Ở vùng đất dữ, quan phụ đạo hay tráo trở, ông đều đem theo dũng tướng, đến tận nơi, vừa để thăm hỏi vừa để xem bụng dạ ra sao, biết mà định liệu. Chỉ trong vòng một năm, suốt Nghệ An chỗ nào cũng có hội hè, ca vui trong ngày lễ tết, dân chúng cần mẫn, bọn đầu trâu mặt ngựa, đánh răn đều bị trừng trị hoặc thu phục. Lúa, ngô, khoai, sắn, trước đây năm nào cũng thiếu, thì bây giờ nhà giàu đã có cót đơn, cót kép; nhà nghèo xoay xở ăn dọn khoai dọn sắn cũng không dứt bữa. Uy Minh hầu dẫu trẻ, song luôn luôn đắm mình vào công việc. Thỉnh thoảng chàng mới đi săn voi một chuyến. Cũng là để lấy voi dâng triều đình hoặc dùng vào việc quân.

Năm ấy Vua Chiêm Thành Sạ Đẩu bỏ lễ cống hàng năm, có ý tráo trở. Vua cha Lý Thái Tông cất quân đánh dẹp. Ngay khi trời còn đang mưa to, lũ lớn, Trung sứ đã đến phủ gặp Uy Minh hầu mà nói:

- Triều đình coi châu Nghệ An là đất quan yếu. Có ý muốn lập hành dinh lớn ở đây. Trong khoảng một tháng nữa, Hoàng đế cất quân, đại quan nhân liệu có thu xếp xong không?

⁽¹⁾ Nguyễn văn chữ Hán, người viết truyện dịch.

Lý Hoảng nghĩ và tính toán một chốc rồi nói:

- Ý của Phụ vương ta thế nào?

- Triều đình muốn đặt một hành dinh của Hoàng đế tại Bà Hoà... Nơi đây phải có cung điện để Vua họp bàn với các đại thần và nghỉ lại trên đường hành quân. Hành dinh, trung quân sẽ đóng, còn tiền quân và hậu quân cũng phải có chỗ để quân thủy, quân bộ đủ trú lại, nếu cần có thể tập trận.

- Về các kho lương thảo, khí giới thì sao?

- Uy Minh hầu quả là người biết việc. Hoàng thượng muốn nơi đây không chỉ là nơi trú quân trên đường đánh Chiêm Thành, mà còn là một hành dinh, tiến có thể đánh phạt xa, lui có thể giữ đất vững vàng. Thời bình là nơi giao lưu ở giữa các vùng xa với vùng chân sông, thời chiến là một thành lũy lớn có thể chống trả với ngoại xâm.

Uy Minh hầu bảo Trung sứ:

- Ta nhận được lệnh tâm phúc của Phụ vương, sẽ thi hành ngay. Nhưng, theo ta, trước mắt hãy lo đáp ứng được việc chinh phạt Chiêm Thành của Hoàng thượng đã.

Liên huy động sức lính, sức dân để mở luồng dọn bãi lập kho tàng, xây hành cung. Khi Vua đem quân đến thì một góc mái nơi chính điện còn chưa lợp xong. Lý Thái Tông ban lời khen nhưng chỉ vào chỗ mái còn trống bảo:

- Con liệu để ta ngủ trong điện mà nhìn thấy cả trời kia ư?

Uy Minh hầu Lý Hoảng vội quỳ tâu:

- Con thật đắc tội, song tự nghĩ, việc đồn trú của hàng vạn quân lính cần phải nghiêm cẩn, nên dốc sức lo trước, không ngờ đại quân thần tốc lại đến sớm đến vài ngày, nên hành dinh lợp không kịp. Con gắng làm đến tối sẽ xong thôi ạ!

Lý Thái Tông an ủi:

- Vua ngự giá thân chinh có khi còn dừng lều giữa bãi kia mà! Cung điện hoàng thế này là tốt lắm rồi! Ta nhìn con, thấy tóc rậm lên, mắt sâu xuống, người gầy rộc đi, ta biết con năng nổ thế nào rồi!

Rồi Vua đi thăm hành dinh một lượt, rất ưng ý, nhưng không khen một lời nào, sợ chàng Tám được khen dễ sinh kiêu căng, tự mãn!

Vua cất công đánh Chiêm Thành thắng lớn, bắt Sạ Đẩu đem quân về nước. Khi luận công, Uy Minh hầu được tính vào hàng đầu và được phong tước vương. Chính lệnh của Uy Minh Vương càng nghiêm. Nghệ An lúc ấy là một châu lớn, Vương cho lập sở dinh, sở điền, rất rành mạch, lại cho khơi sông, đắp đê làm muối, mở ngư trường, uỷ lạo các tộc ít người ở mạn ngược, trong vòng mười năm, Nghệ An đã là vùng đất mạnh, tin cậy của triều đình. Cương giới rõ ràng. Trấn Ninh quy phục.

Lý Thái Tông băng hà, Thánh Tông lên thay. Đám quan phụ đạo là Ông Yết, Lý Bình công cuồng nổi loạn. Nghĩ rằng là đất trong châu mình, Uy Minh Vương đem quân dẹp yên và đang làm bản tấu lên Hoàng thượng thì Trung sứ đem chiếu chỉ đến. Chiếu thư có đoạn: "Uy Minh Vương đánh giặc tự quyền, không đợi thánh chỉ, hay là cậy công lớn mà không nghĩ đến triều đình, hay là cậy thân thích với thánh hoàng mà nhờn rề... Vương hãy sửa mình và suy nghĩ kỹ". Hoàng đế giáng Vương xuống hai tước.

Vương không phàn nàn gì! Hỏi ra mới biết ở trong triều có kẻ gièm pha, sợ Vương uy thế lớn, chuyên quyền nên mới ra lời răn trước. Vương tiếp đãi Trung sứ, rồi nhờ ông ta đem bản tấu về triều. Thánh Tông mở xem, mới biết là Vương xin từ chức. Thánh Tông thở dài, nhưng không giữ lại.

Dân chúng thấy Uy Minh Vương bỏ nhiệm sở trở về đất phong của mình, dân chúng đổ ra đường tranh nhau níu xe, giữ ngựa khóc lóc xin Vương ở lại. Vương an ủi mãi mới dứt đi khỏi được.

Uy Minh Vương Lý Hoảng từ khi thôi chức, lòng lại thanh thản tự nhiên, vui với hoa cỏ. Ông chăm lan, uống trà, gọi bạn rượu đến. Có lúc ông ra ngoài trang ấp đi săn năm bảy ngày mới về. Khi về, được con nai to, giữ lại một đuôi còn đem chia đều cho các quân hầu, đây tớ, ai cũng được hưởng.

Có đêm ngồi đến khuya ở vườn hoa, một mình nhận lấy hương của hồng, của lan, của huệ, của nhài, của mộc, của sen, đứng trên lầu nghinh phong đón gió nhìn trăng.

Có hôm một mình ra bờ sông, với mấy chiếc cần câu, ngồi đến tối mới về, xách theo một giỏ đầy cá. Vương tính nét đôn hậu, hoà đồng ai cũng quý.

Vương cho mình như thế là hơn người. Một buổi sáng, Uy Minh Vương đang ngồi chơi, chợt thấy từ bên ngoài, một con quạ từ đâu bên trời bay thẳng vào trong nhà, đến tận trước phủ. Chim yến trong lồng, chim sẻ dưới mái, đều xốn xác, bay lẩn vào hốc mái, hoặc nhảy loạn trên đỉnh nóc lồng son... Người nhà cho là điềm không hay, hè nhau bắt nó. Nhưng con quạ đen vừa đến, bay đúng ba vòng quanh trước, khi nhận ra Uy Minh Vương liền bay đến chỗ Vương ngồi, bay ngang vai kêu lên mấy tiếng rợn rợn, rồi sà vào lòng Vương.

Vương xòe tay ra đón nó. Thì bỗng con quạ đen⁽¹⁾ biến mất trên tay Vương chỉ còn tờ giấy trắng. Dem ra ánh sáng soi thì không thấy gì chỉ có những nét vẽ rồng mây mờ in trên giấy.

Hình như Vương linh nghiệm ra điều gì! Trong bụng cho là điềm lành. Lòng rất vui. Nhân tuần trăng, Vương liền cho người mở tiệc, mời bạn bè đến. Đêm ấy, rượu ngon tràn bát, đàn hát vang xa, trăng sáng, sao thưa, tiệc sang, người quý mến nhau, thân thiết như

⁽¹⁾ Quạ được coi như thiên sứ của trời. Truyện Ngưu Lang Chức Nữ có câu Ô Thước.

anh em, say mê, bá cổ nhau cùng hát với nhạc công ca nữ. Tiệc cứ mở, ai thích cứ uống, say thì về...

Vương tựa án, thiu thiu. Chợt thấy bên ngoài gió thốc, cửa son đẩy ra, một chân nhân đội mũ giải trãi, râu dài, cân đai, hia thêu rất nghiêm trang, tay cầm thanh đao yểm nguyệt, đến trước mặt cúi chào. Vương hỏi:

- Người là ai?

Người kia đáp:

- Tôi là Vũ Khúc tinh quân, vâng mệnh Ngọc Hoàng mời Vương đến nhiệm sở của Tử Hư để quân để vâng lệnh thảo một chương ngọc điệp.

Vương nói:

- Ta là người trần, mắt thịt, làm sao làm nổi mệnh trời.

Vũ Khúc tinh quân thưa:

- Biết được đạo người tức là hiểu được đạo trời. Ngọc Hoàng đã có lệnh mời, ắt hẳn nhận ra người hiền đức.

Vương vội xua tay, gạt thanh long đao, khiêm nhường từ chối, thì chợt có cơn gió lạnh ào tới. Vương tỉnh giấc mới biết mình nằm mơ.

Đêm ấy Vương mất trên giường, mặt còn tươi nguyên những niềm vui trong bàn tiệc.

Dân bản châu lập đền thờ. Đời Nguyên Phong, Vua Trần Thái Tông đánh Chiêm, có đến dâng lễ vật, mong được phù trợ. Quả nhiên, khi cất quân, sóng xuôi gió thuận, đánh mấy trận là toàn thắng. Chúc phán quan trong đền, cung kính chấp tay hỏi:

- Nhà Lý chẳng mất về tay nhà Trần ư? Sao ngài vẫn giúp kẻ đã giành mất ngai vàng của dòng họ mình?

Thần cười trả lời:

- Giang sơn là của mọi nhà. Một dòng họ không thể duy trì mãi mãi. Nhà Trần đã được dân tin theo, đem quân chinh phạt kẻ quấy rối bờ cõi để giữ yên cho đất nước, đến dâng lễ với tấm lòng thành, vả lại việc này hợp với đạo trời.

Thầy trò chưa dứt câu chuyện thì quân nhà Trần đã chiến thắng trở về. Vua Trần Thái Tông đã đích thân đến tế tạ ơn.

Khi Vua Trần về triều, Vương được phong sắc là Uy Minh dũng liệt đại vương, thượng đẳng thần...

Khói hương đời đời nghi ngút...

Người gọi vua

Công tử Phật Mã đang cùng các trẻ nhỏ trong hương chơi đùa. Công tử rất hiếu động, cứ nhè lúc người trông coi sơ ý là lén ra ngoài phố chơi bất kể giờ giấc, có hôm đến trưa mới về. Có bận lại rủ cả trẻ vào trong vườn cấm chơi. Mẹ họ Lê, rất nhân hậu, thấy lũ trẻ cũng ngoan, đám này rất thân với con mình, công tử có chúng cũng vui thích hơn, ăn khỏe, học ham hơn, nên bảo bọn thị tỳ, gia nô không ngăn cản. Phật Mã ôm cổ mẹ mà nói:

- Con không hư đâu mẹ ạ! Lũ trẻ này đều giỏi cả, con thích chúng nó làm tùy tùng.

Quả là công tử thông minh hơn cả. Trong cuộc đùa chơi, hay bày trò mới, do đó, đám trẻ thích và mến.

Một bận chia hai phe đánh nhau. Phật Mã cho bên kia hơn quân rồi dùng mẹo bắt được cả bọn. Khi thắng trận bắt cả bọn phải đóng bộ như các quan dân hàng trước sau và hai bên tiền hô, hậu ủng mình ung dung đi giữa. Miệng đám trẻ phải giả làm tiêu thiêu, nhã nhac như rước Vua... rất linh hoạt. Vừa hay lúc ấy Vua và Hoàng hậu đi tới. Lý Công Uẩn thấy con bày trò lạ, lòng rất vui, cúi xuống hỏi:

- Con nhà tướng nên bắt chước việc quân sĩ, dùng nghi vệ theo hầu làm gì!

Phật Mã nhoeo miệng trả lời:

- Thừa cha, nghi vệ theo hầu có xa gì con nhà tướng... Đến ngôi Vua cũng từ họ Đinh sang họ Lê đó thôi! Chẳng là mệnh trời ư?

Bấy giờ Công Uẩn mới làm điện tiền chỉ huy sứ, nghe con nói lấy làm lạ, rất yêu. Khi được nhận nhường ngôi, lập ra vương triều Lý, liền phong Phật Mã làm Đông Cung Thái tử...

Phật Mã cứ như người trên trời phái xuống. Lúc lâm bồn, sinh Mã vào tháng sáu năm Canh Tý, khi sinh nhìn kỹ có bảy nốt ruồi nhỏ như hình bảy ngôi sao. Bà mẹ biết con mình có quý tướng.

Cũng năm ấy, trong phủ Trường Yên, có con trâu dục thay sừng, trút lớp sừng cũ lên lớp sừng mới. Dân trong kinh thành cho là điềm chẳng lành, nhất là gia chủ có trâu. Chợt có một đạo sĩ đi qua, ông ta kéo vào nhà hỏi, liệu có nên giết đi. Đạo sĩ ngắm con trâu một lúc, rồi nói:

- Đó là điềm trời, báo hiệu sự đổi mới, việc gì đến nhà anh mà anh lo.

Quả nhiên ít lâu sau Lý Công Uẩn lên ngôi, thay cho nhà Tiền Lê.

Mẹ thấy con đẻ năm Tý, nên đùa gọi là Chuột chí. Một hôm, Lý Công Uẩn thấy Lê thị gọi con:

- Chuột chí, Chuột chí đến thơm cha đi!

Vua vui miệng đọc:

- Tý là chuột, Canh là gác, chuột gác nhà chuột!

Phật Mã đổi luôn:

- Thìn hay rồng, mậu là rọp, rồng rọp thêm rồng.

Công Uẩn giật mình, ôm con vào lòng mà khen:

- Thằng này sau này làm rạng rỡ nghiệp nhà đây!

Quả nhiên khi lớn văn võ song toàn. Lý Thái Tổ phong làm Khai Thiện Vương, đưa xuống đất phong, không để ở trong thành nữa. Vương về đất mình cai quản, lo luyện quân, giúp trong ấp mở mang ruộng đất, làm kênh mương dẫn nước, đất phong giàu có hẳn lên.

Quân Chiêm Thành sang xâm lấn bờ cõi, Khai Thiện Vương Phật Mã được Lý Thái Tổ cử làm Nguyên soái cất binh thuyền đi đánh, chỉ một trận giặc tan.

Nguyên soái Phật Mã bắt tướng Chiêm về, được Vua cha khen, lại thưởng vàng lụa cho quân sĩ có công rất nhiều.

Phật Mã ham học, ngoài binh thư còn học lễ nhạc, thư số, thích đến các chùa quán để đàm đạo thuyết lý Phật, và Đạo... Một bữa đến đạo quán Nam Đế, đạo sĩ Trần Tuệ Long tiếp kiến bàn về Đạo Đức kinh, về thuyết vô vi quên cả ăn. Lúc đứng dậy, cởi áo ban cho Tuệ Long. Long rất quý, không dám mặc, treo lên mắc áo... Đêm đến nhà sáng trưng, Tuệ Long nhìn ra thấy rồng vàng hiện trên mắc áo! Long biết Thái tử sau này sẽ làm đế nghiệp rạng rỡ.

Lý Thái Tổ có nhiều con trai đều phong vương cho con. Các tước vương đều giỏi chẳng kém gì Thái tử. Do đó, họ không phục nhau.

Năm Mậu Thìn (1028), Lý Thái Tổ mất ở điện Long An. Lê Phụng Hiếu và quần thần đến cung Long Đức xin Thái tử Phật Mã vâng chiếu lên ngôi. Cũng lúc ấy Đông Chinh Vương, Dục Thánh Vương và Vũ Đức Vương bàn nhau, Vũ Đức Vương nói:

- Phật Mã hơn gì chúng ta mà đòi làm Vua. Chỉ bằng ba anh em ta hùn nhau lại, đem quân vào, bức quần thần phải lập chúng ta làm Vua. Đông Chinh Vương coi ở Thăng Long. Tôi coi Trường Yên và Châu Ái, Dục Thánh Vương coi Châu Hoan, như vậy quốc gia chẳng mạnh ư, không ai mất phần giang sơn của tiên hoàng cả!

Đông Chính Vương nghe theo, kéo quân phục ở phía bên trong Long Thành. Dục Thánh Vương và Vũ Đức Vương phục ở cửa Quảng Phúc, đợi Thái tử đến sẽ đánh úp.

Thái tử từ cung Long Đức sang điện Càn Nguyên. Quân ngự lâm từ phía ngoài vào cấp báo:

- Đông Chinh Vương, Dục Thánh Vương, Vũ Đức Vương kéo quân vào thành, ý muốn làm loạn. Hiện họ đã chia quân mai phục, định hãm hại Thái tử.

Phật Mã biết là các em hùa nhau chống lại mình, ngay lúc Vua cha mất, thì hài chưa kịp quần, lòng giận lắm, song không nỡ bộc lộ để mọi người biết. Xống mũi cay nồng, giọng đau đớn, Thái tử nói:

- Các quan Thường Thị ai giữ cửa nào trong hoàng thành hãy đóng chặt cửa nấy! Chờ lệnh của ta.

Rồi quay lại, Phật Mã hỏi các tướng văn tướng võ bao quanh:

- Ta đối với anh em thuần hậu, chu đáo, chẳng hề phụ bạc. Nay ba tước vương bàn nhau làm việc bất nghĩa, các người nghĩ thế nào?

Quan thường thị ở nội cung là Lý Nhân Nghĩa nói:

- Anh em với nhau, nếu biết phận mình, thì việc bên trong có thể bàn bạc, việc bên ngoài có thể cùng nhau chống giặc. Nay thấy Thái tử được truyền ngôi, họ lại hờ nhau làm điều bất nghĩa, phản nghịch. Vậy họ là anh em hay là giặc? Xin Thái tử cho bọn thần mở cửa thành ra đánh, quyết được thua.

Lý Nhân Nghĩa nói thêm:

- Bên Trung Hoa xưa Chu Công Đán bởi hai em làm điều bậy bạ, phải giết Quản Thúc và đây Thái thúc. Sau này việc ấy lại diễn ra ở đời Đường. Nguyên Cát và Kiến Thành chẳng đã bị Đường Thái Tông giết đó sao?

Thái tử ứa nước mắt, mím môi, giờ lâu mới nói được:

- Ta thật lấy làm xấu hổ là tiên đế mất chưa quần, mà anh em lại lăm le giết nhau. Việc ở bên Trung Hoa không nên diễn lại ở nước này. Ta không muốn để đời sau chê cười nhà Lý không biết bảo nhau.

Lý Nhân Nghĩa nói:

- Điện hạ biết theo Chu Công và Đường Thái Tông chính là mưu việc xa mà bỏ việc gần, giữ việc lớn của quốc gia đại sự mà quên tình riêng. Chu Công và Đường Thái Tông bất đắc dĩ phải làm, đời sau ai dám chê, mà chỉ phục là sáng suốt thôi!

Lê Phụng Hiểu nói:

- Tiên đế chọn người nối ngôi là chọn người hiền đức để giao phó thiên hạ. Ba tước vương kia làm loạn, chính là trái ý người, giết bỏ cũng là đáng chứ sao! Xin Thái tử hãy quyết đoán!

Thái tử im lặng rồi nói:

- Dù sao tránh được nổi da nấu thịt thì vẫn hơn. Ta há không biết chuyện Đường Thái Tông, Chu Công ư? Nhưng chuyện Tào Phi giết Tào Chương, bức Tào Thực thì sao? Thôi để tránh cho ba tước vương lâm vào tội ác ta đành rút quân vậy!

Bên ngoài ba tước vương không thấy Thái tử đem quân tới, nóng ruột liền kéo vào trong thành. Thái tử liệu không thể ngăn nổi, bảo bọn Lý Nhân Nghĩa và Lê Phụng Hiểu:

- Ba anh em dẫn ta phải lăn vào việc bất nghĩa này ư? Ta chẳng thể nào nhìn mặt họ nữa. Cha ta chết còn nằm kia, ta phải vào làm lễ thành phục cho Người. Việc ở đây, tùy các người làm thế nào thì làm.

Nói rồi khóc mà quay vào. Ba quân đều cảm động ứa nước mắt. Bọn Lý Nhân Nghĩa, Lê Phụng Hiểu đều quỳ lạy và nói:

- Được chết vì hoạn nạn của Vua là chức phận của chúng thần. Nay được chỗ đáng chết còn từ chối gì nữa!

Nói rồi, chỉnh đốn quân sĩ, chia quân từng cánh ra để dẹp kẻ nổi loạn. Vệ sĩ trong cung bị kích động bởi tấm lòng nhân ái của Thái tử đều mãnh liệt như hổ báo, một địch trăm người. Đánh nhau đang hăng, chưa phân thua được, Lê Phụng Hiểu hét lớn lên một tiếng:

- Bọn Vũ Đức Vương ngấp nghé ngôi báu, không coi vua nổi nghiệp vào đâu, trên quên ơn tiên đế, dưới trái nghĩa tôi con, vì thế, thân là Phụng Hiểu xin dâng gươm này!

Lê Phụng Hiểu xông thẳng đến bên ngựa của Vũ Đức Vương. Vương quay ngựa đánh, bỗng ngựa quỵ xuống do bị giáo đâm ở đằng sau, Vũ Đức Vương bị Phụng Hiểu bắt, giết ngay tại chỗ.

Binh sĩ của Đông Chinh Vương và Dục Thánh Vương khiếp hãi, biết không chống cự nổi rút chạy. Quân cấm vệ thừa thắng xông tới giết chết hết, chỉ còn hai vương chạy thoát.

Lê Phụng Hiểu nổi tiếng từ thời trẻ. Hiểu mặt vuông, mắt xếch, người ở hương Bàng Sơn, thuộc Châu Ái. Làng Hiểu và làng bên tranh nhau đất đai, ai cũng cầm vũ khí xông vào quyết giành phần thắng về mình. Hiểu bảo:

- Bọn làng bên kia hung hăng vậy thôi, làm cho mấy đứa khiếp hãi, chúng sẽ bỏ chạy. Mình tôi cũng đánh được!

Bô lão lấy làm lạ, liền nấu cơm, đem rượu thịt đãi Hiểu. Một mình Hiểu ăn hết bảy nồi cơm, một vai thịt lợn, uống hết nửa vò rượu, cầm gậy bầy ra khiêu khích.

Đám người làng bên kia xông ra rất đông, vây Hiểu vào giữa, Hiểu vùng gây đánh chạy toán loạn. Lại hai, ba đám khác xô vào đánh. Hiểu bị chúng chém gậy gây, bèn thét lên một tiếng, nhảy vọt về phía sau, lùi vào một bìa rừng, khi chúng đến, Hiểu nhổ bật cây cứ thế băng vào đám đông. Bọn chúng bất ngờ, ngã như đất sụp, nhiều đứa bị thương, làng bên sợ quá phải đem ruộng trả...

Thời Thái tổ Lý Công Uẩn, xin theo, được phong làm Vũ Vệ tướng quân. Khi Phật Mã làm Nguyên soái, Hiểu lĩnh ấn tiên phong, phá tan giặc, quân Chiêm Thành khiếp vía.

Lý Thái Tổ thưởng công cho trận ấy, định ban ruộng cho, Phụng Hiểu tâu:

- Thân xin được đứng trên núi ném dao. Dao bay đến đâu, cho thân đất đến nơi đó.

Thái tổ cười, ưng thuận. Hiểu leo lên núi ném dao xa đến mấy dặm, dao bay đến hướng Đa Mi, Vua lấy ruộng mấy làng Hiểu ném dao vượt qua ban đất phong cho. Ruộng đó gọi là Ruộng-ném-dao.

Hiểu đã dẹp tan được đám ba vương làm loạn kinh thành đưa Thái tử Phật Mã lên ngôi trước linh cữu Thái tổ, tức Lý Thái Tông...

Đông Chinh Vương và Dục Thánh Vương bị đuổi đến cùng đường phải cải trang ẩn náu trong dân chúng. Sau đói khát, biết tội, hai vương mò đến cửa khuyết quỳ lạy, xin tạ tội.

Thái Tông cho truyền vào, an ủi, rồi xuống chiếu tha tội, lại ban cho tước vương như cũ, nhưng không trao cho binh quyền.

Khai Quốc Vương là em út, ở Trường Yên, cậy địa thế hiểm trở, vin cớ Thái Tông, cha chết uy hiếp anh em, liền làm phản, định lập vương triều riêng, lại thả cho quân cướp bóc dân chúng.

Vua cho lập miếu thờ thần Đồng Cổ, đem trống đồng đến luyện tập binh sĩ, cho đắp đàn, cấm cờ xí, dàn đội ngũ, đặt giáo gươm trước bài vị của thần. Cho nhất loạt đánh trống đồng, tiếng vang truyền khắp kinh thành. Đông Chinh Vương, Dục Thánh Vương quì ở bên dưới. Vua cũng quì trước hai em và quần thần rồi tuyên đọc trước thần vị miếu Đồng Cổ:

"Làm con bất hiếu, làm tôi bất trung, xin thần minh giết chết"

Rồi tự cắt máu vào chóc rượu. Các quần thần, các vương thân, hoàng thích đều tiến lên cắt máu vào bát, cùng uống rượu máu ăn thề... Ngay hôm đó, Lý Thái Tông thân chinh đến Trường Yên, đem theo Lê Phụng Hiểu. Nội thường thị Lý Nhân Nghĩa được cho giữ kinh thành Thăng Long. Đại quân vốn đã quen thung thổ đất Trường Yên, đánh Khai Quốc Vương phải chạy vào núi. Vua cho quân vây hãm, Khai Quốc Vương ra hàng. Vua cho dán cáo thị, ai

cướp bóc của dân thì chém. Quân sĩ nghiêm minh, không tơ hào mảy may của cải của dân chúng. Dân Trường Yên phục lắm.

Lý Thái Tông đem Khai Quốc Vương và liêu thuộc về Thăng Long. Khai Quốc Vương biết tội xin tha chết. Vua tha tội, lại trao cho tước vương như cũ.

Vua lên ngôi, chọn người hiền tài trao việc nước, định quan chế, đặt chức phẩm cho các tăng đạo. Riêng ở kinh thành, Vua chia quân làm mười vệ. Đặt tên các đạo quân trong thành là Tả Quảng Thánh, Hữu Quảng Thánh... Kế đến là Tả, Hữu các đội Quảng Vũ, Ngự Long, Bổng Nhật, Trùng Hải..., lựa chọn người giỏi cho tướng giỏi đến luyện quân, bảo vệ kinh thành...

Vua sửa sang cung điện đặt triều nghi. Bởi thấy dáng rồng hiện ở điện Càn Nguyên nên phá điện ấy, mở rộng qui mô, nhắm lại phương hướng, dựng điện mới, đặt tên là điện Thiên An. Bên tả điện Thiên An là điện Tuyên Đức, bên hữu là điện Diên Phúc, cho đặt thêm vua (Long Trì). Lại đặt thêm điện Văn Minh và Quảng Võ để lo việc nước với văn thần, võ tướng.

Trước Long Trì, phía cửa cung cho đặt một lầu chuông thỉnh oan. Một chiếc chuông đồng treo đấy, ai có điều gì oan ức được phép đánh rồi dâng đơn lên triều đình xem xét.

Xung quanh nơi Vua ngự có hành lang, giải vũ để các quan hội họp và bãi rộng để quân túc vệ lo canh gác.

Lại cho dựng điện Phụng Thiên ở phía trước, trên điện dựng lầu Chính Dương, đặt đồng hồ để định thời khắc.

Phía sau cung, Vua cho dựng điện Trường Xuân, có vườn ngự uyển, có gác nghinh phong, nơi đọc sách, nơi thẩm âm, nghe đàn.

Một nền thành bao quanh cung vua, được gọi là Long thành...

Vua chuyên cần coi việc nước, lo chấn chỉnh văn hoá, vũ bị, những ngày đầu năm, rét như cát, Vua thân đến làng Tín ở Đỗ Động để cày ruộng tịch điền. Bởi thế dân chúng rất yêu quý. Thái

Tông lo quốc thái dân an. Năm ấy được mùa lớn, Vua đang dự yến chợt nghe có tiếng chuông thỉnh oan, liền cho thị vệ ra xem sao. Một lát sau, thị vệ dẫn vào một nông dân cầm theo một bông lúa. Anh ta quỳ lạy như tế sao trước Nhà vua. Vua hỏi:

- Nhà ngươi có oan ức gì vậy mà đánh chuông kêu oan.

- Dạ con không biết là chuông kêu oan, chỉ tưởng là chuông gọi Vua thôi ạ!

Vua và quần thần vui vẻ, đều cười. Thái Tông lại hỏi:

- Người gọi vua làm gì?

- Dạ, năm nay thiên hạ được mùa to, Nhà vua cũng được cót thóc đầy, nhưng đặc biệt cây lúa này được những chín bông, hàng trăm hạt thóc, nên con liền đánh chuông để dâng Người xem...

Vua truyền cho đem cây lúa lên, đưa cho quần thần xem, Vua ban thưởng cho anh nông dân và truyền được ngồi cùng bá quan ăn yến...

Tháng Tý, năm Tý.

1997

Đức vua về Yên Tử

1

Vua vừa lên võng ở đầu thềm nghỉ ngơi, đón trăng lên thì gia thần báo: Thái sư thống quốc Trần Thủ Độ và Công chúa Thiên Cực đến chầu, có việc cơ mật. Vua nhú lông mày, rồi thần thái lại bình thường. Vua sai thấp đèn ở nhà trong để đón. Thủ Độ và Công chúa Thiên Cực bước vào nhà ngự, đuổi lính hầu cận ra phía ngoài, cài then cửa, rồi lặng lẽ vào trong nhà.

Vua ân cần pha trà quá lộ thiết. Trong nghĩa vua tôi hai người đều là ngôi dưới, nhưng xét về tôn tộc thì họ là bậc cha mẹ, lại có công đem ngôi báu về cho nhà Trần. Từ thuở Vua lên ngôi đến nay đã được gần một giáp, bao chỉ dụ đã ban hành để chính ngôi tôn, để yên lòng quần thần và dân chúng, đều do Thủ Độ dùng người, đặt việc cả. Đến việc to tát như đánh dẹp Đoàn Thượng, ngầm giết Lý Huệ Tôn ở chùa Chân Giáo, Vua sau mới được tâu bày. Có việc, Vua cũng lấy quyền, thêm những điều mình học được, hiểu được để cho công việc được chu đáo hơn, song Thủ Độ thường tự mình thay Vua mà định việc trước. Cũng may, công việc của ông tuy có sát phạt, độc thúc, có lúc quyết đoán đến tàn nhẫn, song đều là những việc đáng làm và thường có hiệu quả. Trong buổi đầu, lòng người còn đang chưa tin vào vương triều Trần mà vẫn đoái tiếc triều Lý. Thiên tư thông minh, Vua biết cả, song là người ngôi để theo dõi, thấy việc dở Vua lấy quyền Hoàng đế, cầm thiên ấn để nói lời

khuyến răn; việc tốt Vua thường tỏ lời tán thưởng hoặc hân hoan mừng rỡ. Bởi thế, Thủ Độ không dám nhòm, không dám ý thế bề trên trong tôn tộc. Ông kính nể thậm chí đến yêu mến Vua vô cùng. Công chúa Thiên Cưng, người đàn bà táo bạo, nhịn nhục, vượt mọi dư luận, đem ngôi Vua về cho dòng họ, rũ bỏ tên Vua điên, gàn dở để lấy Trần Thủ Độ, giữa lúc ở triều đình, người ta sợ oai không dám nói, chứ trong bụng ai cũng cho đó là chuyện thương luân, bại lý. Bà càng yêu quý Vua hơn ai hết, bởi Chiêu Thánh hay Thuận Thiên đều là con đẻ của bà. Trần Liễu, Trần Cảnh đều là cháu ruột của vợ chồng bà. Dem hai con gái gả cho hai cháu ruột nhà mình, vô hình chung, bà đã nhận cháu làm con và bà sẽ sống nốt những ngày cuối đời này với sự nghiệp của Trần Cảnh, Trần Liễu và Trần Thủ Độ. Ba người này mà nên nghiệp thì vương triều Trần sẽ đứng vững, sẽ trùm lợp cả bá quan. Việc nhà, việc nước hiện nay là một. Nhìn ra ngoại tộc, không đủ tin, chỉ có người cùng giọt máu đào, cùng tổ tông, mới có thể yên tâm mà trao việc lớn.

Vua đã lên ngôi mười hai năm mà chưa có Hoàng tử, đó là việc lớn, không thể không để mắt tới được. Vì thế có cuộc đến châu hầu Vua của vợ chồng Thái sư mãi tận khuya mới trở ra. Trên đường về, cả hai đều không nói năng một câu nào. Còn Vua đêm ấy, thì ngọn bạch lạp ở nhà ngoài không tắt. Vua thức gần trọn đêm, hết cầm bút lông viết cạm cũi, rồi lại vứt bút, đi lại trong phòng. Vua đến án thư, vò những tờ giấy đã kín chữ, vứt vào lò, châm lửa đốt hết. Vua thở dài. Mắt ngủ long lanh. Vua với tay lấy một cuốn kinh *Kim Cương* đọc chăm chú, và lòng dần thanh thản. Gia thần sợ mệt đến thánh thể, đến lúc nghe gà ngoài thôn ổ gáy đến lần thứ ba, mới đánh bạo, rón rén đến bên Vua, quỳ xuống, khẩn thiết mời Vua đi nghỉ. Vua yêu người gia thần này, ân cần nâng dậy, vỗ về thân mật:

- Trời ơi, ta tưởng ngươi đã lui từ lâu rồi, hoá ra ngươi vẫn còn lảng vảng ở đây ư!

- Muôn tâu Bệ hạ, từ lúc Thái sư và Công chúa về, thần vào lo dọn dẹp phòng khách và chờ Ngài ngự ban công việc ngày mai, lúc đó Bệ hạ đang bồn chồn, có điều gì như chấn động đến tâm khảm, thần không dám đánh tiếng... Dạ, đêm đã khuya lắm rồi!

Vua cười:

- Được, ta sẽ đi nghỉ luôn đây mà...

Sáng sớm hôm sau, Vua đã dậy ra triều. Quân hoàng môn truyền về cho các quan nội thị ở nội cung được biết: Sắc chỉ đã tuyên phong Công chúa Thuận Thiên làm Hoàng thái hậu và giáng Hoàng hậu Chiêu Thánh xuống làm Công chúa. Cung nhân, nô tì trong hoàng thành lặng lẽ, thừa lệnh. Công chúa Chiêu Thánh phải rời khỏi hoàng cung ngay lập tức, theo lệnh của Thái sư. Và Công chúa Thuận Thiên được một đội thuyền ngự, đi từ bến Đông Bộ Đầu, từ phủ của Hoài vương Trần Liễu đón vào hoàng thành.

Trần Liễu vì có sắc chỉ phải vâng mệnh, nhưng trong bụng không yên. Hôm ấy hoá đầu dâng cơm, Vua không ăn, chỉ ăn ít oản và hoa quả, rồi ngồi bên long sàng đọc kinh Phật, dáng nghiêm nghị, lạnh lùng. Sau lễ tuyên phong, Vua có ghé thăm Hoàng hậu Thuận Thiên, cho đứng nghỉ thức. Cả hai bên xung hô lấy lễ vua tòi mà giao đãi, song, không phải có chút ngượng ngùng. Trong lúc ngồi uống trà do Hoàng hậu tự pha kính dâng, Vua thấy phong độ của Thuận Thiên uy nghi hơn Công chúa Chiêu Thánh nhiều, bởi bà, tuy hơn em hai tuổi, song tính thuần hậu, chất phác, đoan trang. Còn Chiêu Thánh có vẻ đẹp của người yếu tướng, tha thướt hơn, yếu điệu hơn, và đôi lúc có những thoáng buồn tư lự. Vua vẫn có lòng yêu thương Chiêu Thánh, bởi Vua vốn là người trọng nghĩa. Nhớ những ngày nhỏ, Chiêu Thánh vừa được truyền ngôi làm Chiêu Hoàng Hoàng đế của triều Lý, Vua mới tám tuổi đã được vào hầu trong hoàng cung. Đôi trẻ thơ ấy đã đùa vui làm chính, nào có biết gì là nghĩa Vua tòi. Mưu mẹo của Thủ Độ đã bày sẵn. Vua được phong là Chánh thủ của Chi hậu cục, hầu hạ bên mình Chiêu

Hoàng. Trước tình vợ chồng, Vua và Chiêu Thánh còn có tình bầu bạn từ thuở ấu thơ, quên thế nào được. Cho đến tận phút này, Vua vẫn nhớ như in, cảnh đêm nào, Chiêu Hoàng ở trong cung một mình còn gọi Vua vào đến cùng chơi ở trước sân nhà ngự. Vua còn nhỏ, thích chơi với bạn gái hơn, nên phát tính trẻ thơ, giận dỗi, hay đứng vào bóng tối. Chiêu Hoàng thường chạy đến lôi tóc kéo ra. Có lúc Cảnh đứng một mình trên thềm, Chiêu Hoàng rủ xuống chơi, cứ ỳ ra không chịu, thì Vua gái lại chạy đến, núp sau người, kỳ cho bóng mình thật in vào bóng Cảnh. Những đêm chơi khuya ấy về đều được Công chúa Thiên Cực (lúc bấy giờ là Thái hậu) và Trần Thủ Độ chờ hỏi chuyện. Cảnh ngày thơ thuật lại, làm cho cả hai vừa cười mừng và khen ngợi. Sau đó họ lại rì rầm bàn tán điều gì không rõ. Sau này Vua gái Chiêu Hoàng và Trần Cảnh ngày càng thân, những lúc Cảnh còn phải làm voi cho Vua cười, hay cả hai đều chơi té nước vào nhau, khiến Trần Thủ Độ mượn chuyện phao lên, Vua yêu Trần Cảnh và có ý nhường ngôi cho chồng. Bởi thế, mới có chiếu nhường ngôi của Chiêu Hoàng. Trong tờ chiếu có nhắc đến lời thơ "Quân tử hảo cầu" của Kinh Thi, âu cũng là chuyện lịch sử đế vương xưa nay chưa từng có... Mười hai năm ở cùng Chiêu Thánh, Vua vẫn rất mực thương yêu, tiếc vì phận mỏng, đức mỏng, sinh Công chúa được một lần rồi lại không nuôi nổi. Từ bấy đến nay, lo toan tích lũy, tư lự càng nhiều, khiến đường sinh nở, càng trông càng muộn. Trong khi đó, Công chúa Thuận Thiên thì đường con cái lại quá dễ dàng. Cuộc chia sẻ tình nghĩa vợ chồng của Hoài vương, ép vợ ông ta về hoàng cung làm Hoàng hậu, vì việc lớn của xã tắc mà cả Vua lẫn anh mình đều phải chấp nhận. Và lại trong tôn tộc, uy thế của Trần Thủ Độ, vô hình vẫn cứ trùm lợp cả hoàng triều, chống lại không nổi. Nghĩa vua tôi lẫn lộn với trách nhiệm của quốc gia và dòng họ. Bướng bỉnh, liều lĩnh như Hoài vương Trần Liễu còn phải vâng theo, hướng chi Nhà vua, vốn trước cảnh đời, càng thấm nhuần đạo lý của Mâu-ni, coi đời như đám mây, đám bèo trôi nổi; sống là gửi, thác mới thực sự được về nơi cực lạc. Phồn hoa, giàu sang, phú quý

chẳng qua chỉ là chốc lát. Giắt hoa cài ngọc bề ngoài sang hèn khác nhau, nhưng khi chết, thịt thối, thân rữa, thì vẫn nguyên hình xương nọ. Áo ngự, quần ngự bao bọc bên ngoài, bên trong hình hài phủ tạng, chẳng qua cái bụng chỉ là nơi chứa cặn bã của thức ăn!

Tan buổi châu, xưa nay vốn hay buồn vô cớ Vua lại càng buồn. Nhớ đến Chiêu Thánh đang trên đường bị giáng, bị biếm trôi nổi nơi đâu! Nhớ đến anh, thấy cảnh quần hầu, tướng sĩ đưa Công chúa Thuận Thiên về làm Hoàng hậu, hầu hạ bên Vua chắc hẳn lúc này đang gào thét chẳng khác gì hổ cái mất con, voi rừng sập bẫy... Vua chợt được báo tin mật từ cổng riêng truyền đến, Trần Liễu quá đau đớn, đã hợp binh mã dọc một đèo sông Cái nổi loạn, định đem quân đánh lại triều đình, cướp lại Thuận Thiên.

Vua Trần phải cố ghìm mình, mới khỏi để lộ cho gia tướng biết nỗi đau đớn đang vò gan, xé ruột. Vua lặng thinh, không nói năng gì, như tự luyện cách làm cho tâm linh trở về với những điều to lớn: đó là sinh nở, lớn khôn, huỷ diệt rồi lại trở về cõi sinh nở. Vua nghĩ đến các duyên giác tự con người chuốc lấy mà không tháo cỏi ra được. Vua điểm tĩnh để người gia tướng trở về dinh Thái sư, còn mình thì gọi người gia thân tin cẩn đến, báo cho phải tức tốc sáng mai, khoảng giữa giờ Sửu, dắt con ngựa ô, bươm tía, Vua thường cưỡi để luyện võ nghệ. Người gia thân hỏi có cần đem theo các đạo quân vũ lâm hay không thì Vua lắc đầu nói:

- Chỉ cần người và hai người tâm phúc nữa theo ta là đủ.

Người được truyền lệnh định hỏi thêm, nhưng Vua đã vào trong trường lặng lẽ ngồi một mình.

*

Ngựa đi một ngày đã đến chân núi Yên Tử. Núi non xanh thẳm, rừng núi xen cài. Lúc lên đèo, mắt lại nhìn thấy biển Đông bao la. Vua đứng ngựa bên đèo. Lòng thư thái, Vua ngồi trên một tảng

đá, nhìn ra cõi vũ trụ mênh mông phiêu diêu ngoài xa kia. Lúc bấy giờ đã ngả sang chiều. Biển Đông bỗng sáng lạ thường. Nhìn xuống, nước mênh mông trải một màu tím bóng. Những hòn đảo trùng điệp phía vùng Yên Hưng, Vân Đồn thanh tú đến lạ kỳ. Hàng đoàn thuyền buồm, thuyền buôn, thuyền đánh cá, cái buồm màu nâu, cái buồm màu chàm, cái lại màu đào, lững lờ tiến theo những hướng của mình trên biển. Thiên nhiên rộng lớn không thấy một bóng người. Chỉ ở đây, một mình Vua mới được hưởng cái sức bao trùm của trời đất, mới thấy được vẻ đẹp kỳ ảo, biến đổi từng phút, từng giờ. Vua say ngắm đảo, ngắm sóng, ngắm mây, ngắm nước. Rồi Vua đứng dậy, ngắm rừng trúc trải dài dưới chân mình, chạy quanh quất theo những sườn đồi ghenh đá. Mỗi vạt rừng có một thế xanh tốt, đậm nhạt khác nhau. Có nơi, trúc mờ tỏ đáng rừng trong sương. Có nơi, trúc kiêu hãnh gọi ngọn trong nắng. Có nơi, cả rừng dạt dào theo làn gió chuyển, nhìn bóng trúc có thể thấy, cây cỏ vô tri ấy biết tận hưởng cái sung sướng trước những luồng gió biển chiều, từ xa thổi đến, và hơi mát của cả một bầu trời bao la đang xua tan đi cái nồng nực của suốt một ngày dài. Vua bỗng quên hẳn cảnh giàu sang của hoàng cung, cảnh phồn hoa đô hội của các phố phường ở kinh sư, cảnh đám đuối, ăn chơi xa xỉ; sẵn bắt nhau từng đồng tiền ở phường Hà Khẩu.

Có tiếng chim hoạ mi nào hót trong đám trúc vàng, giọng hót đồ hồi trong trẻo, nhân danh sông, nước, núi, mây mà hót. Vua lắng tai nghe, lòng hoà nhập vào thiên nhiên hùng vĩ và thâm trầm. Trời không khoe mạnh mà cực mạnh; đất không phô trương rộng lớn mà rộng lớn. Ai lường được chiều cao thăm thẳm của trời, và chiều dày ghê gớm của đất? Tiếng chim bỗng lặng im khiến núi rừng trở nên tịch mịch. Bây giờ là tiếng ve rừng da diết, muốn thi với tiếng sóng biển từ phía bãi bờ xanh ngát vọng lên.

Vua ngược nhìn lên, mấy dáng chùa cổ kính hiện ra với những mái rêu phong. Tiếng chuông chiều dóng vào không trung lan đi mãi mãi. Ai biết cái tiếng ấy đi tận đâu với vi ba trải rộng ra

vũ trụ, cái tín hiệu từ một cửa từ bí đến với chúng sinh đang trầm luân trong bể khổ?

- A di đà Phật! Bạch Ngài ngự! Phúc phận cho cửa Thiên chúng tôi được Ngài ngự đến vãng cảnh, thăm thiên. Cầu mong cho thuyền bát nhã⁽¹⁾ luôn độ trì cho người, để muôn dân được nhờ vào phúc lớn của Đức vua.

Vua nhìn lại thấy Phù Vân cư sĩ, mặc áo nhà chùa, đội khăn Quốc sư, đi chân không, đến đón. Phía sau, mấy người tùy tùng của Nhà vua, đứng lặng yên tôn kính. Vua nhìn người bạn cũ, lòng cảm khái vô cùng. Nhớ thuở nào cùng chụm đầu đọc kinh ở kinh đô, thảo luận nghĩa lý trong các quyển kinh khó nhất của các pho Kim Cương, Địa Tạng, tìm cái Đời của Đạo và tìm cái Đạo của Đời, tâm đắc suốt đời trai trẻ. Khi Vua được vợ nhường ngôi, Vua đã phong bạn làm Quốc sư, ý muốn giữ lại hoàng thành, để những lúc cần đến hỏi han về việc nước, Phù Vân cư sĩ chỉ trả lời:

- Ôn Đức vua có lòng yêu thương. Song, từ thừa sinh ra, lòng đã chứng kiến cảnh đời biến động khôn lường, kiếp người chẳng qua là cát bụi. Xin cho được phép thực thi cái ý nguyện đã đặt thành biệt hiệu. Làm đám mây nổi, bay hoà vào mọi chỗ với thập loại chúng sinh.

Quốc sư về trụ trì ở Yên Tử, chọn nơi đất trời sông núi, chim muông, cây lá hoà hợp, mà nghiền ngẫm thêm về đạo Phật. Vua đã tay mời Quốc sư đứng dậy khi ông định sụp lạy mà nói:

- Thôi ta miễn lễ cho Quốc sư. Đừng coi ta là Nhà vua khi ở đây làm gì có triều đình. Chính vì yêu cái tĩnh của Yên Tử, mà trong một lúc cõi lòng bối rối ta đã bỏ kinh thành tìm đến tận đây.

Quốc sư cười. Vua dặt tay ông sóng vai cho đi ngang hàng, cùng bước lên phía trước. Phù Vân Quốc sư càng quý trọng Nhà vua, thấy dù đã ở tột phẩm cao sang, tình cũ nghĩa xưa của người đối với ông vẫn

⁽¹⁾ Tượng trưng cho trí tuệ.

không hề giảm sút. Sư đón Vua vào nhà trai. Vua cởi áo đi đường, rũ bụi bặm, và vui vẻ vào ngồi chiếc chiếu đậm bạc trải trên giường trúc. Trên giường nhà chùa, một đĩa xôi nóng, và một đĩa vùng, cùng mấy thứ quả rừng chỉ vùng này mới có đã bày sẵn. Sư thưa cùng Đức vua:

- Thưa Ngài ngự, nhà chùa đậm bạc đã thành quen. Người vừa đi xa mệt nhọc, gọi là chút gạo nương quả rừng dâng người dùng tạm.

Vua nhìn những vật phẩm thanh tịnh của bạn đã sẵn sàng, thâm phục bạn đã biết rõ ý mình. Hương nếp thơm một mùi thơm chân chỉ, không thứ gạo nào ở cung đình có được. Cũng bởi Vua đang mến mộ cảnh và người vừa gặp, mà cũng có thể ở nơi cung Vua các mùi trầm, mùi hoa thơm cỏ lạ, át hẳn cái hương của hạt lúa, quả rừng. Vua gơ tay mời:

- Quốc sư cùng ăn với ta chứ!

- Dạ, thưa Ngài ngự, thứ cho bản đạo! Khi lên chùa tụng kinh trở về, tiểu đã dâng oản nhỏ.

- Thôi được, Quốc sư thiết thì ta đâu nỡ chối từ. Nhưng ông ngồi đây với ta một chút đã chứ! Ngồi xuống đây!

Quốc sư tuy được Vua cho phép, nhưng ông vốn là người hiểu lễ, kéo chiếc ghế tre ngồi ở dưới hầu chuyện. Vua rửa tay ở chậu nước suối trong vắt, rồi vào dùng bữa. Vua ăn ít xôi và chuối ngự, vài thiền, toàn những thứ do chính tay nhà sư cùng các học trò của ông trồng lấy.

Quốc sư dâng trà, thứ trà ngon hiếm thấy, pha với nước mưa hứng giữa trời, khiến vị thanh tịch khác xa với những loại trà ở phía dưới đời. Vua thưởng thức hai chén trà nhỏ, pha trong ấm đất của địa phương và khen:

- Về mặt giàu sang thì ta hơn ông. Nhưng phần tao nhã thì ông sướng hơn ta nhiều lắm!

Nhà sư tủm tủm cười, không đáp, chỉ rót tiếp trà vào chén, rồi mời Vua đi ngoạn cảnh. Hai người sống vai nhau thăm hết tam bảo, nhà hậu,

am quán và cỏ cây hoa lá, các phù đồ⁽¹⁾, cầu, giếng. Cảnh thiền thanh đạm thấm đượm vào lòng. Vua thân mật thổ lộ với Quốc sư:

- Ta kiếp trước chắc còn nặng công quả, nên kiếp này muốn xa lánh cõi tục cũng không được. Muốn chuyện rắc rối muốn tránh không nổi. Muốn hư tâm mà không được. Ta thêm được như ông, ở nơi am thanh cảnh vắng như thế này để nhận lấy cái tự thể của chân tâm. Ta có nhận được lời bàn của các bậc chân đạo sĩ, cho rằng tự thể của chân tâm không sao nói hết được. Quả là như thế. Lên đây, ta càng hiểu lời ấy hơn, thấy được cái tâm khi đã là chân thì yên lặng như khoảng hư không rộng lớn, trong suốt như cảnh thanh tịnh sáng sủa, không thể lấy xứ sở có hoặc không mà thấu suốt được dấu tích u huyền. Không thể dùng lời nói hiểu biết mà nhận chân được diệu thể màu nhiệm. Chỉ có vào cõi chứng ngộ, mới đem cái tâm - chân - như mà thấu suốt được.

Sư cười thưa:

- Phật từng nói, tâm tức Phật, Phật tức tâm. Còn hình hài hoá thân, không cứ phải mặc áo cà sa, mới tìm đến được tự thể của chân tâm. Tôi được ngày ngày nghiền ngẫm kinh Phật, sống trong cảnh thanh tịnh, gạt mọi trần duyên để tìm đến với chân tâm, tưởng là khó nhưng cũng là chuyện dễ, còn Đức vua, tự mình dẫn thân vào cõi hỗn loạn của trần tục, như người thợ dệt, biết gỡ từng mối để vuốt thẳng cả con chỉ rối, mà lòng vẫn giữ được thanh tịnh vẫn tìm đến tự thể của chân tâm. Đó mới thật là Phật của Phật, tâm của tâm vậy.

Vua thân mật, đến suông sã, vỗ vai Quốc sư kêu lên:

- Trời ơi, ta đã nghe quá nhiều lời tăng bốc ở giữa đô thành đến phát chán. Ta lên đây tìm một lời chỉ bảo thẳng thắn của một bậc thức giả, một người bạn cũ. Không ngờ ông cũng tăng bốc ta nốt.

Sư đang vui, cũng cười:

⁽¹⁾ Tháp trong chùa.

- Sư cũng là người thôi, thừa Đức vua. Nhưng xin cho tôi được thừa thêm. Nói cái không có thành điều hay của một người mới gọi là tăng bốc; còn tôi, nói cái có thực ở một tâm hồn thanh tịnh, tưởng còn phải phạt đòn là đáng khác.

Vua cười vang:

- Về biện luận, thuở còn ngồi cùng bên song cửa đàm đạo nghĩa sách, ta đã chịu tài ông rồi!

Sư tùm tùm đi bên Vua, thân thiết lạ thường. Đôi bạn mỗi người mỗi vẻ, tuy là tốt phẩm của Đạo, của Đời, người làm Vua, người làm tăng thống, vẫn giữ được phong độ riêng. Sư biết Vua đang có nhiều chuyện đau lòng khi hỏi qua người gia thần tin cẩn, nhân lúc người đang vui, bèn mượn chuyện hỏi:

- Dạ, tâu Đức vua, người còn nhớ lời sư Nhất Hành chép trong *Thái Bình Quảng Ký* không?

- Ông thử nhắc lại ta nghe xem!

- Có người hỏi làm thế nào để trong lòng được thanh thản, sư Nhất Hành đáp: "Nhà chùa nhận thấy rằng, trong bụng tức giận làm tan nát mọi điều vui mừng, trong bụng từ bi, hàng phục được mọi điều ám ảnh".

Vua lắng nghe, khẽ gật đầu. Người nhìn xuống phía chân núi. Lúc này đúng lúc nắng toả. Trời trong vắt, núi, biển, đảo, rừng, trúc tre, hoa cỏ, hiện rõ vẻ đẹp riêng của mọi loài, mọi cảnh, không lẫn lộn. Mỗi cái đẹp riêng tuyệt vời của mây, của biển, của đảo, của tre, của đá lại tạo thành một thiên nhiên hồn hậu, hùng tráng, thanh thoát đến lạ kỳ.

Vua có một ngày rảnh rang, không tư bộn bụi đời, được gần gũi với Đất - Trời bao la. Vua càng cảm thấy cái huyền diệu vô cùng của Trời Đất. Đêm ấy, Vua và Quốc sư còn thưởng trà bên hiên nhà trai cho đến lúc đảo xa trăng hiện, sóng đem hơi lạnh vào sân thiền, Quốc sư sợ Nhà vua mệt, bèn mời người đi nghỉ.

Khi Vua tỉnh dậy thì sân chùa đã đầy sắc binh lính. Trần Thủ Độ không dám đánh thức, vẫn đeo kiếm chấp tay đứng chờ ngoài

cửa. Nghĩ đến ông chú tóc đã bạc, lúc nào cũng nặng lòng vì việc tồn vong của đất nước, tình nguyện làm người coi nền, dựng nhà cho dòng họ Vua, chết kể cổ cũng không sợ, nhận hết phần lam lũ, khó nhọc về mình, Vua không khỏi áy náy.

Vua lặng lẽ dậy, ra vườn chùa rửa mặt, mặc áo, rồi mời Thái sư vào. Thủ Độ rạp đầu lạy, không dám ngẩng mặt lên. Vua lại càng thương, tuy trong lòng, nổi hờn giận khi thấy mặt ông ta, lại khơi lên chuyện cũ. Vua nói:

- Ta miễn lễ. Mời Thái sư ngồi! Ông vất vả lặn lội tìm ta, đến đây tự bao giờ?

- Muôn tâu Bệ hạ, thần và các quan được tin xa giá sáng sớm đã ra hoàng thành. Qua Đông Bộ Đầu, Bệ hạ lại bỏ xe dùng ngựa đi thẳng về phía Đông - Bắc. Thần vội trao người lo việc ở kinh sư, đem những trọng thần văn võ theo. Kính mong được rước đón về, sau một ngày Vua đi ra ngoài nội!

Vua nói to để các vương hầu phía ngoài nghe thấy:

- Trẫm còn trẻ tuổi, chưa đáng đáng nổi việc nặng nề, phụ hoàng đã vội lìa bỏ, sớm mất chỗ trông cậy, không dám ở ngôi vua, làm nhục xã tắc.

Biết lòng Vua chưa nguôi, Thủ Độ lại phục xuống đất, kêu to:

- Tội vạ thần dù đáng chết, song nghĩ cho cùng, thì cũng là tấm lòng trung với Vua, nghĩ đến nước. Mong Bệ hạ thương cho. Một ngày kinh đô không thể vắng bóng Vua. Huống chi, việc nước đang bộn bề. Đoàn Thượng, Nguyễn Nộn đã dẹp tan, nhưng dư đảng vẫn còn quấy nhiễu dân chúng. Nước ngoài thì nhà Tống, nhà Nguyên đều lấy danh thiên triều để hỏi chuyện tuế cống, thần phục. Xin Bệ hạ thương đến con dân, nghĩ đến chuyện lớn mà xá cho những chuyện vặt chuyện nhỏ trong nhà.

Vua vẫn lặng thinh không nói. Trần Thủ Độ cứ lạy phục hoài dưới đất không chịu dậy, khiến Vua không biết làm thế nào, đành

tự đến nâng dậy, mời ngồi, rồi tìm cách thoái thác khác. Vua cùng Quốc sư lên chùa lễ Phật như chương trình định trước. Thấy vậy, Trần Thủ Độ đứng trên thềm nhà trai, nói lớn với các vương hầu, các trọng thần ra đón Vua rằng:

- Xa giá ở đâu tức là triều đình ở đó!

Nói đoạn, ông dẫn trăm quan ra khỏi chùa, đi vào núi Yên Tử, cho cấm nêu ở những thế đất thuận hướng, đẹp đẽ, cho người tức tốc lấy đá, gỗ, tìm thợ để dựng điện Thiên An và gác Đoan Minh.

Lập tức, lệnh được thi hành, tiếng rìu đẵn gỗ đã chát choang trong núi, những cây chò, cây lim hàng chục trượng cũng bị ngã đổ. Quốc sư thấy vậy liền khẩn thiết tâu với Đức vua:

- Bệ hạ nên gấp trở lại kinh sư. Yên Tử nghìn năm chưa phải chịu đến một nhát dao con làm thương tổn đến một nhánh trúc. Xin người thương đến cỏ cây, đừng để Thái sư sai quân lính làm hại núi rừng của đệ tử.

Vua bùi ngùi không biết làm thế nào, bèn chịu về kinh cùng Thủ Độ. Quốc sư theo tiễn đến tận cửa rừng, trước khi lạy tạ trở về Yên Tử, còn bồi hồi xúc cảm đọc dâng Vua mấy lời thơ:

Thành thị rong chơi, thích ở chùa,

Tuỳ cơ xử ứng lẽ hơn thua.

Trăng vào bên cửa, giường sư tĩnh,

Gió thổi thông ru, mộng đẹp chờ.

Kính sách lâu dài khơi bóng cũ,

Tiếng chiều niệm Phật vắng chuông khua.

Từ xưa tam giáo cùng chung gốc,

Kính Phật âu là cũng kính Vua...

Vua tâm đắc lắm, ban thưởng cho Quốc sư chiếc quạt ngự cầm tay, mong sớm ngày tái ngộ.

Từ ngày ở chùa Yên Tử trở về, Vua làm được nhiều việc đắc ý. Vua lấy thân che cho Trần Liễu chạy đến cầu cứu, khi Trần Thủ Độ đuổi đánh khá kịp, khiến Thái sư bức bối phải ném gươm xuống sông mà kêu thốt lên rằng: "Ta chỉ là con chó săn thôi, biết đâu anh em nhà ngươi thuận nghịch thế nào!". Đó là lần đầu tiên, theo cách của mình, Vua đã cứu được anh, và khiến Thái sư hiểu rằng, làm vua phải có quyền. Lòng nhân ái đã khiến cho Trần Liễu chịu nhận tước vương ở đất Yên Sinh, mà ân đức sau này còn cảm động, khiến Hưng Đạo Vương không tuân theo lời trăng trối của Trần Liễu. Vua rất lưu ý đến sức người, sức của của hai phủ Thiên Trường và phủ Thái Bình, sai quan Nhập nội thái phó Phùng Tá Chu về trấn trị để nuôi dưỡng sức lớn về sau. Vua chọn trai tráng khoẻ sung làm quân túc vệ của Thượng Đò, thân chinh lên biên giới và hoá trang, tự xưng là Trai lang, quét các quân binh nước ngoài hay quấy nhiễu dân chúng. Uy lớn, khiến bọn chúng đều chạy dạt cả... Vua chăm lo việc võ về trăm họ, mở khoa thi kén chọn nhân tài. Trong khoảng vài chục năm, dân nước đã tin yêu. Mùa lụt, Vua ngự thuyền xem xét các đê điều, và đặt các chức quan coi đê, sức cho các nơi xung yếu đắp đê quai vạc đê ngăn lũ. Chia nước làm phủ lộ, có an phủ, trấn phủ trông coi. Các xã, sách đều đặt người cai quản; lập sổ đinh để nước có giặc ngoại xâm dễ tuyển mộ binh sĩ; định việc nộp tô thuế, để người có ruộng yên bề làm lụng, gắng gỏi cho có của ăn, của để.

Bấy giờ ở kinh sư các đạo binh đã rất qui củ. Người tinh thông võ nghệ được sung vào làm quân Tứ Thiên, Tứ Thánh, Tứ Thân, tuy người các lộ ở các tỉnh đồng bằng chọn vào các đạo quân lớn khác. Vua tự mình nghiên cứu binh thư, cưỡi ngựa, bắn cung, duyệt thủy trận. Nhà nước vô sự, nhân dân yên vui, do đó, những chuyện vui lúc nào cũng sẵn, mà chuyện trong nhà khích bác cũng dần dần bớt hẳn. Ngành trưởng, ngành thứ đều hết lòng văn ôn, võ

luyện để trở thành những bậc anh tuấn của đất nước. Các con Vua là Quốc Khang, Thái tử Hoảng, các Hoàng tử Quang Khải, Trần Nhật Duật đều là những người tài giỏi. Ngành Trần Liễu thì có Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn có thể coi như bậc lương đồng của triều đình. Nhân Huệ Vương Trần Khánh Dư, tính nét rộng rãi, nhưng tài thao lược khó có người bì kịp...

Nhớ tới bài thơ của Phù Vân cư sĩ thuở xưa, Vua cho xây chùa Chân Giáo, làm cung Thái Thanh, xây cầu ngoạn thiên trong hoàng thành, để ra đó nghiền ngẫm thêm về kinh Phật. Cuốn *Khóa hư lục* được ban bố cùng lúc với việc khánh thành chùa Chân Giáo.

Gần đây, Vua nhận được nhiều tin mật báo của trại chủ Qui Hoá. Quân Mông Cổ đã chiếm trọn đất Vân Nam, Vua Đại Lý Đoàn Hưng Trí đầu hàng. Tướng Mông Cổ là Ngột Lương Hợp Thai sẽ cùng hai phó tướng là A Lỗ và Triệt Triệt Đô đang động binh, ngày một, ngày hai sẽ mượn đường An Nam, thôn tính được, sẽ tiến đánh nhà Tống, làm lưỡi dao độc đâm vào lưng nhà Nam Tống, rồi từ đất Mân, đất Quế sẽ đánh thẳng lên, hội sư với đội quân của Vua Mông Cổ ở Châu Ngạc.

Vua đã cho họp các vương hầu ở kinh sư, phong Hưng Đạo Vương là Quốc công Tiết chế coi việc biên giới, chủ yếu để phòng mặt Đông-Bắc. Thái sư Trần Thủ Độ lo việc quân ở các lộ Thiên Trường và Hoan, Diên. Vua phong chú là Trần Nhật Hiệu, lúc đó đang ngang tuổi mình làm Thái úy. Khắp nước đều lo rèn gươm, sắm mác, tích trữ lương thực để ngăn giặc ngoại xâm.

Tin cấp báo: hai đạo quân Mông Cổ từ hai đường phía Vân Nam tiến như vũ bão từ châu Thủy Vĩ, theo ngã đường ven sông Lô, tiến gấp về Thăng Long. Vua đem voi và quân bộ lên bày trận ở cánh đồng Bình Lệ, sẵn sàng chờ giặc. Đồn binh và cờ hiệu giăng suốt một dải dề ở ngã ba Hạc Trì. Nhưng quân giặc hết sức khôn khéo, sau khi họp binh ở sông Thao, chúng không tiến thẳng đường chính, mà lại men theo bờ sông, theo bìa rừng Tam Đảo, đánh vu

hồi vào đạo quân của Nhà vua đang bày trận ở cánh đồng Bình Lệ. Vua sai tướng đốc quân tượng, quân kỵ và quân bộ nghênh chiến. Hai bên giao chiến cực kỳ ác liệt. Kỵ binh Mông Cổ mấy lần bị quân tượng phá vỡ đội hình và đánh bật chúng trở lại phía chân núi. Phó tướng A Lỗ của giặc nhiều lần đột phá, tung từng đợt quân kỵ để phá vỡ hàng rào quân tượng ở tuyến đầu, đều bị tượng binh quân Nam, lợi dụng thế cao, voi dữ, làm cho kỵ binh của quân Mông phát hoảng. Các dũng tướng Mông Cổ quát roi vào mông ngựa, ngựa cứ chùn lại. A Lỗ tức điên người. Y từ đỉnh đồi giáp bờ sông Lô nhìn sang, thấy rõ cảnh ấy. A Lỗ nhú cặp lông mày lưỡi mác, khiến hai cái đuôi nhú vào nhau, bộ mặt phì nộn của y nhăn nhúm lại, cái đuôi tóc giận đến rung lên. Gương mặt bụ sữa ngựa nhúm lại thành một cái mặt nạ. Y hét to truyền lệnh:

- Trường cung kỵ mã xuất kích!

Lập tức đạo quân ngựa cung dài dẹt lệnh dưới chân đồi, phi như bay đến. Chúng nhất loạt giương cung từ xa, thay nhau từng đợt một, ngựa dàn hàng mười tiến đến, cứ một kỵ sĩ bắn thẳng vào các quân tượng thì có hai kỵ sĩ khác hộ vệ. Những đám quân tượng thấy giặc dùng kế hiểm lường cuống gờ mọc lên đỡ. Nhiều tù tướng, hảo đầu⁽¹⁾ quân tượng, gan dạ đều trúng tên quân Mông Cổ... Từ trên đồi cao, Vua vừa vui mừng thấy quân tượng hết lòng chống giặc, chỉ dẫn chút nữa thì có thể hất giặc về phía bờ sông, thì bỗng tuyến tiền tiêu bị rối loạn. Quân Mông, vốn kiêu hãnh vì sự chinh phục thế giới từ Á sang Âu, bày trận quay lưng lại mặt nước, quyết không thắng không trở về. Quân ta bị kỵ mã Mông Cổ phá thế liên hoàn. Ngựa Mông đã len lỏi vào những tuyến chiến đấu của ta và mở các mũi tiến sâu rất hiểm, nhằm chia cắt đội hình. Thế quân của ta đã rối càng rối. Thái úy Trần Nhật Hiệu đã cho lính thu cờ suy lại. Vua quay lại tả hữu định hỏi kế, thì giật mình chỉ còn thấy tướng Lê Tần đứng bên hầu cận, bao tên đã mở nắp, gương tuốt khỏi vỏ. Một văn

⁽¹⁾ *Đội trưởng.*

thân cũng đứng cạnh Lê Tân. Vua rất xúc động. Mãi theo dõi chiến trận, Vua không để ý đến người xung quanh mình đều hết lòng cả. Cũng có vài viên tướng nhút nhát chưa xáp trận đã lùi ngựa đứng phía sau, sợ Vua sai mình vào đám gươm giáo cung tên vun vút giữa trời. Nhưng bây giờ thấy bạn bè người thân đang xả thân vì nước họ cũng thét to, lao xuống chạy thẳng đến các mũi tiến quân của giặc, vung đao thương lên chặn bước tiến ngựa Mông Cổ. Vua mừng lắm, cảm động khôn cùng. Viên văn thần tâu:

- Thế giặc tuy mạnh, nhưng quân mình phía sau chắc sẽ được tiếp viện, xin Bệ hạ cứ đứng đây để vững lòng binh sĩ, ngô hầu sẽ chuyển bại thành thắng.

Vua hỏi hỏi Lê Tân:

- Ông nghĩ sao?

Lê Tân chưa kịp đáp thì ngựa Mông đã tràn đến chân đồi Vua đứng. Tân hét to một tiếng, vẫy quân theo mình tràn xuống, chọn thẳng Đại tướng Mông mà đón đánh. Sắc mặt ông bình thản như không, khiến kỵ mã Mông Cổ hoảng sợ. Quân Lê Tân đẩy lùi được quân Mông khỏi chân núi, chém giết được toán quân liễu lĩnh định xô đến chỗ Vua. Không dám đuổi theo giặc quá xa sợ mắc mưu, Lê Tân lại quay ngựa về. Ông giục Vua:

- Trận này, quân đã cạn. Bệ hạ đã dốc túi đánh nước cờ cuối cùng rồi. Nên lui về phía Bình Lỗ, quân quan đang chờ Vua ở đó, chớ nhẹ tin lời người ta!

Bấy giờ Vua mới chịu lui quân. Lê Tân rút sau cùng. Quân kỵ Mông Cổ biết quân Nam có lệnh lui binh, liền phóng ngựa đuổi kịp. Lê Tân giữ lại một đạo kỵ binh thiện chiến đi sau, lấy mộc che tên, vừa đánh vừa rút, bình tĩnh lạ thường. Do đó Vua ung dung lui về trận tuyến phía sau...

Nửa đêm, Vua mỏi mắt chờ, mới thấy Lê Tân áo bào đỏ máu bước vào trong trướng. Không nghĩ đến mình, ông hỏi ngay đến

tình hình phòng, chống giặc. Vua đỡ ông dậy, vỗ về, ban cho ngự tửu và bát yến sào. Sau đó mời ngồi bàn việc quân cùng ông đến khuya chưa nghỉ. Vua thưởng cho ông một chiếc áo bào tía cực đẹp, thêu hình mãnh hổ và gọi ông với cái tên mới là Phụ Trần.

*

Mặt trận Bình Lỗ cũng vỡ nứt. Nhưng nhờ có quân sĩ hết lòng mà việc bỏ thành Thăng Long, lui về Thiên Trường đã không đến nỗi hỗn loạn. Tuy nhiên, cuộc rút lui này cũng khiến một số người khôn ngoan, mượn lúc hỗn quân, hỗn quan, không quyết chết theo thuyền Vua. Linh Từ Quốc mẫu (tức Công chúa Thiên Cực), đem Hoàng thái tử, cung phi, Công chúa, và vợ con các tướng, luồn đường nhỏ, khéo léo thoát khỏi tay giặc về tạm lánh ở sông Hoàng Giang. Vua ra khỏi hoàng thành, đem theo sáu đạo quân, tạm rút để thừa cơ đánh giặc. Quân truy đi trước. Thái úy Trần Nhật Hiệu, quá sợ thế giặc mạnh, ông vừa nghe tin đồn đại rằng quân Nguyên đang cho thuyền đuổi theo. Trên sông thuyền ta thuyền binh giặc đi lại không thể biết được. Thình thoảng lại có đoàn thuyền nhỏ, đi lùnh tìm nơi đóng quân mới, lại thét hỏi: Quân Nguyên ở đâu?

Vua cho thuyền đuổi kịp thuyền của Nhật Hiệu để hỏi kế. Nhật Hiệu đang ngồi tựa mạn thuyền, run rẩy đến nỗi không đứng dậy nổi. Khi nghe Vua hỏi có diệu kế gì chống giặc hãy nói ngay, bởi việc rất cấp, Nhật Hiệu vẫn còn run, chỉ lấy ngón tay chấm nước viết hai chữ "Nhập Tống". Vua nhìn Thái úy mỉm cười rồi hỏi:

- Quân Tinh Cương của Thái úy đâu cả?

Bấy giờ Nhật Hiệu trả lời lúng búng, Vua chỉ nghe thoáng mấy câu:

- Gọi không đến.

Vua lẳng lẳng xuống thuyền xuôi về phía sông Thiên Mạc, đến Phủ đệ của Trần Thủ Độ. Độ bấy giờ đã già, nhưng hỏi đến

việc chống giặc Nguyên thì khí thế hùng hùng. Nhìn vào nơi ở của ông, quân lính, gia nô vẫn bình tĩnh, như không hề nghĩ đến chuyện chạy giặc. Vua bỗng thấy vững lòng. Trần Thủ Độ bàn việc quân cơ cùng Vua, ông tính toán kỹ càng, tỏ ra đã nắm hết được tình hình đất nước. Khi Vua nêu ra việc thế giặc rất hung dữ; việc đồn quân, tiến đánh, phải trù lược chu đáo, chớ để một trận trắng tay, Trần Thủ Độ mặt đỏ lên nói lớn:

- Đầu tôi chưa rơi xuống đất thì Bệ hạ đừng lo ngại gì cả!

Vua ghé tai báo cho Thủ Độ biết trong khi rời khỏi hoàng thành vội vã, chỉ kịp mang theo con ấn nhỏ. Nghe nói quan Chương ấn đã kịp cho chôn bảo ấn, giấu ở trong điện Đại Minh. Nửa đường, ấn nội mật⁽¹⁾ không hiểu sao lại mất. Vua đã cho thợ khắc gỗ làm ấn để kịp ban hành các sắc chỉ. Thủ Độ không nói năng gì!

Lê Phụ Trần vẫn được Vua tin yêu, mang theo luôn bên mình, cho dự bàn nhiều việc cơ mật. Phụ Trần không vì thế mà kiêu căng, vẫn giữ gìn kín đáo, tận tụy hầu hạ Vua bên màn trướng, dâng được nhiều kế lạ. Vua yêu lắm.

Tin riêng mật báo việc Vua Mông Cổ định hợp quân với Ngột Lương Hợp Thai mà đánh nhà Nam Tống không thành, mà đất An Nam tưởng có thể lấy được, ở luôn đấy, cũng không xong. Giặc mưu toan bắt sống vua tôi nhà Trần, lập hành tỉnh, bình chương, song tướng Triệt Triệt Đô đã gặp sức kháng cự mạnh, không làm nổi điều đó. Bây giờ bên Vân Nam tình hình vẫn không ổn, Ngột Lương Hợp Thai ngày một ngày hai tất phải rút quân về. Vua nhận được tin ấy, mừng lắm. Chưa đầy một tháng, sáu quân đã tập hợp về rất mạnh, rất đông, lương thực đầy đủ. Ở mạn Hoàng Giang, Hoàng thái tử cũng tập hợp được lực lượng lớn. Linh Từ Quốc mẫu cho người đi xét thuyền những nhà có chứa đồ quân khí lấy hết đưa về dùng cho việc quân. Gia nô và hương binh của Trần Khánh Dư cũng đã đưa kịp về mạn Hạ hồng chờ

⁽¹⁾ Ấn nhỏ dùng cho việc tối mật của vua.

lệnh. Khí thế quân sĩ lại phấn chấn lạ thường. Vua bèn định ngày, bàn bạc cùng các tướng sĩ, chọn quân bộ, quân thuỷ tinh nhuệ dùng vào việc đánh giặc. Vua đem những đạo quân tin cẩn giữ đất Thiên Trường, để phòng có lúc dùng đến.

Vua thân hợp quân cùng Hoàng thái tử, lợi dụng cuối tuần trăng, đánh thẳng vào trại thuỷ quân của giặc. Ngột Lương Hợp Thai không lường nổi quân Trần hợp binh nhanh được đến thế. Phụ Trần nằng nổ xông xáo đánh vỡ hết trại ngoài, trại trong của giặc. Phó đô tướng quân Trần Khánh Dư, cũng tập kích vào phía sau lưng giặc, khiến giặc hoảng hốt, phải nhanh chóng rút khỏi Thăng Long.

Sau trận thắng lớn, Vua tôi kéo nhau vào hoàng thành, mừng rỡ khôn xiết. Vua lên điện Đại Minh, áo trận còn vương theo bùn, nước sông Hồng. Các quan tung hô vạn tuế. Quan Chương án nghe tin giặc bỏ chạy đã đào bảo ấn đến dâng. Ấn nội mặt mất ở dọc đường, lại có người nhặt được, tìm đến trong quân kính trả.

Văn võ bá quan mừng vui nao nức, định ngày mừng chiến thắng. Duy có quan Thái úy Nhật Hiệu, có ý bèn lên. Vua thân đến kéo ông đến bên mình mời ngồi. Vua đứng trên điện nói lớn:

- Trận này ai ai cũng có công! Giặc Thát sợ nhất khi vào Thăng Long điều gì, các khanh có biết không?

Văn võ chưa kịp trả lời thì Vua đã ban:

- Đó là vua tôi, trăm họ một lòng. Giặc đến mạnh như hùm beo, khi vào Thăng Long, thấy người dân yếu ớt nhất, cũng cố chạy theo Vua. Hoàng thành vắng ngắt, phố phường lạnh tanh. Chúng phải tung quân bắt bớ mới có người để sai phái.

Nghe Vua nói, mọi người đều đồng thanh tán thưởng và tung hô vạn tuế.

1995

Bài thơ hòa bình

Chiêu Minh Vương Trần Quang Khải, sau buổi cùng Vua dự họp với bô lão cả nước ở điện Diên Hồng lại vâng lệnh vào Nghệ An cản phá quân Toa Đô. Ông vội vã đem quân lên đường. Việc quân cần kíp, không bàn được gì thêm. Từ biệt đô thành, ông đem theo vài tướng tâm phúc và những gia nô tin cậy, từ Đông Bộ Đầu, xuôi sông Hồng, qua Chương Dương, Hàm Tử, Tây Kết, Hải Thị ra cửa bể, vào thẳng Châu Hoan.

Ông xa kinh thành với bao nỗi lo toan và tư lự. Nước Đại Việt, từ ngày quân Nguyên Mông đánh bại nhà Tống, luôn đứng trước hoạ xâm lăng. Cuộc kháng chiến chống bọn Thát-đát lần thứ nhất do Vua cha Thái Tông và Thái sư Trần Thủ Độ trừ tính. Các tướng có công lớn thời ấy là Lê Phụ Trần và Trần Khánh Dư. Cuộc chiến đấu lần này trọng trách lớn, Thượng hoàng Thánh Tông và Vua Nhân Tông trao cho ông và Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn.

Triều đình Hốt Tất Liệt đã cho bọn Thoát Hoan, Toa Đô, Ô Mã Nhi đem hàng chục vạn quân từ phía Bắc như thác xô xuống, từ Chiêm Thành đánh quật lên. Tốc chiến, tốc thắng, dùng những đòn chớp nhoáng, áp đảo là thói quen chiến trận của quân Mông Cổ. Hai Vua đã triệu tập quần thần họp hội nghị trên bến Bình Than, bàn kỹ phương lược trong mấy ngày liền. Vua tối nhất trí, trên dưới đồng lòng, vừa vạch ra cách đánh của mình, vừa dự đoán thế quân

của giặc. Thượng tướng Thái sư, ngồi châu trước mặt hai Vua, vẻ mặt bao giờ cũng ung dung, thư thái. Trong khi đó, Hưng Đạo Vương ngồi đối diện với ông, phong độ uy nghi, quân thước, điềm tĩnh, trầm ngâm.

Hai ông có phong thái hoàn toàn khác nhau nhưng xử sự công việc đều là những tay lão luyện. Khi được trao cho chức Tể tướng, Chiêu Minh Vương vừa ba mươi tuổi. Việc nước bao thứ bộn bề, lo châu hâu, lo bổ nhiệm, lo thuế khoá, mở khoa thi, chọn nhân tài, trữ lương thảo, rèn khí giới, định luật lệ, việc nào không đến tay Tể tướng; Vậy mà lúc nào Vương cũng hoà nhã, khoan hậu, lắng nghe, gọi hội, bàn bạc, quyết đoán việc nào gọn nhẹ việc đó.

Gió căng những chiếc buồm cánh dơi, đẩy con thuyền của Tể tướng đi công cán gấp ra xa cửa sông và thềm biển. Gió lộng. Vệt bờ hồi nào còn hình lên dải cát, làng chài, đã mất hút. Thuyền lọt vào vùng mênh mông trời nước khác nào một cánh chim biển đập dềnh ăn xa. Sóng găm, gió thét. Quan Tể tướng vốn dễ xúc cảm, không khỏi có chút mềm lòng. Vừa tháng trước, Thăng Long còn vui khôn tả xiết. Vua quan nhà Trần thích hoà đồng trong các cuộc vui của dân chúng. Hội hè mùa xuân mở suốt từ phường này sang phường khác từ mồng một Tết cho đến tiết Nguyên tiêu. Chùa chiền mở cửa, khói nhang nghi ngút, thiện nam tín nữ nô nức đến vãng cảnh. Ở thôn quê nhiều nhà gói bánh ăn Tết. Đám gia nô được tháo khoán, tha hồ tung tẩy ra phường, phố dự hội, đánh vật, thí võ, đánh cầu. Vương hầu trai trẻ mặc thường phục trà trộn với trai phường. Đến Thái tử, có đêm còn đem thị vệ mười đứa, đi hội đeo mo nang đến gần sáng mới về. Có chàng quý tộc trẻ từng bị đám trai phố khiêu khích đánh cho mềm người. Chợ búa đông đúc, sản vật đầy khê, trai thanh gái lịch. Trai khoe tài giương cung bắn chim bay trước mặt người đẹp. Con gái da trắng như ngà, cười tươi như hoa. Người lo vận mạng cả nước, ai không thích những cảnh rộn ràng, yêu đời ấy.

Vậy mà, chỉ nghe tin từ biên trấn truyền về, quân Nguyên chia quân thành mấy đạo tiến đánh, kinh thành đã náo động. Phủ Thái úy sai người đem thuyền, mở bến giúp dân rời kinh thành, tạm lánh về quê. Vật giá tăng giảm khôn lường. Gạo, muối đắt gấp rưỡi, rồi gấp đôi. Bạc nén, tiền kẽm được chôn cất bớt, tiền đồng chẳng dồi dào như trước. Trẻ con, người già vắng hẳn trên đường phố, gây ra một tâm trạng ngùi ngùi, se buồn, lo lắng. Trai tráng sung quân, đua nhau thích chữ Sát Thát vào cánh tay. Ngựa trạm chạy tung bụi trên đường phố, dải áo choàng đen của tướng báo tin như cơn gió đen lợt qua, báo điềm dữ sắp xảy ra. Vẻ thanh bình của Thăng Long mất dần, không khí chiến trận bùng lên ở mọi chỗ...

Gia đình các vương hầu cũng đem nhau lánh về thực ấp. Quân sĩ và các vương hầu thì tui bụi trong việc chuyển quân, dựng phòng tuyến, lập đồn, tạo thế trận... Soái phủ đẩy mạnh hoạt động của các toán dân binh vừa được lập ở các trang, sách. Luỹ làng đã kín, lại rào thêm, sẽ bay không lọt. Cánh cổng lim được chèn thêm đá. Máy bắn đá được xây và bắn thử ở những địa thế lợi hại. Lòng dân hăng hái sẵn sàng đánh giặc. Trong hội Diên Hồng, tiếng hô "Quyết đánh" vang dội trong trí nhớ của các vương hầu. Chiêu Minh Vương dẫu nhiều mối lo lắng cho vận nước nhưng nghĩ đến dân chúng, lòng người, thật vững dạ.

Mối lo còn lớn vốn khi ẩn khi hiện ở quan Tể tướng lại là chuyện nhà. Vương không dám hé răng với ai, ngay cả với vợ con. Nhà Trần trên đường dựng vương nghiệp, việc Trần Thủ Độ bỏ trống lập ngành thứ, ép vợ Trần Liễu đem về làm Hoàng hậu cho Thái Tông, khiến An Sinh Vương, dẫu chịu nhụt trong lúc sống, khi chết lại truyền lời cho Hưng Đạo Vương nhớ đến hận cũ. Việc kín trong vương phủ Vạn Kiếp vẫn lọt đến tai Tể tướng. Gần đây các Vua Thái Tông, Thánh Tông, Nhân Tông đều ra sức dàn xếp chuyện nhà, song ở ngôi Tể tướng, Trần Quang Khải

không khỏi bận tâm. Trần Quốc Khang đã lâu, dẫu còn tham tài, háo sắc, nhưng giữ yên miền đất trọng yếu, tạo được lòng cảm mến của dân chúng với mấy triệu đại Trần, công lao ấy to lắm. Vậy mà, con hư lại làm khổ bố mẹ, Trần Kiện đang manh tâm theo giặc, nhận quà của bọn lái buôn Hải Nam, hứa làm nội ứng cho giặc, không biết Tĩnh Quốc công Quốc Khang đã biết chưa và thái độ của ông ra sao với đứa con phản nghịch này? Kế hoạch chặn giặc, tạm lui quân, lừa nhử, làm cho giặc suy yếu rồi sẽ tiến đánh, đuổi chúng ra khỏi đất nước, đã bàn bạc kỹ. Tể tướng nhận trấn giữ phía Nam; phò Vua chặn giặc ở phía Bắc hoàn toàn trông cậy vào Hưng Đạo Vương. Quốc Tuấn khẳng khái, trung thực, song còn là người rất trọng chữ hiếu. Xã tắc đang cơn nguy hiểm, quân quyền trong tay ông thống lĩnh. Vừa qua, khi tập hợp quân các lộ về chặn giặc, chỉ riêng quân của năm cha con Quốc công Tiết chế đã có tới trên hai mươi vạn. Mồn hạ của Hưng Đạo Vương thiếu gì người tài giỏi như Trương Hán Siêu, Trần Thì Kiến... Tể tướng mải lo chuyện nước, chuyện nhà thì thuyền đã ghé vào Cửa Hội, đang cập bờ sông Lam Tĩnh, Quốc công Trần Quốc Khang đã cho quân dắt ngựa đến đón. Vương lên ngựa đi thẳng về vương phủ.

Hai anh em lâu ngày gặp nhau mừng' mừng tủi tủi. Quốc Khang có vẻ lo lắng. Tể tướng dịu lời an ủi:

- Thượng hoàng và Đức vua sai tôi vào đây chính vì thế giặc to. Toa Đô đang rục rịch từ Chiêm Thành đánh lên. Mọi việc đã bàn ở Hội nghị Bình Than, anh đang điều quân, chặn hiểm, cứ làm tiếp.

Đang bàn bạc thì có tin mật báo về, quân Nguyên đã đưa con Tĩnh Quốc Vương là Trần Kiện, cùng bọn gia thần Lê Tắc vừa đầu hàng, về Yên Kinh. Hưng Đạo Vương cử Nguyễn Địa Lô đuổi theo, bắn chết Kiện. Quốc Khang nghe tin, thất sắc, vội đem ấn tín khóc nộ cho Trần Quang Khải. Chiêu Minh Vương an ủi anh rồi cho lui về giữ Diễn Châu, ông không quên ân cần dặn dò:

- Cha sinh con, trời sinh tể, Kiện bội phản phải coi nó là giặc, không tiếc làm gì! Tôi mong anh hết lòng trung với nước, dẹp hết lòng tham, đừng sa đà vào đám tì thiếp. Nếu giặc đến, liều chết lập công, đánh cho chúng phải khiếp đảm, lo gì Thượng hoàng và Đức vua không thấu hết lòng trung.

Quốc Khang gạt nước mắt, vội lui ra.

Chiêu Minh Vương lên đường đến các nơi hiểm yếu điều quân, bàn kế đánh giặc. Đất Hoan Châu⁽¹⁾ nhân dân trung hậu có thừa, vương chỉ cần gặp gỡ khích lệ là công việc phòng chặn giặc đã rầm rập. Tuy vậy, Trần Quang Khải đã điều bớt nhiều tướng giỏi ở vương phủ, xuống những đất hiểm yếu, đợi giặc đến sẽ đánh chúng mòn mỏi, tiêu hao dần, tạo cơ hội đánh những trận lớn.

Công việc đã tạm yên thì có tin Chiêu Văn Vương Trần Nhật Duật đem năm vạn quân thủy bộ đến trợ chiến. Chiêu Minh Vương mừng lắm. Nhật Duật đem những tin chiến trận vừa xảy ra ngoài Bắc kể lại cho Tể tướng nghe. Hưng Đạo Vương chặn giặc ở Nội Bàng, rồi ở Vạn Kiếp, Vua cũng cất quân từ Thăng Long lên đánh giặc. Thế giặc đang hăng, quân ta giao chiến rồi rút về kinh đô, bỏ ngổ thành, lui tiếp về Thiên Trường và Trường Yên. Trần Nam Vương Thoát Hoan tưởng thế quân ta yếu, đốc chỉ hùnh hồ lừa quân đuổi theo, một mặt cho quân vào chiếm đóng Long Thành. Tiếng ngựa hí suốt đêm làm nát lòng dân chúng. Chúng vơ vét của nả, giết người vô tội vạ, bắt người già, trẻ con cũng phải làm các việc khổ sai như chăn ngựa, dẫn gỗ đóng thuyền... Lều trại giặc căng khắp ven thành, thuyền chiến đậu san sát, dương oai, điều võ. Thượng hoàng và Nhân Tông cho người dâng Công chúa An Tư cho Thoát Hoan, chúng cũng không giảm bớt tai họa cho dân chúng. Quân giặc giục thuyền đuổi quân ta đến Đại Hoàng, Trần Bình Trọng một mình cản giặc. Bị bắt, chúng đem tước vương dụ hàng, Bảo Nghĩa

⁽¹⁾ Hoan Châu = Chân Hoan.

Vương đã mắng vào mặt giặc, nói lời khảng khái, vờn cổ mà chịu chết. Giặc tăng quân đuổi gấp xuống Thiên Trường cố lòng bắt cho được hai Vua.

Giọng Trần Nhật Duật trầm hẳn xuống:

- Từ Thiên Trường, giặc đuổi gấp xuống Trường Yên, Hưng Đạo Vương phải rước hai Vua xuống thuyền nhẹ, chèo thẳng đến miền Tam Trĩ, rồi từ đây, bí mật vào Thanh Hoá. Lúc ấy, Hưng Đạo Vương đứng kể hai Vua, tay lại cầm chiếc gậy có bịt sắt nhọn. Các tướng hộ giá mắt nhìn nhau, có ý ngờ vực. Quốc công Tiết chế biết ý, liền rút đầu sắt nhọn vứt xuống biển, chỉ còn gậy không. Các tướng ai nấy đều cúi mặt xuống vì ngờ oan, lòng đầy cảm phục.

Chiêu Minh Vương chăm chú nghe. Bây giờ chính ông mới thấy tấm lòng của Quốc Tuấn, liền ứa hai hàng nước mắt. Nhật Duật vội nói:

- Tôi thật có lỗi khiến đại vương phải động tâm.

Tể tướng xua tay:

- Có gì đâu! Đất nước ta thật đại phúc thì vua tôi, họ hàng ruột thịt mới có hành động cao thượng như thế. Tôi xúc động, xấu hổ vì mình làm Tể tướng, không có kế gì hay giúp Vua để đến nỗi Thượng hoàng và Vua ta phải vất vả long đong quá đổi!

Tuy nói vậy, lòng ông vô cùng hối hận khi nghĩ rằng trước đây mình đã có ý nghĩ không đúng về Quốc công Tiết chế Hưng Đạo Vương. Nhân chuyện này, ông thổ lộ:

- Tuy chưa đánh trả được trận nào, nhưng kế lui binh gây lòng kiêu ngạo cho giặc, giữ sức quân ta, giấu mình để chờ lúc phản công, tài lớn của Quốc công Tiết chế không phụ lòng tin cậy của xã tắc.

Đêm ấy hai vương trải chiếu ngủ với nhau, trò chuyện đến tận khuya. Chập tối trong lúc cảm hứng đến một miền đất lạ đây

tinh thần thượng võ, Chiêu Văn Vương ôm đàn gảy cho anh nghe khúc tráng ca Sát Thát ông vừa soạn. Tướng sĩ ngồi quanh ai cũng nức lòng.

*

Sau các trận thắng lớn ở Tây Kết, Hàm Tử, Chiêu Minh Vương đem quân từ Châu Hoan, Châu Ái trở ra, đích thân cầm quân đánh giặc ở Chương Dương. Giặc vỡ tháo chạy về Thăng Long, vương thúc quân đánh gấp, mưu lấy lại kinh thành. Quân triều đình lại được quân các đạo hợp sức, được các chiến thắng liên tiếp cổ vũ, thanh thế to lắm! Đi đến đâu, dân chúng tranh nhau đem trâu, lợn, lương thực, gạo muối, hoa quả dâng tiến. Cờ súy, cờ ngũ sắc, mang vương hiệu nhà Trần lại tung bay trên các miền đất vừa giành lại. Cả nước nô nức đánh giặc. Các đồn trạm của giặc ở dọc đường tự thế mà vỡ. Dân binh bắt giặc, hò reo dọc cánh đồng. Trống đồng khua vang, gọi người ở vùng giặc rút chạy, gắng sức lập công, làm rối thêm lòng giặc. Quân sĩ phấn chấn, thủy bộ đều đua nhau lên trước trận lập công. Thuyền chiến hiên ngang lướt sóng, loa gọi hàng vang đến tận châu thành. Khi quân của Chiêu Minh Vương đổ bộ lên đất Giang Khẩu, đã thấy quân của Trung Thành Vương đánh tan quân phòng thủ của giặc Nguyên tại đó, thừa thế đánh thốc vào thành Thăng Long. Quân reo như sấm, từ mặt phố dội xuống mặt sông, từ mặt sông dội lên mặt thành, hết đợt này đến đợt khác. phía Bắc hồ, phía Nam ứng, phía Đông hồ, phía Tây khuyếch trương thêm thanh thế. Quân Trần vây thành cửa Bắc đánh rất gấp. Thoát Hoan và A Lý Hải Nha, nhân vòng vây phía Nam còn mỏng, mở đường máu thoát ra. Quân kỵ đi trước mở đường, quân bộ rút sau, xuống thuyền chạy sang mạn Bắc sông Hồng. Tướng Mông Giác Kỳ thua trận, góp tàn quân cũng vừa tìm đến. Doanh trại dựng chưa nóng chỗ, đại binh của Hưng Đạo Vương và Hưng Ninh Vương đã đánh thẳng vào. Quân Nguyên tan

tác vỡ chạy về sông Như Nguyệt. Hoài Văn hầu Trần Quốc Toàn đã chờ sẵn, đổ quân ra đánh bồi cho một trận nữa. Máu giặc loang cả một thêm sông.

Thành Thăng Long mở hội mừng chiến thắng. Đêm ấy, phố phường người ven đô kéo về chật ních. Trên nền đất giặc vừa giày xéo, nhà cửa lại được dựng lên. Quân lính và dân chúng treo đèn kết hoa, uống rượu và nhảy múa. Quà bánh bán thâu đêm đến tận sáng. Trong thành, doanh trại, dinh thự tức tốc được sửa sang lại. Quân sĩ đến các dinh thự cũ, tìm nhiều nhà mới đủ đồ nghi trượng, chuẩn bị, ăn mừng đón hai Vua trở về. Chiêu Minh Vương hân hoan thúc ngựa đi kiểm tra tình hình quân sĩ trong và ngoài thành. Lòng quân háo hức, tràn đầy khí thế song kỷ luật rất nghiêm minh. Quân lệnh được chấp hành chu đáo. Vương mừng lắm. Tướng sĩ đã làm thế tựa để dân chúng trở lại phường phố, phục hồi cảnh đô thành thanh lịch xưa. Ông bồi hồi khôn xiết, sung sướng vô cùng, quên cả nỗi vất vả của thân làm tướng liên miên trong chiến trận, giấc ngủ chỉ chập chờn trong khoảnh khắc. Ông vừa đi vừa nghĩ đến những phương sách mới, khích lệ mọi nhà ra sức làm ra của cải tạo chỗ dựa vững chắc cho những ngày hoà bình sắp tới.

Hôm sau, được tin hai Vua đã từ Thiên Trường đang trở về, ông thân hành sang dinh Quốc công Tiết chế phía Bắc sông Hồng, cùng người đi hộ giá rước hai Đức vua về kinh thành. Hai Vương gặp nhau, anh em ôm chầm lấy nhau hồi lâu không rời. Tể tướng ngấm Quốc công Tiết chế lòng đầy mến mộ, chớp chớp mắt, nói không thành tiếng:

- Anh em ta đến phút này mới dám ngửa mặt nhìn núi sông gấm vóc. Công lao của Quốc công mãi mãi ghi vào sử sách.

Hung Đạo Vương khiêm nhường nói:

- Nếu không có phương lược của hai Vua, tài điều động sức dân, lương thảo, tài cầm quân của Tể tướng khiến cho quân sĩ Toa Đô đang đà mạnh yếu dần, rồi sụp xuống như sụp bầy; nếu không

có trận Hàm Tử của Chiêu Văn, trận Chương Dương của vương thì tôi đâu có thi thố được gì!

Hai anh em vui vẻ dang tay mời nhau vào trong trướng. Đêm ấy, Chiêu Minh Vương nghỉ luôn ở hành dinh Quốc công Tiết chế. Trăng sáng vàng vạc. Tiếng ca hoà bình vang từ các làng lân cận làm người ngồi không yên. Tể tướng bảo người hầu lẳng lặng dắt ngựa ra cho ông. Ông phóng khỏi doanh trại, ăn vận như một công tử, mang theo một vài thị vệ. Ông đi thẳng đến những nơi đèn đuốc sáng trưng, xấn vào xem dân chúng ca hát, diễn trò vui. Nhiều trò hay được nhiều nghệ nhân trở tài. Trò tàng câu trước hồ sen bán nguyệt của thôn Ninh chật ních người. Đám múa bỏ bộ trước đình làng Mơ xem hoài không chán. Trên dê, trai thanh gái lịch hát ví, giọng véo von, nghe đắm đuối làm sao! Một đêm hoà bình sao hạnh phúc đến vậy! Tiếng gà con chiêm chiêm trong lồng, tiếng bò rống ở một vuông vườn giặc vừa bỏ đi, chưa kịp dựng chuồng trại, nghe mà xao xuyến. Đâu đâu cũng sôi nổi, khát khao muốn nhanh chóng dựng lại những vuông làng thịnh vượng, những cánh đồng no ấm, những bãi dâu mượt mà.

Tể tướng vốn cũng là một thi nhân. Lòng ông đầy hào hứng.

Trở về trướng phủ, ông thấp bạch lạp thật to, gọi gia thần mang bút mài nghiên son thật đỏ. Ông vừa nghĩ ra một tứ thơ. Để nguyên quần áo vì hành, ông càng có vẻ nho nhã. Chiêu Minh Vương, mặt tươi như hoa, dầm bút đại tự vào nghiên son, viết luôn một mạch bốn câu thơ. Nét chữ ngời lên màu son thắm trên giấy dó còn vương vấn chút hương rừng:

Đoạt sáo Chương Dương độ,

Cầm hồ Hàm Tử Quan

Thái bình tu nỗ lực,

Vạn cổ thử giang san⁽¹⁾.

⁽¹⁾ Nghĩa là: Chương Dương cướp giáo giặc. Hàm Tử bắt quân thù, Thái bình nên gắng sức, Non nước ấy nghìn thu.

Ông cất tiếng ngâm, rồi dán luôn lên vách. Lòng hân hoan nghĩ khi thuyền lên đón hai Vua⁽¹⁾, ông sẽ sang thuyền ngự, tâu lên mọi việc ở kinh thành và sau đó đọc dâng lên các Người bài thơ trước đêm đi hộ giá về kinh sư.

Nghĩ như thế, ông mong cho chóng sáng. Giấc ngủ ngon lành ập đến. Trời mùa hè, gia thân để mở cửa cho gió mát lùa vào. Ánh trăng đang lặn soi vào đến tận thềm nhà. Xa xa chớp đông nhấp nháy. Một cơn đông ngán trời dậy. Gió thốc vào trong nhà, cuốn theo cả bài thơ của Tể tướng đưa bổng tít lên trời và bay đi, bay mãi. Truyền rằng mỗi khi bay xuống, quân sĩ và dân chúng bắt được xúm nhau đọc. Ai cũng cho là thơ của thần thánh ca ngợi công đánh giặc của vua tôi nhà Trần. Họ thuộc lòng nhanh chóng, truyền lại cho nhau. Họ thả bài thơ ra chỗ bất ngát đất trời để gió hè tươi mát chở bài thơ đến các vùng xa khác.

Năm Quốc tế hoà bình 1986

⁽¹⁾ *Chỉ Thái thượng hoàng Thánh Tông và Nhân Tông.*

Đất trời Vạn Kiếp

*Chim hồng học bay cao nhờ
sáu hàng lông cánh
(Lời Hưng Đạo Vương)*

Khu gia nô Vạn Kiếp ở cách vương phủ không xa. Theo hình cánh cung như một vòng vây bảo vệ, những gian nhà gỗ nhỏ dài, dựng theo lối đi. Gia nô ở thời Ngô thời Lý thì hàng năm chỉ được phát một giải khố, mùa rét thêm hai tấm áo vải thô và một tấm chăn đơn bằng vải dầy. Trên các ổ nằm của họ, để tạo lấy hơi ấm, họ phải vào rừng lấy lá khô để trải. Gia nô trước đây không được ở thành gia đình riêng, để tránh sự sinh con đẻ cái, ảnh hưởng đến công việc thường ngày.

Trang Vạn Kiếp vốn là một vùng giàu có. Gia nô của Hưng Đạo Vương thường được hưởng ân huệ của người. Cơm ăn đủ no. Những khi trang ấp có những yến tiệc lớn, bữa ăn của gia nô có rượu, thịt và ăn uống thoải thuê. Trang Vạn Kiếp, gia nô không còn đóng khố. Mùa hè họ được phát những bộ quần áo mỏng, những chiếc quần lửng và những chiếc áo từ các khung dệt ở ngay trang ấp dệt thành. Nô tỳ gái được phát thêm một bộ quần áo. Họ lại còn được phát cho cả trâu cau, thuốc nhuộm răng ở các tuổi dậy thì...

Hưng Đạo Vương thường chọn những gia nô mạnh khỏe vào đội gia binh. Người tự soạn thảo ra binh thư, lấy người trong vùng để lập các phiên chế thử nghiệm. Hưng Đạo Vương cho các con trai

mỗi người lập một trang trại riêng và nắm lấy những đạo quân chính. Do bị ném vào vùng đất chết, nên từ thời An Sinh Vương, đã biết tu chí, quyết lập trang ấp mình trở nên giàu mạnh. Ông một mặt cho đắp đê ngăn mặn, trồng cây những vùng đất để lấy lương thực nuôi môn khách và nô tỳ. Ông tổ chức một đội thuyền đánh cá, phơi cá, làm mắm và hàng năm, ngược các sông, tiếm nhập vào trang ấp khác mà đổi lấy những thóc vải đẹp nhất. Có người môn khách đem cách làm muối ở vùng đảo giáp biên giới, ông cho lập hàng kho dự trữ, hàng năm cung cấp cho kinh thành và đổi lấy những thứ hàng quý cần cho vương phủ của ông. Ông còn ngược lên tận vùng Đà Giang, Tam Đái đổi lấy những thảo cầm, thuốc bắc, những lâm thổ sản quý giá khác.

Trang ấp Vạn Kiếp giàu bật lên như một vương triều nhỏ. Và Trần Thủ Độ rất lo chuyện Trần Liễu cậy thế mạnh cướp ngôi vua như năm nào đã nổi loạn trên sông Cái.

Nhưng Trần Thái Tông lại không hề nghĩ đến chuyện anh làm phản. Khi Hưng Đạo Vương lấy Công chúa Thiên Thành làm vợ, Trần Liễu không ưng lắm. Ông muốn Hưng Đạo Vương liên kết với những chi thứ khác hơn là dòng họ của Trần Cảnh. Việc lấy người trong dòng họ đã trở thành một luật lệ không thể tránh khỏi. Dù con ông là con rể của em ruột mình, Trần Liễu nén mình không nói, nhưng trong thâm tâm, ông vẫn nuôi một chí hướng báo thù. Ông căm ghét Trần Thủ Độ và Linh Từ Quốc mẫu cùng cực. Nhưng ông lại hiểu em mình hơn ai hết. Trong đáy lòng ông, thời Trần Cảnh, ông sẽ thôi không làm chuyện nổi loạn. Nhưng khi Trần Cảnh mất đi rồi, thì con ông là Hưng Đạo Vương, cần phải nghĩ giành lấy ngai vàng về cho ngành họ của mình. Quốc Tuấn lấy Thiên Thành Công chúa, thì cái ý đồ của ông như không được như ý nữa.

Cho đến lúc chết, ông vẫn trần trọc không nhắm mắt được. Ông toan tính ngập ngừng, không biết có nên nói ra với các con cái chuyện ngôi vua tranh giành suốt cuộc đời của ông. Trang Vạn Kiếp

đúng được, hùng mạnh được là do một tay ông tạo lập. Triều đình đã muốn chuyển giao cho ông trọng trách miền biên trấn, nhưng thực ra là một cuộc lưu đày. Trần Liễu muốn cướp ngôi Vua, song ông không bao giờ theo giặc. Liên tiếp nhiều năm, Đa-ra-gu-tri ở kinh thành phái người về trang ấp bắt mối với ông, hẹn ngày, hẹn thời cơ để nổi loạn. Ông đều tìm cách khéo léo thoái thác. Không những thế, ông còn làm sứ tâu rành rọt các việc ấy với Nhà vua. Chuyện ngôi vua là một chuyện khác. Chuyện giữ vững non sông, đất nước, đền miếu của tổ tiên, làm rạng rỡ nền văn hiến là điều ông phải giữ cho toàn vẹn cùng với các tôn thất nhà Trần...

Trần Liễu mất đi, miền An Quảng - Vạn Kiếp càng giàu mạnh. Dưới thời Trần Quốc Tuấn, chỉ hơn mười năm sau, chợ bến Lục Đầu, chợ biển ngoài biển Bạch Long Vĩ, có thể nói là thứ chợ mà giữa kinh thành cũng không thể sánh kịp.

Nhờ cách sắp xếp khéo léo, phù hợp với công việc, người điều khiển, nên trang Vạn Kiếp, người nào việc ấy, khá qui củ. Dã Tượng được giao cho trông coi một khu, Yết Kiêu được chỉ huy những đội thuyền, khi mùa cá thì đánh cá, khi mùa cày sửa thuyền, đóng thuyền chiến mới. Nguyễn Chế Nghĩa giành riêng việc luyện kỵ binh và lo chuyện phái người đi liên lạc với các nơi. Tuy ngồi một chỗ ở Vạn Kiếp, nhưng tình hình các trang ấp mạnh yếu thế nào Trần Quốc Tuấn đều biết cả...

Ông có niềm say mê việc quân từ bé. Một phần, khi bị đưa về vùng đất hoang An Quảng, Trần Liễu đã phải sớm dùng con trai mình, bấy giờ mới vào tuổi thiếu niên vào việc cai quản trang ấp Vạn Kiếp cho ông. Ông đặc biệt lo về mạn biển. Có năm, chín tháng Trần Liễu không về Vạn Kiếp. Có những đêm bão tố, nhà cửa cây cối đổ liech xiêu, nghiêng ngả, gió giật đùng đùng, sấm chớp chói chang dữ tợn trên bầu trời. Tuấn lo cho cha không biết còn lênh dênh trên thuyền biển hay đã kịp ẩn náu vào một hang, đảo nào giữa biển khơi!

Chỉ khi nào thấy trạm gác ngoài báo đại vương đã về, Quốc Tuấn lật đật chạy tới, ôm chầm lấy cha, nhìn lên nét mặt thoát vui, thoát buồn; khi mặt mũi hiện ra trên mặt, khi gục đầu vào mặt con để hưởng lấy cái hơi máu thịt ruột rà của mình. Chỉ một cái ôm chặt hay lỏng là đủ biết kết quả của công việc của ông trong những tháng ngày đằng đẵng lênh đênh trên biển.

Mỗi lần đi xa về, Trần Liễu ít hỏi han về công việc Quốc Tuấn làm gì ở nhà. Ông chỉ cần ngủ một đêm, sáng ra, lạng lẽ lấy một con ngựa, dắt trong mình một thanh đoản kiếm và đi thăm một lượt trang Vạn Kiếp. Ông sẽ thấy cảnh gia nô từng khoảnh đất, dậy rất sớm. Tiếng quát trâu cày đã vắng trong các thung lũng. Tiếng chặt gỗ chát choang đã vang lên ở bìa rừng, át hẳn cả tiếng riu ran của con khiêu hót giữa ban mai. Người thợ cày, bước qua cái đám thợ trẻ, dậy, cời lửa, uống trà hút thuốc, nghĩ đến việc hạ thủy con thuyền chiến theo kiểu của Hưng Đạo Vương vẽ mà đóng theo...

Yết Kiêu đã có mặt ở trên bờ sông. Có lúc anh nhảy từ thuyền này sang thuyền khác, xem từ chiếc cọc chèo đến những văng lưới được sắp sẵn từ chiều hôm trước, chuẩn bị ra khơi Nguyễn Chế Nghĩa đã chính tay phân phát ngựa trạm cho những tên nô tì cày, người thì về kinh thành truyền báo một tin mật cho Đức vua, người thì sang trang ấp của Hoài Văn hầu Trần Quốc Toàn, nói với bà Vương phi bên ấy, cậy người kén thêm cho một ít thợ rèn ở xứ Kinh Bắc để đem về rèn thêm vũ khí...

Từ khi Trần Liễu mất đi, Hưng Đạo Vương đã phải lo toàn bộ mặt biển Đông. Và bây giờ Đức vua xuống chiếu, khi Trung Vũ Đại Vương Trần Thủ Độ nằm xuống, ông lại thân phải lo việc binh suốt cả một miền biên giới nữa.

Sau khi tuyển Trinh Công chúa về cung làm vợ Thái tử, thì Vua Trần Thánh Tông cũng nhường ngôi. Con là Khâm lên ngôi, xưng là Trần Nhân Tông. Trinh Công chúa, con gái của Hưng

Đạo Vương Trần Quốc Tuấn được phong làm Hoàng hậu. Sau ngày lễ đăng quang, Trần Nhân Tông, giao việc triều chính cho Tể tướng Trần Quang Khải và tuần du về Vạn Kiếp, cùng Hưng Đạo Vương đi thăm miền An Quảng và ngược sông Lục Đầu. Trần Quốc Tuấn được lệnh tiếp đón. Ông lại báo cho Hưng Nhượng Vương Trần Quốc Tảng, phải lo tổ chức tập trận ở cửa bể Nam Triệu để Ngài ngự coi, lại cho người phi báo cho Hưng Vũ Vương Quốc Nghiễn lấy quân ở các hạt Bằng Hà - Ba Điểm - Hồng Châu, hội sư ở bến Lục Đầu, chờ Ngài ngự đến sẽ bàn việc quân ở miền Yên Hưng - Vạn Kiếp. Lại cho mời Hưng Minh Vương Trần Tung, đến hầu chuyện Ngài ngự, về những đại sự quốc gia, hoặc những tông thuyết, về Thiền, về Lão mà Đức vua mới thích bàn...

Trần Quốc Tuấn lệnh cho Phạm Ngũ Lão, Yết Kiêu, Dã Tượng, Nguyễn Chế Nghĩa, mọi người phải chọn những quân voi ngựa, quân thủy, quân bộ thiện chiến nhất để Ngài ngự khi cần thì duyệt lãm. Lại truyền cho đội săn voi săn hổ, chọn những tay cung bách phát, bách trúng, những đội hò la vây ráp, những tay lao, tay giáo, sức khỏe hơn người để khi Ngài ngự tỏ ý thích săn hươu, săn hổ, thì sẵn sàng thoả những ham thích của Đức vua...

Vua Trần Nhân Tông đến Vạn Kiếp trên những kinh thuyền. Thuyền ngự buổi chiều ở Đông Bộ Đầu và đến khoảng nửa đêm đã đến Vạn Kiếp. Đức vua trẻ, đang độ hào hoa, sẵn máu tráng sĩ và tâm hồn thi sĩ trong người. Ngài đã đi với thích thú riêng tư mà gạt bỏ đi những nghi lễ. Hưng Đạo Vương và Hưng Minh Vương không hề biết cuộc đi độc đáo ấy. Ngài ngự cũng không mang Hoàng hậu trẻ, vị Tể tướng lão luyện Trần Quang Khải theo, chỉ mang theo một Văn thân hiểu biết văn chương, đạo lý và một vệ sĩ sức có thể địch muôn người. Khi Phạm Ngũ Lão vào bẩm, Đức vua đã ghé bến, Trần Tung và Trần Quốc Tuấn mới giật mình, vội mặc quần áo đại trào và đem gia tướng ra đón.

Đến nơi, thấy Ngài ngự vận áo thiên sư, đội khăn nâu, tay cầm quạt dân dã, đi hài cỏ, hai vương toan sụp lạy, Đức vua đã vội nâng dậy mà nói:

- Xin miễn chuyện lễ nghi, miễn lễ. Quan gia hôm nay đến đây, không phải là chuyện xa giá tuần du, mà là thích bàn những chuyện lớn, liên quan đến đất nước, đến dòng họ. Quan gia thấy sự vi hành của mình là đúng. Nếu cứ bám lấy ngai vàng, bám sự lộng lẫy của hoàng cung ở Thăng Long thì đâu tận hưởng được cảnh trăng trong gió mát, sông nước lung linh. Đâu được nhìn được cảnh thần dân, vui cái vui trên bến tắm, đâu được nghe những lời ca ngọt ngào ở nương dâu...

Nói đoạn, Đức vua cười vang rất tự nhiên. Ngài lại nói:

- Quan gia hôm nay đến đây, là muốn tìm đến các bậc cha chú, các bậc tài cao học rộng để cùng trau dồi nghĩa lý thiên tông, về đạo đời, đạo người, do đó mới mặc áo già lam, đi hài cỏ, ngồi thuyền nhẹ, như thể một môn khách mà đến đây chứ!

Hưng Minh Vương Trần Tung nói:

- Cha con là cha con, vua tôi là vua tôi. Đức vua muốn trở về thiên bẩm, nhưng sứ mạng trời trao cho Ngài, ai mà gánh vác nổi.

Trần Tung lại hỏi:

- Chẳng hay Thái thượng hoàng bận việc chi, sao không lai vãng đến trang ấp của chúng tôi?

Nhân Tông nhìn về mặt thuận hậu của Hưng Minh Vương, lòng đầy mến mộ, bèn thưa:

- Thái thượng hoàng nhắc đến Thượng sĩ luôn. Lo gì người chẳng vời ngài lên để nghe thuyết pháp về Thiên học. Người vừa đọc hết kinh Lăng Nghiêm mà Thượng sĩ gửi cho.

Rồi Nhà vua lại hóm hỉnh hỏi:

- Hôm nay quan gia mặc áo nâu sồng, lòng nghe thuyết pháp lại muốn ăn chay. Chẳng hiểu hai vương tiếp ta bằng tiệc chay hay tiệc mặn đây!

Hưng Đạo Vương biết Đức vua muốn trêu Hưng Minh Vương Trần Tung, vì biết ông hiểu Phật theo tâm chí, không theo những vẻ khổ hạnh bề ngoài, liền đưa mắt có ý bảo Trần Tung trả lời. Thượng sĩ cười tủm tỉm:

- Tâm tức Phật, Phật tức tâm. Khi trong lòng đã vượt qua được bến mê tìm đến cõi giác thì ai ăn chay cứ ăn chay, ai ăn mặn cứ ăn mặn, ai uống rượu cứ uống rượu, ai tụng kinh cứ tụng kinh.

Trần Nhân Tông rất thích câu trả lời cao khiết ấy liền cười vang mà bảo:

- Chỉ có Chí Linh, Vạn Kiếp, Yên Tử, con người đắm với sông núi, mây trời. Tiếng chuông vang đủ tám cõi trong đêm mà không bị tiếng đục ngăn lại. Có thể mới hiểu được cái cao siêu của Đất, Trời, Phật, Pháp.

Một chốc giữa chốn mênh mông sông nước, Vua tôi chú cháu anh em cha con đã cùng tụ họp. Trần Nhân Tông ngậm ngùi hỏi Trần Tung:

- Cõi màu nhiệm là gì?

Tung đáp:

- Là nơi chưa hiểu được và cũng là nơi hiểu được.

Vua lại hỏi:

- Ở đâu có cõi màu nhiệm?

Thượng sĩ Tuệ Trung⁽¹⁾ (Trần Tung) thưa:

- Xa rất xa, gần rất gần!

- Sao lại thế?

⁽¹⁾ Đạo hiệu của Hưng Minh Vương Trần Tung.

- Xa là nơi giấu cái huyền diệu màu nhiệm cho hàng vạn năm, gần là chỗ để người đời cảm thấy cõi huyền diệu là không có gì bí ẩn.

Vua lại hỏi:

- Ở cõi màu nhiệm có vua tôi, cha con, cây cỏ, núi sông không?

- Cây cỏ núi sông cũng có thứ bậc. Con người sinh ra ở cõi màu nhiệm ư? Thứ bậc vẫn có mà sự huyền bí thì khác hẳn cõi trần này.

Trần Nhân Tông buột lời khen:

- Chí lý lắm! Cao siêu lắm!

Rồi quay sang nói với Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn:

- Quốc công từ nãy đến giờ sao im lặng thế?

Quốc Tuấn hóm hỉnh cười:

- Tôi là người của cõi trần, chứ không phải là người của cõi huyền bí, màu nhiệm.

Đức vua đắc ý cười to. Trần Tung thì tủm tỉm. Trần Nhân Tông đưa mắt nói:

- Ta quá say chuyện hư vô, màu nhiệm. Bây giờ muốn nghe phương lược đối với ngoại bang của Quốc công đây.

Hưng Đạo Vương khiêm tốn thưa:

- Thật vinh hạnh cho thần, được Đức vua hết lòng trao cho việc nước.

- Quốc công chuẩn bị việc quân ở miền quan ải và hải đảo đến đâu rồi?

- Tàu, thần biết trọng trách của mình, lại biết được thực lực của từng trang ấp. Giặc Thát là một kẻ mạnh, đánh đông dẹp bắc, vó ngựa đi đến đâu là thành trì sụp đổ, các quốc vương, công tước đều nộp ấn xin hàng. Nhà Tống vẫn hiển, mạnh mẽ đến thế mà chỉ

mấy chục năm bị nuốt chửng cả đất Trung Nguyên. Nước nhỏ thôn tính nước lớn, thôn tính khắp vùng từ nơi mặt trời mọc đến nơi mặt trời lặn, thì không thể coi thường.

Trần Nhân Tông bậm môi suy nghĩ, mắt đăm đăm nhìn nơi xa:

- Vậy thì phải làm gì bây giờ?

Trần Quốc Tuấn hỏi:

- Tâu, Ngài ngự liệu xem ta có thể chống giặc được không?

Trần Nhân Tông nói:

- Trước hết ta muốn được nghe cái mạnh, cái yếu của giặc.

Quốc Tuấn nói:

- Giặc có mấy cái mạnh: Họ có những viên tướng tài, chỉ huy những đạo quân lớn, có thể dùng binh lực tập trung diệt tan một vương quốc, đó là cái mạnh thứ nhất. Giặc có một đạo quân viễn chinh từng trải, đánh đồng bằng đánh núi non đều thạo, đó là cái mạnh thứ hai. Giặc lấy binh đao để chinh phục hàng chục quốc gia, lương thực của cải rất nhiều, muốn tập hợp bao nhiêu cũng có, đó là điều mạnh thứ ba. Ba mặt mạnh ấy là đáng tính kể đến đầu tiên.

- Thế còn những mặt yếu của giặc?

Hung Đạo Vương chậm rãi nói:

- Chiếm được nhiều đất, binh lực phải chia sẻ, phải để lại những chỉ huy giỏi để trấn áp các quốc gia mới chinh phục đó là cái yếu thứ nhất của giặc Thát... Chiến tranh liên miên, con trai đến tuổi thành niên đã bắt đi làm lính, dân chúng bị xáo trộn đời sống, bề ngoài có vẻ tán đồng, nhưng bên trong hận ngầm, oán kín. Lại thường chứa chất của nả cướp được trong chiến tranh, giới quý tộc được nhiều, binh lính được ít, lòng người phân tán, đó là điều yếu thứ hai. Giặc Thát bình định Trung Nguyên xong, cái mối lớn vừa nuốt được thì cái hoạ bội thực cũng sinh ra. Người Trung Hoa ắt

chẳng chịu cam phận làm tôi tớ cho giặc Thát, chất phản kháng thế nào cũng có. Ngay từ lúc vó ngựa Hồ đầu tiên giày xéo, giặc Thát cũng không thoát khỏi cảnh chết chìm trong đám lửa phục quốc của người Hán.

Trần Nhân Tông gật đầu liên hồi, khen:

- Hay lắm! Phải lắm! Đúng lắm!

Người lại hỏi:

- Thế còn cái mạnh, cái yếu của ta?

Trần Quốc Tuấn không một chút chần chừ, trả lời ngay:

- Nước ta tuy nhỏ nhưng vua tôi cha con, trên dưới một lòng, đó là một thế mạnh. Địa thế nước ta hiểm trở, lại thuộc miền nóng, kẻ kia ở xứ rét, mùa đông băng tuyết dày, quen dùng ngựa trường chinh, vạn nhất kéo sang đây, chỉ ba mùa gió nóng, một mùa gió buốt là binh lính của Thát sẽ hiểu thế nào là thủy thổ bất phục. Đó chẳng là cái mạnh thứ hai sao?

- Còn chỗ yếu của ta thế nào?

- Yếu của ta ư? Điều đáng sợ nhất là sợ trong dòng họ kẻ nọ còn ý thế, kẻ kia còn cậy tài, ai cũng muốn làm Vua, ai cũng muốn làm tướng, không biết sức mình, không hiểu chính mình. Giặc Thát xảo quyệt, lấy chuyện gián điệp mà xúi bẩy, dùng tiền của, chức tước châu báu mà mua chuộc, để giáo đâm từ người thân cận, đất mất từ trong tay quý tộc vương hầu. Đó là điều đáng lo ngại nhất. Nhà Trần ta, bây giờ đã định vị, nhưng nổi ám ức dòng trưởng, dòng thứ vẫn chưa tan. Tôi và Thượng sĩ Tuệ Trung đây, xin hứa với Nhà vua, thế một lòng trung, nếu dòng trưởng chúng tôi ai có điều gì kia khác, hai anh em tôi quyết không dung thứ.

Trần Nhân Tông nghe, cảm động lắm. Vua bùi ngùi nói:

- Đã đến bậc thức giả, liệu còn nghĩ đến những điều thiên cận được sao? Những ý lớn của hai vương chính cũng là ý nghĩ của Thái thượng hoàng và của ta vậy. Chúng ta đang đứng trước những phút

nguy biến của sơn hà. Chỉ có trí tuệ của mọi người góp lại, chỉ có chí nguyện hết lòng vì giang sơn gấm vóc, mới có thể đưa đất nước khỏi hoạ xâm lăng được.

Cơm chiều đã bày, phu nhân từ trong nhà bước ra vui vẻ mời:

- Xin mời Ngài ngự dùng cơm đã. Ăn xong lại tha hồ bàn bạc. Hôm nay đất Vạn Kiếp lấy rau đồng, cỏ nội, cá ngả ba sông đãi Ngài ngự, đúng là một bữa cơm thuần hức⁽¹⁾ ở đồng quê.

Trần Nhân Tông nhìn cô ruột, lại nhớ đến cuộc tình duyên xưa của Hưng Đạo Vương với Thiên Thành Công chúa, liền vui vẻ nói:

- Quốc công đây được cô mẫu giúp... thì lo gì đất Vạn Kiếp chẳng ngày một lúa đầy kho, vải vóc chất tận thêm nhà.

Vua dự một buổi săn voi. Dã Tượng, Phạm Ngũ Lão chủ trì cuộc săn. Những gia nô khoẻ mạnh, nhanh nhẹn hoạt bát mới được chọn theo. Người nào cũng hồi hộp mong mình được chọn hoặc sợ mình bị loại... Đội săn voi không định hình. Mỗi năm chỉ một hoặc hai lần. Với Dã Tượng, gã chỉ cần chọn người khoẻ và gan. Phạm Ngũ Lão còn thích người có mẹo, biết ứng xử những lúc đàn voi bị dồn cùng đường cuống lên phá bĩnh.

Rút cuộc đội tượng binh của trang Vạn Kiếp là đội săn chủ lực. Sáu tên gia nô yếu nhất được thay bằng sáu gia nô trẻ mười lăm tuổi, được chọn cầm công chiêng đi trước đội săn để dẫn voi vào chỗ hiểm...

Vua được Quốc Tuấn đích thân đi châu hầu, Vua cưới ngựa hồng. Quốc Tuấn cưới ngựa bạch. Vua là một trang thiếu niên anh tuấn, trán cao, tay dài, mắt sáng long lanh, da trắng hồng như da thiếu nữ, cánh mũi nở, miệng hơi rộng, cằm vuông... Hưng Đạo Vương mặc triều phục chỉnh tề, áo võ màu tía, đi hài đen... Lá cờ tướng từ hôm Vua đến đã gỡ xuống, chỉ treo lên lá cờ ngũ sắc mang

⁽¹⁾ Rau đồng, rau quê.

một chữ Trần màu đỏ hiện giữa màu vàng... Cờ ấy, lá cờ chỉ dùng những ngày Vua ngự ở trang ấp. Viên của cờ theo các màu ngũ sắc còn lại và cuối cùng là những đuôi nhỏ hình lưỡi sóng màu xanh trang trí ở ngoài cùng. Cờ may bằng loại vóc Hàng Châu, thú vóc phải mười viên ngọc trai mới đổi được một tấm... Cờ mang theo đội săn hôm nay được thay thành cờ hiệu ngũ sắc của Hoàng đế, Hung Đạo Vương còn cho vác theo cả một bộ sưu tập đồ binh khí lợi hại dùng vào việc đánh giặc ở một vùng sông nước, gồm có đủ câu liêm đinh ba, nã bạt, thùng chạc, dao nhọn, tên tẩm độc và cung nỏ để người chiến binh có thể đánh xa hoặc đánh gần...

Săn voi ở Vạn Kiếp thường xảy ra trong mùa lũ. Bởi chỉ có mùa nước lớn, đàn voi mới chọn những vùng bìa rừng nhiều cỏ để sinh sống... Chúng có thói quen thường kéo nhau đi ăn vào lúc tảng sáng hoặc buổi chiều. Chúng theo một con đầu đàn, một đàn voi đông cũng phải vài bốn chục con, kèm theo những con voi nhỏ vừa mới sinh.

Tiếng công đã ran lên từ bìa rừng Vạn Kiếp. Đám gia nô nhỏ tuổi, từ mười lăm đến mười bảy, mình trần, đóng khố, giải trước buông dài hơn dải sau, để lộ ra những bắp vế săn, những cánh tay nổi bắp thịt lồ lộ thành tảng, những bờ vai trệ có thể đặt bát nước lên không đổ. Đi xen với người gõ chiêng, gõ trống đồng là những tay lao bảo vệ gồm những gia binh có thể nhổ được cây, chém vỡ đá, những chiến binh một địch được hàng trăm tên lính khác, nhờ võ thuật và am hiểu phép dùng binh. Cứ mười sáu gia binh lại có một tiểu tướng kèm.

Quân đàn theo một cánh cung rộng, bí mật tiến đến nơi có đàn voi ăn. Dã Tượng đã phái những gia nô luồn rừng giỏi, theo dõi đàn voi từ mấy ngày hôm trước, bám sát chúng, và khi thấy cây rung, tiếng hú gọi, thì đốt lửa lên, gọi phường săn nhanh chóng đến gần.

Bởi cuộc săn voi này, Đức vua tham dự, nên nhất nhất đều phải làm đúng như qui củ, không được để sơ suất một điều gì.

Hiệu lệnh của Hưng Đạo Vương ở Vạn Kiếp được thi hành răm rắp.

Khi đoàn săn đã đi đến vùng voi hay ra ăn chuối và có ở các bãi rậm sát kề bên bờ sông thì những tiếng hú gọi của đám gia nô, đã nhất loạt vang lên đẩy áp một khu rừng, tìm những người giấu mình sau những cành cây và các đám cỏ. Viên tuý tướng hầu cận vẫn lúc thì ở phía đầu của đoàn săn, lúc thì quay về báo với Đức vua và Trần Quốc Tuấn những tin tức về đàn voi ở phía trước.

Vua vẫn sống ngựa đi bên Hưng Đạo Vương. Trần Tung hôm nay ở nhà. Tối qua trong một buổi đàm đạo về thơ thiên thời Viên Chiếu đại sư, Trần Hưng Đạo ngỏ ý mời Trần Tung đi săn cùng. Tung nói:

- Ta là thiền sư ở An Hưng, có lẽ nào lại đi xem một buổi săn voi. Nếu ở đầu nguồn, có một am nhỏ của một vị cao tăng, đỉnh non nào có một hang sâu, trụ trì một ngôi chùa lại mời ta có lẽ đúng hơn.

Hưng Đạo Vương cố nài thêm, vì Đức vua rất muốn có Trần Tung bên cạnh để hỏi thêm những nghĩa lý sách vở và chuyện đời. Chỉ có hai anh em, Vương khuyên Tung nên đi, Tung chưa kịp nói thì Vua vào. Trần Nhân Tông đang vui liền hỏi:

- Hai vị đang có gì bàn riêng mà không cho quan gia biết thế?

Hưng Đạo Vương muốn mượn thế Vua để kéo Trần Tung đi săn. Có lúc, Vương thích đi cùng Tung để được lấy tính phóng khoáng của ông. Vua chưa kịp nói gì thì Tung đã trả lời rất điềm nhiên:

- Vua có ý thích của Vua, sư có ý thích của sư, ép nhau mà làm gì! Ta vừa mượn được Yên Tử một pho kinh Phật, mới từ Trung Hoa đưa sang, muốn kê gối ngồi đọc xem bên ấy họ chép kinh và hiểu kinh như thế nào?

Nói rồi bung chén trà lên không nói đến chuyện săn voi nữa.

Đám săn voi vẫn hú ran rừng. Chợt có đám khói bốc lên từ phía bờ sông. Các tiếng hú vội im bật. Một hồi chiêng của người chỉ huy

đánh lên tức thì hàng trăm tiếng chiêng đồng, tiếng trống cùng một lúc vang theo chói chang, kinh hãi. Tiếng nọ hoà vào tiếng kia, khép lại, thành một vòng cung chang chói, thứ tiếng gọi tai họa của một thế lực khó hiểu đang tiến tới bảy voi hoang dã và hiền lành. Những con thú luôn luôn chấp chờn sống trên vuông đất, mà những cuộc săn lùng từ con thú nhỏ, đến con thú lớn chốc chốc lại xảy ra. Con voi đầu đàn khôn ngoan, hiểu tất cả, nhớ tất cả những đàn hươu, đàn nai trâu, nai sao có những vó guốc chạy thực mạng, mỗi con như một tia chớp. Mấy con tê giác nặng nề, hồn nhiên, bốn chân có thể băng qua hàng trăm dặm không mỏi, khi bị những tiếng chiêng, tiếng trống vây hãm cũng co giò chạy. Cái thứ tiếng âm i, âm u, đều đều, sấm không ra sấm, tiếng người không ra tiếng người, tiếng vật càng không phải. Đó là thứ tiếng báo hiệu một loại tai họa cho loài vật, thứ tiếng cho chúng biết là chúng đang bị những vòng vây của những tay thiện xạ, vai khoác nỏ cứng, tay cầm giáo khoẻ, những tay săn nhậy thoăn thoắt trên đá như vượn khỉ, có thể thoát khỏi sự vô chup nhanh nhẹn của hổ, có thể tắt rừng để ngăn bước tiến của đàn hươu. Thứ tín hiệu ấy, đang khép cứng một bầy đàn để dẫn chúng đến cảnh đâm chém, phanh thây, mổ thịt, hoặc dẫn đến những cạm bẫy, kết thúc những ngày sống trong những rừng núi thâm nghiêm.

Con voi đầu đàn ngừng ăn, chậm rãi đứng ra đầu mồm sông để nghe cho rõ thứ tiếng có phải đích thị mình sắp bị hại chăng? Tiếng náo động của hiệu lệnh đồng càng mạnh mẽ, chang chói. Những tiếng hùa, tiếng hú, dồn đuổi càng gay cấn, càng gắt gỏng, những tiếng đe dọa, khắc khoải, dồn nén, khiến vừng vàng như hổ cũng phải tháo chạy, lì lợm như gấu cũng phải tụt xuống lòng hang. Đám khỉ chạy ào qua như một cơn gió, đàn nai chạy tan tác làm xẹp xuống những bãi sim mua dày kín ở bìa rừng...

Tiếng chiêng, tiếng trống dồn từ trong những bụi cây rậm ùa ra. Những hàng người tóc búi gọn sau lưng, trên trán buộc một dải vải đen, mình đóng khố, da nâu nhầy, đang chĩa những mũi lao tiến về chúng...

Con voi đầu đàn, hực lên một tiếng và quay đầu trở lại dẫn đầu hơn cả chục con voi cứ thế mà chạy. Nhưng không kịp nữa... Phía sau nó, có một đàn voi chừng bốn năm con, mình phủ những vệt vằn vằn, ngồi trên có những người thợ săn, kẻ cầm búa, kẻ cầm lao, cầm chiêng, hiện ra, đuổi gáp gáp lũ voi...

Đức vua cùng Trần Hưng Đạo đã tách khỏi đoàn săn, tiến nhanh về một đỉnh đồi cao, quan sát đoàn săn voi đang háo hức lập công, bắt những con voi mới, để bổ sung sau này cho đoàn quân voi quan trọng ở trang Vạn Kiếp. Trên đỉnh đồi, các gia tướng đã thúc ngựa lên trước, đứng dàn trước để hộ vệ. Những gia nô mang lọng, mang quạt đã sẵn sàng chờ. Vua và Trần Quốc Tuấn xuống ngựa đi đến đỉnh đồi thì dừng lại, ghì cương, mắt dõi theo. Tiếng chân, tiếng trống đồng, lừa đàn voi chạy theo một đường rừng định sẵn. Đàn voi đã chạy ủa đến một thung lũng đi theo con đường độc đạo đến một ngọn đồi, mà sang phía bên kia, con voi đầu đàn chắc chắn sẽ dẫn đàn voi đông đúc của nó thoát khỏi một cuộc bủa vây.

Con voi đầu đàn chạy dần nhanh lên... Những con voi con chạy luôn vào bụng những con voi mẹ. Những con voi mẹ lúc đầu tỏ ra lúng túng, quay lại chờ đám voi con... Những con cao bằng đầu người trở lên còn theo được đàn; những con bé hơn, rõ ràng ngậy thơ bỡ ngỡ và tụt lại phía sau... Chỉ chờ có thế, đội quân voi tham gia cuộc săn đã được các quân tượng giáng cho những búa mạnh và lung, dướn lên. Chúng bắt kịp những con voi con và chen vào khoảng cách giữa đàn voi lớn... Những con voi mẹ của ba con voi con ngoảnh lại chờ đàn con. Những thợ săn gan dạ đã xông lên... Trong ba con voi mẹ thì hai con, bỏ con để theo kịp đàn và một con voi mẹ có con voi nhỏ nhất, quá thương con quay lại...

Những tiếng công thúc đuổi, tiếng hú, tiếng hò lại nhất loạt vươn lên... Ba con voi trận khoẻ mạnh rướn cong vòi, vung lên phía trước, vây chặn không cho ba con voi con và con voi cái có thể đuổi theo đàn... Rồi mấy con voi sau cùng tiến lên, dàn hàng, khiến con

voi mẹ và đám voi con lúng túng không biết chạy lối nào cho thoát. Dân vây người cứ hò hét phía ngoài. Đám voi rừng đã chạy xa, xa lắm... Mấy con voi trận của trang Vạn Kiếp cứ dùng dưng, như đùa chơi, như dụ dỗ đàn voi rừng lỡ bước. Con voi cái cứ quăn quýt bên con voi con đẻ của mình. Hai con voi nhỏ kia lại quăn quýt bên hai mẹ con con voi nọ. Cả đoàn voi nhà, voi rừng, lấy vùi đập lên lưng, rờ lên tai làm quen với nhau. Tiếng hò vây im bật. Tiếng công chiêng đuổi tắt lịm. Chỉ thấy một vài vành đai người dồn lại, khẹp chặt cứng như một vách núi ngăn chặn phía sau... Giờ thì con voi trận đầu đàn, tung vùi tiến lên, con voi mẹ và ba con voi con đi giữa. Đám voi nhà dẫn dụ đám voi rừng về trang Vạn Kiếp... Các gia tướng, gia nô, mặt mày hớn hờ. Từng mảng vòng vây vỡ ra, ập lại những vuông người, mỗi vuông có một tướng cưỡi ngựa dẫn đầu, đi theo đàn voi săn chiến thắng trở về... Tiếng chiêng dẫn đường, dịu dàng thanh thoát ngân nga. Lại có tiếng nhạc vui cất lên từ đỉnh đồi, nơi Vua và Hưng Đạo Vương xem cuộc săn từ đầu đến cuối.

Vua nói:

- Cuộc săn thật tuyệt. Vương có đạo quân săn giỏi lắm.

Hưng Đạo Vương thưa:

- Đó chỉ là một đạo quân dùng cho một cuộc chơi thôi. Vào trận, còn nhiều việc phải làm lắm. Dám xin Đức vua, nán lại ít ngày để thần kính mong được Ngài ngự ngời coi xem thần điều khiển quân thủy bộ.

Hưng Đạo Vương gọi Phạm Ngũ Lão và Dã Tượng lên, bảo thuận phục nhanh những con voi vừa bắt được. Hai con voi nhỏ sẽ cho người dẫn lên kinh thành dâng Vua, hai mẹ con con voi thì để lại trang Vạn Kiếp.

Hai tướng thưa qua về việc nuôi dạy voi rồi lui ra...

Chàng trai làng Phù Ủng

Đất nước vừa bình xong giặc Nguyên Mông, các đại thần thi nhau lập phủ đệ ở Thăng Long, riêng Phạm Ngũ Lão thì chẳng chú ý gì đến việc sửa sang trang ấp, xây dựng dinh thự riêng cho mình cả.

Một bữa phu nhân⁽¹⁾ sang vấn an Hưng Đạo Đại Vương. Vương cho ngồi bên cạnh rồi hỏi:

- Chồng con đã giàu lên chưa?

Phu nhân thưa:

- Thưa cha, chồng con thì bao giờ mà giàu được!

- Quan Điện tiền tướng quân, nắm binh quyền trong tay, mà không giàu sang ư?

- Cha vẫn hay thử con thôi, cha làm gì chẳng biết tính nết của chồng con.

Hưng Đạo Vương cười lớn và nói:

- Con có một người chồng như thế là phúc lớn đấy!

Công chúa nói:

- Con chẳng thấy phúc đức đâu nhưng đám cưới con trai của một tước hầu mà chỉ bằng đám cưới một viên tri huyện xoàng, để gia nhân phải xì xầm thì cũng không nên!

⁽¹⁾ Vợ Phạm Ngũ Lão là Nguyên Công chúa, con nuôi của Hưng Đạo Vương.

Hung Đạo Vương lại cười:

- Tính nết Phạm Ngũ Lão là thế đấy. Cái mà chồng con mê là cầm quân chứ không phải là cầm vàng! Nhớ ngày cha gặp Ngũ Lão ở đầu làng Phù Ủng, đám quân đi qua, vẫn điềm nhiên đan sọt, đến nỗi bị lính đâm vào đùi! Cha gọi lên mới sực tỉnh. Hỏi đến việc quân tở ra rất am hiểu, do đó, cha mới thu nhận làm gia tướng, cho đứng đầu bọn Nguyễn Chế Nghĩa, Yết Kiêu, Dã Tượng... Sau này cha lại đem binh thư truyền cho. Chồng con cầm quân rất giỏi, đánh và giữ đều được. Nhưng ban vàng cho Ngũ Lão thì thà vứt xuống sông còn hơn.

Công chúa cũng vui, sung sướng nhìn Hưng Đạo Vương:

- Sao cha lại nói thế!

- Cha nói là có chứng cứ! Cha đã ban tiền bạc cho Ngũ Lão đấy chứ. Nhưng ra khỏi doanh gặp bạn ai cần là cho luôn chẳng giữ cho mình. Lại bạn đuổi đánh giặc Thát ở bên bến phà Rừng, quân giặc bỏ chạy, không kịp mang theo hòm xiềng vàng bạc, lựa là, găm vóc đem về nước. Ngũ Lão sai quân giữ nguyên, không tơ hào đến một mảnh lụa, đem nộp vào công khố. Thượng hoàng thưởng cho mười lạng vàng, hai tấm lụa, đều cho đổi ra bạc, ra vải thường, chia đều cho đám quân sĩ dưới trướng. Chồng'con không giàu sang vì của cải, nhưng lại giàu sang vì phúc phận đấy!

Công chúa được cha nuôi khen chồng mình cảm động rơm rớm nước mắt.

Phạm Ngũ Lão là tướng võ, song tính khí lại rất điềm đạm. Ông không hề ganh tị với ai. Năm Nhâm Tý, niên hiệu Hưng Long thứ hai mươi, Trần Anh Tông đem quân đi đánh Chiêm Thành. Chế Chí định mưu lấy lại Châu Thuận và Châu Hoá, vốn xưa là đất Ô Lý mà Chiêm Thành đã dâng khi Vua Chiêm lấy Công chúa Huyền Trân...

Vua cất quân làm ba đạo. Một đạo do Huệ Vũ Vương Quốc Chấn, lúc đó đang làm Tể tướng, chỉ huy. Một đạo do Nhân Huệ

Vương Trần Khánh Dư theo đường biển tiến đánh... Vua đem Phạm Ngũ Lão theo, gồm sáu quân thủy bộ cùng tiến. Đoàn Nhữ Hài được theo làm quân sư trong quân. Hài luôn tỏ ra mình là người am hiểu việc quân. Phạm Ngũ Lão mặc Hài quanh quần bên Vua. Chỉ lúc nào được hỏi đến mới nói. Ngũ Lão cầm quân, tiến rất qui củ, vừa lo bảo vệ Vua, vừa giữ sức quân, phòng khi dùng đến. Quân Chiêm biết thế quân Nam mạnh, có ý muốn hàng. Đoàn Nhữ Hài đón được ý đó trong quân, liền xin Vua cho viết thư dụ hàng. Nhân Chế Chí cho người là trại chủ Cầu Chiêm đem đồ sang cống, Hài tiếp và mật hẹn với trại chủ Cầu Chiêm, nên xui Chế Chí hàng. Chế Chí nghe theo, dẫn quân tới yết kiến Vua. Quân của Chí đi theo đường biển đang tiến đến.

Nhân Huệ Vương không biết mưu ngầm của Đoàn Nhữ Hài cho quân do tướng dưới trướng là Nguyễn Ngỗi đuổi đánh. Nhữ Hài sợ mưu mình không còn hiệu nghiệm liền cho người chạy sang cấp báo cho Anh Tông. Thư có ý nói Nhân Huệ Vương Trần Khánh Dư định tranh công của Đức vua. Anh Tông giận lắm triệu Nguyễn Ngỗi đến đem chặt ngón chân vì tội tự tiện hành sự không chờ lệnh Vua. Trần Khánh Dư vội đến ngự doanh tạ tội mà nói:

- Thần sợ Chế Chí đi giữa đường lại đổi bụng nên mới sai quân chặn hậu, cũng là để phối thuộc với đại quân thôi.

Vua quay sang Phạm Ngũ Lão hỏi:

- Người cầm quân bên cạnh Trẫm, thấy việc này thế nào?

Ngũ Lão tâu:

- Việc quân cẩn thận không thừa. Có điều Nguyễn Ngỗi bám đuổi địch không kín đáo, để lộ việc.

Trần Anh Tông bây giờ mới người giận không trách Trần Khánh Dư nữa. Đoàn Nhữ Hài từ đấy mới chịu thôi.

Chế Chí lúc đó quay ngoắt không muốn hàng, đem quân thủy bộ tụ tập lại định đánh vào ngự doanh. Quân voi của quân Chiêm

khá hung dữ. Cùng theo Vua đi thân chinh có con út của Trần Thái Tông là Minh Hiến Vương Trần Uất. Uất vốn được nuông chiều, lại cậy là bề trên của Vua, nên ăn nói không giữ gìn. Trong lúc quân Chiêm rập rình muốn đánh úp, Minh Hiến Vương cứ cười cợt nói ra điều không có lợi trong việc quân.

Một bận quan coi việc nuôi quân đi lĩnh gạo về, ít hẳn hơn mấy bữa trước, Trần Uất xuống xem việc cho quân ăn thế nào, buột miệng nói:

- Thế giặc khá to ở mặt trước. Nhân Huệ Vương từ lúc bị ngờ là tranh công không dám tiến công. Đức vua thì có ý chờ Huệ Vũ Vương phối hợp mới đánh. Nếu Huệ Vũ Vương không đến kịp thì cháo sẽ không có mà ăn!

Quân sĩ đồn đại trong quân đến tai Đức vua. Anh Tông giận lắm, đuổi ra ngoài dinh, ngủ ở ngoài đồng cấm không ai được thu nhận. Minh Hiến Vương cho người cầu cứu Phạm Ngũ Lão.

Minh Hiến Vương và Phạm Ngũ Lão tình nghĩa rất thân. Khi ở kinh đô, Vương tới thăm nhà Ngũ Lão như cơm bữa. Khi Vương về, ông đem quà biếu tặng, Trần Uất thích lắm. Có lúc thiếu tiền đánh bạc, Ngũ Lão đem cả vàng bạc cho, không tiếc gì! Có những bức tranh cổ, Ngũ Lão được người tặng vừa treo lên, Minh Hiến Vương khen đẹp, và hỏi luôn:

- Ông cho ta nhé!

Ngũ Lão tháo tranh tặng ngay cho Trần Uất. Minh Hiến Vương vì thế ngồi cùng, ăn cùng với Ngũ Lão, coi như bạn thiết... Có người không ưa Trần Uất nói đến tai Vua. Anh Tông gọi Phạm Ngũ Lão đến và nói:

- Minh Hiến Vương là Hoàng tử của Tổ hoàng, sao người khinh suất không giữ lễ?

Phạm Ngũ Lão vâng dạ lui ra... Minh Hiến Vương vẫn đến như xưa. Ngũ Lão giữ lễ, Trần Uất nói:

- Đã là bạn chí thiết thì còn thứ bậc gì nữa! Cứ giữ như cũ, ngồi cùng chiếu với ta.

Thấy Vương chân tình, Ngũ Lão lại ngồi cùng. Có kẻ lại thế thọt đến tai Vua. Anh Tông lại nhắc thêm một lần nữa. Minh Hiến Vương vẫn cứ đến! Ngũ Lão tiếp đãi rất ân cần như cũ, nhưng khi tiễn mới nói:

- Ân chúa chớ đến nhà tôi nữa! Kẻo Thánh thượng lại trách tôi!

Nhưng Minh Hiến Vương nhớ Ngũ Lão, vẫn cứ đến, và Ngũ Lão làm sao mà nỡ nói năng gì thêm.

Được tin Minh Hiến Vương bị đuổi ra khỏi quân doanh, Phạm Ngũ Lão nói:

- Sao Thánh thượng lại quá giận đến thế!

Rồi đi lại bồn chồn trong trướng không yên. Cuối cùng đích thân ông ra ngoài doanh trại đem Minh Hiến Vương về.

Vương quay lại hỏi Phạm Ngũ Lão:

- Ông dám trái lệnh Vua, không sợ tội ư?

Phạm Ngũ Lão lắc đầu, đưa Trần Uất vào trong quân giành chỗ tốt cho ngủ, đem rượu thịt ra đãi, gọi chư tướng đến nói:

- Thánh thượng giận, quả trách ân chúa và đuổi ra ngoài nội. Minh Hiến Vương phải chịu mệnh là biết tội rồi. Nếu để Hoàng tử ở đó, giặc cho quân đến bắt, rồi phao lên là bắt được quốc thích, bề trên của Vua nước Việt. Như thế kẻ cầm quân như ta chẳng bị xấu mặt ư, nào ai biết cho Minh Hiến Vương bị Hoàng thượng giận trách, đuổi đi. Phạm Ngũ Lão này đành chịu tội trái mệnh Vua, hơn là để cho giặc có lợi trong việc dụng binh!

Vua biết chuyện ấy nói với Đoàn Nhữ Hài:

- Cái tâm của Phạm Ngũ Lão sáng, ta làm sao bắt tội được!

Đoàn Nhữ Hài sai người cấp báo cho Huệ Vũ Vương Quốc Chấn, đem đạo quân từ núi tới, vừa đánh, quân Chiêm đã vỡ tan...

Trận này, Đoàn Nhữ Hài cho là công của mình cả. Có biết đâu, nếu không nhờ Quốc Chấn kịp kéo binh tới Phạm Ngũ Lão vững tin phía sau đã có Nhân Huệ Vương, phía trái có Huệ Vũ Vương, án binh chờ thời, khiến quân Chiêm tự biết không địch nổi mà tan. Trận ấy, Vua bắt được Chế Chí đem về kinh đô.

Phạm Ngũ Lão từ trận ấy, càng được tin cậy. Đến thời Trần Minh Tông được phong là Điện Súy Thượng tướng quân, oai vũ ra tận ngoài biên trấn, giặc ngoài rất sợ.

Ông luyện quân rất kỷ luật. Thường sau Tết Nguyên Đán, đích thân coi việc tập luyện ở sáu quân, nhất là quân cấm vệ. Trong lúc quân nhàn rỗi, ông rất thích đọc sách ngâm thơ. Ông thích những bài thơ hùng tráng. Có hôm mời các danh sĩ đến, bảo họ ngâm thơ cho nghe. Ai cũng mến ông chọn những bài thơ hay nhất ngâm tặng. Đến lúc vui, tiệc rượu ồn ào. Bên tướng võ xướng xuất ông múa kiếm, bên tướng văn hò xin ông ngâm thơ.

Ông đứng dậy ra giữa luống nhà, chống kiếm rồi ngâm vang bài thơ làm thuở còn hàn vi, giọng ấm mà sang sảng:

Hoành sáo giang sơn cấp kỷ thu

Tam quân tỳ hổ khí thôn Ngưu

Nam nhi vĩ liễu công danh trái

Tá thánh nhân gian thuyết Vũ Hầu

Vừa ngâm xong, thì bên ngoài có tiếng gọi to:

- Phạm tướng quân, bây giờ ta mới đến được đây. Để ta dịch cho.

Mọi người nhìn ra là Minh Hiến Vương Trần Uất. Phạm Ngũ Lão gọi rượu, Minh Hiến Vương uống cạn luôn ba chén, cầm lấy gương của Ngũ Lão múa rất đẹp rồi ngâm bài thơ dịch của mình:

Múa giáo non sông trải mấy thu,

Ba quân dũng mãnh át sao Ngưu

*Công danh thời trẻ chưa xong nợ,
Nên thẹn khi nghe chuyện Vũ Hầu*

Phạm Ngũ Lão vái tạ. Minh Hiến Vương trông thấy áo bào của Phạm Ngũ Lão rất đẹp liền khen:

- Thượng tướng quân có chiếc áo bào sang quá.

Phạm Ngũ Lão liền cởi áo khoác cho Minh Hiến Vương và nói:

- Phạm Ngũ Lão xin tặng ân chúa gọi là cảm ơn đã dịch bài thơ xoàng của tôi rất đạt và còn ngâm cho nghe!

Hai người cùng cười vang rót uống hết cả vò rượu!

1997

Bữa tiệc nhớ đời

Cung Vua đã tề tựu đông đủ các vương hầu. Đức vua từ trong cung bước ra, các quan đều đứng dậy tung hô: Vạn tuế! Thánh thượng vạn tuế. Vua nói:

- Miễn lễ! An toạ!

Vua đảo mắt nhìn các anh em thân thích có người đã từng theo Vua ông, Vua cha lăn lộn trong suốt ba lần đánh quân Nguyên - Mông, có người văn tài lừng danh cả nước, có người là bậc Thượng sĩ mà tất cả tăng ni, phật tử ở hoàng cung đều nể trọng về đạo, về đời. Vua cảm khái nói:

- Xin chúc mừng các bậc cha chú sức khoẻ dồi dào, trang ấp thịnh vượng. Chúc mừng anh em họ Trần ta ai cũng hào hoa phong độ!

- Vạn tuế!

Vua cười, cởi áo hoàng bào ra, ném cho một vệ sĩ và bước vào tiệc. Vua ngồi ở bàn giữa, cùng với các quý tộc cùng bằng vai với mình. Vua đưa tay ra hiệu cho rót rượu. Vua đứng dậy, tất cả đều đứng dậy theo. Vua nâng cốc.

Mọi người cũng đều nâng cốc. Vua nói:

- Đầu năm, quan gia chúc các bậc bề trên và anh em một năm mới thịnh vượng. Họ Trần ta từ ngày nắm vương quyền đã làm rạng rỡ núi sông, đất nước. Chẳng lẽ ta không có một ngày vui vẻ hay sao? Hôm nay rũ bỏ hết việc nghi lễ, các bậc cha bác anh em, hãy uống cho thật say...

- Vạn tuế...

- Lại vạn tuế rồi! Lại tung hô rồi! Bữa nay không dùng lời thiết triều kia mà. Ai thích ngồi với ai tìm nhau mà ngồi. Ai thích uống thì uống. Uống cho thoải sức, việc nước ngày mai lại lo. Nào cạn chén!

Tiếng reo ầm cả trong hoàng cung. Và người họ Trần chỉ chờ có thế.

Ở gian hoàng cung phía trái, Đức vua đã cho trải chiếu nệm, chân gấm đầy đủ. Ai thấy cuộc vui đã đủ thì sang bên ấy mà ngủ. Đó là ý nghĩ rất đôn hậu của Anh Tông. Ngài thêm khát tình chan hoà ruột thịt, thêm có một hóm bỏ áo Vua, sống như dân chúng, được vui trong cảnh hoà thuận giữa gia đình, gia tộc.

Đêm đó, ai uống cũng say. Ai cũng đến cùng chén với Vua, từ người già nhất đến người trẻ nhất, kể cả những người điềm tĩnh đức độ như Trần Quốc Chẩn, phong nhã như Trần Quang Triều, hoặc phóng khoáng mãnh liệt như Trần Khát Chân. Nhiều người vui quá đã nhảy ra giữa bàn tiệc múa gươm, nhiều người gục xuống bàn, nhiều người gọi thêm rượu, gõ bát vừa hát vừa uống, rượu trào rót ra cả áo bào quý.

Tiệc vui ồn ào đến quá nửa đêm, các vương hầu quý tộc ai cũng lão đảo. Họ bước sang phía trái hoàng cung, lăn vào những chiếc chiếu đã trải sẵn. Có người tỉnh còn kịp giở ra mà đắp, có người thì lăn mình xuống, ôm lấy người đã ngủ trước, không cần biết đó là ai. Có chiếu xô đông đến năm người, có chiếu, chân ở phía cuối lại bỏ trống vì không còn ai đủ sức đi đến đó nữa.

Vua cũng ôm một quý tộc mà ngủ đến sáng hôm sau mới thức dậy. Nhìn sang hoàng cung bên phải, quân hầu, lính ngự lâm đang thu dọn bàn tiệc, nhưng xem ra vẫn còn ngổn ngang lắm. Vua cầm lấy hoàng bào. Các vị uống nhiều vẫn còn ngủ say như chết. Những người tỉnh thì đã lấy mũ áo vội vã về nhà mình. Vua nhìn lại

mới thấy đêm tiệc hôm qua đâu được sự chan hoà vua tôi, họ hàng thân thích, nhưng không khỏi sa đà... Ngài hơi ân hận.

Chợt một cận thần đến bên Vua, thưa:

- Tâu Đức vua, Ngài Điều Ngự Thái thượng hoàng vừa đến đây!

Đức vua hốt hoảng, hỏi dồn:

- Cha ta đến lúc nào?

- Dạ, Ngài từ Thiên Trường đến rất bất ngờ. Ngài vào, quân hầu chưa kịp dọn. Mâm bát còn lỏng chỏng, rượu còn đổ lênh láng trên bàn, ghế chiếc xô chiếc ngã. Ngài giận lắm...

- Sao người không đánh thức ta dậy?

- Dạ. Thái thượng hoàng ngăn không cho!

- Cha ta đâu rồi?

- Ngài đã bỏ về Thiên Trường.

Vua Anh Tông thân người ra một lúc, rồi nói: Người đi ngay với ta! Hai thầy trò theo cửa Hoa Ngự, đi ngược ra Văn Miếu. Lúc bấy giờ còn sớm, học trò tập văn còn đang đứng đợi ở phía cổng. Cổng Quốc Tử Giám còn chưa mở. Đức vua đưa mắt lùng tìm. Chợt Ngài thấy một người học trò trán vuông, mắt sáng, mặt vuông, trông thần thái rất đĩnh đạc. Nhà vua hỏi:

- Nhà người tên gì?

Người học trò tỏ khó chịu vì câu hỏi đột ngột và thiếu lễ độ, nhưng đã nhận ra đó là một bậc vương giả. Anh ta vội thưa:

- Dạ, tôi là Đoàn Nhữ Hài.

- Có biết làm văn tạ tội không?

Chưa hiểu đầu đuôi ra sao, tưởng là người đứng trước mặt mình đùa trêu, Hài nói:

- Văn gì tôi cũng làm được.

- Vậy thì đi theo ta.

Đức vua hồi hã ném cho Đoàn Nhữ Hài chiếc áo choàng rồi giục:

- Mặc vào, nhanh chân lên!

Hài không hiểu mờ tớp ra sao, cuống quýt đi theo. Ra đến bến Đông Bộ Đầu, thấy người đem mình đi theo gọi gì được nấy, phong độ rất đường hoàng, Hài đã nghĩ có lẽ đây là Nhà vua, nhưng chưa dám hỏi.

Trần Anh Tông chọn một khinh thuyền và đem theo một đội thuyền ba chiếc. Một Hiệu úy đi trước, thuyền Vua đi thứ hai... Xuôi dòng, xuôi gió, thuyền đi rất nhanh, non trưa đã đến Thiên Trường. Vua thưởng cho các tay chèo, rồi lấy ngựa, mấy thày trò vội vàng vào hầu Thái thượng hoàng. Đọc đường đi, Vua đã nói hết chuyện cho Đoàn Nhữ Hài nghe và bảo làm một bài văn. Hài vâng mệnh soạn ngay. Thuyền đến nửa đường thì văn cũng soạn xong. Vua bảo đọc cho nghe. Hài đọc:

"Thăng Long ngày mồng ba, tháng Mạnh Xuân, Thần tử Thuyên dâng thư lên Thái thượng hoàng kính lăm.

Đứa con có tội, quá vui trong ngày xuân đến nỗi Vua cha đến, không biết ra mà đón, thật đáng quở trách. Vua cha giận bỏ về, khiến con càng thêm ân hận. Lỗi lớn đã tự biết, lòng ăn năn xám hối khôn cùng, chỉ biết ngửa tay xin bề trên đoái thương, lấy tình cha con mà xá tội cho, từ nay, con không dám thế nữa! Con sợ hãi lạy quỳ, pháp phủng chờ lời bề trên răn bảo".

Nghe đến đây, Vua bảo thêm vào cho ta một đoạn ý rằng nếu có bị Vua cha đánh đòn cũng xin chịu. Đoàn Nhữ Hài thưa:

- Tâu Thánh thượng, dẫu sao thì Ngài vẫn đang làm Vua, lời lẽ không thể quá dân dã được.

Vua nghĩ ngợi một lát rồi nói:

- Thì người nghĩ thế nào cho cha ta hả giận thì cứ viết.

Đoàn Nhữ Hải cầm cúi sửa rồi đọc tiếp:

"Về nghĩa cha con, kẻ dắc tội đáng bị phạt đòn, nhưng nghĩ xin Vua cha thương tình tuổi trẻ, đại xá ngàn lần, từ bi hỉ xả... Con là Thuyên, kẻ biết tội tầy đình mong được đoái thương.

Kính lạy".

Đức vua và Đoàn Nhữ Hải đi quanh vườn quất đã vào đến trong sân. Tuy trời mùa xuân, nhưng bữa nay nắng ấm, quân hầu vào báo cho Thượng hoàng Trần Nhân Tông biết. Vua cha còn đang giận cho đóng sầm cửa lại không tiếp. Biết tội mình quá nặng, đã vượt qua phép tắc của triều đình, ý tốt nhưng lại buông thả quá mức, Vua Anh Tông quay mặt vào trong cửa quỳ xuống. Đoàn Nhữ Hải và đám cận vệ cũng quỳ theo. Quỳ đến nửa giờ, cửa vẫn không mở. Vua vẫn quỳ, dâng thư tạ tội lên đầu. Ở phía trên lầu, Thượng hoàng nhìn xuống thấy Vua chân tình, lòng cũng thương xót muốn xuống đỡ dậy gọi vào răn bảo. Nhưng không biết thế nào ngài lại thôi, rồi cho người xuống bảo Nhà vua:

- Thượng hoàng truyền: Vua dẫu tội thì cũng không phải quỳ.

Truyền lệnh xong, người hầu lại lui vào.

Đức vua đứng dậy, nhưng nghĩ thế nào lại đứng ra sân quỳ tiếp, tay dâng thư tạ tội lên đầu.

Thượng hoàng vẫn chăm chú theo dõi, lại cho người truyền vọng xuống:

- Thượng hoàng truyền: Nhà vua dẫu có tội, vẫn không phải quỳ, có thể cho người quỳ thay dâng thư tạ tội.

Vua ngửa mặt lên:

- Thưa cha, đây là con tạ lỗi với cha. Con xin được quỳ dâng thư lên Người.

Thượng hoàng im lặng một lúc! Vua vẫn quỳ. Ngài thương lắm, lại cho người truyền lệnh xuống:

- Tuy là con nhưng vẫn đang làm Hoàng đế. Phải biết giữ phép nước.

Vua Anh Tông nghe rõ, lạy ba lạy hai vái, rồi lùi xuống trao thư tạ tội cho Đoàn Nhữ Hài dâng lên đầu, rồi chấp tay đứng sang bên chờ được gọi.

Thấy Vua vừa có tình, vừa biết lễ, Thượng hoàng vẫn chưa gọi lên. Đoàn Nhữ Hài quỳ đã ẽ ả cả hai đầu gối, tưởng như sắp quy xuống, nhưng vì cảm nghĩa Vua, lại thấy mình là gã học trò mặt trắng mà được ân sủng đặc biệt, nên cố giữ lễ. Hài quỳ người thẳng tắp, tay trân trọng dâng thư lên đỉnh đầu. Hai giờ sau, cửa mở, Thượng hoàng cho vời Anh Tông và cầm lấy thư tạ tội. Vua cha đọc xong, quay mặt lại nói:

- Kẻ đã biết tội ta không nỡ chấp. Nay Thuyên, con phải biết rằng nếu con không đủ đức độ làm vua, ta còn nhiều đứa con giỏi khác nữa có thể thay con đấy! Thôi cho lui...

Anh Tông mừng quá, chạy đến ôm gối Thượng hoàng oà khóc. Nhân Tông cảm động lắm, nhưng sợ con lại chưa nhận ra hết tội liên ban:

- Hãy thưởng cho lũ người trung hậu biết theo Vua tạ tội kia. Người dâng thư cùng người là ai thế?

- Tâu Vua cha, đó là học trò Quốc Tử Giám, tên gọi là Đoàn Nhữ Hài.

Vua cho gọi lên an ủi. Rồi hỏi các chuyện sách vở chữ nghĩa, phép tắc làm dân giàu nước mạnh. Đoàn Nhữ Hài đều ứng đối rất hoạt bát, có chính kiến.

Vua cha giữ lại một đêm. Ngồi lại nhân từ như chưa hề là người đã trừng phạt con. Sớm hôm sau, Anh Tông lạy Vua cha xin về triều. Thượng hoàng tiễn con đến tận bến sông, kéo Vua đứng riêng ra rồi nói:

- Đoàn Nhữ Hài tuy chưa đỗ đạt, nhưng là người có chí, lại hết lòng với con, người này sau này dùng được, con nên lưu ý.

- Con xin ghi lòng!

- Nhưng cứ để cho anh ta học hành thi cử như mọi người, sau đó hãy bỏ dụng, kéo triều đình lại cho là thiên vị. Con thấy thế nào?

Cảm động về đức lớn của Vua cha, Anh Tông chỉ còn biết thưa:

- Con biết tội lớn quá, lại được cha tha thứ, yêu thương như cũ. Cha dạy con một điều, mà con sáng lòng sáng dạ nhìn được muôn việc khác!

Thượng hoàng rất đẹp lòng, giọng bùi ngùi nói:

- Thôi con về ngay đi, kéo quần thần trông đợi.

Vua xuống thuyền còn bồi hồi lưu luyến, nhìn theo mãi bóng Vua cha đứng trên bờ dốc trông theo.

1993

Chiều văn Đồng Tử

Buổi chiều hôm ấy khác thường. Trần Nhân Tông vừa xuống chiếu phủ dụ Trần Di Ái sang sứ nhà Nguyên. Lê Mục và Lê Trần được cử đi cùng sứ bộ. Quan Hoàng môn thị lang đi theo Vua định hô bãi châu, thì Tể tướng bước lên phủ phục tâu việc cơ mật. Vua nghe xong không về hoàng cung, mà tức tốc đi kiệu đến phủ Chiêu Văn Vương Trần Nhật Duật.

Nghe tin Đức vua đến, Duật vội ra đón. Vua ân cần hỏi:

- Vương bửu trước can không nên cử Trần Di Ái đi sứ mà nên cử người khác là có ý tứ gì?

- Tâu Hoàng thượng, thần cho rằng Di Ái ngoài miệng thì có vẻ hết lòng vì việc nước, nhưng lại hay liện kết với người ngoại bang. Trong phủ trung bày của lạ, cổng sau rộng mở đón bọn khách thương từ Phúc Kiến, Quảng Đông tới. Nhà Nguyên thì mộng bá chủ phương Nam như lửa rục trong lò. Cho một kẻ tham đi sứ, sang một cường quốc đầy tham vọng, e không được việc. Bởi thế mà thần dâng sớ can Vua.

Nhân Tông ân cần nói:

- Nhà Nguyên vừa thôn tính nhà Tống. Vụ Vua Tống và Tể tướng Lục Tú Phu nhảy xuống biển cùng chết một ngày, Vua tôi hầu thiếp tự vẫn hàng ngàn người, khiến trời đất sầm tối. Đó là việc động tâm. Nhà Nguyên đang hăm mình. Một viên sứ như Sài Thung mà coi thường cả một vương triều nước láng giềng, sự ngạo mạn

của họ ai mà không tức. Nhưng họ là nước lớn, ta thì bé. Lớn bé mà dùng uy để nuốt nhau thì gây hoạ muôn đời, hoạ binh đao chỉ khổ cho binh lính và thần dân của cả hai nước. Nước ta cố kiên trì hoà hiếu. Nếu họ nghe là điều hay. Còn như họ tính chuyện thôn tính, thì ta cũng có thời gian để lo việc bảo vệ đất nước. Trần Di Ái được cử đi chính là vì lẽ ấy...

Trần Nhật Duật lặng im không nói, người nhà dâng Vua ngự tầu. Vua uống một chén, cắn một trái đào, phong độ rất ung dung, cười nói:

- Bây giờ có một việc khó hơn, phi vương không ai đi nổi đây!

Ngài Duật chăm chú nghe Vua truyền:

- Trịnh Giác Mật ở Đà Giang nổi loạn. Ta nghĩ đến phủ đệ của Vương ở gần kề với những người Mán, người Mường. Vương biết tiếng họ, am hiểu phong tục, nhất là lại yêu mến họ, chắc là việc xong. Vương nghĩ thế nào?

Trần Nhật Duật thấy Vua trẻ mà rất sáng suốt trong công việc lúc mới lên ngôi, lòng rất mừng và cảm động lắm, liền tâu:

- Ngài ngự đã đem hết lòng tin, Duật này đâu dám không nhận.

- Ta rất tin những người dân ở thượng du. Họ thuần phác trung hậu. Việc dấy loạn chẳng qua là đám quan lang muốn mở mang đất đai nên dấy loạn. Vả lại Đà Giang đất rất rộng, lại kế tiếp Vân Nam, nếu lòng dân không thuần phục, sau này giặc Nguyên sang, ắt có nhiều điều bất lợi. Vậy Vương nên cần thu xếp lo việc này. Nên gấp Trịnh Giác Mật ngay. Tối nay ta sẽ cùng Tể tướng viết chỉ dụ cho Trịnh Giác Mật để Vương mang theo và mang quà cho Mật nữa.

Mật Vua bỗng trở nên lo lắng:

- Dù sao đây là dán thân vào hang cọp. Nếu có chuyện gì xảy ra với Vương, ta biết ăn nói thế nào với Hoàng tộc? Vương có cần

những mãnh tướng đi theo hộ vệ và có cần đem vài trăm ngự lâm đi cùng chăng?

- Cảm ơn Hoàng thượng đã chu đáo lo cho Nhật Duật này. Nhưng thần nghĩ triều đình có thiện chí, Nhật Duật cố đem lòng nhân hậu của Vua đến với Trịnh Giác Mật. Người Dao vốn thích sự trung hậu thì cử chỉ ấy còn bằng mười mãnh tướng và hàng ngàn ngự lâm quân...

Vua cảm động lắm, ân cần nắm tay Trần Nhật Duật lắc lắc, rất hài lòng:

- Chúc Chiêu Văn Vương thượng lộ bình an. Ta chờ tin lành ở các buổi châu sau này...

Trịnh Giác Mật nghe tin Chiêu Văn Vương Trần Nhật Duật sẽ đến thăm mình. Mật hỏi tùy tướng và quân sư người Kinh:

- Chiêu Văn Vương là người như thế nào?

Quân sư nói:

- Đó là người lấy tình nghĩa làm lẽ sống, lấy thành thực để giao lưu. Người ấy hiện là chú của vua nhà Trần, thông hiểu kinh sử, được trị nhậm ở miền thượng du.

- Quân sĩ của ông ta thế nào?

- Quân sĩ của Chiêu Văn yêu tướng như con yêu cha, được kèm cặp chu đáo. Họ có thể đánh trận dàn hàng, cũng có thể một mình chấp cả một đám đông phục kích. Họ thuộc địa hình sông núi, nơi hiểm trở nhất cũng mò tới được. Quân thủy giỏi về sông nước. Họ ở đâu, kỷ luật nghiêm minh không tơ hào cây kim sợi chỉ của dân.

Trịnh Giác Mật thở dài. Quân sư lại nói thêm:

- Chiêu Văn Vương là con yêu của Trần Thái Tông. Khi sinh ra ở trên vai có chữ Chiêu Văn Đồng Tử. Vua Trần cho là người trên trời đầu thai xuống làm con, Nhà vua rất yêu quý Chiêu Văn.

Hơn mười tuổi đã thuộc lòng kinh sử. Hiện nay ông ta có thể nói chuyện bằng tiếng Dao mà không cần thông dịch.

Trịnh Giác Mật hỏi:

- Ta nghe nhà Trần cướp ngôi nhà Lý. Trần Thủ Độ rất xảo trá thâm hiểm, những người như thế có kết thân được không?

Quân sư nói:

- Chuyện giành giật ngôi báu là chuyện muôn đời của các triều đại, Trung Hoa là nước lớn cũng thế thôi. Nếu như nhà Hán không thay nhà Tần thì dân chúng còn khổ nhiều. Chỉ biết rằng Thái Tông vừa lên ngôi đã đánh đuổi được Ngột Lương Hợp Thai, giữ vững non sông đất nước. Tướng võ như Lê Phụ Trần, người ngoại tộc mà rất tin dùng. Các văn tài trong nước đều qua thi cử được lựa chọn. Lòng dân xì xào một độ, nay các lộ, trấn đều quy phục. Đó là một sự thật chắc chắn chủ tướng cũng chưa biết.

Mật nói:

- Được, để ta xem!

Mật truyền cho một trăm quân bộ dàn hàng, đóng khố, ở trên, đội mũ lông chim. Nếu thấy Trần Nhật Duật đi qua thì đều chĩa giáo về phía trước, chỉ để một lối đủ cho một người đi lọt. Một trăm tay cung thủ, lấy những cây cung cứng, khi phái bộ nhà Trần tới thì giương hết cánh cung, lấp sẵn tên, chỉ chờ một lệnh nhỏ là có thể bật thẳng vào người. Ở trước sào còn cho đứng sáu thớt voi, nếu có lệnh sẵn sàng bỏ tới phái bộ mà giày xéo.

Được tin Trịnh Giác Mật nhận lời, Trần Nhật Duật mặc áo, xỏ chân vào hia, lên ngựa đi ngay. Ông chỉ đem theo năm sáu người tùy tùng, và trong người không giắt theo một tác sất. Tướng sĩ có người can gián, khuyên ông vào hang cọp cần phải cẩn trọng, ông cười bảo:

- Các ngươi yên tâm. Ta đã bấm độn rồi. Bữa nay diễm lành đến ban sớm. Người không thấy chim hót riu ran trước nhà, như mời ta sớm lên đường ư?

Rồi cho người đặt lên mình ngựa một mâm bạc, những tấm gấm đẹp nhất của triều đình để tặng Trịnh Giác Mật.

Khi đến nơi, ông thấy giáo gươm cung tên tua tủa, gương mặt vẫn diễm nhiên thơ thới. Ông đi trước, dẫn theo người và quà tặng. Khi đi qua đám người đàng đàng sát khí, ông coi họ như cây cối bên đường. Ông buộc ngựa dưới nhà sán, lấy mâm sơn son thiếp vàng, trân trọng đặt quà tặng, sai người đem theo rồi bước vào nơi Trịnh Giác Mật đang chờ. Ông nói lớn:

- Kính chào Trịnh đại nhân, Chiêu Văn tôi xin được yết kiến.

Trong lòng Trịnh Giác Mật đã đầy cảm kích. Trần Nhật Duật nói thêm bằng tiếng Dao, sau khi đã trao quà tặng của Nhà vua:

- Người Dao mình có nói: Núi bạc trắng không bằng một người bạn hiền. Tôi hôm nay đi tìm bạn hiền đây. Chẳng biết lòng bạn thế nào?

Nghe đến đây, Mật không còn yên chỗ nữa, nhảy xuống sán ôm lấy Duật mà nói:

- Ông là chú của Nhà vua, quyền cao chức trọng, đến với Mật, một hào phú ở xó rừng, nói tiếng của Mật, rủ Mật làm anh em. Xin bỏ qua những điều nhìn thấy vừa qua. Bây giờ là việc uống rượu với nhau thôi!

Tuỳ tùng biết ý liền từ trong nhà đổ ra... Chiêng trống nổi lên. Rượu hàng vò bày giữa buồng nhà, bát lớn bát nhỏ đặt thành hai dãy. Khách và chủ vui dặt nhau vào bàn tiệc. Rượu ngon đã rót. Nhật Duật theo phong tục, ăn bằng tay, uống một hơi, như người Dao, rồi dùng tiếng Dao trò chuyện với những người xung quanh như người thân mới đi xa về. Đêm ấy thật là vui! Trần Nhật Duật lại đứng dậy tung áo cùng nhảy múa với Trịnh Giác Mật. Mật vui suốt đêm rồi kéo Duật vào góc sán, nằm trên đệm ngủ, cùng đắp chung một chăn.

Hôm sau, Trần Nhật Duật trao chỉ dụ cho Mật. Mật đọc xong, nói:

- Tôi nhìn Chiêu Văn biết cả triều đình nhà Trần. Vương triều như vậy sao lại không thuận phục được.

Nói rồi, đem một thốt voi, mười con ngựa chiến, một sừng tê giác, cho con trai út theo Trần Nhật Duật về triều xin theo nhà Trần.

Vua Trần Nhân Tông hết lời khen Trần Nhật Duật. Duật cho con trai Mật ở ngay vương phủ của mình, gọi thầy đến dạy học, cung phụng mọi thứ như con một đại vương hầu, lại thông tin cho Mật biết những điều tiến bộ của con trai, Mật yên tâm lắm.

Một bữa, đích thân Mật về châu Vua. Chiêu Văn Vương đang tiếp sứ thần của Chiêm Thành, nghe tin Mật đến, liền xin lỗi sứ thần ra tận cổng đón rồi dắt vào giới thiệu với khách như thể Mật là em ruột của mình. Mật cảm động lắm.

Kịp đến lúc quân Nguyên kéo sang, Chiêu Văn Vương sai quân lính đưa con trai Mật từ kinh thành về tận Đà Giang thật chu đáo... Vì thế cha con Trịnh Giác Mật mấy đời đều hết lòng với nhà Trần.

Vua Anh Tông hiếm con, đến năm Canh Tý sinh được Hoàng tử Mạnh, mừng lắm. Quan hầu cận tâu:

- Tôi nghe người nhiều con có lộc trời, người ấy nuôi Hoàng tử làm con mình, chắc sẽ có nhiều điều tốt lành hơn là nuôi ở hoàng cung. Dân gian cũng có tục "bán con vào cửa Phật và đưa con vào làm con nhà khác" là như thế!

Anh Tông hỏi Thái hậu, Thái hậu nói:

- Công chúa Thụy Bảo là người phúc hậu, Uy Túc Vương, chồng của Công chúa là người học rộng, gửi Hoàng tử vào cửa ấy được đấy.

Công chúa Thụy Bảo được Thái hậu gọi đến, liền thưa:

- Thừa Thái hậu, việc chăm sóc Hoàng tử giao cho tôi thật là vinh hạnh. Song năm nay là năm hạn của tôi, chỉ bằng Thái hậu giao cho Chiêu Văn Vương. Ông ấy là người trời giáng xuống trần, hẳn là có nhiều ân phúc.

Và Chiêu Văn Vương bèn nhận. Vua cho người đem vàng bạc, châu báu cho Trần Nhật Duật, Nhật Duật cười mà nói:

- Hoàng tử là con Vua, là điều trông cậy của Hoàng tộc sau này, đó là trách nhiệm chung của mọi người. Huống chi ta lại được giao cho trọng trách ấy, sao chẳng lo hoàn thành chu đáo. Vả lại, Hoàng tử "bán" vào cửa nhà ta, là con ta, thì ta phải nuôi chứ, Hoàng thượng ban vàng bạc làm gì.

Nói rồi dăng sớ nói rõ điều ấy. Tuy Mạnh là vai chắt song nuôi Mạnh, Chiêu Văn Vương coi Mạnh như con đẻ của mình, lòng rất yêu thương. Các con Duật là Thánh Nỗ, Thánh An nên Mạnh cũng có tên là Thánh Linh... Thánh Linh gọi cha đẻ (tức Anh Tông) bằng anh và xưng bằng em... Chiêu Văn Vương dạy Thánh Linh nghiêm khắc như cha đẻ, khiến Hoàng tử Mạnh chịu nhiều ảnh hưởng của ông. Lên năm, Hoàng tử đã thông tuệ khác thường, học một biết mười. Anh Tông mừng lắm, thỉnh thoảng nhớ con, Nhà vua lại đến nhà Trần Nhật Duật chơi và thăm con đẻ, cho đến lúc trưởng thành mới đón về.

Bấy giờ vương phủ Chiêu Văn Vương đã giàu có lắm. Ông là người cao tuổi nhất của hoàng tộc, danh vọng cũng lớn. Đức vua là con nuôi của ông, Tể tướng là kẻ hậu sinh, là cháu ông, vì thế cậy tiếng chủ, đám gia nô ở nhà ông hay tranh đua hơn kém, mua tranh bán cướp ở cửa hàng, ở chợ. Chiêu Văn biết bực lắm, đều quở mắng, nói nhẹ, nếu làm điều quá quắt thì đánh đòn giam trong nhà, hoặc đuổi về quê.

Một lần, Nhật Duật đậu thuyền ở bến Đông Bộ, lên nhà một người bạn chơi. Thuyền của ông đậu ở cạnh thuyền của Tể tướng. Mấy tên gia nô bảo phải đậu xuống phía dưới, gia nô của Trần Nhật Duật bị mắng. Hắn cãi lại, có đứa hung hăng, xông lại đánh. Đám gia nô làm âm lên, chạy vào mách. Lúc đó Trần Nhật Duật đang đánh cờ, ông không thay đổi nét mặt, chỉ quay lại hỏi:

- Nó có chết không?

- Dạ bẩm, chỉ bị thương thôi ạ!

- Bị thương thôi thì mách làm gì?

Rồi xua người nhà về, vẫn nói chuyện, đánh cờ với khách, coi như không có chuyện gì. Lần ấy Tể tướng xin lỗi ông, ông cũng không nói lại sợ người nhà nhân đó lại gây chuyện khác. Lại một bận đang ngồi trong phủ, thấy bên đình Tể tướng sai gia đồng đến bắt một thị tỳ của ông. Người nhà trông thấy rất khó chịu, ngăn ngay từ ngõ không cho vào. Ông nghe thấy, xốc áo đi ra... Gia đồng kính cẩn vái chào ông. Ông hỏi:

- Có việc gì vậy?

- Dạ, ngài Tể tướng của con nhận được đơn kiện một gia tỳ ở nhà ngài, cho con đến bắt.

- Lệnh bắt đâu?

Gia đồng dâng lên. Ông đọc thấy ả thị tỳ dính đến vụ giúp người nhà tranh lán đất đai, để xảy ra ẩu đả chết người. Bên nguyên đơn phát đơn kiện. Ông đọc xong, cho phép vào bắt.

Phu nhân thấy vậy trách ông:

- Triều Trần này, phủ Chiêu Văn là bất khả xâm phạm, sao ông cứ ân nghĩa nhu nhược, người ta nhờn chộ!

Ông nghiêm giọng trả lời:

- Triều đình trọng ta thì ta phải giữ cho đúng phép nước. Nếu như người nhà ta không có tội, không dính líu gì đến chuyện kiện tụng thì lo gì người ta buộc tội được. Nếu như có tội thật, ta làm sao bênh được việc phạm pháp ấy! Cứ để cho gia đồng của Tể tướng đem đi...

Phu nhân chịu không nói được lời nào...

Năm sáu năm tuổi, Chiêu Văn Vương bị ốm một trận rất nặng. Phu nhân cho lập đàn chay cầu nguyện Thần Phật cho tai qua nạn khỏi. Một hôm, ông đang nằm, bỗng thấy có hai vị thiên sứ đến nói:

- Chiêu Văn Đồng Tử lên trời có việc.

Ông thấy mình bay tít lên chín tầng, lạc vào cảnh cung điện nguy nga, đàn sáo du dương, réo rắt lắm. Đi qua mấy tầng cung điện, đến điện Ngọc Hoàng. Ông nhìn lên, Tiên Phật rất đông. Chỗ nào cũng kín cả, chỉ có một chỗ của Chiêu Văn Đồng Tử là vẫn trống. Ngọc Hoàng hỏi:

- Chiêu Văn Đồng Tử hết hạn đầy xuống trần gian trở về đây ư?

Ông còn nửa tỉnh nửa mê chưa đáp được câu nào thì Ngọc Hoàng cười mà nói đùa:

- Nhà ngươi ở dưới đây thế nào, có vui bằng ở trên trời không?

Chiêu Văn ôn tồn thưa:

- Tàu Thượng đế, dưới trần "thủy, hỏa, đạo, tặc" lúc nào cũng có, làm sao mà nhàn được. Lại "sinh, lão, bệnh, tử", bám riết một đời, nếu không giỏi, khéo, chỉ có mà khổ thôi.

Ngọc Hoàng lại cười hỏi tiếp:

- Nhà ngươi làm con Thái Tông, chúc đến tước vương, sau này lại có công đánh dẹp, nuôi con cho Anh Tông, giàu sang như thế khổ cái nỗi gì?

Nhật Duật thưa:

- Thưa Thượng đế, ở dưới trần người nghèo có cái khổ của người nghèo, người giàu có cái khổ của người giàu, đã gọi là kiếp trầm luân thì ai cũng khổ cả!

Phật tổ Như Lai và Quan Thế Âm Bồ Tát nghe Chiêu Văn Vương trả lời như thế đều gật gù tâm đắc. Ngọc Hoàng thấy thế lại hỏi:

- Nếu ta cho ngươi sống thêm một giáp nữa, ngươi nghĩ thế nào?

Chiêu Văn Vương nghĩ một hồi rồi nói:

- Thần xin nhận.

Phật tổ Như Lai cười to hỏi:

- Sao khổ mà Chiêu Văn Vương vẫn xin xuống trần?

- Thưa Phật Tổ, bởi có đau khổ, có lăn lộn trong đủ mọi điều mới thấy quý một phút thanh thoi sung sướng!

Ngọc Hoàng lấy tay phẩy vào mặt Chiêu Văn một cái. Ông tỉnh dậy. Phu nhân mừng quá gọi mọi người tới.

Ông hỏi:

- Ta làm sao vậy?

Phu nhân thưa:

- Đại vương chết đã được đúng một ngày, nhưng thần sắc vẫn tươi đẹp, thiếp không dám cho phát tang... May quá, Vương lại tỉnh.

Ông không nói gì.

Từ bận ấy, ông ít tham gia việc triều chính mà thường tìm bạn đàm đạo triết lý của đạo thiền, vẻ đẹp của văn chương. Ông lại sành âm điệu, đặt ra những tiết tấu, điệu nhạc mới cho người đến hát. Nhà lúc nào cũng rộng mở, văn nhân, mặc khách ra vào rầm rập. Tể tướng Quốc Chấn có lần đến hỏi việc nước, ông nói:

- Ông già hơn bảy mươi tuổi này, Quốc phụ hỏi làm gì? Triều đình bây giờ văn thần, vũ tướng đầy triều, người giỏi thì nhiều, công việc thì ít, thì cứ gì phải bày biện hỏi các vị quốc lão cho mất công mất việc của ngài. ...

Quốc Chấn chưa biết nói thế nào thì ông đã cầm lấy tay, cười mà nói:

- Gần trọn một đời lo toan từ việc lớn đến việc nhỏ. Còn ít năm ở cõi trần nữa, ta cố làm tiên ở ngay hạ giới xem sao! Này, Quốc phụ, ông thử dừng lại nghe một con hoạ mi hót chào ban mai xem.

Quốc Chấn lắng nghe. Ngoài vườn hoa của Chiêu Văn Vương quả có tiếng hoa mi đang hát. Điệu hát thanh tao, róc rắt, trong buổi sáng đẹp trời. Ông cũng ngáy người ra mà nghe.

Vừa lúc đó Nhật Duật rót mời Tể tướng một ly rượu bồ đào. Người nhà bày một đĩa đào vừa được người huyện Thu Vật, nơi nổi tiếng đào ngon đưa đến biếu. Hương hoa, hương quả thơm dịu, tiếng chim, vãn lạnh lớt ngoài vườn. Tể tướng cảm thấy Chiêu Văn Vương quả là một người lão thực.

Chủ tướng Vân Đồn

Trần Khánh Dư thất trận ở cửa An Bang, cùng Chu Thục gom hết thuyền, binh ngược trở lại phía Vân Đồn...

Ô Mã Nhi đánh thắng Trần Khánh Dư ở An Bang, nóng ruột về hội quân với Thoát Hoan, Áo Lỗ Xích ở Lục Đầu, nên đốc toàn lực, ngày đêm theo sông Bạch Đằng tiến sâu vào Vạn Kiếp.

Tin Trần Khánh Dư thất trận, khiến Thượng hoàng, và Nhân Tôn giận lắm. Vua bèn sai một viên Trung sứ họ Đỗ, đi ngang tìm Khánh Dư ở Vân Đồn, điệu về triều, để hỏi tội.

Đỗ Trung sứ đi thuyền từ Long Hưng, qua cửa Văn Úc, giong buồm nương gió, đuổi theo tìm tung tích của Khánh Dư và gặp Dư kiểm điểm thuyền bè quân lương ở Cửa Lục.

Trần Khánh Dư được Đỗ Trung sứ bắt bày hương án để nghe chiếu chỉ triệu hồi về kinh hỏi tội. Dư nghe xong, lạy hai lạy, điềm nhiên mời Trung sứ vào trong lều chỉ huy mà nói:

- Tôi đem quân đánh giặc cũng muốn mong lập công dâng lên Vua mà thôi. Chẳng may thua trận đầu, giảm mất nhuệ khí của quân sĩ. Lấy quân pháp mà xử, tôi xin chịu tội, nhưng xin khất dăm ba ngày để mưu lập công, rồi xin để Trung sứ xiềng về châu Đức vua, chịu tội cũng chưa muộn.

Đỗ Trung sứ nghe theo, chờ Khánh Dư xem thực hư ra sao.

Khánh Dư cho người tức tốc đi bắt liên lạc với Phùng đảo chủ, dò xét xem thuyền lương của Trương Văn Hổ, tiến đến đâu

rồi? Vừa hay phó tướng của Phùng ở Đồ Sơn về báo việc cơ mật. Khánh Dư cho mời vào ngay.

Viên phó tướng nói:

- Thuyền lương của Trương Văn Hổ chia làm ba toán, toán chủ lực, gồm ba mươi thuyền lớn, bắt đầu rời Quỳnh Châu, từ biển Trung Hoa đang tiến vào địa giới Vân Đồn... Toán thứ hai và thứ ba thì do các tướng Nguyên là Phí Cung Thìn và Từ Khánh chỉ huy đang tiếp tục đi sau.

Trần Khánh Dư liền gọi Chu Thực lên ngay để bàn việc.

Khánh Dư nói:

- Trương Văn Hổ vốn là một tên giặc biển tính phóng túng, hành quân không theo những quy củ nghiêm ngặt như các tướng Nguyên Mông Ô Mã Nhi, Phàn Tiếp. Đó là chỗ mà ta có thể dùng kỳ binh mà đánh được.

Chu Thực nói:

- Thuyền bè đã bị vỡ nát một nửa, số quân sĩ cũng thế, làm thế nào mà thắng nhanh được. Vả lại nếu như quân Ô Mã Nhi thấy ta đánh chặn thuyền lương, chúng cho người ứng cứu thì sao?

Khánh Dư bảo:

- Phàm Đại tướng cầm quân, có lúc phải cẩn thận, có lúc phải nắm lấy cơ hội mà lập công. Nay quân địch đang kiêu ngạo, dạo đi trước thì mãi hội quân. Thuyền lương thì cho rằng đường đã mở, thủy quân của quân Nam ở An Bang - Vân Đồn đã bị đánh tan tác. Do đó, chúng có thể vừa hành quân vừa đánh bạc, trên thuyền cũng không ai dám động đến chân lông. Lương thảo là chuyện thiết yếu lắm. Giặc đã thế, ta không đánh thì còn chờ đến bao giờ. Nếu triệt hạ được bọn thuyền lương này không những tội trước chuộc được mà công lao cũng không phải là nhỏ.

Liền bàn với phó tướng kịp về ngay, hội kiến với Phùng đảo chủ, xuất hết toàn lực quân thủy ở Vân Đồn, dồn vào việc phục kích thuyền lương của Trương Văn Hổ.

Khánh Dư phiên chế lại thủy đội, cho huy động đến các thuyền bè khí giới, quyết một trận sống mái với giặc.

Trương Văn Hổ là một tên giặc biển. Thời nhà Tống, y dựa vào lúc Vua Tống phải đối phó với quân Nguyên Mông nên dọc ngang một miền biển. Thủy quân Tống đã mấy lần truy đuổi, giao chiến, nhưng mặt biển mênh mông, đảo chỗ nào chẳng có, Hổ như con beo tung hoành từ lâu ở biển Hoa Nam, đảo nào y chẳng lui tới. Cho nên khi đại quân Tống đến thì Hổ lui. Nếu đạo binh nhỏ thì Hổ nhả ra vô để hư trương thanh thế. Chỉ đến khi Hốt Tất Liệt, đôn vua quan nhà Tống vào chiếc túi, cứ dần thít lại, cuối cùng thì cất một mẻ vó, khiến vua tôi nhà Tống phải tuần nạn ngay trên biển cả, thì, Trương Văn Hổ lại là kẻ đầu hàng, theo hành tĩnh Hồ Quảng dãi tội lập công, ép Vua Tống vào cái dẽm bi thảm, kết thúc một vương triều.

Sau trận ấy, Trương Văn Hổ được Bình chương chính sự hành tĩnh Hồ Quảng, tâu lên Đại Hoàng đế và y được tin dùng như một đại thần tin cẩn.

Chẳng thế mà việc vận chuyển lương thảo, Hốt Tất Liệt hoàn toàn trao cho y mà không một chút chần chừ. Hổ có sức địch muôn người, đã có lần một thuyền nhỏ, một chèo lẩn trốn, gặp lúc quân triều đình vây hãm tường không còn lối thoát, y tính bài liều, nhả lên thuyền địch, nhằm thẳng vào viên Đại tướng, nhanh nhẹn xông đến, trước khi tên này tuốt được kiếm tra khỏi vỏ, bắt hấn phải ra lệnh cho tách thuyền lâu khỏi đám thuyền chiến đưa ra tận chỗ an toàn. Lúc ấy, trời đã xẩm tối. Khi gần đến một thuyền chài ra khơi đánh lưới, Hổ chạy ra đầu khoang, nhả xuống biển, bơi sang thuyền bên kia đi thoát.

Kỳ này, nhận chức vận lương thảo sứ, Trương Văn Hổ cho rằng đó là một chức quan nhàn hợp với mình. Phần chẳng phải công kích cùng ai, phần quá tin vào lực lượng hùng hậu của đạo quân viễn chinh, Hổ cho rằng chỉ cần nằm khểnh trên thuyền vài ba

ngày, đưa thuyền lương đến Vạn Kiếp thì vinh hoa phú quý cứ tự xông đến màn trướng của Trương Văn Hổ. Vùng Vân Đồn này, Hổ đã có một lần vào lánh nạn. Hổ thường nói với bạn bè: "Vân Đồn Lục thủy là nơi sau lúc tung hoành ở biển cả Hoa Nam rồi vào chơi bời thì được, chứ một người, một ngày không thấy gió chướng lồng lộng trên biển, giông bão dâng sóng lớn lên ngang mặt, không thấy cảnh thuyền buôn tấp nập vào ra, để lẫn vào đánh cướp lấy lụa là, châu báu thì chịu làm sao nổi... Do đó, cho thuyền vào vùng biển Vân Đồn, An Bang, Hổ coi như về sào huyệt của mình.

Lại nói Phùng đảo chủ được phó đảo về đem thư của Trần Khánh Dư hẹn đánh giặc cứu Dư và lập công lớn, liền triệu tập chư tướng và nói:

- Phó tướng Trần Khánh Dư là người biết ta, trọng ta, lại là anh em kết nghĩa của ta. Giờ ông đang bị Triều đình sai sứ ra bắt về hỏi tội, chẳng lẽ ta không cứu?

Một tướng cướp trẻ, hăng hái nói:

- Đã là hảo hán vẫy vùng chốn biển khơi, để cho bạn thân mất tin cậy, không nói với ai được.

Phùng đảo chủ quay lại bảo phó đảo:

- Hiện đệ nghĩ thế nào?

Phó đảo kể lại chuyện khẳng khái của Trần Khánh Dư nói với Trung sứ và tiếp:

- Người nghĩa khí ở trên đời này hiếm lắm. Kiếm được một người có khí phách anh hùng làm bạn, đủ mãn nguyện rồi. Khánh Dư chắc hẳn tin ở bạn bè, tin ở mình, lại có học thức, chắc là đánh thắng được giặc. Nhưng Khánh Dư, khi tôi ra về, còn tiễn rất xa nói đi nói lại "Trận này thành công hay không tùy thuộc vào người anh em của ta là Phùng đảo chủ và chư huynh đệ ở ngoài đó. Ta không bao giờ quên công lao của bè bạn trong trận cuối, đổi cả tính mạng này".

Phùng đảo chủ đốc toàn lực thuyền bè, khí giới, đích thân chỉ huy, đem quân đi phục kích thuyền lương của Trương Văn Hổ... Thuyền lương của quân Nguyên Mông, lựa theo gió mùa đông bắc, lọt vào Đồn Sơn. Trương Văn Hổ đứng trước mạn thuyền, nhìn ngắm một lúc thấy sương mù dày đặc, mặt biển tĩnh lặng, chim biển bay lơ mờ trên cánh sóng, càng yên chí rằng An Nam đã bị đại quân của Ô Mã Nhi dẹp tan cả.

Trương Văn Hổ bước vào lầu thuyền, thấy lạnh trong người, liền ngồi bên án và bảo:

- Quân bay, đem rượu thịt ra đây.

Liền gọi những tay chân thân cận ngồi nhắm rượu với sò huyết nướng trên lò than hồng.

Chợt nghe có tiếng trống thanh la ồn ào trên biển. Quân, thuyền của Đại Việt nấp sau những đảo nhỏ, bầu lại mà đánh. Họ vút lửa lên thuyền, đánh dữ dội, cắt hẳn mười thuyền lương thực phía sau cùng... Toán đi trước thấy trong sương mù khó có bề chống cự nổi, cứ lao thẳng đi. Mười thuyền lương của Trương Văn Hổ đi đoạn hậu, bị cháy mất năm thuyền, năm thuyền khác phải mở đường máu mới thoát nổi.

Tin dữ đến tai Trương Văn Hổ, Hổ vội hất chén rượu, định quay thuyền lại cứu, nhưng chư tướng can rằng:

- Sương mù ngày càng dày đặc, chủ tướng quay lại cứu toán thuyền sau, ngộ giặc lại đánh úp mặt trước thì làm thế nào? Chi bằng ta chia nhau đi mà canh chừng giữ cho nguyên vẹn được thuyền lương đã đi trước, nhanh chóng về đến Vạn Kiếp, thì mới gọi là thượng sách.

Trương Văn Hổ nghe theo, liền chia các tướng tăng cường cho các thuyền lương... Hổ bấy giờ mới biết sợ. Bởi thuyền của Hổ, chở lương nặng, đi chậm. Quân thủy chiến đấu được, mỗi thuyền không nổi vài chục đứa. Khoảng mấy chục tay chèo, dầu nương gió

mà đi, cũng không thể phát vũ khí thêm bổ sung cho đội lính chiến được. Nếu bị đánh dữ, lấy ai chèo để thoát khỏi vòng vây.

Trương Văn Hổ lúng túng không biết xử trí ra sao, chỉ cầu trời sao cho thoát khỏi vòng đảo trùng trùng điệp điệp này. Đêm ấy, đoàn thuyền đi suốt đêm, không đậu lại, chỉ mong sao chóng đến Vạn Kiếp.

Trần Khánh Dư đã chọn biển Lục Thủy làm nơi đánh gọn thuyền lương của Trương Văn Hổ. Phùng đảo chủ, theo lời dặn trong mật thư của Trần Khánh Dư, chỉ đem một nửa số quân thuyền của mình phục kích đoàn thuyền lương của Trương Văn Hổ, còn hơn ba mươi chiếc thuyền đầy đủ khí giới, câu liêm, chất cháy, nhanh chóng vượt khỏi đoàn thuyền Trương Văn Hổ, đến tăng cường lực lượng cho Trần Khánh Dư...

Được thêm thuyền chiến trước lúc vào trận, Khánh Dư mừng lắm. Bèn chia các tướng, mỗi tướng đem mười thuyền chiến, dựa vào các hòn đảo dọc theo luồng nước quân Trương Văn Hổ sẽ dẫn thuyền lương qua, xông ra cắt địch mà đánh.

Khánh Dư đích thân cầm quân. Ông mời viên Trung sứ cùng đi và bảo:

- Trời cho ta lập công đền đáp Thánh' hoàng rồi. Rồi ông xem, ta chỉ xin với ông ba ngày chứ không xin thêm ngày nào nữa.

Đúng đêm thứ ba, thuyền lương Trương Văn Hổ dẫn xác tới.

Đội cho giặc lọt hẳn vào thế trận "Trường xà đột khởi", (tức là con rắn dài chột thức giấc), Dư cho nổi chiêng trống, nổ pháo hiệu sáng trắng trên các mặt nước, các thuyền chiến hạng trung và hạng vừa, lần xả vào các thuyền lương của Trương Văn Hổ mà quyết chiến.

Lính Đại Việt cầm những đuốc giẻ tẩm đầy nhựa thông, dâng cao lên, hoặc những bó đuốc nhỏ, ném thẳng vào mặt lính Hán, rồi dùng câu liêm móc vào mạn thuyền du mình lên. Lên đến nơi, quân

Nam cầm đuốc, đốt buồm và ném những quả lửa vào các khoang có thủy thủ đang chèo. Cả một đoàn thuyền bị chặt ra làm sáu khúc, quay cuồng cháy trên biển nước. Thuyền Trương Văn Hổ chở lương di chuyển nặng nề, thuyền của Đại Việt gọn nhẹ, trong quyết chiến, chẳng khác gì một đàn trâu bị một đàn chó sói bám vào xâu xé...

Tiếng reo hò Sát Thát vọng vào vách núi, càng làm cho bọn giặc biển kinh hoàng. Nhiều đứa bỏ thuyền không dám chống cự, nhảy ào xuống nước, tìm đường thoát thân. Có thuyền vút hết lương xuống biển cho nhẹ, định tẩu thoát. Nhưng, quân Đại Việt đâu có tha, cứ lần xả vào đánh.

Toàn bộ thuyền lương chở hàng vạn thạch lúa cho đại quân Nguyên Mông, đều bị đốt cháy, hoặc rơi vào tay quân Nam hết.

Trương Văn Hổ bặt hết hồn vía, tháo hết giáp trụ, bứt tai, than thở rằng:

- Đời làm giặc biển của ta không thua ai giữa sóng cao gió cả, mà lại tiêu tan sự nghiệp ở chỗ biển lặng, mù sương như một chiếc hồ này...

Than một hồi, rồi xuống một chiếc thuyền, kéo theo lũ tùy tướng tâm phúc trở lại đất Quỳnh Châu, là nơi sào huyệt cũ, không dám tìm đến tạ tội trước Đại Hoàng đế nữa.

Trần Khánh Dư đại thắng, khao tướng quân sĩ, viết thư cảm ơn Phùng đảo chủ, đem vàng lụa của riêng mình nhờ tặng các đạo hữu đã hết lòng với mình, lại ghi công từng người từng thuyền, để tâu lên Đức vua thưởng công trạng cho thích đáng. Dư lui về nơi thủy trại của mình, mở tiệc khoản đãi viên Trung sứ và các tướng.

Trong bữa tiệc viên Trung sứ hết sức vui vẻ, nâng bát rượu lên mà nói:

- Làm tướng như Phó đô tướng quân đây kể cũng hiếm. Biến bại thành thắng, biến thân tù thành thân Đại tướng lòng lấy ngoài biên cương, khiến Vua nể, giặc sợ, như thế mới đáng mặt anh hùng!

- Đó là nhờ hồng phúc của nhà Trần, chứ ta đâu có tài cán gì.

Chu Thục nói:

- Đó cũng là nhờ Quốc công Tiết chế biết nhìn xa tin ở tài cán người mình giao phó việc lớn nữa.

Viên Trung sứ hỏi lại:

- Ý ông muốn nói đến việc Hung Đạo Vương tâu xin cho Nhân Huệ Vương làm phó tướng, và tin rằng ông không phụ lòng tin nhiệm trước con mắt xanh của mình.

Chu Thục gật đầu nói thêm:

- Thế là kẻ bị tội lại thành người lưu danh trong sử sách, còn tên Vạn Hộ hầu của giặc Thát, trước sau vẫn là một tên giặc biển, một tên tội đồ của mấy triều Vua Trung Hoa. Trương Văn Hổ xây mộng vương hầu rút cục vẫn là một tên cướp bị truy nã... đành sống trọn đời với nghề thảo khấu.

Trần Khánh Dư vội bám vào đùi Chu Thục, ý bảo thôi không nói nữa, vì chung quanh còn nhiều quân tướng của Phùng đảo chủ, vốn cũng là những tên "giặc biển cả".

Trung sứ uống rất say đêm ấy, hôm sau cầm biểu tạ tội và báo công của Trần Khánh Dư về với triều đình... ,

Trần Anh Tông

Thuyền Vua vừa ghé cửa biển Cần Hải. Phía trước, những hòn lèn xanh ngắt. Biển đang chuyển mùa. Những trận gió lạnh ngắt đưa thuyền Vua vào đây chưa đến một ngày. Cửa biển này, núi kề ngay cạnh đảo. Bữa ấy thuyền đến sớm, Vua còn lên bãi biển để ngắm chỗ núi và biển giao nhau, xa xa là những làng chài, lưới còn giăng kín trên mép cỏ. Thấy một chiếc miếu hoang ở ngay trên hẻm núi, Vua thân lên thăm, rồi thấp nhang, rồi trở về thuyền lâu.

Vua cho bày rượu uống cùng Trần Khánh Dư và Đoàn Nhữ Hài. Có một thần nữ mặc áo xanh nước biển, Vua mời ngồi, nhẹ nhàng hỏi:

- Nàng từ đâu mà dám vào thuyền ngự! Là người hay là thần?

Người đàn bà đẹp cười:

- Bệ hạ vừa đến tộ xá hỏi chiều đã vội quên sao? Người ta đồn Ngài ngự rất anh minh, thần thiếp hôm nay mới được thấy long nhan.

- Nàng là thần biển ở đây?

- Thiếp đâu được làm thần biển, mà chỉ được một chức nhỏ, ở chỗ núi giáp biển này thôi, uy đức của Đức vua vang dội khắp nước, đến các thế giới thần nhân cũng biết, không phải ai cũng có đâu!

- Cảm ơn những lời khen của nàng. Ta chăm dân vốn sẵn thể chế của cha ông, chỉ cố làm đất nước thanh bình, hoà hiếu với láng giềng thôi. Vừa rồi, Vua nước Đồ Bàn có ý muốn lấn đất, cho quân

quá nhiều vùng biển, các vùng Hoan, Diễn cùng các châu Ô, châu Lý quá nhiều, vì thế ta phải cất quân thôi. Nàng là ai vậy?

- Thiếp là cung nữ nhà Tống, trong lúc nhà Nguyên cướp nước, tuân tiết cùng Nhà vua và Tể tướng, sóng đánh trôi dạt vào tận đây. Dân chài vớt xác và táng ở chân núi... Ngọc Hoàng thấy có tiết nghĩa, phong cho làm thần ở Càn Hải này!

- Nàng quả là liệt nữ, làm thần rất xứng đáng. Chẳng hay nàng đến có việc gì?

- Là thần nường tựa trên đất Vua nên khi Vua ra trận thần phải có trách nhiệm phù giúp. Mặt biển chỗ này là do thần thiếp cai quản, xin Nhà vua cử cất quân, thiếp xin làm biển lặng gió yên để thủy quân sớm đến nơi cần phải đến.

Vua ban trà cho nàng uống. Vua hỏi:

- Việc quân của ta chuyển này thế nào?

- Bệ hạ đã được thần nhân phù hộ thì việc gì chẳng nên công!

Vua lại hỏi:

- Sắp tới, việc triều chính có gì cần phải lưu ý?

Thần nữ tâu:

- Người thông tuệ thì chẳng cần phải biết thiên cơ cũng có thể thu xếp được.

Vua rất thích câu trả lời ấy, quay lại vỗ tay gọi đem vàng, lụa ra thưởng thì thần nữ đã biến mất. Vua cho người lên đất gọi kỳ lão đến, dụ phải trông nom, đền cho chu đáo, không được để hương tàn, khói lạnh như trước, rồi thân đến tế một tuần rượu, sau đó tiếp tục khởi quân.

Chuyến đi ấy, thủy quân gặp sóng lớn, tưởng khó thể vượt được nhưng rồi ngọn triều cũng dần dịu xuống, sóng biển im dần, thuyền Vua hành quân trong đêm rất được đường. Trận ấy, nhờ Đoàn Nhữ Hài khéo léo, Quốc Chấn bí mật giảng quân đường bộ,

vây hãm bọn quân bộ của Vua Đồ Bàn, do đó Chế Chí phải tự mình đến hàng, quân nhàn mà được việc.

Vua trở về kinh đô, thuyền rồng đậu lại bến Càn Hải, đích thân Nhà vua sai quân lấy đá xây đền Thần nữ kang trang, rồi mới trở tiếp. Dân chúng ai cũng phục là chu đáo...

Thuyền về đến Thâm Thị bỗng chốc mưa gió tối sầm, giông gió bốn bề như trút đổ cả vào thuyền Vua. Trời tối đen như mực, đối diện không nhìn nhau. Vua neo thuyền ở bờ bãi. Các dây thuyền bị gió giật đều đứt tung cả. Thuyền Vua cũng bị đứt dây, chìm hẳn xuống sông. Vua bám mũi thuyền leo lên mũi nhanh nhẹn như một người dân chài. Vua ngồi trên mũi, đưa chân xuống cho cung nữ nắm lấy, rồi các cận thần cúi xuống kéo lên... Sau khi cùng nhau chia sẻ những phút giây nguy nan, Vua tột lại hồ hởi vui vẻ... Khi sóng tạnh, gió yên, Vua ngồi vào ăn uống cùng với mọi người liên hồi:

- Các người có biết tại sao lại bị trận giông tố ở sát kinh thành thế này không?

Các người xung quanh không ai trả lời nổi. Vua nói:

- Đó là vì chỉ chú ý việc lớn mà không chú ý đến việc nhỏ, chỉ chú ý đến Trời đất thời tiết khi cất quân mà coi thường các việc ấy khi đã chiến thắng.

Nói rồi cười vang...

*

Vua ra ngự châu, kẻ lập công đánh tên cướp biển là Văn Khánh được vào bệ kiến, y nói đã bắt được giặc. Vua khen ngợi. Chiều hôm đó Vua dự buổi của quan hình sự, hỏi cung.

Quan hình sự hỏi đến đâu, Văn Khánh nhất mực cung khai, các việc hãn gây rối đều khớp, nơi đi nơi ở của hãn đều đúng. Quan

hình buộc vào tội chém. Vua ngồi sau rèm, nghe suốt từ đầu đến cuối, cũng cho là hình quan xử đúng, liền ra về. Trên đường về, hỏi quan Hình bộ lang trung Phí Trục:

- Văn Khánh nhận tội chém. Người nghĩ thế nào?

Phí Trục tâu:

- Tâu Bệ hạ, thần nghĩ là án chém chưa đúng!...

- Sao, hấn giết dân lành, cướp tài sản của nhiều làng. Đáng lý tội còn nặng hơn nữa chứ!

- Tâu, nhưng thần nghĩ đó không phải là Văn Khánh.

- Sao? Hình bộ thị lang đích thân tra hỏi, chẳng lẽ lại sơ suất.

- Thần đang bàn khoản định tìm cách để tâu trình thì lại được Bệ hạ hỏi đến. Thần ngỡ tên giặc bắt được không phải là Văn Khánh.

- Sao, người nói sao? Chẳng lẽ lại bắt nhầm ư?

- Tên cướp bắt được không bị tra tấn khổ sở mà điềm nhiên thú nhận, thần lấy làm ngờ, nếu đem nó ra chém thì nhỡ không phải, hoá ra chẳng oan uổng cho hấn ư? Một mạng người đâu có phải chuyện thường!

- Nhưng nó chịu nhận chết cơ mà! Vả lại, bao nhiêu người cùng dự xử, có ai nói lại câu nào đâu!

- Chính vì vậy mà thần phải nói. Có thể Văn Khánh mượn người chết thay mình, rồi đánh lạc hướng Triều đình để lại có cơ trở dậy hoành hành dữ hơn. Điều đó phải tính đến. Còn kẻ chết thay kia, có thể Khánh mua chuộc bằng tiền của vàng bạc. Phận nghèo hèn, chết để gia đình có dịp mở mặt ra được, thì nhận cái chết còn hơn là vừa mang tiếng làm giặc mà cha mẹ vợ con không được nhờ vả gì...

Vua nhìn Phí Trục hồi lâu không nói gì rồi cho lui. Ngay lập tức Vua xuống chiếu hoãn xử chém Văn Khánh, hãy giam lại và

truy xét kỹ hơn nữa, truyền vây bắt Khánh tiếp. Một tháng sau, bắt đích Văn Khánh về... Ai cũng kính phục Vua. Có người nói ra miệng, Vua chỉ nói:

- Làm quan Hình phải như Phí Trục!

Rồi gọi Phí Trục đến nói:

- Trẫm không có khanh bữa trước, mất cả công minh, lại chém oan mất một người. Riêng việc ấy Trẫm chẳng bao giờ quên.

Rồi ban thưởng rất hậu, nhưng không ban chức cất nhắc ngay, dấu vậy Vua rất lưu ý... nhiều lúc gọi đến hỏi han, ngoài cả việc hình án...

Giờ thì Anh Tông đã làm Thái thượng hoàng. Bầy tôi giỏi của Vua rất nhiều, nhưng Ngải ngự yêu nhất chỉ có Phí Trục và Nguyễn Bính... Ngải gọi Phí Trục về Thiên Trường cho làm An Phủ Sứ, và cho Tiến sĩ Nguyễn Bính, vốn là thầy học, theo hầu mình về Thiên Trường. Một bận Ngải lên kinh đô, Vua Minh Tông vào chầu, hỏi han về việc cất nhắc và phong tước.

Thượng hoàng đọc đi đọc lại suốt lượt, rồi ôn tồn ban lời:

- Làm Vua thấy người tài thì ban chức cho xứng với đức của họ, đó là việc mọi kẻ ngồi vàng đều phải làm. Nhưng những chức vị không thực làm, thực quyền, thì bầy vệ làm gì cho nhiều.

Rồi cận kề bàn với Minh Tông về từng người, rất thấu tình đạt lý. Minh Tông sụp lạy nói:

- Thượng hoàng ban lời chính là dạy kẻ làm vua này phải thận trọng. Con mong được Vua cha luôn luôn nhắc những việc lớn phải làm.

Anh Tông rất vui vì lòng hiếu thuận của Nhà vua, ông nhìn về tuần tú của con mà nói:

- Ta nghe sứ giả có khen từ hồi con làm Thái tử rằng con có dáng thanh thoát như thần tiên... Điều ấy đừng có nghĩ về phía khen đẹp, mà nên nghĩ cả ý khác kín đáo nữa. Con thấy thế nào?

- Tâu Vua cha, con đâu dám nhận điều mà mình chưa đạt tới. Con nghĩ câu Thượng hoàng định nhắc con có nghĩa là làm Vua không được cho phép mình thanh nhàn quá...

Vua mỉm cười nói sang chuyện khác:

- Cha nhắc con là chuyện của mọi gia đình. Hoàng tộc hay thường dân đều cần phải thế. Nhớ xưa khi ta vừa được truyền ngôi cho con, cũng ban tước lộc cho cựu thần và những người giỏi hơi nhiều. Con có biết ông con nói với ta như thế nào không? Ngài Điều Ngự (tức Trần Nhân Tông) nói: "Sao đất nước bé bằng bàn tay mà phong quan tước nhiều thế!". Tính ông nội con nóng nảy, cha sợ hãi phải sửa ngay!

Minh Tông cúi đầu, không nói gì cả!

*

Thượng hoàng Anh Tông nhận được đơn kiện của một người dân trong trang ấp của Uy Giản Vương. Số là mẹ vợ của Vương lấn đất của những người xung quanh của bà quá lắm.

Vua hỏi Uy Giản:

- Ông vừa được gả Công chúa Huy Chân cho, ơn phước triều đình như thế còn không hậu ư?

Uy Giản Vương chưa hiểu ý Thượng hoàng muốn nói gì, liền thưa:

- Tâu Thượng hoàng, thần chưa rõ được ý bề trên.

- Người hãy xem đơn kiện của dân đây thì rõ.

Uy Giản Vương xem một lượt.

Dân kiện là bà cung phi Trần Thị Thái Bình, mẹ của Công chúa Huy Chân, ngoài đơn kiện về bà lấn chiếm ruộng đất, còn gửi theo cả văn tự, địa hình những lô ruộng vốn trước thuộc về người trong vùng.

Thượng hoàng hỏi:

- Ông thấy thế nào?

- Thần chỉ biết đây là số ruộng hồi môn mà Công chúa sau hôn lễ giao cho thần cai quản.

Thượng hoàng nói:

- Đơn kiện người ta có chứng cứ, khó mà bác bỏ được, nếu ta giao cho bên Hữu Ty xét xử thì thế nào cũng liên lụy đến bà Phi, vợ của Tiên hoàng. Do thế, ta gọi ông đến liệu bề mà thu xếp. Người mất ruộng, chỉ mong được lấy lại, không mong gì hơn. Để cho cung phi của Ngài Điều Ngự (Nhân Tông) ra hầu quan xử án, thì ta có tội với Người.

Uy Giản Vương đáng có vẻ băn khoăn. Thượng hoàng lại hỏi:

- Người còn điều gì chưa tiện nói, cứ nói hết ý mình, ta sẽ cùng bàn bạc chọn lấy kế sách hay.

Vương tâu:

- Quân pháp vô thân. Thượng hoàng thương đến thần và Công chúa mới gọi đến ban lời. Nhưng thần nghĩ Trần Vương phi còn đó, nếu một lúc đem trả toàn bộ luôn cho người ta thì bà hẳn không nghe!

Thượng hoàng nói:

- Ý người ra sao?

- Thần nghĩ, thần sẽ bàn với Công chúa trước mắt sẽ trả một nửa.

Anh Tông nghiêm mặt nói:

- Ruộng của người ta chứ có phải của mình đâu mà trả nửa với cả. Đáng lý phải trả cả phần hoa lợi trước đây nữa chứ. Trần Vương phi ỷ thế Tiên hoàng, tham lam lấn đất, cùng gia nhân bưng bít đến nỗi Ngài không biết một chút gì, chứ nếu Ngài biết thì Ngài sẽ trị tội nặng chứ không tha đâu!

Uy Giản Vương vội nói:

- Tâu Thượng hoàng, nửa kia xin cho thần trả bằng hoa màu thu hoạch hàng năm, Trần vương phi nay đã già yếu, trụ lại quá lắm chỉ vài năm nữa... Khi nào bà qua đời, thần hứa sẽ trả lại toàn bộ ruộng đất cho người chủ.

Anh Tông nghe rồi còn nhắc thêm:

- Nhưng người phải hứa với ta là trả cho đúng như đã hẹn đấy nhé.

Uy Giản Vương lạy rồi lui ra. Về sau, ông thực hiện đúng như lời hứa. Thượng hoàng khen, ban thưởng cho hai lạng vàng...

*

Anh Tông rất thích vẽ, Thượng hoàng từ ngày lui về Thiên Trường, thường buổi sớm hoặc hoàng hôn đem bút mực vẽ những cảnh núi non sông nước, rồi đem về ngắm nghĩ. Có bức vẽ, vẽ đến mười lần mới ưng. Vua rất yêu cảnh mây nước. Một hôm, Vua mời sư Huyền Quang đến. Sau lúc cùng nhau đàm đạo về đạo thiền. Anh Tông và Huyền Quang uống rượu với hoa quả. Anh Tông hỏi:

- Ta nghe Quốc sư thích hoa cỏ. Xin cho nghe chủ ý.

Huyền Quang đáp:

- Cỏ hoa giống như người thiền, thích tĩnh không thích động, tự nhiên mà sống, tự nhiên mà chết, há chẳng phải đáng yêu sao.

- Xin cho nghe một vài bài.

Sư đọc luôn ba bài:

Đầu thu

Hơi mát thơm tho hoà vách gỗ,

Thu sang xào xạc lá lay cành

Nhà tre thông thả hương vừa thấp

Giăng võng cành thông, ánh nguyệt thanh

Ngủ trưa

Mưa qua, khe núi lặng,
Nằm mộng dưới rừng phong.
Ngoảnh lại nhìn nhân thế,
Mắt mở mà ngủ ngon.

Hoa cúc⁽¹⁾

Không thân, không thể, thấy đều không,
Thiên mỗi đêm khuya, lạnh thấu giường
Năm hết núi sâu không có lịch,
Nhìn ra cúc nở: tiết trùng dương.

Thượng hoàng khen:

- Thơ trong sáng, tươi tắn như hoa cỏ!

Huyền Quang thưa:

- Đa tạ lời khen của Thượng hoàng. Nhà sư này nghe nói Ngài ngự vẽ đẹp, thơ hay. Xin cho nghe một vài bài.

Anh Tông nói:

- Ta thì yêu mây và nước. Bởi Trời và Đất thì xa cách, nhưng Nước và Mây, thứ dưới đất, thứ trên trời, nhưng vẫn luôn thấy gần gũi nhau... Và lại mây nước thì khi tung, khi hoành, chỗ nào mà chẳng có.

Huyền Quang gật gù tâm đắc. Vua đọc luôn bài thơ "Thủy Vân tùy bút".

Am Vân Tiêu⁽²⁾

Lọng hoa vời vọi, núi vơ vơ mây
Cung khuyết thân tiên chẳng có hai

⁽¹⁾ Các bài trên nguyên văn chữ Hán - Ngô Văn Phú dịch thơ.

⁽²⁾ Nguyên văn chữ Hán, Ngô Văn Phú dịch thơ.

*Đỉnh núi, thanh u người học đạo
Trăng trong, gió mát, tháng theo ngày
Gió đùa bãi đất, lay cây cỏ
Trăng vô tầng không, tựa tuyết bay
Gió đấy, trăng đây, người đấy nữa
Tuyết vời ba thứ, mấy người hay!*

Sư tửm tửm cười quay ra hành lang ngấm vùng quất tuyết đẹp của Thiên Trường. Quay lại đã thấy Thượng hoàng đem tập Thủy Vân châm vào lửa đốt, quẳng giữa thềm điện...

Sư hoảng hốt kêu lên, vội lấy chiếc hài mà dập lấy dập dề, nhưng không kịp... cả tập thơ chỉ còn vài tờ. Huyền Quang sững sốt hỏi:

- Thượng hoàng! Sao lại đốt tập thơ hay như thế đi?

Thượng hoàng cười:

- Thơ của ta làm sao hay bằng các danh sĩ đương thời được. Để lại, họ quý ta mà tăng bốc, như thế thà đốt đi là hơn.

Huyền Quang ngửa mặt lên trời nói:

- Nhà vua mà chính là Phật vậy!

1994

Thái Hậu họ Trần

Thuận Thánh Bảo Từ Hoàng thái hậu thường nhắc lại, thuở còn chưa được tuyển vào cung, cha bà là Hưng Nhượng Vương Trần Quốc Tảng, thường hay gõ bát ngâm bài *Phóng cuồng ca*, do ông viết ra, trong những năm trấn thủ Vân Đồn:

*Ngóng trông trời đất hể mệnh mang
Chống gậy chơi rong hể ra khỏi vòng.
Hoặc lên cao hể, núi đầy mây trắng
Hoặc xuống sâu hể, nước thăm trùng dương.
Đói thì ăn hể, cơm ngát hương,
Khoái thì thổi hể, sáo không lỗ
Nơi vắng thắp lên hể giải thoát nhang '
Mệt thì chọn hể, đất vui vẻ
Khát uống no hể, tiêu dao thang.
Xóm vạn niên hể đọc phú Khảo bàn⁽¹⁾
Sông Cửu khúc hể hát bài Thương Lang⁽²⁾
Đền Tào Khê hể, vái chào Lô Thự⁽¹⁾*

⁽¹⁾ Khảo bàn: Tên một bài thơ trong Vệ Phong, Kinh Thi... người ở ẩn vui thú ở nơi hang mới.

⁽²⁾ Thương Lang: Khúc hát bàn về cách xử thế. Có câu: "Nước trong thì ta giặt dài mũi, nước đục thì ta rửa chân".

⁽¹⁾ Họ Lô, tức Lô Ngọc Ngao, người Tấn đang làm quan bỏ đi tu tiên.

Thăm Thạch đầu hể bá vai Lão Bàng⁽²⁾
Vui cái ta vui hể dòng túi vải
Ngông cái ta ngông hể phái say cuồng
Giàu sang nứt đổ hể đám mây nổi,
Thời gian vùn vụt hể, ngựa qua song
Đường làm quan hể, cheo leo hiểm trở,
Ngẫm chuyện sống hể nóng lạnh thói thường...
Sâu thì dấn hể cạn thời xấn,
Dùng thì "hành" hể, bỏ thì "tàng"
Nước, lửa, đất, gió chừ ở ngoài cuộc,
Chọn được một đời hể không lo toan.
Đủ cái ta cầu hể, thoả ước nguyện.
Sống chết đồn nhau hể, ta nào tổn thương...⁽³⁾.

Bài ca ông làm, ông hát đã làm cho con cái, người thân, đều thuộc, không những thế, họ còn, người ít kẻ nhiều, đều có cách xử thế như ông. Riêng cô con gái thì nói với cha:

- Nam nhi thì làm gì không được. Lúc tung hoành đường gươm, trận bút giành bằng hổ bằng rồng, chém tướng lấy thành, tên đề trong sử sách. Sau đó lại một con thuyền nhỏ chơi ngũ hồ như Phạm Lãi, hay gõ chấu hát *Phóng cuồng ca* như cha, đều tùy tâm, tùy hứng mà làm, chứ đàn bà thì...!!

- Thì làm sao hờ con?

- Thì chẳng làm gì nổi cả. Bởi vì, thiên hạ trọng nam khinh nữ, có muốn vùng vẫy, muốn phóng cuồng cũng không được, người ta lại bảo là một thứ rồ dại mà thôi.

⁽²⁾ *Lão Bàng, ông già họ Bàng, tức Bàng Uẩn, từng đem của cải châu báu chất đầy thuyền đánh chìm rồi đi tu, vào chùa.*

⁽³⁾ *Nguyễn văn chữ Hán. Người viết truyện dịch*

Hưng Nhượng Vương Trần Quốc Tảng cười âm lên mà nói:

- Con gái của ta! Cha biết con tuy ít nói song tâm thì sáng mà đức thì hiền. Khéo sau này, người ta lại chỉ suy tôn con nhiều hơn là thứ "gã cha" ngông quá thế này đâu!

Ít lâu sau Công chúa được tuyển vào cung làm Hoàng hậu. Trần Anh Tông rất yêu quý đi chơi đâu cũng mang Hoàng hậu theo. Song, Hoàng hậu chờ mãi vẫn không sinh được Hoàng tử.

Năm Trần Hoàng hậu, con gái của Bảo Nghĩa Vương Trần Bình Trọng, sinh Hoàng tử Mạnh (tức Trần Minh Tông sau này), bà mừng như thể là mình sinh ra. Mỗi ngày bà thân sang thăm con trai, chăm sóc Chiêu Hiến Hoàng hậu, đến quên cả ăn uống, quên cả điểm trang. Trần Anh Tông lại càng quý.

Hoàng tử Mạnh từ lúc sinh dung mạo đã khác thường từ lúc biết lẫy, biết bò, mỗi ngày một đẹp, xinh tươi, hồn hậu. Có hôm, Thuận Thánh Hoàng hậu, tranh bế Hoàng tử đến nỗi cả ngày mẹ sinh ra Hoàng tử là Chiêu Hiến Hoàng hậu chỉ được bế con một vài lần. Chiêu Hiến cũng rất vui vẻ. Cung nữ thấy vậy khẽ nhắc bà khi về nhà, hôm sau, Thuận Thánh sang thăm con trai một lúc thác bặt về ngay, không chịu ở. Chiêu Hiến hỏi ra mới biết Thuận Thánh Hoàng hậu thấy mình là mẹ đích lần ất niềm vui của mẹ sinh nên cố tình không sang để hai mẹ con được ôm ấp nhau. Hôm khác, Thuận Thánh lại sang, Chiêu Hiến Hoàng hậu khóc mà nói:

- Hoàng hậu là mẹ đích, thương yêu Hoàng tử đến thế thực là đức sáng cho mọi người noi theo. Em vào cung, được chị yêu như cùng cha cùng mẹ, việc gì chị phải giữ ý như thế.

Thuận Thánh cảm động, ứa nước mắt, choàng tay ôm lấy vai Chiêu Hiến mà nói:

- Làm mẹ có con, được ôm ấp con là một niềm hạnh phúc, chị yêu thương Hoàng tử lắm lúc tưởng mình là mẹ sinh, quên cả em,

đến nỗi em muốn bế con, cho con bú cũng cứ loanh quanh không dám nói. Lỗi ấy chị phải sửa chứ, em nghĩ ngợi làm gì!

Từ đấy hai Hoàng hậu lại càng trọng càng yêu quý nhau hơn. Hoàng tử Mạnh được hai mẹ trông nom càng chu đáo. Có lúc hai Hoàng hậu cùng nói chuyện với đứa bé, Hoàng tử lúc quay ra cười với Thuận Thánh, lúc quay ra cười với Chiêu Hiến. Khi nào Hoàng tử hướng về Thuận Thánh cười nhiều hơn, thì Chiêu Hiến nói:

- Hoàng tử thích mẹ đích hơn rồi!

Khi Hoàng tử quay lại cười với Chiêu Hiến, thì Thuận Thánh lại vỗ tay khẽ reo lên:

- Hoàng tử thích mẹ sinh hơn mẹ đích rồi!

Một lần Trần Anh Tông vào gặp thấy hai bà Hoàng hậu đang chơi đùa bên con, liền xen vào nói:

- Thế Hoàng tử có thích ta không nào?

Hai Hoàng hậu quay ra đón. Trần Anh Tông rất vui vẻ, hôm đó ban thưởng cho mỗi bà một viên ngọc quý, giống in nhau. Hoàng đế nói:

- Hai viên ngọc này là hai "chị em" sinh đôi đấy! Các khanh cứ ngắm thử mà xem!

*

Trần Anh Tông là người giống cả cha lẫn mẹ nên rất thanh tú. Khi Vua lên ngôi, sứ thần nhà Nguyên sang làm lễ, đọc quốc thư. Vua ban yến thiết đãi. Bữa ấy Vua mặc áo vàng dài, thắt đai lụa, đội mũ có thao, trông thật thanh thoát. Sứ Nguyên khen mãi. Do đó, các cung tần, tiệp dư, vương phi, người nào, dẫu không nói ra, song đều mong được Vua vời đến. Vua rất hợp tính với Thuận Thánh Hoàng hậu, và rất yêu bà Chiêu Hiến, cho nên chỉ thường đi lại ở hai cung. Nội quan vẫn thường coi đó là đông cung và tây cung rất quan trọng, tiêu biểu cho mẫu nghi cả nước.

Nữ quan họ Vương vốn là một người sành âm nhạc. Thịnh thoảng Vua vẫn mời đến tấu nhạc. Có buổi Anh Tông làm việc triều đình, muốn lấy âm nhạc giải khuây nên ở lý nơi phòng nàng Vương không về. Nội giám ghi ngày, sau báo nàng có thai.

Nàng Vương gầy, mệt bởi vóc người nhỏ. Từ buổi có tin mừng, nội giám báo cho Hoàng hậu, bà vui lắm. Bà nói với Vua, và xin được đừng bắt nàng tấu nhạc đêm, để nàng yên tâm sinh nở. Vua nghe tha ngay. Từ đấy, lúc nào muốn nghe nhạc đều triệu phường hát hoặc người khác. Gần đến ngày sinh, nàng Vương đi lại khó nhọc, chân nề phù, tim đập mạnh. Bà Thuận Thánh cho gọi thái y đến xem mạch và nói, tim yếu, nên tránh đi lại và cần được có người chăm sóc tử tế.

Hoàng hậu gọi ngay trưởng thái giám đến bảo:

- Người dọn Song Hương đường của ta rồi đưa nàng Vương đến đó, gần ta để ta chăm sóc nàng được tốt hơn.

Thái giám kinh ngạc hỏi:

- Bẩm, thiếu gì phòng mà phải đưa nàng Vương đến phòng ngủ của Hoàng hậu.

- Ta bảo thì người cứ làm đi. Người không biết các con của Đức Anh Tông sinh ra, ta đều coi như con đẻ của mình ư! Ta phải tận tay chăm sóc cả mẹ lẫn con nàng Vương mới yên tâm...

Chẳng may, nàng Vương đẻ khó, sau khi sinh mất ngay, chỉ cứu được đứa bé, đó là Công chúa Huệ Chân. Hoàng hậu thương khóc hai ba ngày, lúc nào nhắc đến nàng Vương cũng giàn giụa nước mắt. Lúc ấy bà Thuận Thánh cũng đã sinh được Công chúa Thiên Chân. Bà lấy sữa mình nuôi Công chúa Huệ Chân, tự chăm nom như mình là mẹ sinh vậy.

Cả nội cung ai nấy đều khâm phục. Bà còn chiều Huệ Chân hơn cả Thiên Chân. Khi có ban thức gì cho hai Công chúa, thường ban cho Huệ Chân trước rồi mới ban cho Thiên Chân. Thiên Chân có bữa nũng nịu trách mẹ:

- Mẹ yêu Huệ Chân hơn yêu con.

Hoàng hậu vuốt đầu con, khẽ nói:

- Mẹ yêu cả hai chứ! Nhưng em Huệ Chân bé hơn con, mẹ đưa quà hoặc đồ chơi cho con trước, em con tủi thân gấp mấy lần con ấy chứ!

Thiên Chân biết lòng mẹ, từ đó càng thân thiết với Huệ Chân hơn.

Vua Anh Tông cũng rất yêu Huệ Chân, khi thấy Công chúa không còn mẹ, ngay khi mới cất tiếng khóc. Ngài càng quý đức độ hiếm có của Thuận Thánh.

Một bữa có một cung nữ được Vua vời đến, sau khi ân ái, cô ta làm nũng Vua, và mượn chuyện nàng Vương để gợi đến lòng thương của Anh Tông.

Ả nói:

- Thân thiếp được Ngài ngự vời đến như hạn được mưa rào, chỉ may phúc trời được rọi tới, nhưng nếu như thân phận của nàng Vương thì cũng khổ!

Anh Tông nghiêm mặt lại hỏi:

- Sao? Nàng nói nàng Vương sao lại khổ?

- Được Vua yêu, có được mụn con, đến khi sinh thì chưa kịp nhìn mặt con đã chết.

Vua an ủi nói:

- Thì mệnh trời bất thế, biết làm sao, may được Thuận Thánh Hoàng hậu chăm nom nên con của nàng Vương là Công chúa Huệ Chân khoẻ mạnh, xinh đẹp, đó cũng là cái trời chẳng nỡ lấy đi hết của nàng.

Ả cung nữ thẽ thọt:

- Thân thiếp e là nàng Vương bị sát hại?

- Hử? Ai sát hại nàng ấy? Nàng nói lại ta nghe!

Nữ quan họ Vương vốn là một người sành âm nhạc. Thỉnh thoảng Vua vẫn mời đến tấu nhạc. Có buổi Anh Tông lăm việc triều đình, muốn lấy âm nhạc giải khuây nên ở lý nơi phòng nàng Vương không về. Nội giám ghi ngày, sau báo nàng có thai.

Nàng Vương gầy, mệт bởi vóc người nhỏ. Từ buổi có tin mừng, nội giám báo cho Hoàng hậu, bà vui lắm. Bà nói với Vua, và xin được dùng bắt nàng tấu nhạc đêm, để nàng yên tâm sinh nở. Vua nghe tha ngay. Từ đấy, lúc nào muốn nghe nhạc đều triệu phùng hát hoặc người khác. Gần đến ngày sinh, nàng Vương đi lại khó nhọc, chân nề phù, tim đập mạnh. Bà Thuận Thánh cho gọi thái y đến xem mạch và nói, tim yếu, nên tránh đi lại và cần được có người chăm sóc tử tế.

Hoàng hậu gọi ngay trưởng thái giám đến bảo:

- Người dọn Song Hương đường của ta rồi đưa nàng Vương đến đó, gần ta để ta chăm sóc nàng được tốt hơn.

Thái giám kinh ngạc hỏi:

- Bẩm, thiếu gì phòng mà phải đưa nàng Vương đến phòng ngủ của Hoàng hậu.

- Ta bảo thì người cứ làm đi. Người không biết các con của Đức Anh Tông sinh ra, ta đều coi như con đẻ của mình ư! Ta phải tận tay chăm sóc cả mẹ lẫn con nàng Vương mới yên tâm...

Chẳng may, nàng Vương đẻ khó, sau khi sinh mất ngay, chỉ cứu được đứa bé, đó là Công chúa Huệ Chân. Hoàng hậu thương khóc hai ba ngày, lúc nào nhắc đến nàng Vương cũng giàn giụa nước mắt. Lúc ấy bà Thuận Thánh cũng đã sinh được Công chúa Thiên Chân. Bà lấy sữa mình nuôi Công chúa Huệ Chân, tự chăm nom như mình là mẹ sinh vậy.

Cả nội cung ai nấy đều khâm phục. Bà còn chiều Huệ Chân hơn cả Thiên Chân. Khi có ban thức gì cho hai Công chúa, thường ban cho Huệ Chân trước rồi mới ban cho Thiên Chân. Thiên Chân có bữa nũng nịu trách mẹ:

- Mẹ yêu Huệ Chân hơn yêu con.

Hoàng hậu vuốt đầu con, khẽ nói:

- Mẹ yêu cả hai chứ! Nhưng em Huệ Chân bé hơn con, mẹ đưa quà hoặc đồ chơi cho con trước, em con tui thân gấp mấy lần con ấy chứ!

Thiên Chân biết lòng mẹ, từ đó càng thân thiết với Huệ Chân hơn.

Vua Anh Tông cũng rất yêu Huệ Chân, khi thấy Công chúa không còn mẹ, ngay khi mới cất tiếng khóc. Ngài càng quý đức độ hiếm có của Thuận Thánh.

Một bữa có một cung nữ được Vua vời đến, sau khi ân ái, cô ta làm nũng Vua, và mượn chuyện nàng Vương để gợi đến lòng thương của Anh Tông.

Ả nói:

- Thần thiếp được Ngài ngự vời đến như hạn được mưa rào, chỉ may phúc trời được rọi tới, nhưng nếu như thân phận của nàng Vương thì cũng khổ!

Anh Tông nghiêm mặt lại hỏi:

- Sao? Nàng nói nàng Vương sao lại khổ?

- Được Vua yêu, có được mụn con, đến khi sinh thì chưa kịp nhìn mặt con đã chết.

Vua an ủi nói:

- Thì mệnh trời bất thế, biết làm sao, may được Thuận Thánh Hoàng hậu chăm nom nên con của nàng Vương là Công chúa Huệ Chân khoẻ mạnh, xinh đẹp, đó cũng là cái trời chẳng nỡ lấy đi hết của nàng.

Ả cung nữ thê thọt:

- Thần thiếp e là nàng Vương bị sát hại?

- Hử? Ai sát hại nàng ấy? Nàng nói lại ta nghe!

- Có người cho là chính Thuận Thánh Hoàng hậu sát hại nàng! Bởi nàng chết ngay ở Song Hương đường, nơi phòng ngủ của Hoàng hậu. Trước khi sinh, Hoàng hậu còn gọi thái y đến bắt nàng Vương uống thuốc.

Vua bực mình quát:

- Ắ này hỗn láo quá, không tha được, dám vu oan cho Hoàng hậu. Đức độ của Thuận Thánh vàng vạc như trăng sao. Sao ả lại láo thể được! Hãy lôi ra đánh hai mươi roi cho chữa thói lằng loàn đi!

Anh Tông ra lệnh đánh ả cung nữ nọ, rồi tức giận bỏ về... Việc đó đến tai Thuận Thánh, bà chỉ cười không nói gì thêm và cũng chẳng thêm bận tâm về ả cung nữ điều toa ấy...

*

Thượng hoàng Trần Anh Tông mệt. Thuận Thánh Bảo Từ Hoàng thái hậu ngồi hầu bên cạnh, Ngài ngự cầm lấy tay Thái hậu nói đùa:

- Rồi Thái hậu lại được tôn vinh lên một chúc nữa đấy.

Thuận Thánh chưa hiểu, hỏi lại:

- Ngài ngự còn định phong cho thần thiếp chức gì vậy?

- Ta sẽ theo tiên tổ, phong làm sao cho Thái hậu được! Con chúng ta là Trần Mạnh, Vua Minh Tông, sẽ lên Thượng hoàng, Thái hậu sẽ là Thái hoàng thái hậu.

- Ngài ngự còn được tôn vinh những tước hiệu cao sang hơn. Thần thiếp được nhờ bóng cả của ngài thôi!

Anh Tông nói đùa:

- Sống thì mới biết vinh quang, chứ chết còn biết gì nữa. Thôi, ta đùa đấy! Ta chẳng hiểu sao, đến lúc này vẫn cứ vương vấn bên nàng. Nàng là vợ, là bạn, là những gì ta được chăm sóc vỗ về, sau một ngày bã người về triều chính...

Nghĩ một lát, Thượng hoàng nói tiếp:

- Ta cứ nhớ từng việc làm nhân ái của nàng. Ta được nàng, khiến thân dân thiên hạ đều yêu nể thêm. Trời cho nàng lòng nhân đó. Cố giữ lấy cho đến lúc về theo ta nhé!

Thái hậu khóc. Thượng hoàng cũng chớp chớp mắt, nói tiếp:

- Ta còn nhớ buổi nàng và Hoàng phi Huy Tư đi hầu theo ta. Nàng thấy Huy Tư đi võng mà không có kiệu, trong bụng áy náy, liền định nhường kiệu cho Huy Tư. Ta vội bảo: "Bảo Từ có thương yêu Huy Tư thì cho thứ khác, chứ cái kiệu còn là điển chế của triều đình, không thể cho được!". Nàng nghe ra, mới thôi... Nhưng ta lại yêu quý nàng bội phần.

Thượng hoàng thở, lấy sức, rồi nói:

- Ta biết Thái hậu rất sùng đạo Phật. Nhà Trần ta, khi Vua băng, các Hoàng hậu, Thái hậu thường cắt tóc đi tu. Đi tu là quên hết chuyện đời, lấy tụng niệm để giác ngộ. Nhưng nàng sẽ mài kinh Phật mà chẳng còn nhớ đến ta nữa. Ta chỉ mong nàng đừng thí phát, mà giữ trọn lấy những năm tháng ta và nàng đã sống thân thiết bên nhau.

Thái hậu khóc to lên và nói:

- Ôn của Ngài đối với em còn lớn hơn việc ấy nhiều!

Và bà làm đúng như lời đã hứa. Khi rước linh cữu Anh Tông về An Sinh, bà theo về, bà lập đàn thờ Phật ở cạnh lăng, bữa cháo, bữa chay, khổ hạnh như một người tu hành. Nhà sư ở chùa lớn vùng An Sinh, xin bà thí phát để rạng thêm danh tiếng của chùa. Thuận Thánh nói: "Ta không thể nghe theo lời của nhà sư được. Ta đã hứa với tiên đế rồi! Lòng ta qui Phật là được. Cứ thế này là ta thanh thản".

Thuận Thánh sống bên lăng Anh Tông sau mười năm thì mất.

Đi sứ

Năm ấy, nhà Nguyên lại cho người sang mượn đường đánh Chiêm Thành. Vua Trần sai hai đại thần là họ Đinh và họ Lê đi sứ cầu hoà hoãn. Vua Nguyên Mông là kẻ vốn quen ngồi trên mình ngựa chinh chiến từ Tây sang Đông, tính nóng như lửa, nghe nói sứ bộ Đại Việt đến liền triệu quan cận thần đến hỏi, rồi cho sứ vào, đập bàn nói:

- An Nam là nước nhỏ, sao bướng bỉnh làm vậy. Không biết là vó ngựa của người Mông Cổ ta đã chà nát bao nhiêu xứ sở hay sao?

Chánh sứ họ Lê, điềm tĩnh thưa:

- Tàu Hoàng đế, bang giao hai nước kế lâu dài là hoà hiếu, như vậy mới không bị tổn hại.

Vua Nguyên cười vang nói:

- Hoà hiếu ư? Nước nhỏ chỉ được thần phục thôi, làm sao lại dám nói chuyện hoà hiếu?

Chánh sứ họ Lê lại dập đầu thưa:

- Tôi thấy hoà hiếu có mấy cái lợi lớn, chẳng biết Hoàng thượng có chịu nghe không?

Vua Nguyên mặt vẫn hầm hầm tức giận, chưa kịp nói. Tể tướng đỡ lời Vua:

- Sứ thần có thể trình bày!

- Hoà hiếu có mấy điều lợi, không phải dùng binh lửa mà vẫn yên ổn phen giầu, đó là cái lợi thứ nhất, việc binh đã thư thả thì hai nước đều có cơ hội toan tính làm cho dân giầu nước mạnh, đó là cái lợi thứ hai; dân giầu nước mạnh thì dân trí phát triển, hào kiệt có nhiều, càng mạnh thêm, hai nước liên minh với nhau làm cho những nước thù địch trong vùng phải nể sợ, đó là cái lợi thứ ba...

Sứ thần họ Lê vừa dứt lời thì Vua Nguyên đã quát nhắc lại rằng:

- Với Đại hoàng đế Nguyên Mông, các người chỉ được thần phục thôi.

Nói rồi, giũ áo lui vào, bỏ sứ bộ cho quan Tể tướng tiếp.

Quan Tể tướng vốn gốc người Hán, hết sức tinh tế, bảo sứ thần rằng:

- Việc bang giao còn tùy thuộc thời thế, hai ông hãy nán lại vài bữa nữa.

Rồi chào từ biệt ra về.

Vua nhà Nguyên thấy sứ thần Việt Nam cứng cỏi, giữ được thể diện của đất nước mình, ngoài miệng quát tháo, nhưng trong bụng phần nào có nể mến, sau đó đã bảo Tể tướng rằng... ông cứ làm như thế, như thế, xem sứ thần An Nam xử sự ra sao.

Một bữa sứ bộ Việt Nam được mời đi ăn tiệc do Tể tướng thiết đãi. Hai người đi kiệu đến quán dịch thì thấy tiệc đặt chành vênh trên đài cao, hai người phải leo thang lên. Người tiếp sứ thần hôm nay là một viên tham tri của bộ Lễ. Ông ta thay mặt Tể tướng, cùng sứ bộ Việt Nam đàm đạo về thời thế. Ông ta hỏi:

- An Nam có thuộc về Bách Việt không?

Chánh sứ họ Lê đáp lại ngay:

- Tôi nghe Bách Việt là tên gọi chung của Trung Hoa với các dân tộc Việt ở phía Nam của họ. Còn Đại Việt, chúng tôi là một

dân tộc có hàng ngàn năm nay. Lạc Long Quân và Âu Cơ thuở dựng nước đẻ một bọc trăm trứng, nở ra trăm trai, năm mươi con theo cha lên núi, năm mươi con theo mẹ về biển, trấn giữ bờ cõi, mở mang đất nước. Kể đến Vua Thục kiến tạo kinh đô ở Loa Thành, ngôn ngữ có riêng, thuần phong mỹ tục cũng khác, cùng Hán, Đường, Tống, hùng cứ một phương, sao lại gộp làm Bách Việt của Trung Hoa được. Và lại phương Nam còn có người Thượng, phía Bắc còn có người Thái, tập tục khác hẳn Trung Hoa. Đường đường là một quốc gia, bởi thế mới gọi là Đại Việt.

Viên tham tri cười khì và nói:

- Cổ sử thần An Nam có bọc thép không đấy. Gươm người Mông Cổ sắc lắm.

Phó sứ họ Đinh cũng cười khẽ rồi nói:

- Lời lẽ phân minh chính là chiếc giáp sắt che chở cho chúng tôi...

Đang bữa tiệc, viên tham tri cáo từ về trước vì có chút việc bận, rồi xuống thang mà về. Các quân hầu thày tớ cũng theo cả, chỉ còn những tên lính đứng ngậy bốn phía đài cao, cầm gươm nghiêm nghị, không nhúc nhích. Thấy quân Nguyên rút thang, phó sứ họ Đinh đưa mắt hỏi:

- Bây giờ, ta xuống bằng cách nào?

Chánh sứ họ Lê nói:

- Ông không thấy hai chiếc lọng gấm để ở phía ngoài đài cao kia sao! Đó là thang trời của chúng ta đấy.

Nói đoạn, ung dung đi đến, cầm mỗi người một lọng, nhảy từ trên cao xuống, an toàn...

Hôm sau, sứ bộ lại được lệnh chuyển chỗ. Hai người được đưa đến một ngôi chùa vừa tân tạo, vắng vẻ, cổng kín tường cao. Lính gác tới phiên đến canh, hết phiên lại về. Chờ mãi đến tối, bụng đói meo, vẫn chẳng thấy ai đưa cơm nước gì cả... Phó sứ họ Đinh

lại có vẻ băn khoăn. Chợt nhìn thấy một cống nước mưa, ông nói:

- Nước thì có đây, thế mà ta cứ nhịn khát suốt từ sáng tới giờ!

Rồi hai người liến mồm uống. Đình phó sứ nói:

- Hay là họ định giam cho chúng ta chết đói, vì những lời lẽ cứng cỏi của chúng ta...

Lê chánh sứ cười nói:

- Họ lại thử ta một lần nữa đấy... Có nước tất có cái. Ông thử bẻ một ngón tay tượng Phật xem nào.

Đình phó sứ bẻ tay Phật và reo to lên rằng:

- Đúng rồi, quan chánh sứ đoán đúng thật! Hai ông Phật làm bằng chè lam, đúng là thức ăn của ta!...

Rồi hai người ung dung bẻ Phật ra để ăn hàng ngày. Đúng một tháng sau, họ ăn đến ngón chân của Phật thì cửa chùa cũng được mở. Viên tham tri bộ Lễ thấy sứ bộ Việt Nam có phần tươi tỉnh hơn cả khi vào chùa, mà hai ông Phật lại biến mất. Ông liền ứng khẩu đọc luôn:

"Nhân Phật đồng cư, nhân tại, hà Phật" (Người Phật cùng nhà, người đó, Phật đâu?)

Phó sứ họ Đình liền đáp lại ngay:

"Phật nhân nhất thể, Phật hoá thành nhân" (Phật người một thể, Phật hoá thành người)

Viên tham tri phục tào, xá hai ông rồi dẫn về quán dịch...

1994

Sen trong giếng ngọc

1

Khoa thi năm Giáp Thìn, niên hiệu Hưng Long, lấy đồ Thái học sinh bốn mươi bốn người. Quan Trạng nguyên họ Mạc, tên là Đĩnh Chi, quê ở tỉnh Hải Dương. Tin truyền ra, Đức vua sẽ cho các quan Trạng mở hội vinh quy, các tân khoa đi dạo chơi khắp Thăng Long, làm xôn xao phường phố. Những người đỗ khoa Thái học sinh này đều là bậc văn chương nhất nước cả. Hoàng giáp Nguyễn Trung Ngạn mới mười sáu tuổi, tuy không đỗ Trạng, nhưng giới nho sĩ đều phục là thần đồng... Bảng nhãn Bùi Mộ người Thanh Oai, Thám hoa Trương Phóng, người Thanh Hoá, đều là những người thực học... Đất nước sau ba lần chiến thắng quân Nguyên mới lập lại bang giao, hoà hiếu, đang cần có người có học, có tài trị nước, giúp Vua. Chẳng thế mà bài ra năm nay, về ám tả, cho chép thiên *Y quốc*; lấy truyện *Mục Thiên Tử* để ra bài *Kinh Nghĩa*; đề thơ bắt thí sinh làm thể năm chữ trường thiên nói về "Phép Vua rộng ngật"; bài phú dùng thể tám vần ứng với đề ra "để đức hiếu sinh, hiệp vu dân tâm" nghĩa là: đức độ của bậc đế vương vốn chuộng sự khoan hoà, rộng rãi, cởi mở, hợp với lòng dân. Các bài chế chiếu biểu và dấu bài Vua ra đều không ngoài chuyện bàn về hưng thịnh của triều Vua, sự giàu mạnh của đất nước.

Vua Anh Tông nhà Trần là một vị Vua đang được triều thần và dân chúng mến mộ. Ngài thay Thượng hoàng Nhân Tông trị vì được mười năm, chính lệnh đều thi hành đến tận hang cùng ngõ hẻm. Phong

thường các công thần, sắp đặt những chức vụ cần trọng, đều tự Vua xem xét. Chờ lâu, quan chủ khảo đánh liều vào thỉnh mệnh. Vua cho vào, hỏi chuyện, rồi thân tình, nói với quan chủ khảo:

- Quan Trạng tài cao, nhưng xấu xí, hầu tướng hơn là nhân tướng. Người là bề tôi tin cần ta mới nói, đừng lộ ra với trăm quan, e không có lợi. Giá quan Trạng mặt mũi khôi ngô thì việc vinh quy cũng rộn ràng hơn không.

Quan chủ khảo điềm nhiên thưa:

- Thần nghĩ, người xấu nhưng có tài mới quý. Án Anh nhà Tề thời Chiến Quốc không xấu u. Vua Tề thấy người xấu mà có tài giúp nước, còn lấy làm vợ, hướng hồ lấy Trạng nguyên. Đó chẳng là chuyện Chung Vô Diệm đó sao?

Rút trong tay tờ hoa tiên, quan chủ khảo lại thưa:

- Tối qua, mấy quan tân khoa có đến chào, và ai cũng nô nức chờ xem ba bậc đồ đầu kỳ này là ai. Thần có bày tiệc trà và cùng làm thơ với nhau. Các tân khoa đều ca ngợi tài năng của Nguyễn Trung Ngạn và Mạc Đĩnh Chi. Họ thử tài Ngạn và Chi. Bất Ngạn làm thơ và Chi làm phú, lại hạn giờ, hạn đề, rất ngặt. Cả hai đều miễn tiện, khoảnh khắc đều xong. Bài của Nguyễn Trung Ngạn quả không ngoa so với tiếng khen nức nở là thần đồng, nhưng bài phú của Mạc Đĩnh Chi còn đặc sắc hơn. Thần bèn giữ lấy, định có hôm nào được châu hầu sẽ dâng lên, may sao lại được Đức vua triệu sớm.

Quan chủ khảo hai tay kính dâng lên bài văn "Sen trong giếng ngọc".

Đức vua giở ra đọc:

Sen trong giếng ngọc⁽¹⁾

*Khách có kẻ: nơi nhà cao tựa ghế, trưa mùa hạ nắng nóng.
Ao trong, ngấm làn nước biếc. Nhạc phủ, vịnh khúc phù dung. Chợt
có người: mặc áo quê, đội mũ vàng*

⁽¹⁾ Nguyên văn chữ Hán: Ngọc tỉnh liên phú - Bản dịch của cụ Phan Võ.

Tiên phong đạo cốt, khác xa trần gian

Hỏi: "Ở đâu lại".

Rằng "Tì Hoa sơn"

Bèn bắc ghế mời ngồi

Đưa Đồng Lăng đem cất,

Quả Dao Trì đem mời

Bèn sang sảng nói, bèn ha hả cười.

Đoạn rồi, trông khách mà rằng: "Anh cũng là người quân tử ưa hoa sen đó chăng?".

Ta có giống lạ trong ống áo này!

Chẳng phải như đào trần, mạn tục, chẳng phải như trúc cổ mai gầy.

Câu kỷ phòng tăng khó sánh, mẫu đơn đất Lạc nào bì.

Giậu Đào Lệnh, cúc sao ví được. Vườn Linh Quân, lan sá kể gì!

Ấy là giống sen giếng ngọc ở đầu núi Thái Hoà đây!"

Khách rằng:

"Lạ thật! Có phải là người xưa bảo rằng:

"Ngó như thuyền mà hoa mười trượng, lạnh như sương mà ngọc như mật đó ư?"

Trước vẫn nghe tiếng, nay mới thấy thật".

Đạo sĩ lòng vui hơn hởi, lấy trong ống áo trưng bày

Khách vừa trông thấy, lòng ngậm ngùi thay.

Giấy mười thút sắp sẵn, bút năm sắc thấm ngay.

Làm bài ca rằng:

"Thuỷ tinh gác để làm cung

Cửa ngoài lóng lánh bao vòng lưu ly

Bùn khơi tán bột pha lê
Hạt trai làm móc dầm để tưới cây
Mùi thơm ngào ngạt lên mây
Ngọc hoàng nghe cũng rủ dấy tình thương
Lạnh lùng hạt quế không hương
Tố Nga lại nổi ghen tuông bởi bởi
Bãi sông hái cỏ dạo chơi
Bến Tương luống những trông vời Tương phi
Giữa đông lơ lửng làm chi
Nhà xưa sao chẳng về đi cho rồi
Há rằng trống rỗng bất tài
Thuyền quên lắm kẻ lỡ lời thương thay
Nếu ta giữ mực thẳng ngay
Mưa sa, gió táp xem nay cũng thường.
Sợ khi lạt thắm phai hương
Mỹ nhân đến lúc muộn màng hết xuân".

Đạo sĩ nghe mà than rằng: "Sao lại ai oán thế!". Chàng chẳng thấy: hoa tử vi trên ao phượng hoàng, hoa hồng được trước thềm ngọc đường đó sao?

Địa vị cao cả, danh tiếng vẻ vang.

Triều minh thánh chúa đều là được quý, cớ tao nhân chàng đi mãi sao đang?"

Khách bấy giờ:

Nghe lọt lòng tin, đem lòng kính mộ

Ngâm thơ Đình Thượng của Thanh Trai

Hoạ câu "Phong đầu" của Hàn Dũ

Gỗ cửa thiền môn dãi tấc lòng

Kính dâng bài "Ngọc tỉnh liên phú".

Anh Tông xem xong, gật đầu khen:

- Tài hoa này quả đáng trọng. Lời lẽ cân trọng làm sao. Kín đáo thâm trầm, tâm sự đầy vẻ tự tin. Thế mới biết tài năng cứ gì hiện ở vẻ mặt. Ta có gặp một anh chàng mặt hoa da phấn, theo cha làm quan triều, vào hoàng thành dự dạ hội. Đạo ấy ta còn là Thái tử. Đêm vui ai cũng chú ý tới anh chàng bởi xinh đẹp quá. Nhưng nói chuyện thì ẽo ợt, bụng dạ rộng tuếch, chẳng có gì!

Quan chủ khảo thưa:

- Thần có biết đôi điều về Đĩnh Chi. Chi ở Chí Linh, nhà nghèo, mẹ thường phải vào rừng kiếm củi. Sinh ra con xấu xí, lại càng tội phận. Miệng thế lại đặt điều cho là vào rừng bị khỉ độc đồn đuổi mà sinh ra Chi. Bố Chi, tức giận rình giết cho được con khỉ kia rồi bỏ về. Sau mới đùn xác khỉ, kết hợp thế đất, mà phát ứng vào đời Chi, học hành lòng lầy, tiếng tăm cả tỉnh Đông ai cũng biết.

Vua nói, không để ý đến truyền miệng ấy:

- Đất Chí Linh là nơi thiền học uyên thâm, nhiều nhà sư có tài lương đồng. Ta xem bài "Ngọc tỉnh liên phú" này biết Đĩnh Chi chịu khó thụ học ở nhiều cửa thiền, kết liên nhiều với nhiều đạo sĩ. Thơ trong bài mùi đạo và vị đời quyến quyết, tình thẳng lời đậm, thật đáng tài Trạng nguyên.

Nhân vui chuyện quan chủ khảo hỏi Anh Tông:

- Thần nghe, Đức vua cũng hay có nhiều bài Ngự chế! Nhưng chưa ai được vinh hạnh thưởng thức.

Vua cười:

- Thơ làm khó lắm! Ta cũng yêu văn chương, song không có thì giờ dành cho văn chương. Thơ cũng có làm, nhưng so với các tài năng hiện nay thấy còn thua kém lắm vì thế không muốn công bố, chỉ để mình mình lúc rỗi giờ xem, gọi là giải trí.

Rồi Vua lãng sang chuyện khác:

- Khanh bàn với bên Lễ bộ, ngay ngày mai hãy cho các quan tân khoa Trạng nguyên, Bảng nhãn, Thám hoa, dạo chơi Long thành ba ngày. Hãy chọn những danh lam thắng cảnh. Vững lòng vinh quy được mang theo. Ngày thứ ba cho chơi thuyền thưởng hoa ở hành cung bên Tây Hồ...

- Dạ!

- Có làm như thế mới khuyến khích được nhân tài. Sau đó ta sẽ bổ dụng ngay vào những chức vị xứng đáng.

- Thay mặt sĩ tử cả nước, thần xin cúi đầu cảm tạ thánh ân đặc tình chiếu cố!

2

Sứ bộ của Trạng nguyên Mạc Đĩnh Chi đã vào đất của Thập vạn đại sơn. Núi non trùng điệp. Lọt vào nếu chẳng có người dẫn đường ắt hẳn không có lối ra. Mỗi trạm dịch cách nhau khoảng một ngày đường. Có trạm được cấp ngựa, có trạm được cấp thuyền. Ài Nam Quan vừa bước qua khỏi mấy bước, lòng quan Trạng bỗng hụt hẫng hẳn đi. Cảnh vật khác, ngôn ngữ khác, núi non, sông nước cũng như khác hẳn bên nước nhà. Tiếng hát điệu sáo véo von hơn, chẳng làm cho ông vui thêm mà đã vơi vợi nhớ quê hương, nhớ đất nước. Ông vốn là người đa cảm, nên các viên phó sứ và đoàn tùy tùng cùng đi đều nhận thấy rõ. Chuyện trên đường của quan chánh sứ đều được phong vị non nước Côn Sơn, nơi có những mái chùa huyền diệu, ẩn sau làn thông xanh vi vút. Ông kể chuyện các vị pháp già sớm mai chân đất, áo thiền, trầm mặc ngồi trên đá mà nghĩ đến phép màu nhiệm của cuộc xoay vần vũ trụ với kiếp người. Ông kể đến đỉnh núi có bàn cờ tiên, đá núi xanh lẫn với màu mây, mùa thu đặt tay lên lạnh toát mà cái ánh nắng rọi vào bàn cờ nóng ấm đến nỗi, tưởng như có người trời vừa xuống đánh cờ, thấy động lại biến hoá đi...

Lòng yêu quê của quan Trạng đã làm cho sông núi có linh hồn. Sôi nổi một hồi về quê hương, quan Trạng lại ngồi thờ một mình bên ấm trà đầu mũi thuyền.

Đã đến trạm Quế Lâm.

Liều rủ đôi bờ sông, báo hiệu đã qua vùng biên, đường núi quanh quất. Trường đình. Đoản đình. Liễu, Liễu và liễu. Gió thu thổi phát ngọn cờ năm sắc giăng trên mặt thành. Thuyền đi ngang toà thành thì gió lại trồn đầu mất. Tiếng chim đa đa vẫn còn réo rắt ở các quả đồi càng gọi thêm những cơn thương nhớ bồi bồi. Ở những vùng đồi núi, quê hương của quan Trạng, giống chim này cũng nhiều lắm.

Thuyền ngược, thuyền xuôi rộ lên câu chào của những người chân sào. Họ là khách nơi xa đến đây, mình cũng có khác gì họ. Lễ nghi đầu trạm toàn chuyện đãi đằng khách khí, khó tìm thấy một người tri kỷ. Tuy vậy, chuyện dọc đường cũng có những thú vui. Chiều qua sứ bộ đã thấm mệt mãi xẩm tối mới qua được cửa quan. Viên quan địa phương chờ ra chào, biết rằng quan Trạng nước Nam suýt nữa thì được một phen ngủ ngoài trạm dịch, vì chậm chút nữa thì cửa quan sẽ không được phép mở nữa. Ông ta bèn vui miệng ra một đôi câu đối:

Quá quan trì, quan quan bế, nguyện quá khách quá quan!

Về ra lấy cảnh có thực mà lại dong chuyện ồm ồ. "Đến cửa ải muộn, cửa ải đóng, ông khách qua cửa ải nghỉ thế nào đây!". Vế câu đối ra đã giới thiệu được tính cách đôn hậu của người ra đón. Con say văn chương cũng làm điệu đi nổi vất vả dọc đường. Mạc Đĩnh Chi đối luôn, chẳng cần suy nghĩ:

Xuất đối đi, đối đối nan, thỉnh tiên sinh tiên đối!

"Ra câu đối thì dễ, đối lại về ra thì khó, mời ngài đối trước đi!". Câu trả lời thông minh ấy lập tức nhận được cảm tình của đoàn đón tiếp. Đêm ấy, sứ bộ được thưởng thức một đêm rượu, đêm thơ đầy tình bè bạn. Khi tiễn nhau lên đường, lòng người đi kẻ ở quyến luyến bội phần...

Thêm những ngày vượt suối trèo non, thoát đã đến trạm dịch gần hồ Động Đình. Thông thường sứ bộ đến đây được nghỉ lại, để người sở tại nghe ngóng thời tiết, sửa soạn thuyền bè, phu chèo thuyền để vượt qua hồ Động Đình.

Hồ có thánh bình yên, nếu khách qua lại đi vào mùa đông lạnh lẽo và tạnh gió. Sứ bộ đi vào những phút giao mùa khá nguy hiểm. Thời tiết thay đổi, những ai cao tuổi dễ lâm vào những cơn bệnh đột biến khá gay go. Thỉnh thoảng lại có những trận cuồng phong, cuồng vũ nổi trên mặt hồ. Người ta nói hồ Động Đình có thần nguyên là một nữ thần, thỉnh thoảng có xuất hiện. Có lúc nghe thấy tiếng hò hét xô đuổi như một cuộc thủy trận. Có lúc nghe như tiếng tiêu thiểu nhã nhạc nổi lên ở hòn đảo đầy cây cối thanh u ở giữa hồ. Có lúc thoảng có tiếng ngâm thơ vọng từ đáy nước...

Những đoàn thuyền buôn, những sứ bộ hai nước, những đoàn thuyền chở thóc lúa, hàng hoá cho việc Vua, việc nước, khi qua đây thường ghé vào ngôi đền núi Biện Sơn mà cầu bình an. Sau lễ dâng hương thành kính, tín chủ đem vàng mã hoá rồi vớt xuống sông.

Trạng Mạc không làm như thế. Có người cùng đi gợi ý:

- Đang mùa sóng to gió dữ, sao quan chánh sứ lại quá sơ sài chuyện cầu linh ứng ở quỷ thần.

Trạng đùa đáp:

- Ta vốn xấu xí, thủy thần trông thấy đã sợ rồi. Lo gì lấy ta xuống làm việc.

Rồi điềm nhiên cho thuyền giong thẳng vào hồ, thanh thản ngắm cảnh quan, cây nước, sương núi, chim hồ tự do phóng khoáng.

Thuyền đi đã được vài ba dặm. Sương phủ càng dày, gió mát se se, dễ gợi sự hư thực, nửa mê nửa tỉnh. Quan Trạng đang cầm chén trà trong tay, chợt thấy một người vận quần áo chỉnh tề, như người đồng bang của mình, dáng nho nhã rồi thưa:

- Thừa quan Trọng vàng mệnh đi sứ, tôi đến có lời chào mừng!

- Ông là ai vậy?

- Tôi cũng là một viên quan trong sứ bộ nước ta thuở nhà Nguyên đang có chuyện hiểm khích. Vua Thái Tông sai tôi sang lấy lễ phải để xin hoà hiếu. Lúc ấy hành tỉnh Vân Nam, lữ A Lý Hải Nha, Thoát Hoan đang dương dương tự đắc. Chúng khoe khoang, hăm dọa, hỏi Vua ta có biết vó ngựa quân Nguyên Mông đang chinh phục xa nhất là bao nhiêu dặm không? Tôi nói: Việc đánh trận không thể nói trước được, có khi xa được, mà gần thua. Chúng tức giận, nhưng không lộ ra mặt. Vài bữa sau họ cho tôi và vài người ngang bước trong đoàn đi chơi hồ Động Đình rồi cho đục thuyền chìm chết!

- Vậy ta đang ở đâu mà nói chuyện với anh hồn nào vậy?

- Người sống, người chết có những sợi dây đồng cảm vô hình, quan Trọng đi chuyến này khác xa thuở xưa của tôi rồi! Chắc là Vua Vũ Tông sẽ tiếp đãi nồng hậu.

- Sao ngươi biết!

- Tôi thấy quan Trọng cứng cỏi, khiêm nhường. Tài học lừng danh trong nước truyền sang cả vùng Động Đình. Vì thế, lòng mến phục có ý chờ bái yết, đêm qua lại nghe câu trả lời của quan Trọng khước từ việc dâng hương và đốt vàng mã, sự hâm mộ lại càng tăng! Thế nước bên ta đang vũng vàng, sứ bộ toàn người tài giỏi.

Mac Đĩnh Chi cười:

- Ông nghe thấy cả câu nói đùa của ta?

- Dạ!

- Cái vẻ ngoài con người cũng cần lắm thay! Đức vua Anh Tông sáng suốt chừng ấy, thấy ta xấu mà lưỡng lự mãi mới phong Trọng. Nhưng sau phút lưỡng lự, sự tin cậy đã có. Chuyến đi sứ này, quân thần cũng bàn đi tính lại nhiều lần... Cái bản khoán của nhiều người đều xuất phát từ bộ mặt xấu xí của ta!

Người hầu chuyện đưa mắt, khẽ cười hỏi quan Trạng:

- Tôi có thể hoá phép quan Trạng thành một văn nhân tuấn tú, hợp với tài lạ của người, nếu người ưng, tôi sẽ giúp.

Trạng cười thật vang, hồn nhiên sáng khoái:

- Nếu mặt đẹp như ngọc, môi như thoa son, tuấn tú dị thường thì còn đâu là Mạc Đĩnh Chi nữa. Ta sẽ thành người khác mất.

Tiếng cười lớn khiến người hầu phải chạy vào hỏi:

- Quan lớn đã tỉnh. Người nằm mơ có điều gì sáng khoái mà cười to đến vậy?

- Ta gặp người quen nay cũng là một hồn thiêng ở hồ Động Đình này... Ta ngủ đã lâu chưa?

- Dạ bẩm, quan lớn ngủ được khoảng vài ba khắc. Giữa lúc đó cuồng phong nổi dậy cực lớn. Chúng con phải chèo chống mới qua khỏi vùng gió xoáy. Nhưng rất lạ dù sóng to gió lớn, nhưng các tay chèo không ai xao xuyến. Thuyền dẫu trôi thành vòng tròn nhưng cứ dập dềnh theo sóng mà đi. Tay chèo tay lái của từng người như có người đến dạy cách nương gió, nương sóng vượt qua cơn nguy hiểm. Vừa dứt cơn gió xoáy, mặt hồ trở lại bình thường, cũng là lúc quan lớn tỉnh dậy.

Chợt nhớ chuyện "giấc mơ" vừa đoạn, Mạc Đĩnh Chi buông mắt nhìn lên ngọn núi Biện Sơn xa xa, lại cồn cào thương cảm người vừa trò chuyện cùng mình. Ông làm một bài thơ rồi đốt nhanh cháy thành lửa, thả xuống mặt nước.

Lạ thay, bài thơ vừa vút xuống cũng là lúc đi vào khúc đẹp nhất của Động Đình. Đá núi lộ nhô như voi đùa hồ tắm. Cây xoà mặt nước, đầy hoa phong lan nở. Chim chóc từ trong cây đang đùa nhẩy. Chợt có một tiếng chim hoạ mi cao hứng hót trỗi lên một khúc nhạc véo von, kỳ thú. Người đi đăm đuối vào cảnh, quên hết cả những chuyện vất vả gian truân vừa xảy ra dọc đường...

Sứ bộ đến Yên Kinh, quan Trạng nằm hơn một tháng ở quán dịch không được tiếp đón. Hỏi ra mới biết người Nguyên thấy đoàn sứ phương Nam sang, chánh sứ là người xấu xí, thấp bé nên có vẻ khinh. Mạc Đĩnh Chi không nói năng gì, cứ thản nhiên đi du ngoạn các thành trì ở Trung Nguyên, xướng hoạ với những bậc danh nho ở các tướng phủ, ở các quán dịch Cao Ly và Phù Tang. Tiếng đồn đại đến tai viên Tể tướng. Ông ta đưa thiệp mời Mạc Đĩnh Chi đến dự tiệc.

Dinh Tể tướng khá nghiêm trang. Nhà khách làm ở phía Tây, trần thiết nhiều đồ quý giá. Tiết tháng sáu nóng nực, Tể tướng ngồi trên sập đang bóc vải tiến ở phương Nam vừa đem đến, không thèm đứng dậy chào, chỉ cho viên quan hầu đem đôn sứ cao đến mời Trạng. Người thấp bé, Mạc Đĩnh Chi biết nếu phải vin tay, ghếch hông lên mới ngồi nổi sẽ mất tư thế. Ông khiêm nhường chấp tay cảm ơn người cầm đôn, rồi đứng chấp tay nhìn ngắm nhà khách của quan Tể tướng.

Chợt ông chú ý đến bức tường rất đẹp treo ở trong phủ. Hình cây trúc xanh cứng cáp thêu trên nền gấm Hàng Châu rất nhã. Trên cành trúc có một con chim sẻ vàng. Bàn tay người thợ thêu đã thổi vào hồn con chim cho nó có vẻ quý phái kiêu kỳ.

Mạc Đĩnh Chi vờ tưởng là con chim sẻ vàng thực, chạy đến vồ bắt. Mọi người cười ồ. Viên Tể tướng cũng ngừng ăn và cười vang hơn ai hết. Hắn bảo đẹp khay hoa quả và vừa rửa tay vừa nói:

- Sứ thần An Nam nhảm rồi! Đây là tướng phủ. Chim sẻ thêu, chứ có phải chim sẻ vàng thật đâu!

Lập tức, Mạc Đĩnh Chi kéo bức tường xuống, xé toạc trước mặt mọi người.

Viên Tể tướng nghiêm sắc mặt hỏi:

- Sao ông lại xé bức tường đẹp trước mặt ta?

Trạng ung dung nói:

- Thưa không lầm đâu! Tôi nghe người ta vẽ hoa tước, chim sẻ đậu cành hoa, chứ không ai vẽ trúc tước.

- Vì lẽ gì?

- Trúc là cây quân tử. Đây là câu thơ vịnh trúc ở nước tôi: "Vị xuất thổ thời tiên hữu tiết! Đáo lăng vân xứ đã vô tư" nghĩa là chưa ra khỏi mặt đất đã có khí tiết⁽¹⁾, cao ngất ngang trời lòng dạ vẫn vô tư! Một thứ cây quân tử như vậy sao có thể để loài chim sẻ tầm thường đậu được!

Viên Tể tướng chịu phục, vội đổi giọng, vốn vả mời hỏi, gọi người đem trà và hoa quả mời sứ, và cùng đàm đạo về chính sự. Mạc Đĩnh Chi khiêm nhường, chân tình, hỏi đến đâu, nói đến đấy, việc nào cũng rõ ý, ý nào cũng sâu sắc, các điển lệ, văn hiến phương Đông, các sách lạ của Trung Hoa, Cao Ly đều thông hiểu. Tể tướng tiếp đến tận chiều và ban yến ở giữa buổi. Khi về còn thân đưa ra tận cổng, dùng dằng chưa nỡ vào. Trước khi lên kiệu còn hỏi:

- Tôi muốn được quan Trạng nguyên cho nghe thêm đôi điều có ích trong việc tế thần!

Trạng nói:

- Tể tướng đã nghe ai nói về cách xử sự theo lối vi, huyền chưa?

- Thế nào là vi, huyền?

- Hàn Phi Tử nói: "Tây Môn Báo tính nóng nảy, phải đeo dây da nịt người lại để tính được ôn hoà! Đồng An Vũ tính chậm chạp, phải đeo dây đàn để thỉnh thoảng dây chích nhẹ vào người mà nhanh nhẹn hơn!". Đó là cách vi, huyền vậy! Cũng là cách răn mình biết sửa chữa những điều thiếu sót.

Tể tướng cảm kích nói:

⁽¹⁾ Chữ tiết còn có nghĩa là đốt.

- Lâu nay người xung quanh chỉ biết làm vui lòng ta. Mắt ta chỉ nhìn thấy những thứ lộng lẫy, tai ta chỉ nghe những lời tán tụng. Mong ông khuyên cho một, hai điều cụ thể, hữu ích về đạo vi huyền!

- Thừa đại quan, tôi cũng chỉ nhắc lại điều của những bậc hiền triết xưa. Nếu quan lớn thấy lọt tai thì ứng dụng. Phàm xảo quyết quá thì gây ra nhiều việc đáng lo, hành sự còn có chỗ vụng về thì lại không phải hối hận nhiều về sau!

Tể tướng ngẫm nghĩ rồi gật đầu. Trọng thưa tiếp:

- Hãy lưu cái khôn khéo còn thừa chưa dùng hết để trả lại tạo hoá; hãy lưu cái bổng lộc không dùng hết để trả lại triều đình; lưu tài hoá còn thừa không dùng hết để trả lại cho trăm họ; lưu cái phúc trạch không nhận hết để trả lại cho con cháu.

Tể tướng nhà Nguyên thốt lên:

- Đúng! Đúng quá! Ta cảm ơn ông và xin thứ lỗi cho những điều sơ suất.

Với lòng yêu mến đặc biệt, Tể tướng tiến cử Trọng nguyên Mạc Đĩnh Chi được vào hầu Vua Nguyên ngay vài ngày hôm sau. Quan Trọng đầu nhỏ bé nhưng nghị thức rất đàng hoàng. Cái dáng nhỏ nhắn của ông chỉ tăng thêm vẻ khiêm nhường và đáng yêu. Tài lạ của ông đã khiến Vua tôi nhà Nguyên quên cả bộ mặt xấu xí.

Cùng lúc ấy, cũng có một sứ thần khác vào dâng quạt tiến.

Vua Nguyên liền sai người đem bút mực để Trọng nguyên Mạc Đĩnh Chi đề thơ luôn vào đó. Không chân chừa, Trọng cầm bút đề thơ, kiểu chữ sống động lạ thường. Chữ hiện đến đâu, chiếc quạt càng hoàn hảo thêm.

"Đang cơn chảy đá, tan vàng

Trời như lò lửa, nắng tràm thịt da

Quạt này tài sánh Y, Chu

Nắng tràm cũng tắt, lửa lò cũng lui

Phải khi mưa tuyết bởi bởi

Cầm cảm gió rét một trời giá băng

Quạt này ai đoái, ai nhìn?

Di Tể đối lá, nằm khăn hang sâu!"⁽¹⁾

Vua Nguyên và sứ thần nước bạn đều phục tào. Vua sai lấy một hũ rượu bồ đào cực ngon, một cây gấm Hàng Châu cực đẹp ban cho Trọng, rồi hỏi:

- Ta mới lên ngôi, Trọng biết ta đang nghĩ gì không?

Mạc Đĩnh Chi nói:

- Tâu, thần chắc Đức vua đang cần người tài giỏi giúp rập.

- Quan Trọng đoán rất đúng ý ta!

- Thần xin dâng lời chúc lên Đức vua: Chúc bầy tôi ở triều đình của Đức vua có nhiều bậc sáng suốt thể lệ trị an, vạch ra đường lối chính sự và có kiến thức rộng rãi; chúc bầy tôi về văn học, sử quán của Nhà vua có nhiều bậc trứ thuật giỏi; hiến chương thạo, không bỏ sót phép tắc tiền cổ; chúc bầy tôi về việc quân của Nhà vua có những bậc quả quyết cơ mưu, dũng mãnh, thành thạo việc chiến trận; chúc bề tôi nơi phiên trấn của Nhà vua có nhiều người hiểu rõ phong tục, thanh khiết, yêu dân; chúc bầy tôi giữ việc lễ tân của Nhà vua có nhiều bậc giỏi ứng biến, theo lễ phải, không phụ trách Nhà vua giao phó; chúc bầy tôi giữ việc xây cất dinh thự, lâu đài có nhiều công trình đẹp để lại cho đời sau, dùng mãi đỡ hao phí công của chúng dân!

Vua nhà Nguyên rất vui lòng, khen:

- Sứ thần nước Nam khôn ngoan và uyên bác.

Vua sai quan Tể tướng lưu sứ bộ lại để có thêm thì giờ trao đổi thêm với những văn thần có tài kinh bang, tế thế.

Danh tiếng của Trọng nguyên Mạc Đĩnh Chi lừng lẫy ở đế đô Trung Hoa.

⁽¹⁾ Nguyên văn chữ Hán, người viết phỏng dịch.

Đã sang triều Vua Minh Tông. Thượng hoàng Anh Tông vừa mất. Thân dân ai cũng thương xót. Nhờ có tài biết dùng người, Vua Anh Tông đã truyền lại cho Vua sau những người tài giỏi có thực lực. Đó là Trần Thì Kiến, Đoàn Nhữ Hài, Đỗ Thiên Hư, Mạc Đĩnh Chi, Trương Hán Siêu, Nguyễn Trung Ngạn, Phạm Sư Mạnh, Lê Duy... So với các quan đại thần, Trạng nguyên Mạc Đĩnh Chi sống thanh đạm hơn ai hết. Dinh thự chỉ cần vài lính hầu, nội thất không khoe châu ngọc. Ông suốt ngày vui với sách vở, bất đắc dĩ mới nề bề bạn dự một vài bữa tiệc... Tiếng đồn đến tai Nhà vua rằng không ai biếu nổi quà cáp, lễ lạt cho quan Trạng. Vua cho lính Ngự lâm bỏ vào vườn ông mười quan tiền. Người nhà trung hậu đem lên trình ông. Ông bảo giữ nguyên bọc tiền không mở, hôm sau vào chầu Vua, xong việc, thuật lại việc vừa xảy ra.

Vua Minh Tông điểm nhiên không lộ vẻ thương phục, chỉ bảo:

- Không ai đến nhận thì khanh giữ lấy mà tiêu!

Mạc Đĩnh Chi biết là Vua yêu thử mình, liền lấy tạ và nhận mười quan tiền.

Ông cho gia nhân mỗi người một quan tiền, còn mình chỉ nhận một quan. Quan tiền ấy, ông giữ mua trà ngon uống để thức khuya đọc sách.

Tóc ông đã trắng xoá... râu bạc, lông mày cũng bạc. Tướng mạo bỗng như thay đổi khác xưa. Nhưng tính tình, phong độ vẫn nguyên như thuở dâng bài văn "*Sen trong giếng ngọc*".

Mùa sen năm Đinh Mão

1987

Chuyện kín trong núi Yên Yên

*Giai nhân lạc địa uỷ kim diên
(Nhữ Công Chân)*

Đức vua cho rằng cung nhân trong hoàng cung không ai thông tuệ bằng Điểm Bích. Thượng hoàng Anh Tông khi làm thơ, thường gọi nàng đến mài mực, viết xong lại đọc cho nàng nghe. Chữ Điểm Bích cũng đẹp. Có lúc Thượng hoàng mải nghĩ thơ, sai nàng chép luôn bài thơ cho mình, rồi khi về đến phòng ngủ mới xem lại, sửa chữa rồi chép lại trong tập *Thủy Vân tùy bút*. Một bữa, cao húng, làm xong bài thơ *Vân Tiêu Am*, Anh Tông đọc cho Điểm Bích nghe:

Am Vân Tiêu⁽¹⁾

Vòi vọi núi vươn như lọng hoa
Bụi trần đâu vướng động tiên sa.
Đỉnh cao chót vót người nương đạo,
Gió mát trăng thanh, bạn đó mà...
Gió mát bốn mùa thay lá biếc,
Trăng thanh lãnh đãng tưởng băng nhòa.
Trăng đây, gió đấy, người đây nữa,
Tuyệt diệu còn khôn, xứng cả ba...

⁽¹⁾ Nguyên văn chữ Hán, người viết truyện dịch.

Vua đọc xong hỏi:

- Điểm Bích thấy thế nào?

- Thần thiếp cảm thấy Thượng hoàng lại yêu cảnh thiên hơn triều đình bá quan rồi.

- Nàng nói thế có ý gì?

- Nhà Trần ta, đức Thái Tông là một bậc minh quân từng chiến trận ở vùng Tam Đái, máu chảy thành sông mới ngăn nổi được vó ngựa của Ngột Lương Hợp Thai. Vậy mà cuối đời Ngài ngự lại viết Khoá Hư Lục, bàn về thuyết Sắc Thân, tưởng đến chân kinh, văn khí, diệu đề cũng chỉ đến thế. Ngài Điều Ngự Giác Hoàng Nhân Tông từng có câu thơ khắc lên trời xanh: "Xã tắc lưỡng hồi lao thạch mã. Sơn hà thiên cổ điện kim âu", vậy mà sau khi đất nước thanh bình lui về Yên Tử, say thiền, nghiền ngẫm về chân thân, phép nhiệm màu của đạo Phật, lập ra tông phái Trúc Lâm, các vị cao tăng, đại đức, hoà thượng, tỷ kheu..., sa môn đều nể trọng. Gần đây thần thiếp thấy Ngài ngự thường khuyên nhủ các cung nhân ăn chay, nay được nghe thơ, càng thấy Ngài lại muốn học theo ý của cha ông thuở trước.

Anh Tông thở dài:

- Ta sợ không có cái duyên với đức Phật như các vị tiền bối. Nhưng biết thế nào. Có đứng trước am Vân Tiêu này mới thấy, có gần trời mới hiểu thêm trời, gần gió mới hiểu thêm gió, gần trăng mới hiểu thêm trăng, gần núi suối mới hiểu thêm núi suối. Thế là người có gần vũ trụ mới thấy hết được vẻ đẹp tuyệt vời của vũ trụ. Ta thêm được như thế, mà chắc duyên nợ trần gian cũng còn nặng.

Ngừng một lát, Anh Tông nói:

- Nàng có nghe tiếng sư Huyền Quang chưa?

Điểm Bích thưa:

- Đó có phải là thiền sư ở chùa Vân Yên ư?

Anh Tông gật đầu:

- Đúng vậy. Người này họ Lý tên là Đạo Tái, chín tuổi đã biết làm thơ văn, rất thông tuệ, học một biết mười, đương thời coi như Nhan Hối của Đại Việt. Năm hai mươi tuổi Đạo Tái thi hương, thi Hội hai khoa đều đậu cao, nhưng chỉ thích làm học quan, san nhuận kinh sách để ban bố dạy học trò. Sau treo ấn từ quan, muốn xuất gia. Đạo Tái được ban pháp danh Huyền Quang, theo học thiền sư Bảo Phác. Năm ta đến chùa Vĩnh Nghiêm nghe Pháp Loa thuyết pháp, qua chùa của Bảo Phác có đem Huyền Quang theo. Lúc này ông ta đang chiêm nghiệm về kinh kệ nên rất ít nói.

Điểm Bích hỏi:

- Huyền Quang thi cử chỉ là để cho thiên hạ biết tài học của mình. Thấm nhuần giáo lý đạo nho mà không theo đường của Mạc Đĩnh Chi, Đoàn Nhữ Hài, thần thiếp nghe nói, khi tại triều, có tước vương đã yêu quý định làm mối cho Công chúa Liễu Nữ, cháu gái xa An Sinh Vương Trần Liễu, ông cũng từ chối. Người thanh cao, phong nhã mà chẳng hề nghĩ đến việc lập tổ uyên ương. Hay là vốn tiền kiếp tu chưa viên thành, nên kiếp này Phật độ, muốn đưa về nương cõi Phật.

Anh Tông hỏi:

- Nàng nghĩ về việc này thế nào?

- Thiền, Nho, Lão là ba thứ đạo luôn luôn được những người thức giả đắm đuối học hỏi và đào tìm nghĩa lý. Có lúc say Nho, chê Thiền, chê Lão. Có lúc lại thấy Thiền mới là chỗ để mở lòng đến với cõi người và trả oán trả ân với kiếp sau, kiếp trước. Có lúc thì thấy Lão mới thật là hiểu hết nhẽ nhiệm màu của tạo hoá...

- Nàng khoe chữ nghĩa với ta đó ư?

- Thần thiếp thật đắc tội, song ý thần thiếp muốn nói: Huyền Quang từ Nho chuyển sang Phật, nhưng tâm nào đã hết Nho. Mùi đời lắm lúc cũng quyến rũ lắm.

Anh Tông, mắt sáng lên, thoáng có một ý nghĩ độc đáo:

- Ta muốn mượn oai Phật để thử Huyền Quang. Nàng có giúp ta chăng?

- Xin Ngài ngự ban ý chỉ!

- Nàng hãy đến chùa Vân Yên thử xem Huyền Quang là một thiền sư hay một văn nhân tao nhã chưa tìm được ý trung nhân. Ta muốn nàng đến xem Huyền Quang có xiêu lòng không?

- Thần thiếp đang chẳng là cung tần của hoàng cung sao? Sự việc vỡ lở ra, thiên hạ nghĩ thế nào?

Anh Tông nói:

- Ta sai nàng đi kia mà. Nàng phải cải trang, còn ai biết là Điểm Bích nữa. Và lại, nếu Huyền Quang đã là một bậc chân tu, thì nàng chỉ làm sáng danh cho ông ấy. Hơn nữa để được giai thoại cho đời sau, há chẳng hay ư. Nhược bằng, nàng quyến rũ được Huyền Quang thì cũng là bậc trai tài, gái sắc. Ta sẵn lòng nhường, nếu quả như thế thì phải tìm cách để một Điểm Bích sẽ biến đi trong hoàng cung mà mọi người đều tin theo thôi. Ý nàng thế nào?

Điểm Bích thấy Vua đã hào hứng. Và lại nàng cũng muốn rời hoàng cung đi ngao du một chuyến, liền dịu dàng nhận lời.

*

Chia tay với nàng Điểm Bích ở bến đò Bình, viên đội trưởng và toán thị vệ quay về triều. Nàng vào bụi cúc tần, thay quần áo. Lúc sau đã thành một thôn nữ, khoác tay nải màu đà, vội vã đi về phía Yên Tử.

Phải đến tối giáp mặt, nàng mới đến chùa Vân Yên. Nghe tiếng chó cắn, một ni sư đứng tuổi ra mở cửa thiền. Điểm Bích thưa:

- A di đà Phật! Con từ xa đến, xin nhà chùa nhón tay làm phúc, cho nghỉ lại được chăng!

- Mó Phật! Nhà chùa đâu dám từ chối khách thập phương, chẳng hay cô có việc gì mà lần mò vào chỗ tre trúc rậm rì, người ở cùng rắn rết muông thú này.

Điểm Bích trầm mặt xuống, buồn rười. Ni sư thở dài:

- Cõi trăm luân mỗi người một cảnh. Sầu não, đau khổ nào có chờ ai. Đêm khuya mất rồi. Phận đàn bà bước ra khỏi nhà một bước chân là nguy hiểm lắm. Thôi con vào đây!

Điểm Bích vào chùa. Nàng nghỉ lại đêm, hôm sau buồn bã, bịa ra một biệt cảnh mà thân phận mình phải gánh chịu, ni sư cả tin, rất mừng lòng. Sư nói:

- Ta xem con là người khuê các, đẹp người, đẹp nết, nông nổi nào phải đến nỗi phải rời bỏ giàu sang, phú quý mà đi.

Điểm Bích thưa:

- Con yêu một người. Chàng là một bậc phong lưu công tử, thông minh, tài cao, học rộng. Con hi vọng chàng sẽ thương mình hết lòng, khi đã thể dưới vầng trăng vàng vạc. Chẳng dè khi chàng đạt tới đỉnh vinh quang, giàu sang, chàng lại chọn nơi quyền quý để sánh đôi, chàng bán tin chỉ cưới con làm thiếp. Cha mẹ con thấy chàng là một bậc quý hiển, ép con lấy chàng. Nhưng con vốn là người tự trọng, nên quyết tìm nơi cửa thiền xuống tóc, quên hết lẽ đời. Con xin thầy thưa với sư thầy ngôi cao, cho con được thụ giáo.

Ni sư càng tin. Gần nàng, thấy tính tình đoan trang lại thông tuệ, chữ đẹp, xem kinh hiểu nhanh, không cần giảng thêm, sư quý lắm, liền thưa chuyện với Huyền Quang. Sư ông liền cho đến tiếp kiến. Tuy nàng đã ăn mặc áo nhà chùa, nhưng nhan sắc vẫn sáng rực giữa nơi lều tranh, giường gỗ, ghế mây, trên án chỉ toàn kinh kệ. Huyền Quang thoáng nhìn nàng, rồi vội nhắm nghiền mắt, lại không nói gì nữa. Điểm Bích thưa:

- Bạch thầy, bữa qua ni sư có cho tiểu nữ đọc lời của đức Trần Thái Tông, có bàn thêm về việc Đức Thích Ca Mâu Ni thuyết pháp ở Bàn Sơn, con đọc thấy lời văn bồng bồng trong huyết quản.

Huyền Quang vẫn nhắm mắt hỏi:

- Con thích đoạn nào?

- Dạ đoạn này ạ!

Rồi Điểm Bích đọc, to lên: "*Hoa vàng rõ rõ, không đầu không là tâm - bát nhã, tre tím xanh xanh, không đầu không lý - chân - như. Nhỏ cổ đại hiện bản lai diện mục. Hối đầu cười ngựa sắt mà về, xỏ mũi trâu bùn đi bước một. Không lấy một pháp trong vạn pháp làm bạn thù đầu còn sở đắc nào? Phật cũng không, tâm cũng không. Chân cũng đúng mà giả cũng đúng. Ngoài cửa tam yếu dù hét "Hai" cũng là "Ba", đầu đường thập tự có hồ "Chín" cũng là "Mười". Lấy sáo không lỗ tấu khúc vô sinh, dùng đàn không dây, gảy bài khoái hoạt.*

Ai ai mà không là tri âm

Đầu đầu lại chẳng là bè bạn!

Một con đường hướng thượng ấy, làm sao ta hiểu được. Hãy nghe kỹ, nghe kỹ. Khi nghe lọt được thiền ngữ ấy thì tai sẽ bị ba ngày điếc đặc⁽¹⁾. Nếu nghe lọt, há lại bỏ đi hay sao? Bởi vì nơi nào cũng có cây dương xanh có thể buộc ngựa, nhà nào cũng có con đường dẫn về kinh đô.

Đường về dưới nguyệt ít ai đến,

Một ánh trăng khuya lạnh khắp miền".

Điểm Bích nói:

- Bạch thầy, lời thuyết pháp như thông reo, suối chảy, trăng sáng đầu non, trời hồng sau núi.

Huyền Quang nói, mắt vẫn nhắm nghiền:

- Mô Phật. Ta thì ta thích đoạn này khi Đức Phật Tổ bàn về hướng thượng. Đó là lời thủy ngữ của Bàn Sơn: "*Một con đường hướng thượng, ngàn thánh cũng không truyền; học giả vì vậy mà khổ công nhọc mình như con vượn tìm bắt bóng của nó. Nay các thầy sa môn, hãy hướng về đầu nẻo ấy mà tham thủ, hóp lấy ý thiền.*

⁽¹⁾ Lấy tích nhà Phật. Bách Trượng Thiền sư nghe một tiếng hét của Mã Tổ Thiền sư, điếc đặc ba ngày.

Mà các thầy làm sao tham thủ được thiên ý ấy? Nếu có chủ tâm tham thủ và trở thành đối tượng tham thủ thì cũng như anh chàng gàn điên kia, trên đầu lại muốn có thêm một đầu, sau lưng lại muốn có thêm một đuôi, trong mắt lại muốn có thêm một con người, trên da thịt lại muốn có thêm một cục bướu".

Điểm Bích thành thực hỏi:

- Bạch thầy, con chưa hiểu.

- Giác ngộ phải chân tâm. Muốn tham thủ được thiên ý ở núi Bàn Sơn, thì lòng phải không tơ bợn chút gì, thì mới ngộ được. Ngay cả thích sớm hiểu hơn người cũng tức như trên da thịt mọc thêm bướu vậy.

- Bạch thầy, con đã hiểu!

Điểm Bích vái thầy rồi lui. Huyền Quang vẫn nhắm nghiền mắt.

*

Sư đã tin cậy Điểm Bích. Huyền Quang trao cho nàng chép những lời thầy giảng về kinh Tam Tạng, kinh Kim Cương. Một bận thấy tập thơ Thiên của Huyền Quang đặt trên chõng tre, Điểm Bích đánh bạo nói:

- Con đã nghe tiếng văn chương của thầy lưu truyền ở kinh thành. Xin thầy cho phép con được thưởng thức những vần thơ bên suối, dưới khe, vui cùng non xanh nước biếc của thầy.

Huyền Quang lưỡng lự, sau cũng trao cho Điểm Bích rồi nói:

- Ở đây kinh kệ đã sẵn nhưng thơ trước thì ta chẳng còn đem theo tập nào. Lắm lúc lòng người cũng cần đến thơ như Phật tử nương vào kinh kệ, do đó, ta tự làm, tự đọc thôi. Con muốn xem thì xem.

Điểm Bích đem về đọc hết, rất phục tài Huyền Quang. Lại chép hết vào trong quyển sách riêng của mình. Một tháng sau mới đem trả.

Sư hỏi:

- Nàng thích những bài nào?

- Bạch thầy. Về thơ thiên nhiên con thích các bài *Sơn Vũ* (Mưa núi) *Chu trung* (Trong thuyền). Còn về thơ hoa thì con thích thơ mai và thơ cúc.

- Mai và cúc cũng có nhiều bài. Con thích cả ư?

- Mỗi bài hay một vẻ. Nhưng bài để lại nhiều âm vang là hai bài này. Con đã dịch sang Nôm, xin được đọc thầy nghe.

Hoa mai

Muốn hỏi ông trời xem quê xứ hoa!

Non xanh, muốn cánh tuyết bồng ra.

Hái về đâu để nhìn không chán,

Muốn mượn hương xuân chữa bệnh già!

Hoa cúc

Quên thân, quên thế đã rằng quên

Giường thơ, thanh thảo cứ ngồi bên,

Năm tàn, đất núi, đâu ra lịch.

Đến tết Trùng Dương, cúc nở bên.

Huyền Quang khen:

- Lời dịch thoát lả.

Nhân lúc thấy sư cao hứng. Điểm Bích gặng:

- Con nghe nói, thầy từng ngâm thơ ở vườn thượng uyển, lúc vinh qui. Bây giờ xin thầy ban cho con được nghe giọng thầy qua một bài thơ thầy thích!

Huyền Quang nhìn Điểm Bích rồi nhắm mắt lại, cất tiếng ngâm:

- Vàng vặc trắng mai ánh nước,
Hiu hiu gió trúc ngâm sen.
Người hoà tươi tốt cảnh hoà lạ.
Mâu Thích Ca nào thuở hữu tình.

Điểm Bích cảm động ngược nhìn sư. Huyền Quang đã chìm đắm trong khoảng hư vô để tìm cõi giác.

*

Ni sư vào bạch với Huyền Quang:

- Bạch thầy, tín nữ Điểm Bích nhà có việc buồn. Máy bữa nay kinh kệ biếng, ủ rũ, âu sầu, chỉ ngồi khóc.

- Hay là cô ta muốn trở lại kinh thành. Sư ni hãy mời cô ấy đến gặp ta!

Điểm Bích đến, chào thầy, cúi mặt có vẻ ngượng ngùng. Huyền Quang nói:

- Con muốn quay về với chỗ trần gian hỗn độn ư?

- Bạch thầy, số con vẫn chưa tròn công quả! Con cũng muốn ở đây theo học thầy, nương nhờ cửa Phật song bữa nọ xuống núi, được thư nhà, thấy cha mẹ con từ lúc con bỏ đi thương con ngã bệnh, nhà lại bị hoả hoạn, gia sản mất sạch sành sanh, hiện nay không biết飄u bạt nơi đâu? Do đó, bồn chồn không yên... Nghĩ đến chữ hiếu chưa trọn, nghĩ đến chuyện người đứt ruột sinh ra mình, không thể dùng được. Do tâm không được tĩnh nên lòng đã thác loạn. Con xin thầy lượng thứ.

Huyền Quang nhìn Điểm Bích mà nói:

- Tu hành đâu phải muốn là được, âu cũng là duyên giác. Đạo huyền diệu khó hình dung, không thể dùng văn tự mà lĩnh hội được.

Điểm Bích bối rối thật sự. Thời hạn của Anh Tông hẹn cho nàng đã hết. Những câu chuyện nàng đã đến gần được Huyền

Quang, sư đã ân cần với nàng, đưa cả thơ cho nàng dịch, ngâm thơ cho nàng nghe... Khéo kể, Vua dầu nghe, chưa hẳn là chứng lý tốt với "trò chơi của Vua và nàng" đã lôi kéo Huyền Quang về cõi tục. Cần phải có vật riêng quý của sư tặng cho nàng, lúc đó thì Anh Tông mới không thể không tin nổi. Nàng nói:

- Bạch thầy, đường xa thân gái, lộ trình về kinh thì xa. Thầy thương con, thầy có thể giúp con chút bạc vụn hay tiền gạo ăn đường được chăng?

Sư nghĩ một lát rồi nói:

- Ta đã xa sự nổi chìm phiền não của sự đời, nên mượn mây, núi mà tìm học theo chân Phật tổ, khi đi trên mình ngoài vài bộ quần áo thiên, không mang theo chút gì. Song có một vật Vua ban ngày trước, nhớ những ngày luyện chữ, tìm câu, soạn sách, bình văn để được đứng đầu sĩ tử, dạo phố xem hoa, đó cũng là những ngày thanh sáng. Nay đã giác ngộ được Thiền học, giữ làm gì nữa, ta sẽ ban cho con.

Nói rồi đưa tay lên hốc cột lấy nén vàng Vua ban đưa cho Điểm Bích.

Điểm Bích mừng lắm, ngày đêm đi về kinh đô. Nàng được gọi vào chầu ngay. Điểm Bích lên chùa Vân Yên mấy tháng, đáng vốc lời nói có dè dặt, điềm đạm của người Thiền, song khi gặp Vua nàng không khỏi xúc động và hồi hộp.

Điểm Bích đã sẵn lời tâu để Vua vui lòng. Khi nàng đặt nén vàng Vua ban cho Huyền Quang lên trên án, Anh Tông sùng sốt thốt lên:

- Ta đùa hại sư tổ mất rồi! Bởi tin sư tổ là người hơn đời, bởi để thử Điểm Bích có yêu ta, vì ta làm tất cả những điều khiến ta vui lòng, ngờ đâu kết quả ngược lại. Ta mắc tội "Giăng bẫy bắt chim", và sắc đẹp đã làm nao núng một bậc cao tăng ư?

Điểm Bích đã trót dựng ra chuyện rồi, ngồi im không nói một điều gì nữa! Vua vẫn chưa tin, liền cho triệu Huyền Quang về để chủ trì lễ hội Vô Già.

Huyền Quang phụng mệnh về ngay. Khi đến đàn tràng sắp vào cúng thì thấy đồ lễ bày hương, hoa, quả mới xen với cỗ mặn, cạnh cờ phướn lại có cả màn gấm, quạt là... Trên đĩa công đức lại có nén vàng, đúng là nén vàng mình đã cho Điểm Bích. Huyền Quang thông tuệ, hiểu ra sự việc. Điểm Bích lên chùa Vân Yên chính là do Vua sai đến thử mình.

Sư nhắm mắt, nhập Thiền, lòng hướng về Trời, Đất, Thần, Phật, thanh sáng như mình hàng có, điềm nhiên hành lễ. Sau khi tụng hết kinh bốn, sư mặc áo cà sa, cầm thiền trượng ngửa mặt khấn trời đất, sẵn trên đàn có cành dương xanh, bình ngọc trắng, liền nhúng cành dương vào nước trời trong bình, vẩy lên khắp đàn tràng, miệng tự buột ra hai câu kệ:

Mạc giáo mộng trung tâm trí thức

Tương lai diện thượng đồ sư nhan

(Cần chi tìm lại mình trong mộng

Phật của tương lai, ấy kiếp mình)

Lòng thành của sư đã cảm hoá Trời Phật. Giòng tố ở đâu dùng dùng kéo đến. Sau những phút hỗn độn sấm rung sét nổ, những cỗ mặn, thoi vàng, màn gấm, quạt là bị cuốn đi đâu mất, chỉ còn trên đàn tràng, hương nồng của nhang, vị tinh khiết của hoa thơm quả tịnh.

Anh Tông biết là Điểm Bích để đẹp lòng mình, đã dựng chuyện vu cho sư. Đức vua đến, tạ lỗi với Huyền Quang và xin sư tổ đại xá. Huyền Quang tạ ơn Vua chỉ nói:

- A di đà Phật!

1998

Chiến công đêm giao thừa

Yết Kiêu là gia tướng của Trần Hưng Đạo. Vương gặp Yết Kiêu trong một ngày lễ hội chọi trâu ở mạn cửa sông giáp biển.

Bữa ấy, dân làng thi nhiều mục. Có một chàng trai, hễ thi ở đâu thì giữ giải luôn ở đó.

Ở bãi vật, chàng vừa quật đồ đồ Vâm, to gấp rưỡi, đứng lừng lững như một thớt đá. Khi cả hai vào xối, ai cũng chắc, đồ Vâm chỉ giơ hai tay, nắm vào bụng là nhấc bổng được anh chàng nhỏ nhắn kia lên, nào ngờ, vô vờn nhau tàn nén nhang mà đồ Vâm vẫn không làm gì nổi được chàng!

Nét tức bực hiện ra ở anh chàng đồ vật nổi tiếng lộ phủ phía Đông giáp An Bang này. Mồ hôi nhễ nhại, đồ Vâm cố lặn vào, dùng những thế vờn, thế quật, thế nhứ, thế lật, mà con người kia, chân như bám vững lấy đất, tay danh rần, nhanh hoạt đến lạ thường. Không bao giờ anh ta chịu mắc vào những ngón vật sở trường của đối thủ. Và, khi đồ Vâm nắm được cánh tay của Yết Kiêu, tưởng giằng mạnh là có thể làm cho anh ta dúm ngã, dè đâu, Yết Kiêu đã khéo giằng được khỏi thế, né mình rồi lườn vào phía bụng, lấy hai tay cứng như hai gọng kim sắt, vừa ép vừa giật chân. Đồ Vâm ngã vật xuống đất, chưa kịp trở tay, đã bị Yết Kiêu chuyển thế, lật ngửa lên và lấy tay vỗ nhẹ vào bụng.

Tiếng trống cầm chịch sôi động hẳn lên. Tiếng hò reo tưởng đến vỡ trời. Hưng Đạo Vương ngồi ở hàng ghế đầu nhìn xem, trong bụng rất ưng ý. Yết Kiêu vừa nhận giải xong, đi về phía cửa đình.

Lộng vịt thả cho các chàng trai sông nước bắt vẫn chật, tiếng những con vịt đục khoẻ kêu không lẫn vào đâu được. Có con thò cổ xanh biếc lên khỏi cửa lồng.

Phía dưới hồ, chàng trai bắt vịt luôn luôn gây ra những trận cười cho những người đứng xem. Mỗi lúc chàng lặn rồi nhô lên, bắt hụt, con vịt lảng tránh ra, thì tiếng cười trên bờ lại ran lên... Chàng trai bắt đã lâu, gấm rét, đành lên, không bắt nữa.

Khi Yết Kiêu tới, chàng cười vui vẻ đến trước vị giám khảo vái một cái mà nói:

- Một con vịt thì tôi không thèm bắt đâu!

Vị giám khảo vặc lại:

- Nay, chàng trai khoác lác, hai buổi rồi mà mới chỉ có một người bắt được một con thôi đấy!

- Ông phải thả cả lồng ra, tôi bắt mới đã!

Vị giám khảo tỏ vẻ khó chịu, thì Hưng Đạo Vương đã tới ra hiệu bảo, cứ thả ra cho anh ta bắt.

Cả lồng vịt hơn một chục con được thả xuống hồ. Yết Kiêu để cho chúng bơi ra xa, vỗ cánh, đùa nước cho thật hoàn hồn. Đám vịt tự quây lấy thành từng đám đôi ba con, có con khác đàn thì cứ bơi riêng, thỉnh thoảng lại kêu giật lên gọi đàn một cách vô vọng.

Yết Kiêu nháy mắt trêu vị giám khảo. Anh cũng chẳng để ý đến một tước vương đứng cách đấy không xa đang hết sức lưu ý đến.

Một hồi trống giục. Yết Kiêu bắt đầu lội xuống nước. Hơi lặn đầu tiên, anh đã bắt được ngay con vịt mà hai buổi nay chưa ai bắt được. Sau đó, anh lại lùi xa vào bờ quan sát những con vịt bồng bênh trên mặt hồ xanh.

Một hơi lặn nữa. Đôi vịt bơi xa nhất bỗng bị tóm gọn lôi tút vào trong nước. Một lúc, Yết Kiêu nhô lên, cầm cổ gờ lên cho mọi người trông rồi lao vào bờ, vớt vịt cho những người đứng trên bờ đem về làm thịt.

Tất cả khoảng hơn một chục hơi lặn, cả đám vịt đem ra treo giải không còn sót một con. Đám trai làng phục lặn, hò reo đón Yết Kiêu tặn mép bờ rồi công kênh chàng đến trước các bà lão lĩnh thưởng.

Khi chàng mặc quần áo vào cho ấm thì Hưng Đạo Vương đến ân cần nói:

- Chào con rái cá của vùng sông nước. Người có chịu theo về vương phủ của ta không?

Yết Kiêu vái lạy nói:

- Tôi là một chàng trai nghèo, lễ nghĩa không biết, vào hầu vương phủ sao được.

Vương nói:

- Ta là Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn ở Vạn Kiếp, ta đang cần tìm một tướng giỏi về để luyện thủy chiến. Nếu người chịu nghe thì mời theo ta đi ngay...

Yết Kiêu cảm động nói:

- Được gặp đại vương, thật là phúc lớn cho nhà tôi.

- Người còn cha mẹ, anh em gì không!

- Tôi chỉ có một mình. Cha mẹ tôi đều mất sớm. Một người làng chài thấy tôi nhanh nhẹn, đem về nuôi. Bố nuôi tôi cũng vừa mới mất.

Hưng Đạo Vương đem Yết Kiêu về phủ, dạy binh thư, dùng làm gia tướng ngang hàng với Dã Tượng, Nguyễn Chế Nghĩa.

Yết Kiêu học rất nhanh, chẳng mấy chốc đã có thể chỉ huy cả một đạo quân thủy. Hưng Đạo Vương trao cho Yết Kiêu ngày đêm luyện tập thủy chiến, chờ khi có giặc sẽ dùng đến.

*

Ngày 20 tháng 12 năm Giáp Thân (1284), Thái tử Trấn Nam Vương Thoát Hoan, rầm rộ tiến quân qua biên giới. Từ các điểm tập trung quân, y chia làm hai cánh quân lớn tiến vào Đại Việt.

Cánh quân thứ nhất do Vạn Hộ hầu Bôn Kha Đa và Chiêu Thảo A Khâm vượt Khâu Ôn tiến sang. Cánh quân thứ hai do tướng chỉ huy túc vệ Xa Tác Tai và Vạn Hộ hầu Lý Bang Hiến từ Lộc Bình tiến qua Lộc Châu thẳng xuống phía Nam Sơn Động.

Đại quân của Thoát Hoan cùng Bình Chương Aric Kha-ya tiến gấp về phía Đông.

Tướng giữ cửa ải Khả Ly là Đỗ Vỹ và Đỗ Hựu dẫn quân ra cản giặc rồi đóng cửa quan liều giữ. Quân Nguyên vây kín đen đặc, cho quân tiêm kích luân sâu qua các núi đá, triệt đường kiếm củi, lấy lương thực, rồi phá cửa ải bắt được hai tướng, chém tể cờ rồi tiến sâu vào Bán Động, chém chết tướng Trần Sâm, rầm rập xuống Nội Bàng, nơi Hưng Đạo Vương đang dàn quân đợi giặc.

Thoát Hoan cho người đem thư sang dụ hàng. Lời lẽ rất cứng cỏi.

Hưng Đạo Vương xem thư xong, sắc mặt không đổi, vỗ tay ba cái gọi. Hai viên tùy nô bước vào, đề cổ người đưa thư gọt tóc, rồi thích lên trán hai chữ Sát Thát, rồi đẩy ra ngoài cửa ải.

Người đưa thư của Thoát Hoan ôm mặt máu về. Thoát Hoan tức giận, đốc toàn quân tấn công mãnh liệt vào mặt chính của thế trận. Hưng Đạo Vương cầm cự suốt một ngày, bằng cách lừa nhử cả trên thủy, trên bộ, bày thế trận "Trường sà", khiến Thoát Hoan cậy quân đông cũng không làm gì được. Cho đến lúc chiều tối, biết không giữ được cửa ải Nội Bàng, Hưng Đạo Vương thúc quân bộ ra đánh, hút quân của Thoát Hoan. Hấn vội phối hợp thủy bộ, sợ bị đánh phục hậu; do đó quân thủy của Vương rút trận được về căn cứ Vạn Kiếp.

Chờ cho quân thủy đã đi xa, Hưng Đạo Vương mới cùng gia tướng là Dã Tượng rút quân trên bộ, mang theo vài chục quân hộ vệ, lui về Vạn Kiếp. Đường này chạy ngựa thì nhanh, nhưng nếu Yết Kiêu chờ lâu ở Bãi Tàn như Vương đã hẹn, cho thuyền đi mát, ắt quân giặc thế nào cũng đuổi kịp. Vương lưỡng lự, chưa biết xử trí bằng cách nào?

phong đuổi kịp thì thuyền của Vương đã xuôi dòng đi thẳng về Vạn Kiếp. Chúng tức tối quay về.

Hung Đạo Vương rất xúc động, ngửa mặt lên trời, khi thấy đàn chim hồng từ phía Bắc đang thành thoi bay giữa bầu trời xanh liên buột miệng nói:

- Điều gì để chim hồng bay tít trên cao khác hẳn loại chim xoàng? Đó chẳng là sáu hàng lông cánh hay sao?

Quân sĩ trên thuyền nghe đều rất xúc cảm, càng ra sức chèo mạnh hơn.

*

Hung Đạo Vương xây dựng lực lượng đã mạnh lên nhiều. Vương cho gọi các tướng đến bàn kế để tiêu hao giặc. Thủy trại của giặc vẫn đóng ở phía trước chưa dám tiến sâu vào Vạn Kiếp.

Yết Kiêu đứng dậy nói:

- Luyện quân hàng năm, dùng một ngày! Tôi có đội du binh dưới nước gần mười người đều bơi giỏi, lại có sức chịu đựng dưới nước. Mùa này cuối năm giá lạnh, giặc chỉ phòng bị trên bờ, không ngờ ta dám vùng vẫy dưới vực sâu! Thuyền của giặc đóng ken liên, nếu ta luồn vào đục thuyền cho chìm hết chỗ này đến chỗ khác, thì giặc cũng dễ hoang mang, náo loạn. Ta tiêu hao thuyền lớn, ắt cũng làm tổn hao đội quân thủy chiến của chúng.

Hung Đạo Vương gật đầu khen:

- Kế ấy được đấy! Yết Kiêu làm ngay đi!

Yết Kiêu hớn hờ, về doanh trại gọi các tay bơi giỏi, khỏe mạnh, tình nguyện vào đội du binh đến. Kiêu thịt một con dê đực lớn, nướng chả, làm món tái dê, cắt tiết dê vào rượu ngon, nấu một nồi cháo lớn, thân mật với đồng ngũ cùng ngồi. Kiêu rót rượu tràn bát nói:

- Đêm nay đã kề giao thừa. Giặc ủa tràn đông chật cả trên bãi, dưới nước, định lấn chiếm đất Vạn Kiếp của đại vương chúng ta. Ta ăn lộc nhà Trần. Quốc công dãi ta như con cái trong nhà, đem chữ nghĩa, binh thư dạy ta thành chiến binh, chiến tướng. Dịp này không lập công thì chờ dịp nào nữa, hỡi các anh em!

Chín dũng sĩ đều nâng bát, uống cạn với Yết Kiêu, thề giết giặc.

Đúng đêm ba mươi Tết, quân Nguyên đem thịt cừu quay vào lều bạt uống, rượu say, chột dưới thủy trại hỗn loạn, quân lính xao xác. Thuyền chiến đại bản không hiểu sao, không sóng gió, không đá ngầm đâm thủng và cứ tự chìm xuống. Bọn lính dưới thuyền bị chìm trong nước, kẻ ngoi gần đến bờ thì bị dao nhọn đâm chết, kẻ không biết bơi thì bị vướng giáp trụ, chỉ kịp ới vài tiếng đã uống no nước mà tong đời. Quân Nguyên thiệt hại mười lăm thuyền lớn, một trăm binh sĩ và một tuý tướng bị chết chìm đáy nước.

Trần Nam Vương rời bàn tiệc cưới ngựa đến bờ sông, tận mắt thấy thuyền hồng quân chết mà trơ mắt không sao cứu được.

Chờ mãi, không thấy quân Nam động tĩnh gì. Sớm mồng một pháo bên quân Hung Đạo Vương nổ mừng xuân, quân Nguyên càng sợ, không dám ra khỏi trại, bảo nhau canh giữ nghiêm mật. Người không được rời gươm, ngựa không được tháo yên. Các tay chèo phơi mặt trước gió, chờ pháo lệnh xông vào tử chiến. Chờ mãi, chờ nữa vẫn không thấy quân Vạn Kiếp đến. Thoát Hoan cho tướng sĩ hâm lại rượu, nướng lại thịt đón Tết. Bỗng lại có tiếng kêu lớn:

- Thuyền đắm, thuyền lại đắm!

Cảnh cũ đêm trước lại hiện rõ như ban ngày. Thêm mười chiến thuyền bị đắm. Bảy mươi lính Mông Cổ bị chìm dưới đáy sông làm mồi cho cá.

Thoát Hoan, Xa Tác Tai tức nổ ruột. Chúng sai một đội thuyền nhỏ dùng những chiếc chài, buộc những lưỡi câu sắc, nếu thủy tặc đến thì đồng loạt quăng xuống nước vây bắt.

Chiều mùng một Tết, Yết Kiêu lại dẫn đội quân du binh đi đục thuyền. Chẳng hề địch đã biết trước. Thấy quân sĩ kêu lên "giặc nước", "giặc nước", Xa Tác Tái cho lính trong thuyền, nhất loạt quăng chài xuống. Anh em thấy tiếng chài quăng núp dưới bụng thuyền nên thoát chết. Chỉ có Yết Kiêu đang tiếp cận thuyền chỉ huy, định tận tay giết Đại tướng của giặc nên dính vào chài.

Quân Nguyên kéo chài reo hò ầm ĩ giải đến tướng Nguyên soái.

Thoát Hoan thấy Yết Kiêu người ngăm đen, mắt xếch, đường đường cương nghị, tóc dài có buộc một giải lụa điều, biết đây là võ tướng của Trần Hưng Đạo liền sai lính đem ghế mời ngồi, mang áo ấm đến cho mặc. Lại sai đem một vò rượu và một tảng thịt nướng tới. Yết Kiêu rót rượu xé thịt ăn uống điềm nhiên, không chút sợ hãi. Thoát Hoan thăm phục, hỏi:

- Nhà ngươi tên họ là gì?

- Tôi là gia nô của Quốc công Tiết chế Hưng Đạo đại vương!

- Ở Vạn Kiếp bây giờ có gì đáng sợ?

- Nếu sợ thì cái gì cũng đáng sợ cả. Đất có thành cao, hào sâu, bẫy đá! Nước có lưới sắt dăng, bãi cọc ngầm, có đội phóng lao bách phát, bách trúng chờ giặc. Đó là chưa kể trận kỳ chiến, ngựa có hàng trăm con, kỵ binh có hàng trăm dũng sĩ. Đội quân tượng của đại vương tôi thuần thục có thể xông xáo, quật nát cả hàng ngàn tinh binh của giặc!

Thoát Hoan lại hỏi:

- Đã mạnh sao không đánh bằng dàn trận lại đánh bằng cách đục thuyền.

Yết Kiêu trả lời:

- Binh pháp có nói. Nếu dùng nhỏ mà khiến quân giặc hoảng loạn thì sao lại không làm. Đánh nhỏ đã giỏi, ắt đánh lớn còn giỏi hơn nhiều!

- Người lặn giỏi như người, có bao nhiêu?

- Đội đục thuyền chúng tôi có tới hàng trăm, bắt người này có người khác. Đại vương chúng tôi phải cho bắt thăm mới được đi. Ra quân có hai buổi mà đã gây thiệt hại lớn cho các ngài. Tôi vụng về nhất nên mới bị bắt.

Thoát Hoan nghĩ ngợi một lúc rồi nói:

- Nếu người giúp ta bắt gọn đội đục thuyền ấy, ta sẽ trọng thưởng.

- Họ ở theo từng tốp. Trưa và tối mới họp nhau chờ lệnh. Nếu Thái tử tin, tôi sẽ dẫn đi bắt!

Thoát Hoan mừng lắm hứa:

- Quả như thế, ta sẽ cho người chúc Vạn Hộ hầu!

Yết Kiêu không nói năng gì, chỉ xé thịt nhấm rượu.

Chiều tối, Thoát Hoan sai Lý Bang Hiến dẫn một đạo thuyền chiến mang theo Yết Kiêu bắt đội đục thuyền. Yết Kiêu để thuyền giặc đi xa thủy trại khoảng nửa dặm liền ra đứng ở đầu thuyền. Lý Bang Hiến cho hai vệ sĩ cầm mã tấu kèm sát, lại cho mười cung thủ giương cung nấp sẵn tên, nếu Yết Kiêu có hành động chạy trốn thì bắn chết ngay! Đến một bãi sậy dày, Yết Kiêu ngoái cổ lại kêu:

- Kìa thuyền sau lại đâm!

Bọn giặc quay lại thì Yết Kiêu đã nhảy ùm xuống nước lặn một hơi dài. Lý Bang Hiến còn đang ngơ ngác thì thấy Yết Kiêu đã ở bên kia bờ nói vọng sang:

- Cảm ơn Nguyên soái các người cho ta ăn uống no say, lại cho Đại tướng tiễn ta về!

Rồi cười lớn vang sông nước đi về phía Vạn Kiếp.

1997

Nước biếc non xanh

Hàn lâm viện học sĩ Trương Hán Siêu vốn là một bậc thức giả. Ông là người hào phóng, thích đi đó, đi đây. Làm quan ở đâu, ngồi ở địa hạt nào, lúc rảnh rỗi, ông chỉ thích lên núi, ngắm trời ngắm đất, ngắm suối, ngắm mây. Có lúc ông đắm mình trước suối vàng, thác bạc ở núi Tam Đảo, có lúc ông chèo thuyền suốt buổi trên hồ Mù Sương. Các ngõ ngách ở sông Lục Đầu, ông đã từng thăm. Các đảo vắng người đến, sơn dương không thềm chạy, giường mát mà nhìn, chim biển bay rợp trời như đám mây đen, ông từng đến. Ông uống rượu cân với sơn nhân ở Đà Giang, cầm chịch cho người Miêu ở Tuyên Quang nhảy múa. Ông đến Ngã Ba Hạc thăm đền thờ thần đá, thần đất, bàn chơi về đạo Lão với đạo sĩ học trò của Hứa Tông Đạo, ông sang Chí Linh hỏi chuyện các cao tăng về Trúc Lâm đạo sĩ... Làm quan như ông, mê du ngoạn, thử hỏi được mấy người?

Ông từ thuở làm môn khách của Hưng Đạo Vương đã tỏ ra người sắc sảo. Vương quý ông lắm. Sau ngày bình giặc dữ Nguyên Mông, Vương tiến cử lên Thượng hoàng Nhân Tông, từ đấy, làm quan lúc tại triều, lúc trọng nhậm, đều được tin cậy. Ông thường được vời giảng sách cho Thái tử, học văn uyên bác, giao du rộng, ông có thể xếp vào các bậc danh nho đương thời như Trần Thì Kiến, Đoàn Nhữ Hài, Phạm Ngộ, Phạm Mai, Nguyễn Trung Ngạn, Phạm Sư Mạnh. Nhà nho mỗi người một vẻ, chẳng ai giống ai. Nguyễn Sĩ Cố ưa khôi hài mà dạy học trò đến nơi đến chốn. Phạm Ngộ, Phạm Mai, học trò của Cố đều làm đại thần. Nguyễn Trung Ngạn kiêu căng, hay nói về

mình. Ngạn có tài xét việc, trị nước. Việc giao gì cũng làm được. Khi làm quan hình, xét-xử tường tận, không để cho ai bị hàm oan. Lúc làm ở Ngự sử Đài thì đàn hạch các việc, tâu thường luận công, đều rành rẽ, không ai có thể bài bác được. Hối sứ Nguyên là Mã Hợp Mưu sang Đại Việt, quen thói hống hách như Sài Thung thuở trước, cứ nghênh ngang đi ngựa đến tận cầu Tây Thấu Trì không chịu xuống, người biết tiếng Hán ra tiếp, Mưu càng làm phách, đòi hỏi quá đáng. Vua sai Ngạn ra đón, Ngạn đem các điển lễ triều nghi, ôn tồn tranh luận, Hợp Mưu đuối lý phải xuống ngựa bưng chiếu mà đi bộ vào điện Tập Hiền. Vua yêu lắm. Ông kiêu căng, tự làm thơ khoe mình:

Ông Giới Hiền ở triều đình

Tài cao, chí lớn nổi danh một thời,

Đỗ cao từ thuở mười hai

Tuổi vừa mười sáu làm bài Vua ra!

Trạng nguyên chưa muốn lấy mà

Đỗ chơi Hoàng giáp gọi là chút thôi

Hăm tư xử án rạch rồi

Hăm sáu đi sứ cũng coi chuyện thường...⁽¹⁾

Trong khi đó, Mạc Đĩnh Chi lại sống rất đạm bạc, liêm khiết. Vua thử cho thả bạc vào nhà, ông lại đem dâng trả trước mặt Vua. Vua cười bảo: "Không ai nhận thì khanh lấy mà tiêu". Bấy giờ Mạc Đĩnh Chi mới tạ ơn chịu lấy. Trương sống giữa nhiều người giỏi, nhưng chẳng phục ai. Văn chương của ông thật giống tính người. Bài *Bạch Đằng giang phú*, khách văn ai cũng thuộc, thật là áng danh văn. Người đương thời bình: *Ngọc tỉnh liên phú* của Mạc Đĩnh Chi, khoe mình mà ai cũng mến, Vua thức tỉnh thêm về việc dùng người tài. *Bạch Đằng giang phú* thì sức bút còn mạnh hơn cả giáo gươm một thuở làm rạng danh được thể diện của giang sơn!

⁽¹⁾ Nguyên văn chữ Hán, người viết truyện phỏng dịch.

Trương Hán Siêu quê gốc ở Trường Yên, nơi một thời mộ Phật, cũng là một chốn kinh đô. Làng của Trương có nhiều tay thích chơi đá cầu, tưởng đã giỏi nhất vùng, nhưng đến các hội xuân thì lại hời hợt, đá thường không trúng, hay để cầu rơi. Đá đẹp, nhưng giải ít giạt được về làng. Điều ấy giới nho sĩ ai cũng biết. Người thân với Trương khi vui chén hay đem ra giễu, Hán Siêu chỉ cười và đáp: "Đấy là cái tật của làng, giá ta có mắc tật ấy chỉ đáng yêu thêm mà thôi". Bạn nghe, rót thêm rượu để cùng say túy lúy. Trương ưa nói khác mọi người, nên ai chưa hiểu tường tận, chưa gần gũi lâu ngày, dễ sinh khó chịu. Trương khi chưa đạt đến giàu sang thì hoà đồng với bạn bè, cũng quý người, yêu người lắm. Từ khi được giao trách nhiệm lớn thì việc hám lợi, hám của, ganh ghét cũng ngấm một lún sâu vào tài lộc.

Trương Hán Siêu biết Phạm Ngộ và Lê Duy không phục mình, trong bụng có ý ghét. Có kẻ nịnh Trương, khi được làm hành khiển, buông lời gièm hình quan là Phạm Ngộ và Lê Duy ăn hối lộ. Trương Hán Siêu liền vào tâu Vua. Minh Tông rất trọng Trương Hán Siêu, nhưng lại rất biết Phạm Ngộ và Lê Duy.

Vua xem hết lời tâu, cho vời Trương vào ngự điện, rồi hỏi:

- Thầy đã xét kỹ việc này chưa?

Trương ngập ngừng không nói được. Vua nói:

- Phạm Ngộ và Lê Duy học vấn không bằng thầy và Nguyễn Trung Ngạn, nhưng tính giữ gìn cẩn thận, bởi thế ta hay cho vào hỏi việc. Những lần vào chầu, hỏi việc gì thừa việc ấy, không tâu thêm gì cho mình hay cho người thân. Những người như thế ăn hối lộ được chăng?

Trương sợ mắc lỗi, liền chống chế:

- Tàu Bê hạ, thần nghĩ, sức mạnh của tiền của có thể đi kín, về hở, có thể thao túng được mọi người. Làm hình quan dễ bị mua chuộc lắm!

Vua ôn tồn nói:

- Nhận định về một người ở đám dân thường cũng cần thận trọng! Ông là quan hành khiển, nhận xét về hai đại thần mới chỉ nghe nói mà đã tâu vua, như thế không sợ hàm hồ sao?

Vua rất quý trọng Trương Hán Siêu, nhưng muốn Siêu dừng vì thế mà có thể nói oan cho người khác. Vua thường biệt đãi Trương, khi có việc không gọi chức tước, mà chỉ gọi là thầy. Lần này gọi Trương bằng ông, trong lòng chắc thoáng giận, song vẫn kiềm chế! Vua liền sai đại thần đi điều tra. Phạm Ngộ và Lê Duy được minh oan. Kẻ nói gièm, sợ hãi trốn mất, Trương cho tìm để đối chứng cũng không thấy. Việc đã rõ ràng Vua cho gọi Trương Hán Siêu vào và nói:

- Bữa trước, nếu ta nghe thầy thì mắc tiếng xử việc thiếu sáng suốt. May mà Ngộ và Duy là người ta biết, nên ngờ mà cho điều tra, chứ như kẻ nào đó không có uy tín, thì mắc oan mất rồi! thầy nên nhớ việc này để tâu việc cho đúng.

Trương lại cãi:

- Tâu Bệ hạ, tôi làm việc ở phủ lớn, được Bệ hạ tin dùng, cho nên mới dám nói thế. Lòng yêu đại thần, xem việc sáng suốt của Đức vua lại thêm một lần được triều đình bái phục thì việc chỉ có hay thêm thôi!

Vua cười:

- Thầy quả là giỏi biện bạch. Song không vì thế mà ta không phạt đâu. Việc này nói như thầy thì cũng lọt tai. Song còn một nghĩa khác... Gần đây bên các quan ở sảnh đường nắm thực quyền thường bị các quan ở bên các Viện Ngự Sử, Viện Hàn Lâm lấy thể chế ra mà hạch hỏi. Ta xem nhiều việc, đó chẳng qua là để bên người cầm quyền khỏi vượt quyền làm sai thôi, dừng vì thế mà khó chịu. Ta làm Vua, quan ở Sảnh⁽¹⁾ hay Viện, đều tin dùng cả! Đừng làm những việc gì hồ đồ để người ta tin người cầm quyền mà bức bối với những người định ra luật lệ, thể chế!

⁽¹⁾ Những người làm việc ở phủ Tể tướng, phủ Thượng thư.

Vua Minh Tông phạt Trương Hán Siêu ba trăm quan tiền, thăng Phạm Ngộ lên làm Tham tri chính sự, đồng Tri Thượng thư tả ty sự, chức ngang với Hán Siêu.

Trương Hán Siêu không lấy thế mà ghét Phạm Ngộ, lại tự đến chơi, xin lỗi Ngộ. Ngộ tư chất đôn hậu, ân cần tiếp Trương Hán Siêu, nhún nhường khiêm tốn, hỏi các việc mình chưa biết. Siêu biết đến đâu, nói đến đó, không hợm mình như những bữa trước nữa.

*

Thuở nhỏ, Trương có chơi với một người bạn rất thân. Đánh đu, đá cầu, trèo núi, đi đâu hai người cũng đều sánh đôi. Học hành thì người ấy vượt trội hơn Trương, nhưng bởi họ Lý, nên lận đận mặt trường ốc. Văn hay, thi cử mấy lần đều hỏng. Sau đó chuyển sang truy tìm đạo lý của đạo Phật, bỗng trở thành giác ngộ. Từ đó, lấy nâu sồng làm sự giản dị, đem y bát đến các chùa lớn, các thắng tích ở Sài Sơn, Chí Linh... mà vân du khắp nẻo. Hồi Trương làm môn khách ở Vạn Kiếp, hai bên có gặp nhau một lần. Suốt đêm, uống rượu sư cãi cọ với Trương không thôi. Một người ra sức bài bác đạo Phật, một người cho đời là một cõi trăm luân, không sao có thể nhân nhượng nhau được. Nhà sư trước khi đi, vỗ vai bạn và bảo:

- Thuở hàn vi tôi phục anh, nhưng bây giờ thì chí hướng của tôi đã hoàn toàn khác anh rồi. Anh xử thế, còn tôi là xuất thế. Anh từ đất Phật để mà bài Phật. Anh chuộng Nho, là danh nho mà chưa hẳn là danh nho đâu! Lời nói thẳng khó nghe. Anh cứ ngẫm mà xem!

Trương đỏ tai lên, không nói gì cả. Năm Trương Hán Siêu lên trấn nhậm Lạng Giang, trí lự nghĩ xa, muốn về làm quan triều đình, mà đã về, thì phủ đệ phải giàu sang không kém gì các vương hầu. Lúc đó tù trưởng lớn ở Phủ Lạng là Nông Ích Ván giàu có nhất vùng, Trương làm chỗ dựa cho Ván, được quà cáp biếu xén rất hậu. Sai nhân của Trương lại được ngầm sai mua mật ong, cao gấu, mua ngựa tốt, hàng tốt ở Trung Hoa theo đường buôn lậu mang sang để đem về

bán ở kinh đô rồi chở muối, các đồ gia dụng lên bán cho thượng du... Trương giàu rất nhanh, vàng lụa tích trữ cũng khá nhiều. Sau Trương còn đem con gái gả cho Ích Ván nữa. Tiếng xì xầm đồn đại đến tận Long Thành, Trương cũng mặc kệ. Chùa Khai Nghiêm ở Bắc Giang rất lớn, được trùng tu, vừa hoàn thành, hoà thượng trụ trì, để cảm ơn công đức của dân chúng, mở đàn chay bảy ngày, cho dựng bia để ghi những đóng góp của từng người cho cửa Phật. Hoà thượng thân đến phủ, xin Trương soạn cho bài văn bia, Trương vốn ghét cảnh dựng chùa, tô tượng, cho là việc hão huyền, nhưng vẫn nhận lời. Trương thức đêm viết đi viết lại rồi sai lính đưa cho Hoà thượng. Hoà thượng đọc, nhắc lên đặt xuống nhiều lần. Có lúc, sư bỏ nhà trai mà đi dạo ngoài vườn, suy nghĩ lung lăm. Trương viết bài văn bia không giống người khác, không tỏ ý mộ đạo mà lại bài bác. Trong đó có đoạn, lời lẽ khá khùng khỉnh: "*Chùa bỏ rồi lại dựng, đó chẳng phải là ý muốn của ta. Dựng bia rồi khắc chữ ta biết nói chuyện gì? Ngày nay thánh triều muốn truyền bá phong hoá Nhà vua, để chấn hưng phong tục suy đồi, dị đoan đáng phải truất bỏ, thánh đạo nên được phục hưng. Làm sĩ đại phu, không phải đạo Nghiêu Thuấn thì không trình bày, không phải đạo Khổng Mạnh thì không chước thuật. Thế mà cứ bỏ bỏ lại nhải chuyện Phật, ta định lừa dối ai đây...?"*

Hoà thượng nghĩ thật kỹ, thuê người khắc thêm một bia của một danh nho khác nữa, rồi vẫn cho khắc bia do Trương viết. Trương đích thân đến thăm chùa, chịu sư là bậc thức giả, không nói thêm được điều gì! Hoà thượng cứ để cho Trương Hán Siêu ngoạn cảnh, đến xem các pho tượng La Hán, Quan Âm ở trên chùa rồi đem cơm chay đặc biệt đãi Trương. Trương rất thích, buột miệng khen ngon. Đến khi dùng trà, Hoà thượng mới hỏi:

- Tôi nghe tiếng ngài đã lâu, nay được vinh hạnh đón tiếp. Ngài cho chữ khắc bia, lòng càng ngưỡng mộ. Nay xin được nghe thêm cái ý, tại sao ngài lại ghét Phật mà hưng Nho vậy?

Trương đáp thẳng thắn:

- Tiếng chuông không dạy dân trồng cấy. Cầu kinh không bàn gì đến luân thường. Nếu cả nước cứ theo đạo Phật hết thầy thì lấy ai đánh giặc, giữ nước!

Hoà thượng hỏi:

- Quan Hàn lâm học sĩ học rộng tài cao, thử hỏi: Đạo Phật trước hay là đạo Nho trước!

- Ta nghe Thiền học từ Tây Trúc truyền sang, có từ thời thượng cổ. Còn đạo Khổng Mạnh thì mới được Đức Thánh dựng lên từ thời Xuân Thu.

Hoà thượng cười:

- Tôi hỏi thế thôi, trước sau không thành chuyện. Chẳng qua, đất nước nào, sự văn hiến cũng phải đi từ thấp đến cao, từ sự tín nhiệm ưa thích của dân chúng. Từ Đinh, Lê thì cao tăng ngồi cạnh Vua coi việc nước, chứ có phải Tể tướng đâu! Sư Ngô Chân Lưu tiếp sứ người Trung Hoa còn phải thần phục, thế thì sao lại không gọi là ích nước! Huống chi Đức Thái Tông, Thánh Tông, Nhân Tông triều Trần cũng chẳng là minh quân ư? Lo việc triều chính ngày một chân hưng, khuyến khích học hành dùng nhiều nhà Nho vào các chức lớn ở triều đình, nhưng thấu hết việc đời, biết hết mặt các kẻ trung, người nịnh, kẻ tham, người hiền. Cơ hội nắm trong tay, quyền lực trùm thiên hạ, vậy mà lại say mê thuyết Phật, chuyên tâm nghiên cứu, tìm được cái vẻ đẹp của lòng hỉ xả, hiểu được chữ Phật đích thực là gì, lấy tri thức mà nhận hiểu, lấy tâm thành mà yêu... vừa được tiếng là Vua hiền, lại xứng đáng là các vị tổ tông phái của đạo Phật ở Đại Việt, thế thì Nho chẳng làm cho Phật rạng rỡ, Phật chỉ làm cho Nho có thêm lòng thành để tạo ra nghĩa khí, có gì mà phải bài bác...

Trương Hán Siêu vỗ vai Hoà thượng nói:

- Bạc cao tăng nào được mấy người, các sư sãi mượn chùa để quyền góp, truyền bá đồng cốt quàng xiên, chưa kể cả những chùa chiền có cả sư hổ mạng nữa chứ!

- Chùa có tiếng, nhưng danh thắng còn nhờ người giữ chùa.

Cũng như đất có yên là nhờ Vua sáng, tôi hay. Những kẻ tham giàu, háms lợi, chỉ ích riêng mình, làm sao thấy được cái đẹp ẩn sau chữ giác ngộ được...

Trương cau mặt lại, nhưng cũng không bài bác nổi!

*

Bấy giờ, Trương Hán Siêu đường đường là một bậc tể thần, làm quan đến chức tả Tham tri chính sự. Ông là người khôn ngoan. Với đồng liêu ông giữ đầy đủ lễ nghĩa. Biết Minh Tông là người nhân hậu, ông liệu thưa gửi, giữ đúng mực, cân nhắc nhiều rồi mới tâu, nên đỡ những việc hấp tấp như những ngày trước. Ông không hay gán những bậc thanh khiết như Mạc Đĩnh Chi, ông cũng không giao du với Nguyễn Trung Ngạn, bởi Ngạn thì kiêu căng ra mặt, ý tài, cậy học thức. Trương kín đáo hơn, lạnh lùng, nhỏ nhẹ, nhưng không phải không có chủ kiến. Trương gần gũi bọn hoạn quan nhiều hơn đám danh sĩ, mãi chăm chút cho công danh hơn là lo chuyện trước tác. Có nhiều người bạn cũ chân tình tiếc cho văn tài của Trương. Trương nghe thấy thùng thẳng trả lời: Một bài thơ, một bài phú hay hơn cả những tập thơ "thôi, xao" cũ kỹ. Kìa xem, Trần Khánh Dư chỉ có một bài tựa ở Vạn Kiếp tông bí truyền thư mà ai cũng nắc nỏm... Thượng tướng Trần Quang Khải chỉ cần một bài *Tòng hồ giá lai kinh*, đủ lưu truyền hậu thế... Thế thì nhiều mà làm gì... Một *Bạch Đằng giang phú* là đủ rồi!

Trương lại chơi thân với bọn nự y, hỏi lỏm các chuyện kín trong cung, để liệu bề khu xử. Triều đình lúc đó, quyền trong tay Trần Quốc Chấn và Trần Khắc Chung. Quốc Chấn là Quốc phụ Thượng tể, con gái ông, Huy Thánh Công chúa vừa được phong là Lê Thánh Thái hậu, Quốc Chấn được Anh Tông hết sức tin cậy, đến thời Minh Tông, giúp rập được nhiều công to... Quốc Chấn thận trọng, được nhiều người kính nể. Trong khi đó Trần Khắc Chung thì cố làm ra vẻ khác đời để cầu tiếng khen, lại hay ý công cũ để tỏ ra người lịch lãm thạo đời. Trần Khắc Chung ít giữ gìn, việc đi cứu Công chúa

Huyền Trân, công tội đôi đường, để miệng thế bàn di, bàn lại không ngớt. Chung mặc kệ đời, cứ thoả lòng ham muốn là được!

Trương Hán Siêu cùng làm việc ở Nội Khu Mật Viện, lúc đó tỏ ra tận tụy với Quốc Chấn, lúc lại bàn bạc thiên về biện bạch cho Trần Khắc Chung. Do đó, cả Quốc Chấn và Khắc Chung đều tỏ lòng tin cậy, có khi còn quý hơn cả Đỗ Thiên Hư, Nguyễn Trung Ngạn. Nhân Vua ở ngôi đã mười lăm năm vẫn chưa lập Thái tử, Văn Hiến hầu Trần Cương Đông cùng cánh với Trần Khắc Chung, muốn lập Hoàng tử Vượng, do đó vu cho Quốc Chấn có âm mưu phản loạn. Vua giận lắm, nhất là nghe lời gièm nói Quốc Chấn muốn chờ Lê Thánh Hoàng hậu sinh con rồi sẽ lập Thái tử. Vua cấm Quốc Chấn ăn uống, bắt phải tự xử... Rồi lại sai bắt hơn một trăm người liên can xử án. Phần lớn kêu oan, nhưng Vua Minh Tông giận, cũng không cứu xét kỹ. Sau này kẻ vu cáo cho Quốc phụ Thượng tể, là Phẫu, do vợ cả vợ lẽ ghen nhau, tiết lộ việc Văn Hiến hầu cho vàng để tạo chuyện... Lê Duy là kẻ Trương từng nói là ăn hối lộ nhưng Vua không nghe, lại xử tên Phẫu. Nhờ tính cương trực, Lê Duy đã khám phá ra vụ án. Phẫu bị tội lăng trì... Văn Hiến hầu dù là dòng dõi của Thái sư tá thành Trần Nhật Duật cũng bị giáng làm thường dân, xoá sổ trong hoàng tộc...

Những người trung thực biết Trương Hán Siêu thân Khắc Chung và Văn Hiến hầu, nên cũng có phần coi thường, cho là một con người không phải là chân Nho...

Trương vẫn được tin cậy ở thời Hiến Tông, song cũng không tìm ra được điều gì để mọi người kính trọng ở kẻ sĩ... Biết được điều ấy, nhận ra thì đã muộn. Đời làm quan, lăn lóc đủ ba triều Vua, tài ba nào kém Đoàn Nhữ Hài, Phạm Sư Mạnh, Mạc Đĩnh Chi, Nguyễn Trung Ngạn, mà uy vọng lại không được triều quan kính nể như họ. Trương hơi mũi lòng.

Trương không hăng hái lo công danh như trước nữa, lòng những muốn sống bù đắp lại những khiếm khuyết thuở nhỏ. Trương về làng thăm hỏi thân tộc, thăm viếng phần mộ, chi tiền những người túng

thiếu... Trương năng đi lại với những người có đức độ như Lê Cừ Nhân, Phạm Sư Mạnh, do đó tiếng gièm pha cũng bớt đi chút đỉnh...

Trương ngẫm nghĩ cuộc đời như một giấc mộng. Giàu sang phú quý tột đỉnh rồi, đủ rồi, thì mới thấy trong sự giàu sang cũng có đủ cay đắng ngọt bùi. Làm cho hết đạo lý của nhà Nho để đạt được tiếng là người quân tử, kể cũng nhọc nhằn lắm. Nghĩ đến lời của Hoà thượng của chùa Khai Nghiêm năm nọ, Trương chịu là ông thấu hiểu lẽ đời hơn mình... Vì thế, Trương lúc rồi rã lại giữ kinh sách nói về đạo Phật ra xem, nhận biết thêm được nhiều nghĩa lý huyền diệu, càng trách mình quá xốc nổi khi vào thời tuổi trẻ sớm được tin dùng...

Một hôm nhàn rỗi, Trương sai gia nhân sắm thuyền đi câu cá ở hồ Mù Sương. Hôm ấy gặp may, Trương câu được một con cá chép, nổi sung sướng hơn cả nghĩ được kể lạ ở phủ đường... liền sai làm bữa gỏi theo kiểu quê mùa thưởng thức. Rượu sắp dọn ra, bỗng có tin báo có nhà sư ở trường xưa vào bái yết xưng là bạn cũ, Trương truyền cho ngay vào!

Trí Nhu mặc áo thiền, đội nón miền Trường Yên, vóc hạc, trán cao, chít khăn nâu, đeo dây điều, chân đi đất, người khoan hoà, đôn hậu trông chẳng có vẻ gì khác xưa. Trí Nhu chính là người bạn thuở bé của Trương!

Trương lật đật ra đón bạn, lòng dạt dào cảm khái:

- Chào anh! Chào Hoà thượng Trí Nhu.

- Chào anh! Chào quan Tham tri chính sự.

- Trời ơi, ta thấy khách quê đã mừng! Vừa đi câu được con cá chép, muốn tự nấu, tự ăn một bữa, xem thử ra sao? Quả là mình câu lấy làm lấy, ăn có ngon hơn chục sẵn kẻ bụng lên hầu. Sắp sửa bày nậm rượu gỏi cá ra ăn, thấy báo có bạn ở quê lên, mừng quá, tưởng có thể bá vai đánh chén, nào ngờ lại gặp ông "Trọc đầu" thế này, thì còn ăn thua gì?

Trí Nhu mừng thấy người sang không quên bạn cũ, liền ghé tại nói với Siêu vài câu. Siêu đuổi hết tả hữu ra, chỉ còn lại Trí Nhu, Nhu

bền cõi áo sư, mặc áo ngắn, lấy tay xoa cái đầu trọc lóc mà nói:

- Tôi là người học trò của Phật, anh là người học trò của Khổng, sân Trình, hôm nay bỏ cái hoá thân của một đời, lấy cái vẻ cũ của buổi bạn đá cầu, cấp sách, tôi ăn gỏi với anh đấy!

Trương Hán Siêu hỏi đùa:

- Trí Nhu không sợ phạm giới ư?

- Đức Như Lai còn uống sữa dê rồi ngồi dưới cây bồ đề để đắc đạo thì ăn gỏi cá cũng không sợ không có tiền lệ!

Trương Hán Siêu khoái lắm, liền rót rượu, mời bạn, lấy đĩa trao tay, cũng đánh chén. Chuyện quê hương đang rôm rả thì Trí Nhu nói:

- Tôi lên kinh đô mời thầy một việc, không biết thầy có giúp cho không?

- Sao đang xưng hô bằng anh lại gọi bằng thầy?

Trương nói trống không, mắt nheo nheo nhìn bạn. Trí Nhu cũng thân thiết nhìn Trương, cúi xuống nhấp thêm một hơi rượu nữa rồi nói:

- Việc xưng anh thì gọi bằng anh, việc đáng thầy thì gọi là thầy. Tôi biết bút lực của thầy mạnh lắm, nhưng vì bạn triều chính nên nhẹ văn chương. Vậy thì tôi đến khuá khoảng cái máu văn chương của thầy lên đây!

Trương hóm hỉnh nói:

- Dễ thường lại mời ta làm cho bài văn bia về tháp Linh Tế chứ gì?

- Đúng cái ý tôi đó! Hẳn cái buổi tôi mời thầy về thăm nơi am thanh cảnh vắng, nơi đất muốn giáp trời, núi muốn gần biển ấy, không phải vô tình!

Trương nhớ lại bữa đi tìm bạn. Gặp Trí Nhu một mình thơ thẩn trước chùa. Phía sau đá gạch ngổn ngang, tháp Linh Tế xây được một nửa... Sư gặp bạn cũng bồi hồi như hôm nay, Trương gặp Trí Nhu. Dắt tay vào nhà trai, Nhu đãi cơm chay, ôn lại chuyện cũ. Trương bỗng

nhớ lại những năm ít tuổi, thường cùng Nhu đi chơi dạo khắp cảnh quê nhà, có đến chỗ này... vô tám bia sườn núi, cạo râu mà đọc kỹ, xem tháp xây từ thời nào... Kỳ vừa đoạn leo lên, Trương thấy tháp đổ ngổn tan, trên đỉnh núi cheo leo, gạch đá mỗi nơi một hòn, lăn lóc trong vòm cây vách đá tối tăm. Trương than thở mãi với Trí Nhu về nỗi hưng vong thành bại. Tuy vậy lại vui khi thấy bạn dám đứng ra xây lại tháp cũ. Hỏi sao lại nhận cái việc vượt sức mình khi tuổi đã về già ấy. Trí Nhu giải bày nỗi niềm, ngụ ý đã chán cảnh bon chen trần thế, gửi thân vào Thiền, để tự giác ngộ, nhưng chỉ giữ được sự thanh sạch riêng cho mình, không giúp ích gì cho quê hương, cho thiên hạ. Do đấy, muốn dựng lại tháp uy nghi như cũ, xây lại bốn tầng, lấy đá quý cấn lên cho đêm đêm tháp tỏa hào quang, người xa gần đều trông thấy rõ, thấy cảnh diễm lệ của núi sông, do đó càng có trách nhiệm với đời, đó cũng là một công ích... Trương nghe xong vỗ vào vai bạn, cười ha hả:

- Thế ra, kẻ thoát đời lại không thoát nỗi cõi bụi bặm, mà người đang ở cái đám ganh đua ganh lợi, muốn được trở lại thú an nhàn lại chỉ là mơ ước trong giấc mộng thôi ư!

Trí Nhu nói:

- Ý muốn tự mình đặt ra, hành động để đạt tới. Nhưng cuộc đời vẫn xoay trôi nổi, đứng trụ lại được với đời, đâu phải dễ! Thoát đời là nói vậy. Làm sao lại thoát được đời!

Trương nghe bạn, cười càng to hơn, giữa đám mây trắng của núi non liền nói:

- Ta lăn vào công danh, nếm trải đủ mùi, thấy bao nhiêu vẻ mặt bon chen cùng mình. Cái được, cái mất có lúc hiện ra trước mắt, có lúc tiềm ẩn không sao nhận nổi. Nhưng nghĩ cho cùng, dù thoát đời hay nhập cuộc, tâm thành với mọi người là thư thái nhất...

Vụt chốc mà đã mấy năm, Trương bề bộn về công việc, không cả nhớ đến cái phút về quê thăm tháp. Nay Trí Nhu đến, nhờ viết văn bia cho tháp, lòng không khỏi bùi ngùi, liền nói:

- Ta viết theo ý ai bây giờ?

- Văn chương tự ruột mình mà ra, ý ai được ở đây?

- Vậy là ta vẫn phải viết những dòng cảm khái nhất, hiện còn cất giữ trong lòng đấy. Thôi bạn cứ uống đi, ăn hết gói đi, nói hết chuyện đi, ngủ với ta một đêm theo nghĩa đúng của bạn bè, rồi chữ khắc bia sẽ có. Lòng ta gửi vào đấy, bạn xem rồi sẽ biết... Tháp đến tháng sau mới làm xong mà, lo gì chẳng có văn bia!

Trí Nhu sống với Trương những phút đậm ấm nhất. Hôm sau từ giã lên đường. Quả nhiên, Trương gửi văn bia và thư đến. Trí Nhu giờ thư ra đọc, rồi tiếp gia nhân của Trương rất ân cần. Người Trương cử đến gặp sư cũng là một bậc học thức. Anh ta nói:

- Tướng công tôi muốn về lắm, nhưng không về được, cho tôi về, ý muốn được đổi tên núi là Dục Thủy!

Sư trầm ngâm nói:

- Cũng là một ý tốt đẹp về quê hương.

Sư đọc mãi đoạn cuối của văn bia: "*Vị sư ở núi là Trí Nhu bảo rằng: "Việc sửa chữa tháp cũ bắt đầu từ năm Đinh Sửu niên hiệu Khai Hựu, trải qua sáu năm, nay đã hoàn thành, xin ông làm cho bài ký. Công đức to lớn không thể lường được mà sự báo ứng cũng thế... Xưa A Dục Vương sai xây bốn vạn tám ngàn ngôi tháp, người đến chiêm ngưỡng, cùng bái đều như mất trông thấy Phật... Hình tháp khắc vào đầu gậy có thể trừ được yêu khí, cả ngôi tháp vượt qua bể, chốc lát ẩn khuất trong mây mù. Truyện không phải là quái gỡ, xưa nay đều phù hợp! Xin ông cho khắc vào đá, để truyền lại cho đời sau, giữ lại lâu dài nơi cõi Phật, dùng làm bến làm cầu để tế độ chúng sinh, như vậy há chẳng nên sao!"*

"Ta nói: "Đức Thích già lấy tam không làm chứng đạo chân tu, khi tịch rồi, đến thời sau này, người ta sẽ phục đạo Phật làm mê hoặc chúng sinh. Năm phần đất thiên hạ, chùa chiền chiếm mất một phần; bỏ cả luân thường, hao phí tiền của, bọn sư sãi đông dài, người khờ khạo tin theo. Như thế không biến thành yêu quỷ gian tà cũng thật là chuyện hiếm có. Tuy thế nhà sư là học trò Phổ Tuệ, thông hiểu phép Trúc lâm, tu thân khổ hạnh, cô miệt tam điều, giữ

hai bàn tay không mà làm được việc lớn, đục đẽo núi cao, chồng từng hòn đá, từ một tấc lên một thước, từ một thước đến một nhận, một bước tiến đến một bước, một tầng cao thêm một tầng, tới lúc đứng cao sừng sững, thế chạm trời xanh, tô thêm vẻ đẹp cho non sông, so với tạo vật cũng đồng công. Việc nhut vậy không phải những nhà sư tầm thường có thể sánh tày được...!

Còn như, non xanh nước biếc, bóng tháp chiếu dòng sông: cưỡi chiếc thuyền con lúc chiều tà, thơ thần chơi quanh ở đó, nâng mái bông lên mà ngạo nghễ, gõ mạn thuyền mà ca khúc Thương Lang, thả sợi dây câu theo phong cách thanh cao của Từ Lăng, dạo chơi năm hồ, hồi ước cũ như Đào Chu, cảnh ấy tình ấy, duy có ta và non sông ấy là biết mà thôi!".

Sư cười nói với người đưa thư:

- Quan Tham tri chính sự vẫn theo dòng đời, chưa chịu về ở ẩn vui thú non sông, nước biếc đâu! Nhưng không sao, tấm lòng đã thành, thì mọi người đều thấy.

Nói đoạn viết thư cảm tạ gửi đưa về, rồi sai người khắc ngay bia để dựng cho kịp ngày hoàn thành.

Cho đến tuổi già, Trương vẫn còn làm việc ở đài sảnh. Nhân việc Chiêm Thành lục đục, Vua Trần sai ông ra trấn thủ Hoá Châu. Ông vâng mệnh đi ngay, đến nơi sắp xếp lại công việc, chăm lo đời sống của quân sĩ và dân chúng ở tỉnh biên thủy. Hoá Châu lại yên ổn. Ông dâng sớ xin về triều, Vua y cho, nhưng chưa về đến kinh thành thì chết.

Sư Trí Nhu nhớ bạn, mở đàn chay trên núi, lễ siêu sinh cho Trương. Dân chúng đi thuyền đến khá đông... Nhìn ra phía sau, tháp Linh Tế ẩn hiện trong sương mù... chỉ thấy núi sông là vĩnh viễn...

Trí Nhu nhắm mắt, nhập Thiên, lại để hồn mình hoà vào cái cao siêu của vũ trụ...

1988

MỤC LỤC

Lời giới thiệu	5
----------------------	---

THỜI DỰNG NƯỚC VÀ TỰ CHỦ

Quán gà trắng (An Dương Vương).....	9
Bãi đở (Chử Đồng Tử - Tiên Dung)	19
Chàng hoàng tử ít nói (Lang Liêu)	27
Đức thánh Chèm (Lý Ông Trọng)	34
Gian lậu cỏ ngoài thành Luy Lâu (Sĩ Nhiếp)	40
Thần Tô Lịch (Tô Lịch)	48
Châu Phong dấy nghĩa (Hai Bà Trưng) '.....	54
Lệ Hải bà Vương (Triệu Thị Trinh)	65
Bố Cái đại vương (Phùng Hưng)	73
Vua đen (Mai Hắc Đế)	79
Tể tướng Trung Hoa (Khương Công Phụ).....	87
Vạn Xuân (Lý Bôn - Lý Nam Đế)	93
Vuốt Rồng (Triệu Quang Phục)	100
Bãi cọc Bạch Đằng (Ngô Quyền)	107
Cờ lau tập trận (Đinh Tiên Hoàng)	116
Nhà vàng ngôi bạc (Lê Đại Hành)	135

THỜI LÝ - TRẦN

Thăng Long (Lý Công Uẩn)	147
Nam quốc sơn hà (Lý Thường Kiệt)	156
Lý Đạo Thành	163
Hoàng thái hậu du xuân (Ỗ Lan)	172
Trái tim trong trắng (Tô Hiến Thành)	174
Bát Lang Hoàng tử (Uy Minh Vương Lý Hoảng)	184
Người gọi vua (Lý Thái Tông)	192
Đức vua về Yên Tử (Trần Thái Tông)	201
Bài thơ hoà bình (Trần Quang Khải)	220
Đất trời Vạn Kiếp (Trần Quốc Tuấn)	230
Chàng trai làng Phù Ủng (Phạm Ngũ Lão)	246
Bữa tiệc nhớ đời (Trần Nhân Tông - Trần Anh Tông)	253
Chiêu văn Đồng Tử (Trần Nhật Duật)	260
Chủ tướng Vân Đồn (Trần Khánh Dư)	271
Trần Anh Tông	279
Thái Hậu họ Trần (Bảo Từ Hoàng thái hậu)	289
Đi sứ (Lê Đà - Đinh Cử Viên)	297
Sen trong giếng ngọc (Mạc Đĩnh Chi)	301
Chuyện kín trong núi Vân Yên (Sư Huyền Quang)	316
Chiến công đêm giao thừa (Yết Kiêu)	327
Nước biếc, non xanh (Trương Hán Siêu)	336

TRUYỀN Danh nhân Việt Nam

Chịu trách nhiệm xuất bản:

TS. LÊ VĂN ĐỀ

Biên tập: **Đỗ Thu Hương**

Trình bày: **Vũ Quang Anh**

Vẽ bìa: **Nguyễn Trọng Kiên**

Sửa bản in: **Hương Yến**

In 1000 cuốn khổ 14,5 x 20,5cm tại Xí nghiệp in Nhà xuất bản Lao động - Xã hội. Giấy chấp nhận đăng ký kế hoạch xuất bản số 12/2006/CXB/76-295/CAND. In xong và nộp lưu chiểu quý I năm 2006.

Truyện DANH NHÂN VIỆT NAM

Thời dựng nước và tự chủ
Thời Lý - Trần

truyện danh nhân việt nam - thời



1 006030 700117

44.500 VND

Giá : 44.500đ